N° 145 Décembre 1929

NAM PHONG
VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

BÀI HỌC CỦA LỊCH-SỬ (1)

Lịch-sử không những là có bổ-ích về đường tri-thức, mà lại khá phấn-chấn cho cả tâm-hồn nữa. Có cái đức làm cho người ta được sáng trí và vững lòng ; vừa yên-ủi được những sự vội-vàng nóng-nẩy, những nỗi lo-lắng băn-khoăn, mà lại vừa thêm được lòng tín-ngưỡng, mối hi-vọng cho người ta. Giữa lúc vì thời-cục mà sinh lòng phiền-muộn, nhờ lịch sử được yên ổn trong lòng, vì đem tâm quan-niệm về việc đời trước, hình như cũng nhiễm được cái vẻ bình tĩnh của thời-gian vô-cùng cùng vạn-vật trường-cửu vậy. Lịch-sử thật là phương thuốc thần-diệu để chữa cái bệnh chán-nản ngã lòng.

Như ta đã được cái hân-hạnh làm dân một nước đã có một cuộc lịch-sử ba nghìn năm, thời gặp những khi phân-vân thất-vọng, hồi-tưởng lại cái công-nghiệp hiển-hách của tổ-tiên, đem việc đời trước mà làm gương cho đời nay, để lấy sức mạnh mà đối-phó với hiện-tại cùng dự-bị cho tương-lai, thật cũng là đủ phấn-khởi cho tinh-thần vậy.

Đem mình chìm-đắm vào trong cõi ký-vãng sâu-xa của nòi-giống, để thu-hoạch lấy những cái nguồn tinh-lực ý-chí mầu-nhiệm, cùng với tổ-tiên đất nước hòa-đồng mật-thiết, đó thật là một cách bồi-bổ cho tinh-thần không gì bằng ; không có cách điều trị nào diệu bằng cách này để trừ-khử cho tâm-hồn khỏi mắc phải cái bệnh hoài-nghi chán-nản, thất-vọng bâng-khuâng, như những khi đối với thời-cơ mà không biết xử-trí ra thế nào, bàng-hoàng do-dự, đến đem lòng ngờ hết-thảy, ngờ cả mình và ngờ cả người vậy.

Tôi đã từng thí-nghiệm như thế nhiều lần, và mới rồi đây lại cùng với các anh em Trung Nam-kỳ ra tham-dự Đại-hội-nghị Đông-Pháp, thí-nghiệm một lần nữa. Nhân ngày lễ vạn-thọ, triều-đình Huế xin với Chính-phủ Bảo-hộ đặt làm ngày nghỉ công, đại-hội-nghị bữa ấy không họp, ông nghị-trưởng dân-biểu Bắc-kỳ Nguyễn Hữu-Cử có nghĩ đặt ra một cuộc du-lịch rất có ý-nghĩa : mời anh em Nam-kỳ đi thăm mộ tổ ở đền Hùng, núi Cổ-tích, tỉnh Phú-thọ.

Đền này ở trên cái núi nhỏ, có cây-cối mọc rậm, ở bên dưới tỉnh-lỵ Phú-thọ, cách chừng mười cây số. Đền thờ nhà vua đầu nước Nam, là họ Hồng-bàng, lịch-sử mơ-màng, thiệp truyện thần-kỳ, cứ theo sách cũ thì các đời vua lấy hiệu là Hùng-vương, trị-vì từ

(1) Xem nguyên-văn bằng chữ Pháp, ở phần Phụ-trương đằng sau này.

năm 2879 đến năm 258 trước Gia-tô giáng-sinh.

Sách « Du-lịch chỉ-nam » của MADROLLE tả địa-thế như sau này :

« Đi khỏi sông Thanh-giang, thì không thấy những đồng bằng như ở trung-châu nữa ; đất càng lên càng gồ-ghề, đường xe lửa phải trèo dốc các chân núi thuộc về dãy núi chia lưu-vực hai sông Hồng-hà và Thanh-giang. . .

« Bên tay phải có một dãy đồi, trong tưởng-tượng người An-Nam cho là con rồng uốn khúc ; cái đồi sau cùng, tên là Nghĩa-cương, cao hơn mà có cây mọc rậm, trên đó có mộ vua Hùng-vương cuối cùng nhà Hồng-bàng... Tên chữ là Nghĩa-cương, mà nôm gọi là Núi-Đền, ở về phía đông-bắc ga Tiên-kiên, cách ba cây số rưỡi, thuộc về địa-hạt xã Hi-cương, tên tục là làng Cổ-tích, vì ở đấy còn di-tích ông vua cuối cùng nước Văn-lang, năm 258 trước Gia-tô bị quốn vua Thục đuổi đánh chết ở đấy. . . »

Đất Văn-lang chính là cả miền Phú-thọ Việt-trì đây, có thể nói là làng nào xóm nào cũng còn kỷ-niệm đến nhà vua thứ nhất của nước Nam ta, và vùng này thật là chốn tổ của quốc-dân Nam-Việt ta vậy. Vào khoảng năm trăm năm trước kỷ-nguyên Cơ-đốc, các bộ-lạc giống Giao-chỉ ở phía nam nước Tàu xuống, chính là tụ-tập ở đây trước, đặt ra tù-trưởng quản-trị, tức là cái mầm-mống của Việt-Nam tổ-quốc sau này vậy. Bởi thế nên quốc-dân ta nhớ ơn đến tổ-tiên của nòi giống, đời đời vẫn tôn-sùng thờ-phụng. Trong cái vùng địa-đầu cõi trung-châu này, là bước đường thứ nhất của giống Việt-Nam ta sau này tiến lên chinh-phục cả đất Ấn-độ-Chi-na, những đền thờ vua Hùng biết bao nhiêu mà kể.

Đền Cổ-tích là nơi có tiếng hơn cả. Đây không phải là đền thờ của một địa-phương, mà thật là của cả nước vậy.

Tự đời xưa đến giờ, cứ năm năm, đến ngày mồng mười tháng ba, có mở hội to, khách thập-phương đến đông lắm. Triều-đình cử một quan đại-thần, thường thường là quan tỉnh sở-tại, đến thay mặt vua tế đấng « quốc-tổ ». Chính-phủ Bảo-hộ cũng vẫn giữ tục ấy, mỗi năm có khoản trợ-cấp cho quan Tuần-phủ tỉnh Phú-thọ để làm lễ quốc-tế.

Vậy bữa chúng tôi đi đó, không phải là khách du-lịch thường mà thật là người đi lễ, trong lòng nhiệt-thành kính-cẩn ; trời thì mưa phùn, lựa như mưa xuân, anh em ba kỳ trèo ba trăm bậc đá, tự chân núi Hi-cương cho lên đến đền thờ và lăng vua ở trên đỉnh. Đến nơi thời đốt hương bái lạy trước bàn thờ bày bài-vị mười-tám đời Hùng-vương đất Cổ-Việt, thật là con cháu đem lòng hiếu-kính đến lễ tổ-tông vậy. Trông thấy những người học-thức mới, tư-tưởng mới, dường như không còn thiết-tha gì đến những cái tục cũ đời xưa nữa, mà cũng cúi lạy theo lối cổ ở trước cái bài-vị bằng gỗ kia, trong giây phút đó như tiêu biểu cho cái hồn của tổ-quốc thiên-niên, trông cái cảnh-tượng đó thật đáng cảm-động vậy.

Ai nấy bình-phẩm những bài thơ câu đối treo ở cột ở tường trong đền, bài nào câu nào cũng là tán-dương cái cổ-quốc mấy nghìn năm cùng cái công-nghiệp bất-hủ của các bậc đế-vương hồi đầu vậy. Đến khi ra về thì trời đã tạnh ráo, không còn mưa mù như buổi sớm nữa, đứng trên đỉnh núi thiêng-liêng mà thu-quát được cả một vùng nhơn-giới bao-la cho đến tận nơi hợp-lưu ba con sông Thanh-giang, Hắc-giang và Hồng-hà, hai bên có hai dãy núi, một bên Tam-đảo, một bên Tản-viên, theo như lời văn-sĩ BOISSIÈRE đã nói, tức là hai vị thần hộ-pháp để canh cửa cho đất Trung-châu Bắc-kỳ vậy.

Ngồi trong xe về Hà-nội, tôi thuật lại cho anh em nghe các thời-kỳ trong cuộc bành-trướng của giống Việt-Nam

ta, mấy trăm năm trước kỷ-nguyên Cơ-đốc, còn tụ-tập ở nơi địa-đầu cõi Trung-châu này, rồi sau tràn dần ra, tiến mãi xuống phía nam, đến chiếm-cứ được cả miền Đông và miền Nam đất bán-đảo Ấn-độ-Chi-na này. Cuộc « Nam-tiến » đó là cái sự-nghiệp hiển-hách nhất trong lịch-sử nước ta, đủ biểu dương được cái nghị-lực phi-thường của dân-tộc ta, dù gặp lắm nỗi khó-khăn, thường phải chiến-đấu luôn với các nước cường-lân, mà không hề ngăn được cái sức bành-trướng mãnh-liệt vậy.

Nhân đây tôi thuật lại lời kết-luận một bài khảo-cứu có giá-trị về « Cội rễ giống Việt-Nam » của nhà bác-học Lêonard Aurousseau, nay đã tạ-thế rồi ; đoạn kết-luận này thật là tóm-tắt được rõ-ràng các thời-kỳ lớn trong cuộc « Nam tiến » vẻ-vang đó :

« Trong những nguyên-nhân có thể làm cho một dân-tộc đương thành-lập mà đến diệt-vong được (như ngoại-tộc xâm-lấn, nội-thuộc nước Tàu hơn mười một thế-kỷ), không có gì là thắng được cái sức sinh-hoạt mạnh của người Việt-Nam. Ngay tự đầu thế-kỷ thứ ba trước Gia-tô, đã nghiễm-nhiên làm chủ-nhân-ông cả các đồng bằng cùng thung-lũng xứ Bắc-kỳ, lập thành xã-hội phong-kiến, càng ngày càng phát-đạt to ; rồi bấy giờ mới di-dân xuống phía Nam, như nước triều tràn ngập, đưa xa mãi đến tận cùng, nguyên ngọn sóng khởi-điểm tự giống Việt ở vùng Chiết-giang bên Tàu vào hồi thế-kỷ thứ tư trước kỷ-nguyên Cơ-đốc, mà rồi ba-lan ra mãi không cùng. Đến cuối thế-kỷ sau thì đã đến trung-bộ đất Trung-kỳ bây giờ. Đến đấy thì gặp những bộ-lạc sau này thành ra một cường-quốc là nước Chiêm-thành, phải dừng lại lâu không tiến lên được nữa.

« Bấy giờ phần cốt-yếu đã làm xong, dân-tộc Việt-Nam đã có cái cơ thành nước được, khi ấy mới bắt đầu lập-quốc. Con cháu đời sau vẫn giữ được cái sức bành-trướng hồi đầu, như một cái mãnh-lực tiềm-tàng, rồi đời ấy đến đời khác cứ giao-chiến hoài với giống Chiêm-thành, đến năm 1471 thì diệt được hẳn cái địch-quốc theo văn-hóa Ấn-độ đó ; rồi cứ tự-do mà tiến mãi xuống phía Nam, lần lần đến miền Qui-nhơn vào cuối thế-kỷ thứ 15, rồi đến miền Sông-cầu năm 1611, Phan-rang năm 1653, Phan-thiết năm 1697, Sài-gòn năm 1698, Trà-tiên năm 1714. Rồi trong khoảng tiền-bán thế-kỷ thứ mười-tám, chiếm-cứ cả đất Nam-kỳ ngày nay, thế là cái sự-nghiệp bành-trướng của giống Việt-Nam được hoàn-thành vậy.

« Người Việt-Nam lấy giờ đã dựng thành quốc-thổ nhất-định như bây giờ rồi, mới ngừng lại không tiến lên nữa có thể tự-cao rằng đã không phụ cái công để-tạo của các tiền-dân ở miền duyên-hải nước Tàu khi xưa, tự-cao rằng đã từng trải 22 thế-kỷ chiến-đấu mà gây dựng ra được một cõi tổ-quốc thật là thích-hợp với cái tinh-thần cố-hữu của chủng-tộc vậy. »

Một dân-tộc trong hơn hai nghìn năm đã làm nên sự-nghiệp hiển-hách như thế, tỏ ra có nghị-lực có kiên-nhẫn, có dũng-cảm, có chí-khí biết dường nào, chưa phải đã đến ngày làm hết công nghiệp ở đời ; cái tiền-đồ sau này, còn vẻ-vang hơn nữa. Nay nhờ sự tình cờ của lịch-sử mà ở dưới quyền bảo-hộ một cường-quốc có tiếng biết trọng lý-tưởng tự-do, chúng ta trông mong ở nước bảo-hộ giúp ta để cho làm trọn được cái công-nghiệp của nòi giống.

Khi về đến nơi, anh em chia tay nhau, thời trong lòng chan-chứa một mối hi-vọng như thế, lại lấy làm khoái-lạc về cuộc du-lịch này, thật là một cuộc « con cháu ba kỳ thăm mộ tổ », trong mấy giờ đồng-hồ đã đem tâm-hồn mà hòa-đồng với hồn thiêng của quốc-tổ, thật là một bài học lịch-sử rất phấn-khởi cho tinh-thần vậy.

Thượng-Chi

NGHĨA TỰ-CƯỜNG (1)

Nhân-loại càng văn-minh, phong-trào tiến-thủ càng mau-chóng, mặt địa-cầu đã thành ra sóng cạnh-tranh. Một nước cũng như một dân, đối với cái phong-hội ngày nay, phải « tự-cường », thì mới vĩnh-viễn được.

Tự-cường là gì? Tự-cường là mình làm cho mình cứng-cỏi hăng-hái, mình làm cho mình mạnh-mẽ giỏi-giang. Kinh *Dịch* có nói: « *Thiên hành kiện, quân-tử dĩ tự-cường bất tức* », đạo trời mạnh, quân-tử coi đó mà tự-cường không thôi. Ấy, chữ « tự-cường » phát-nguyên từ đó. Muốn cất gánh nặng mà không tự-cường thì không đủ sức đảm-đương; muốn chen chỗ đông mà không tự-cường thì không đủ sức mà len-lỏi; muốn sinh-tồn ở chốn dầy-dun đè-ép mà không tự-cường thì không thể nào mà ngồi yên đứng vững.

Ấy cái tinh-thần hai chữ « tự-cường » là quan-hệ như thế.

Thế-giới này nếu vẫn là thời-đại ăn lông ở lỗ, chẳng ai xâm-đoạt của ai, thì ta cũng không cần chi tự-cường, hay là nếu thế-giới mà vẫn là cầy ruộng mà ăn, đào giếng mà uống, dẫu đến già chết không đi lại với nhau, thì ta cũng không cần chi tự-cường. Chết vì không thế, sinh-hoạt địa-cầu càng ngày càng tăng-tiến, sức dung-thụ càng ngày càng đông chật, đường kinh-tế càng rộng; cái ưu-thắng liệt-bại đã diễn ra nhiều cảnh đáng kinh, đáng sợ, một nước như nước An-Nam ta ngày nay, chẳng khác chi chiếc thuyền con giữa chốn sóng dồn gió dập, riêng còn hai mặt chẳng tiến thì lùi, chẳng tới bờ thì chìm đắm. Nếu có ai thử tra hết lịch-sử Đông Tây, mà xét kỹ cuộc phế-hưng của người kim-cổ, chắc không có một nước nào là không có một khi phú-cường cùng là một suy-diệt.

Ngày nay nước An-Nam tuy chỉ còn tên, dân An-Nam may hãy còn giống, cái cơ phú-cường hay suy-diệt chính ở ngày nay; ta nếu muốn cho nước ta không suy-diệt mà lại phú-cường thì ta phải tự-phấn tự-chấn, tự-lệ tự-mãnh. Cái vấn-đề tự-cường ta phải giảng-cứu cho đến nơi mà tìm cho được cái phương-châm vậy. Cũng có người cho rằng: Nước An-Nam cố-nhiên phải tự-cường, nhưng phải sự làm dân An-Nam cũng không phải nghiên-cứu cái vấn-đề đó, là vì đã có nước Pháp bảo-hộ ta. Nước Pháp là thầy học ta vậy, thầy học tất phải khai-tâm luyện-tính, rèn-đúc cho học-trò được tinh-thông; nước Pháp là anh ta vậy, em đương siêu-ngã chắc phải nâng sau đỡ trước, dắt-díu cho em được tấn-tới bằng người. Thầy học mà bưng mắt học-trò, anh mà đẩy sấp dập ngửa, dun em xuống rãnh xuống ngòi, người có lương-tâm, chưa ai như thế; huống-chi nước Pháp là một nước nhân-từ chính-trực đã tự-nhận cái thiên-chức khai-hóa cho các dân-tộc bán-khai, thì cái vấn-đề này ta chỉ chuyên nhờ nước Pháp, chắc cũng có ngày đạt được mục-đích.

Câu nói đó, tuy rằng có lẽ, nhưng chưa thực phải. Nước Pháp dù vẫn dạy bảo, vẫn binh-vực, vẫn dìu-dắt cho

(1) Bài này của một ông bạn đọc báo ở *Luang-Prabang* gửi về, nói là chép trong một tập di-cảo của người bạn đã quá-khứ. Xét ra văn-chương nhiều chỗ lưu-loát, tư-tưởng lắm chỗ cũng thanh-kỳ, vậy đăng lên báo để lưu lại một bông hoa thơm của người thiên-cổ. —N.-P.

người An-Nam, nhưng mà làm người An-Nam, cũng phải có tư-cách thế nào thì nước Pháp mới làm trọn cái thiên-chức đó được. Thầy dù sẵn lòng dạy, trò cũng dốc lòng tiến-thủ, thì thầy mới đem cái tinh-hoa đạo-học mà truyền-thụ cho; anh dù sẵn lòng dắt, em cũng phải cố đi cố chạy, cố bước cố trèo, thì anh mới đưa đến những chỗ đất vui cảnh đẹp.

Nước Pháp dù sẵn lòng khai-hóa, nhưng làm dân An-Nam cũng phải nhiệt-tâm tiến-thủ, thì nước Pháp mới đem ta đến cái địa-vị bình-đẳng tự-do; nếu ta cứ chịu yếu, chịu hèn, chịu ngây, chịu dại, công việc nhất-thiết nhờ ở nước Pháp như là xe không máy, chẳng dầy thì không đi, thế thì nước Pháp cũng không thể nào mà dìu-dắt ta được.

Vậy thì vấn-đề tự-cường chính là một sự rất quan-thiết với vận-mệnh nước ta vậy. Ôi! ở trong bể cát ai mà chẳng muốn tìm ra, nhưng không biết hướng tất phải lầm đường lạc lối; nằm ở nhà hầm, ai không muốn đi thoát, nhưng không biết cửa chắc phải trượt gót sa chân. Nước ta đương hèn yếu, đã dành phải tự-cường, nhưng chưa định được cái phương-châm, thì tránh sao cho khỏi những nạn vô-tình, vô-ý. Vậy thì phương-châm tự-cường nước ta chính là lúc ta mau phải quyết-định. Vậy nói cho đúng ra, sự tự-cường phải có hai phương-diện: một là tự-cường về hình-thức; hai là tự-cường về tinh-thần. Hình-thức có mạnh, mới đủ sức giữ mình; tinh-thần có vượng, mới có cơ tiến-thủ. Về hình-thức thì ta đã có nước Pháp đương hết sức trù-liệu cho ta. Nay ta chỉ nên chuyên về tinh-thần tự-cường, mà phương-châm tưởng có mấy điều đáng lưu-ý trước nhất.

Một là nuôi lấy tinh tri-sỉ. — Nước ta lâu nay, học-thuật luồn-cúi càng ngày càng thịnh-hành, chủ-nghĩa ô-mị càng ngày càng bành-trướng, miễn là được vinh-thân phì-gia, thì dẫu có đê-tiện thế nào cũng chẳng quản, miễn là được ấm lưng no bụng thì dẫu nhục-nhã đến đâu cũng chẳng từ; đè đầu lộn cổ, mà vợ con phong-ấm vẫn là vinh; dỏn gáy bạt tai, mà bổng hậu lương cao vẫn là sướng. Thậm chí đem gia-tài ra thế-bảo mà làm lễ phùng-nghênh, dùng con gái nàng hầu mà làm mồi phú-quí, thì thực là vô-sỉ đến cực-điểm vậy. Than-ôi! như thế mà nay muốn tự-cường có khác chi dắt con ngựa còm đi đường thiên-lý, còn mong gì tới được quốc-đô. Ngày nay cái bộ-phận thứ nhất về sự tự-cường là gây nên tính tri-sỉ. Tri-sỉ nghĩa là biết xấu-hổ. Truyện có câu rằng: « *Tri-sỉ cận hồ dũng* », nghĩa là biết xấu hổ gần đến bậc dũng; kinh có câu rằng: « *Nhân nhi vô sỉ bất tử hà sĩ* », người mà không biết xấu hổ chẳng chết còn đợi chi. Ai xin nghĩ kỹ.

Hai là gây lấy tinh tự-lập. — Nước ta, các đời quân-trưởng, thường hay có ý vẫn mong tựa vào người Tàu. Xem như những khi trong nước có loạn cùng muốn gây đảng cho mạnh thì thường hoặc dâng thư cầu cứu hoặc sai sứ mượn binh, đó cũng đủ biết các bậc quân-trưởng đời trước, phần nhiều không có tư-cách tự-lập. Quân-trưởng không tự-lập thì thần-liêu tự-lập với ai? Thế cho nên dân chỉ trông cậy vào thượng-quan, quan-lại trông cậy vào quân-trưởng, quân-trưởng lại trông cậy ở người ngoại-quốc, cái bệnh đó lưu-truyền thiêm-nhiễm đã mấy trăm năm nay, ngày nay phong-trào cạnh-tranh đã cực-điểm bành-trướng, lý-thuyết tự-lập đã cực-điểm phát-minh, mà người mình vẫn không bỏ cái căn-tính ôm chân nấp bóng. Vậy mà muốn tự-cường, có khác chi đem cây gỗ mục mà chống nhà siêu, mong đứng vững sao được. Cổ-ngữ có câu rằng: « *Trượng phu*

ninh dung nhân, vô vi nhân sở dung », nghĩa là trượng-phu nên cho người nhờ chớ để người cho nhờ ». Lại có câu rằng: « *Ninh vi kê khẩu, vô vi ngưu hậu* », nghĩa là thà làm mỏ gà chớ làm đuôi trâu. Ai xin thử nghĩ.

Ba là gây lấy tính mạo-hiểm. —Mạo-hiểm nghĩa là bền gan quyết chí, xông-pha những chốn hiểm-nghèo. Nước ta xưa nay vẫn là một nước văn-nhược, trừ ra mấy vị anh-hùng liệt-nữ thì phần nhiều là dút-dát dụt-dè, xem trong lịch-sử mấy nghìn năm, mà những người sự-nghiệp hiển-hách, đủ cho người ngoài kinh sợ thì chẳng được bao, đó cũng rõ-ràng nước ta ít người có tính mạo-hiểm vậy. Phàm trong đời bất-cứ việc lớn hay việc nhỏ, ở trong đều có hiểm-tượng; tất phải có tính mạo-hiểm thì mới có thể làm việc đời. Xưa nay những bậc anh-hùng hào-kiệt gây nên công-nghiệp nguy-nga khiến cho muôn nước tôn-sùng, nghìn thu cúi lạy, đó là nhờ về cái gì; một phần nhờ về tài-trí mà một phần thì nhờ ở tính mạo-hiểm vậy. Ba khoang tầu nát, mấy lớp bể khơi, cái việc ông Kha-luân-bố xuất-dương, thật hiểm-nghèo vậy, nếu không có tính mạo-hiểm, thì sao tìm thấy Mĩ-châu. Một ngọn cờ tiết, muôn dặm đường trường, cái việc ông Ban-Mạnh-Kiên đi sứ, thật hiểm-nghèo vậy, nếu không có mạo-hiểm thì sao giẹp được Tây-vực. Coi đó cái tính mạo-hiểm thật là một thứ máy hơi nghìn chữ, rượu mạnh trăm phân, để thúc giục dẫy đưa, khiến cho loài người được mau tiến-bộ vậy. Ông Trang-Tử nói rằng: « *Muốn được ngọc-châu ngàn vàng tất phải lăn xuống vực chín tầng.* » Ông Định-viễn Hầu nói rằng: « *Chẳng vào hang hùm, sao được hùm con.* » Ai xin nghĩ kỹ.

Nói tóm lại, nay ta đã nhờ có nước Pháp bảo hộ cho ta, thì ta cần phải tự-cường mới đủ tư-cách mà theo gương nước Pháp. Cái phương-châm tự-cường của ta nay, thật là mênh-mông vô-hạn, nhưng ta hãy nên gây lấy cái tính tri-sĩ, cái tính tự-lập và cái tính mạo-hiểm, thời mới có thể bước lên đài văn-minh.

Than ôi! da vàng tóc biếc, chủng-tộc dường kia, sông đỏ núi xanh, dư-đồ thế ấy. Ta nghĩ đến ơn nước Pháp mà ta lại càng nên tự-cường. Yên vui xum họp, cái ổ đình mành; vùng-vẫy thảnh-thơi, con rô nước vũng. Ta nghĩ đến cảnh An-Nam mà ta càng nên nghiên-cứu cái phương tự-cường.

N. T.-T.

TRUYỆN ANH TRÚC-SĨ

Người thiếu niên nam-tử mà tôi sẽ kể truyện ra đây, đối với xã-hội thì chưa có công-danh, đối với bản-thân thì chưa nên sự-nghiệp, hãy còn chỉ là một kẻ thư-sinh trong bước cùng-đồ, một kẻ giang-hồ ở nơi khách-địa mà thôi.

Nhưng đời chưa biết mặt, biết tên, mà thân-thế anh đã vì đời phong-trần luân-lạc, đời chưa biết người, biết việc, mà tâm-trí anh đã vì đời quan-niệm thiết-tha, thì câu truyện của anh sau này cũng dám mong được độc-giả lượng tình, mà không cho là vô-vị.

Đỗ-quan Trúc-Sĩ, người làng Trúc-sơn tỉnh Hà-đông, sinh năm mậu-thân, tính đến năm nay đã được 22 tuổi. Thủa bé, cha làm việc quan, thường đổi lên miền thượng-du thì vẫn mang anh đi theo để tiện đường giáo-dục.

Tự năm lên 7 cho đến năm 12, anh hết ở Ban-la, Cao-bằng, thì lại về Sơn-la, Ta-bú, tịnh không biết phồn-hoa náo-nhiệt là gì. Mắt anh đã luyện để ngắm non xanh nước biếc, tai anh đã quen chỉ nghe chim hót thú kêu, tâm-hồn anh đã cùng với những cái âm-hưởng của tạo-hóa mà dung-hòa họa-vận, tình-cảnh anh đã cùng với những cái cảnh-sắc của núi sông mà trao-chát đầy vơi; nên tới năm anh về tòng-học ở Hà-thành mà tôi được quen biết thì thật không thấy anh có chút gì là giống với bạn-bè đồng-học cả

Người ít nói, ít cười, cử-chỉ thì đường-đột tự-nhiên, tính-tình thì âm-thầm lãnh-đạm, nên chúng bạn đã có kẻ phải gọi anh là «người rừng». Thấy họ tặng anh cái tên ấy, anh cũng vui cười mà nhận lấy, không có chút vẻ giận hờn.

Tôi đối với anh độ ấy, phần vì đồng-học, phần bởi hiếu-kỳ mà quen biết, chứ thật ra thì cũng chưa phải là chỗ tâm-giao. Học ba năm, anh đỗ bằng sơ-học, vào học trường Bảo-hộ, thì tôi cũng cùng vào học với anh. Anh học rất chăm-chỉ và lại chuyên nhất về khoa văn-chương, cho nên mới học được ngót một năm trời mà cả trường đã khét tiếng. Vào đây, anh em bạn học hầu hết là xa lạ cả, nên tôi đối với anh Trúc-Sĩ vì cảnh-ngộ mà thành đôi bạn thiết. Tính-khí anh lúc ấy cũng vẫn không khác khi còn học ở trường tiểu-học; song tôi càng thân với anh thì tôi càng thấy mến anh, và cả đến cái thái-độ «người rừng» của anh tôi cũng cho là khả-ái. Học cùng một lớp, ngồi chung một bàn, ở chung một phòng, đọc chung một sách, thành ra càng ngày càng tiêm-nhiễm được những tinh-nết của anh, mà tôi hình như cũng sắp biến nên một «người rừng» thứ hai vậy.

Nhưng ngán thay! học mới được hơn một năm, anh tự-nhiên mắc phải chứng bệnh lao-xương, đành phải xin thôi học mà về nhà điều-dưỡng. Anh chữa trong 8 tháng trời ở bệnh-viện Hà-thành không khỏi, nên cụ thân-sinh phải đánh giấy gọi anh lên Thất-khê là chỗ cụ đương tòng-sự để mời thầy mường điều-trị,

Trong lúc ấy thì chúng tôi vẫn thư-từ đi lại với nhau, nhưng mãi tới năm tôi tốt-nghiệp ở trường ra thì mới gặp anh ở Hà-nội đương dự-bị để vào trường Trung-học Tây. Hỏi ra thì bệnh anh nay đã khỏi hẳn, và chí anh

định vào học trường Trung-học để chiếm lấy cái văn-bằng Tú-tài mà xuất-dương du-học.

Gặp-gỡ lần này xem ra tính nết anh lại biến đổi nhiều lắm; vẫn trầm-mặc nghiêm-trang, nhưng lại thêm có vẻ nhiệt-thành sốt-sắng đối với việc nước, việc đời; vẫn ôn-hòa hiền-hậu, nhưng lại thêm có vẻ bất-bình phẫn-uất đối với thế-đạo nhân-tâm.

. . .

Thế là tư-tưởng Trúc-Sĩ nay đã thoát-ly ra khỏi cái phạm vi trường học mà đã bắt đầu tiếp-xúc với đời, ta càng nên biết qua một vài cái quan-niệm về thời-thế của bậc « người rừng » ấy ra sao.

Trước hết, đối với những cách cử-chỉ của thiếu-niên nước nhà, anh thật lấy làm buồn rầu chán-ngán, nên đã có lần than thở với tôi rằng: « Thiếu-niên là cái nền móng của xã-hội, là cái vận-mệnh của nước nhà. Nền móng mà không được vững-vàng thì xã-hội tất phải đổ nát, vận-mệnh mà không được chắc-chắn thì nước nhà tất phải nguy-vong. Thế mà thiếu-niên ta kẻ thì ngang-tàng vô-hạnh, kẻ thì thiển-học vô-lương, hoặc có người biết chăm-chỉ học-hành thì lại không biết tu-thân dưỡng-chí, biết mong-mỏi công-danh thì lại chỉ biết ích-kỷ lợi-gia; bảo-phụ chỉ mong được lên quan tham, quan đốc, hi-vọng chỉ cốt được hãnh-diện với đời, chứa bằng ai đã tự-mãn tự-kiêu, chứa hơn người đã tự-cao tự-đại, đối với đồng-bào không có cảm-tình mật-thiết, đối với xã-hội không biết tận-tuy hi-sinh, thì còn mong gì cho nước nhà được tiến-hóa mà hòng có ngày mở mặt với năm châu? »

Như thế đủ biết anh là một người có nhiệt-tâm ái-quốc, nhưng cái lòng ái-quốc của anh thì tôi mới thấy trần đời có một mà thôi. Anh nói: « Người đời yêu nước thường hay đứng về phương-diện chính-trị, nhưng tôi thì chỉ biết yêu nước theo với cái quan-niệm triết-học mà thôi. Tôi cho rằng người ta đã có tâm-hồn thì phải có tình-cảm, đã có tình-cảm thì phải yêu-thương. Mà đã yêu-thương thì phải có lòng khuynh-hướng thâm-thiết riêng đối với một vật gì. Yêu cái thanh thì tình mình thanh, yêu cái đục thì tình mình đục, yêu cái ti-tiện thì tình mình ti-tiện, yêu cái cao-xa thì tình mình cao-xa. Như ý tôi thì tôi phải yêu cả nhân-loại thế-gian mới vừa lòng tham muốn. Nhưng hiện nay nhỡn-giới còn hẹp, chưa vượt qua được cái bờ cõi nước nhà, học-thức còn non chưa hiểu rõ được cái tinh-thần nhân-loại, muốn yêu nhân-loại mà chưa đủ lượng yêu, nên còn cần phải yêu tới giang-sơn đất nước cho khỏi có chỗ vấng trong lòng. Yêu nước như thế chưa chắc đã có lợi gì cho nước, nhưng thật có bổ-ích cho sự tu-thân dưỡng-chí của mình. Vì cán cân thăng giáng, nặng công-nghĩa ắt phải nhẹ tư-tâm, hằng nghĩ tới vận-mệnh non sông tất phải để tinh-thần xa thế-tục »

Như thế nghĩa là anh muốn coi nước như một người tình-nhân của anh, để mà âu-yếm phụng-thờ, đêm ngày nghĩ-ngợi cho khỏi phải bận lòng đến những nỗi đời ấm lạnh, tình đời hiểm-sâu, hoặc những cảnh tang-thương vân-cẩu, hoặc những nỗi thảm-mục thương-tâm.

Bởi thế cho nên anh không mộ chính-trị và cũng rất ghét những sự biểu-tình, cho những cái đó chỉ đủ làm trở-ngại cho sự tiến-hóa của nước nhà và cho văn-minh của thế-giới mà thôi. Anh thường nói: « Tôi hễ thấy máu chảy thì động mối thương-tâm, dù là giọt máu vì công-nghĩa mà chảy

ra, nhưng cũng cho như thế là trái với đức « hiếu-sinh » của Tạo-hóa.

« Loài người là giống có lương-tâm, theo nguyên-lý thì không lẽ lại sinh ra để cùng nhau tương-tàn tương-sát. Nay nhân-loại trên toàn-cầu đương mang võ-lực ra mà ăn hiếp lẫn nhau, chẳng qua cũng đều làm quân sai cho chữ «lợi». Song lợi vốn gốc tự người ta, nay đâm chém nhau vì lợi, rồi tất cũng có ngày tỉnh-ngộ lại mà biết thân-ái nhau vì tình. Tình là tự Hóa-công phú-bẩm cho ta, nay nhất thời đã vì cái phong-trào thế-giới mà nên mờ ám, rồi cũng có ngày đánh đổ được chữ lợi, mà chi-phối cả nhân-loại theo vào với cái chủ-nghĩa « đại-đồng ». Nay ta muốn mưu sự văn-minh tiến-hóa cho nước nhà tưởng cũng nên lấy đấy làm mục-đích mà lo đến sự giáo-dục của quốc-dân để cải-lương lấy xã-hội. »

Như thế là anh vừa biết yêu nước lại vừa mong giúp nước, dù cái quan-niệm về thời-thế có khiếm bề vụ-thực, song cái cảm-tình đối với xã-hội thật vẫn nặng trĩu đầy lòng. Anh sở-dĩ có được những tư-tưởng bác-ái nhân-đạo như thế, là cũng vì thời-thường hay đọc các sách về văn-học triết-lý của những bậc học-giả thương đời, và những sách nói về đạo « từ-bi », « kiêm-ái » của Phật-gia, Mặc-tử. . .

. . .

Bởi cái tính-tình của anh cao-thượng mà người đời ghét bỏ, lại cũng bởi cái tư-tưởng của anh rộng-rãi mà ít kẻ tri-âm. Tôi vẫn tưởng ngoài tôi ra thì ở đời này anh cũng không còn có ai là bạn nữa, nên cũng có lần ngỏ ý-kiến ấy ra với anh và hỏi anh có lấy thế là phải không, thì anh liền mỉm cười mà đáp lại :

— Khác đời quá, cũng là một sự không nên, nhiều lần tôi cũng đã cố làm cho được hòa-hợp với đời, mà cố sao cũng không khiến cho đời yêu mình được. Hoặc bởi tự lúc bé tôi đã quen bạn-bè cùng Tạo-vật, cho nên tính-tình khí-tiết cũng đã luyện theo với cái vẻ chất-phác mộc-mạc của thiên-nhiên mà không hay biết được những thói phù-hoa hư-văn của thế-thường thiên-hạ. Nhưng thôi, *đắc nhất tri-kỷ khả dĩ bất hận*, ở đời mà có được người bạn như anh cũng đã lấy làm bằng lòng rồi. Huống ngoài anh ra, tôi lại còn có người tri-kỷ nữa ở phái nữ-lưu, thì tưởng cũng không còn có điều gì đáng ân-hận. »

Tôi thấy anh nói thế, rất lấy làm ngạc-nhiên, sau hỏi ra mới biết là khi anh lên Thất-khê chữa bệnh, có giao-kết với một vị nữ-sĩ là Thanh-Tâm tiểu-thư, cũng nghỉ dưỡng sức lên chơi với bà thân-mẫu ở trên ấy.

Như anh nói ra thì Thanh-Tâm tiểu-thư không những là một người lỗi-lạc ở trong phái thoa-quần, nhưng thật lại còn là một kẻ siêu-nhân ở trong hàng thái-thượng. Tiểu-thư sắc đẹp, tài cao, học rộng, biết nhiều, lại thường hay để tâm đến việc đời, việc nước. Trúc-Sĩ mà gặp được tiểu-thư cũng là cái duyên may, nhưng nếu Trúc-Sĩ lại không có tư-cách hơn đời, thì chắc đâu đã được tiểu-thư hạ-cố ?

Thật là đồng-thanh tương-ứng, mà xui nên đồng-khí tương-cầu vậy.

Anh có một tập *Nhật-ký* trong có đủ cả các thư-từ của Thanh-Tâm tiểu-thư gửi lại cho anh và cả những điều anh tự viết ra để tả-tình diễn-ý. Tôi đã nhiều lần yêu-cầu, nên chỉ mới có hôm được nghe anh nói chuyện lại như sau này :

— Nhà tôi và nhà cô Thanh-Tâm vẫn là hai nhà quen biết, nên tôi đối với cô cũng không phải là chỗ xa lạ gì. Duy tôi thì đương ở lúc chán đời mà

cô thì lại là người có cao-tiết, thành ra gần tường cạnh ngõ mà vẫn như kẻ Việt người Hàn. Một buổi ngẫu-nhiên tôi ra chỗ chân núi ngắm cảnh chiều hôm, thì lại gặp cô cũng đương dắt vài em nhỏ tản-bộ đi chơi ở đấy. Cô vốn người thanh-nhã tự-nhiên, thấy tôi liền cúi đầu thi-lễ. Tôi đáp lễ lại mà cũng đứng gần nơi đó. Cô thấy tôi rụt-rè lúng-túng, chắc cũng lấy làm ái-ngại thương-tâm, nên liền mở đầu câu chuyện mà hỏi về mọi sự học-hành. Ai ngờ những ý-tưởng tôi về việc học lại hợp với cái quan-niệm của cô, nên cũng thấy cô có ngỏ lời cảm-phục. Phần tôi, lần này mới được tiếp-kiến giai-nhân là một, cho nên cũng rất lấy làm vui lòng thỏa dạ và coi như cái bệnh chán đời của mình cũng vì thế mà tiêu-ma gần hết.

Về sau nhân cũng được nhiều khi gặp-gỡ chuyện-trò ở nơi nước biếc non xanh, mà chúng tôi được hiểu biết nhau, thì từ đấy mà đi chúng tôi lại càng nên thân-mật... Ý hẳn cô thấy tôi chỉ mải-miệt văn tây mà hình như không thiết đến văn-chương quốc-ngữ, nên thời-thường cô hay đưa sang cho mượn những sách của các bậc danh-sĩ nước nhà và nhất là những quyển dịch-thuật ở văn-chương Trung-quốc. Lạ thay! trong những cuốn sách cô cho mượn độ ấy, trước kia cũng đã có mấy quyển lọt vào tay tôi rồi mà tôi không buồn xem đến. Thế mà độ ấy hễ cô đưa sang quyển nào thì tôi liền xem lấy xem để, xem cho hết rồi lại viết bài bình-phẩm gửi sang. Những bài bình-phẩm đó khỏi sao chẳng có nhiều điều khuyết-điểm, nhưng cô vốn người nhã-nhặn khiêm-tốn, không bao giờ chịu nói đến những cái sở-đoản của mình, và chỉ hết sức tán-dương những cái sở-trường, cho mình tự sửa đổi lấy... Chẳng những thế, cô lại còn là một người giàu lòng yêu nước, sẵn dạ thương đời, mỗi câu chuyện cô nói ra hình như có bao-hàm rất nhiều ý-nghĩ. Tỉ như một hôm cô cho tôi mượn quyển *Nam-Phong* có bài luận « Khóc cười » của ông Minh-Phượng, thì ngay ở dưới bài ấy tôi đã thấy cô đề mấy chữ rằng :

Khi cười thân-thế câu chân-lạc,
Lúc khóc trần-ai nỗi bất-bình.

« Cái đó còn là thường-sự. Nhưng « muốn cười khóc cho phân-minh, tất « phải cùng các bậc vĩ-nhân quân-tử, « khóc trước khi thiên-hạ khóc, mà « cười sau khi thiên-hạ cười vậy. »

Lại như độ năm ngoái, có một quan tham tòa sứ ở trong ta gửi giấy lên cầu-hôn với cô, thì cô cũng nhất-khái cự-tuyệt. Sau tôi biết chuyện hỏi lại cô thì thấy cô viết giấy trả lời tôi rằng :

« Nợ nước chưa đền, sầu tây đã vướng, lui về lạc-nghiệp, lòng nào mà nỡ dứt lòng cho đang... Mây tuôn bể ái, mưa dào sông ân, khách ba sinh đôi lứa dập-dìu, thực cũng là một cái diễm-phúc ở đời. Nhưng tôi, bẩm-sinh gần nơi thanh-vắng, xa chốn lâu-đài, vốn vẫn sẵn mang một tấm lòng lạnh-nhạt đối với sự tình-duyên ân-ái. Cánh bằng vượt gió toan nghìn dặm, mà rèm the trướng gấm không phải là nơi buộc lòng tử-sinh của tôi được. Chí tôi quyết ở nơi giang-hồ, ân sách, câu kệ, quyển kinh, bao năm gìn-giữ, nay mới mang ngỏ cái chí-hướng ấy cùng bạn là một... »

Như thế đủ biết cô là người vong-tình thái-thượng. Nhưng vong-tình vốn không phải là vô-tình, cho nên cô thật là một người hiếu-hữu. Song cái bản-sắc cô như thế, thành ra cũng rất ít kẻ bạn-bè, có lẽ chỉ mới có Trúc-Sĩ đây là được lạm-dự vào vườn hoa tri-kỷ của cô mà thôi vậy. Tiện đây xin giở

« Nhật-ký » đọc để anh nghe mấy lời này ở trong một bức thư năm ngoái :

« Đỗ-quân nhã-giám,

« Người xưa thường nói : « Nghìn « vàng dễ được mà một người tri-kỷ « không dễ có. » Lại thường nói : « Ở « đời được một người tri-kỷ đã là mãn-« nguyện. » Nhưng mênh-mông bốn bể « người vô-số, nào mấy ai đã là tri-kỷ « mà chắc đâu mình đã được dự vào « hàng tri-kỷ mà mong. Ôi ! tri-âm dễ « gặp, tri-kỷ khó tìm. Tri-âm dễ gặp « mà thường vắng, tri-kỷ khó tìm tìm « đâu cho thấy ? Trộm nghĩ, trời « sinh ra người, phó cho có đủ ngũ-« luân, trong ngũ-luân lại kiêm cả « tình bằng-hữu. Vậy đạo bằng-hữu « chẳng là nên thơ lắm ru ! Con người « ta, dưới bóng quang-âm sao nỡ để « luống ngày xanh không người bạn « thiết ! Khi buồn thân-thế, lúc ngán « trần-ai, đã có người bạn tâm-đàm cùng « ta vui chân giong-ruổi dặm đường đời, « thì dù bến mê bể khổ cũng là Bồng-« lai.

« Nghiệm ra chúng tôi từ ngày được « hân-hạnh quen biết bạn, tự thấy như « đặt mình vào trường đua vậy ; hôm « sớm chăm-chăm mài-miệt, không dám « dừng chân, tu thân sửa đức, e theo « không kịp.

« Quý-hữu ơi ! Quý-hữu thực là « một bậc hiền-tài, quý-hữu đa-tình « không hiếu-sắc, hiếu-học không cầu-« danh, chất-phác mộc-mạc không phù-« hoa hư-văn, xử-thế tu-thân không « kiêu không lận, điềm-đạm thanh-nhàn « không cầu-kỳ cố-chấp. . .

« Càng thấy bạn hoàn-toàn nhân-« cách, tôi càng thêm kính thêm vì, đối « với bạn lúc nào cũng như đứng trước « mặt một bậc cao-sĩ siêu-nhân mà « không còn phải bận lòng gì đến những « nỗi trần-ai tục-lụy. . . »

Đấy anh xem, cô đối với tôi như thế thì kể cũng đã là thân-mật lắm rồi. Song thân-mật mà vẫn không qua được nghĩa bạn-bè. Này đây là lời cô đã có lần mang ra mà công-nhiên nói lại với tôi :

« Những khi một mình một bóng « trước ngọn đèn tà, tự mang nỗi lòng « ra cùng nhau đàm-thoại, tôi vẫn « thường nghĩ xem đối với Trúc-Sĩ có « chút tình gì khác với cái tình tôi vẫn « đối với chị em bạn gái thân của tôi « không ; thì tự chỗ thâm-tâm hình như « lại có lời đáp lại là « không » vậy. »

Cái tình chúng tôi đối với nhau như thế, kể ra thì cũng là một sự lạ ở đời. Nhưng xét kỹ ra thì tưởng cũng không có chi là lạ, vì dù có biệt phân ra nam-nữ khác nhau, nhưng vốn đã mang tinh-thần ra mà cùng nhau cảm-kết, thì tưởng cũng có thể uyển-nhiên coi nhau như đôi bạn trai bạn gái mà thôi.

Trong hơn năm trời giao-tiếp, bạn tôi cảm-hóa tôi nhiều lắm, anh ạ. Đấy anh xem, trước kia, khi tôi còn ở trường với anh, ngoài sự học ra, nào còn biết chi đến nước đến đời, nào còn biết gì đến thời đến thế. Lại sau lúc đã thôi học mà lên dưỡng-bệnh ở nơi thâm-sơn cùng-cốc, sớm tối chỉ biết bạn-bè với non-nước cỏ-cây, thì còn lấy đâu được những cái tư-tưởng tôi vẫn thường ngày mang ra cùng anh nói chuyện ? Bạn tôi tức là một mối giây liên-lạc cho kẻ « người rừng » này được biết đến xã-hội quốc-gia vậy. Tôi cảm cái ân-đức ấy, nên đã có lần viết cho bạn tôi câu này :

« Có lẽ từ đây mà đi tôi sẽ vì bạn « mà biết yêu tới nhân-loại, vì bạn mà « biết sống với nhân-quần, vì bạn mà « cũng muốn có chút sự-nghiệp gì đối « với non sông đất nước, vì bạn mà « cũng mong có chút ảnh-hưởng gì đối « với xã-hội đồng-bào. »

Nhân vì cái ảnh-hưởng của tạo-vật mà anh Trúc-Sĩ có được cái bản-sắc khác đời, lại nhân chịu sức cảm-hóa của cô Thanh-Tâm mà anh Trúc-Sĩ có thêm được bầu nghĩa-khí, một cái tư-cách như thế tưởng cũng xứng-đáng với cái huy-hiệu thanh-niên, vì anh lại được thuận cảnh ra mà chuyên-cần học-tập thì chỉ độ dăm năm nữa, hẳn anh cũng thành nên được một kẻ quốc-sĩ giúp đời.

Anh vẫn thường ngỏ ý với tôi, muốn khảo-cứu về hết thảy văn-minh của thế-giới, học-thuật của nhân-loại, để bổ-khuyết vào cho văn-minh học-thuật của nước nhà. Anh cho rằng văn-học là cái đệ-nhất nguyên-liệu của văn-minh, nay phải làm thế nào gây cho nước nhà có một nền văn-học xứng-đáng thì mới khả-dĩ hi-vọng cho xã-hội được tiến-hóa, chứ nếu trong văn-giới mà chỉ rặt có một loại tiểu-thuyết phong-tình, trong báo-giới chỉ rặt có một mẩu văn-chương bã-giả, trong học-giới chỉ rặt có những món « kiếm gạo » phổ-thông, thì trình-độ tinh-thần của quốc-dân biết bao giờ nâng cao lên được, mà hòng nghĩ đến văn-minh.

Nhưng, than ôi! chí kia chưa đạt mà thân nọ đã cùng, lòng kia chưa toại mà đời này đã khổ, trong hai năm nay anh thực đã phải kinh-qua biết bao nhiêu những nỗi trần-ai tục-lụy, biết bao nhiêu những cảnh biến-nghịch tai-ương, tôi hằng nghĩ đến mà càng thêm thương bạn.

Năm ngoái khi anh sắp thi vào lớp nhất trường Trung-học thì lại gặp lúc bà thân-mẫu từ-trần, khiến cho anh lòng sầu chí quẫn, làm văn bài cũng kém mọi khi mà thành không được trúng-cách vào học.

Lại đến năm nay đương dự-bị để đi kỳ tú-tài tháng 7, thì bỗng cụ thân-sinh lại đến tuổi phải trí-sĩ hồi-hưu. Cha già, nhà túng, mà lại là con một phải đứng mũi chịu sào, anh còn tâm-trí nào mà theo đòi học-tập cho cam. Thôi, thế là anh phải đeo tiếng dở-dang đi tìm công kiếm việc từ đấy. Nhưng tìm kiếm công-việc ở trong xã-hội ta ngày nay mà không có một cái văn-bằng nào trong tay, kể thật là một điều khó vậy. Chẳng những thế, anh lại ít giao-thiệp, ít bạn-bè, ít biết những cách luồn lọt để lấy miếng đỉnh-chung, ít rõ những khóe cạnh-tranh để chiếm phần ưu-thắng, cho nên tư-cách có thừa mà không có người dùng đến. Đã vậy, anh lại còn nhân dịp này được trực-tiếp với đời mà thực-nghiệm ra được rất nhiều những điều xấu-xa đê-tiện của thế-đạo nhân-tâm.

Nào kẻ vì công-danh mà bỏ chữ cương-thường, vì tiền-tài mà nhẹ điều nhân-nghĩa, lại nào kẻ hễ phú-quí thì giở thói kiêu-căng, hễ bần-tiện thì đâm trò hèn-mạt.

Anh càng bị đời mạt-sát, anh càng nhớ chỗ « rừng xanh », anh càng chán cảnh xã-hội, anh càng thích thú thiên-nhiên. Tôi còn nhớ một hôm anh có đọc cho nghe mấy câu thơ, xem ra rất não-nùng bi-đát . .

. . . Thú nào tầy thú ung-dung,
Mà mang linh-tính vui cùng nước non.
Khốn một nỗi thân còn nặng nợ . . .
Bao giờ trắng nợ phong-trần,
Để cùng Tạo-vật nối tình giao-hoan?

May sao, cụ thân-sinh ra anh cũng lại là người có tiết-tháo hơn đời, hiểu biết lòng anh, liền ngỏ ý muốn lên ẩn-dật ở một chỗ thâm-sơn cùng-cốc, để cho con khỏi phải vì mình mà chịu điều tục-lụy. Bản-tâm cụ chỉ là cốt để cho anh được nhẹ gánh gia-đình, mà

lưu lại Hà-thành chuyên đường học-nghiệp. Song không những chỉ anh nay đã nhất-quyết đoạn-tuyệt với cảnh phồn-hoa, mà anh lại là một người con chí-hiếu, sao nỡ để cha phải đan-thân trích-ảnh ở nơi khách-địa vô-liêu, nên cũng xin phép theo đi mà thần-hôn định-tỉnh.

Hôm 25 tháng giêng tây năm nay là ngày anh Trúc-Sĩ và cụ thân-sinh đã cùng đăng-trình thượng-lộ. Tôi cũng có đưa tiễn ra tới sân ga và hôm ấy cũng có thấy cô Thanh-Tâm cùng thân-phụ ở Nam-định lên để dự cuộc tiễn-hành.

. .

Cách đấy 6 tháng trời, tức là vào độ thượng-tuần tháng 7 tây, tôi có tiếp được ở Nam-thành gửi lên một phong thư, trong có hai lá giấy như sau này :

Nam-định ngày 31-6-1929

« Lê-quân các-hạ,

« Hôm qua chúng tôi có nhận được «ở Mường-la gửi về một phong thư của « Đỗ-quân, xin tuân theo ý-kiến trong «thư mà kính-đệ lên ông thưởng-giám.

« Thanh-Tâm
« bái bút.»

Mường-la, ngày 10-6-1929

« Thanh-Tâm hiền-hữu nhã-giám,

« Tôi lên đây thấm-thoắt đã được 5, «6 tháng trời, mảng vui non nước,quên « cả bạn-bè, thật là đắc-lỗi với hiền-«hữu lắm, tấm lòng tri-quá mong được « bao-dung.

«Chỗ Mường-la này là một châu cách « tỉnh-lỵ Sơn-la chỉ độ 5 cây số. Thầy «tôi cũng đã có làm việc ở trên này,nên « dân thổ-trước thấy chúng tôi lên thì «rất lấy làm ân-cần tiếp-đãi. Họ có làm « riêng cho chúng tôi một gian nhà sàn « ở trên giốc đồi và thời-thường vẫn « mang biếu hoa quả hươu nai, hoặc « mang cho trứng gà, gạo nếp.

« Thầy tôi thì chỉ biết túi thơ bầu «rượu, lại câu kệ quyển kinh, coi như « nay đã xa-lánh được cõi trần-hoàn « tục-lụy mà lên tiêu-dao được ở nơi « tiên-cảnh bồng-lai. Còn tôi thì cơm « rau nước lã vẫn thấy khỏe-mạnh, « quần nâu áo chàm, chẳng chút bận «tâm, sớm tối bạn-bè cùng một vài anh « Thổ lại lấy làm dễ chịu thanh-nhàn, « ngày tháng ra vào ở nơi rừng xanh núi « biếc lại lấy làm ung-dung thú-vị. Đối « với những vẻ phồn-hoa đô-hội, thực « không có chút gì tiếc nhớ, đối với «những nỗi thế-thái nhân-tình thực lại «thêm hú vía kinh-hồn. Ở đời này nếu « không còn bạn và anh Thiếu-Sơn thì « đời đối với tôi cũng không còn gì là « liên-lạc.

« Trước kia bạn vẫn khuyên tôi «không nên vì biến-nghịch tai-ương mà « để tiêu-ma chí-khí, nhưng nay định-« thần nghĩ lại thì chính chỉ vì thế-đạo « nhân-tâm mà tôi chẳng còn mong «được hòa-hợp với thói đời.

« Bạn lại thường nói : đời không « phải là nước; giận đời mà giận lây « đến nước là có tội, tôi vẫn lấy câu đó « làm chí-lý, dù học-thức dở-dang, «không theo được đến cùng con đường « sự-nghiệp, nhưng cảm-tình sẵn có,lẽ « đâu lại dám mong làm cây cỏ đối với « đất nước non sông.

« Bức thư này đọc xong xin bạn vì « tôi gửi lên cho Lê-quân Thiếu-Sơn « cùng xem, tôi cũng chưa có thư nào « cho anh cả.

« Trúc-Sĩ
«thủ-thư.»

Thiếu-Sơn

VUA LÊ CHÚA TRỊNH

Nước ta là nước quân-chủ, tự đời Hùng-vương đến nay, trải bốn nghìn tám trăm năm; từ khi nội-thuộc nước Tàu không kể, còn lúc nào cũng có vua để quản-trị trong nước, khắp đình-thần văn võ bách-quan đều phải bẩm-mệnh ở một ông vua. Dẫu vua hiền hay là không hiền, cũng phải tôn phải quí như vậy; duy có đời Hậu Lê đương quãng thế-kỷ thứ mười bảy-mười tám thời vua Lê chỉ giữ cái hư-vị hoàng-đế đó thôi, còn chính sự quyền-hành đều ở tay chúa Trịnh.

Lạ thay một nước đã có vua lại có chúa, tiếng vua to hơn chúa, mà quyền chúa lại hách hơn vua, như thế thời cái chủ-nghĩa quân-quyền của nước ta, đã phá-hoại trước từ họ Trịnh, mà bắt đầu phá-hoại cái chủ-nghĩa ấy chả phải Trịnh Tòng là ai?

Trịnh Tòng, cha là Trịnh Kiểm, khi Kiểm còn hàn-vi, thờ mẹ rất hiếu, tính mẹ hay ăn thịt gà, ngày nào cũng ăn trộm gà để nuôi mẹ; những nhà mất gà ai cũng ghét, nhân một hôm Kiểm đi chơi vắng, họ bàn với nhau rằng nếu không giết cái mụ già này, thời bao nhiêu gà cũng vào mồm nó hết. Tối hôm ấy bèn trói mẹ Trịnh-Kiểm đem quẳng xuống vực Tôm ở sau làng, không ngờ đêm hôm ấy trời nổi cơn mưa to gió lớn, đương vực sâu mà nổi lên thành cồn, cái mả ấy không phải thiên-táng, mà thành ra thiên-táng. Khi Trịnh Kiểm về tìm mẹ không thấy, không biết duyên-cớ ra làm sao, bức chí bỏ nhà đi, nhân lưu-lạc sang Ai-lao, nghe Nguyễn Kim làm Điện-tiền-tướng-quân nhà Lê cũng ở bên ấy, chí rước con vua Chiêu-tôn là ông Lê Ninh dựng làm vua, mưu-kế khôi-phục bèn xin vào làm gia-thần; ông Nguyễn Kim thấy người có tướng lạ, gọi đến hỏi truyện, mới biết Kiểm có mưu-lược, có can-đảm hơn người, cử cho làm bộ-tướng, liền gả cho con gái là nàng Ngọc-Bảo. Tự bấy giờ Trịnh Kiểm theo đi đánh nhà Mạc, lập được công-trạng to, liền cử cho làm đại-tướng, sai đem binh ra đánh Nghệ-an, tiến đến Thanh-hóa, khôi-phục được Tây-đô.

Đoạn rồi Nguyễn Kim mất, vua Trang-tôn đem binh-quyền giao cả cho Trịnh Kiểm, gia-chức Thái-sư Lượng-quốc-công.

Họ Trịnh phát-tích cũng tự kiểu đất ấy. Thầy địa-lý nước Tàu đoán rằng: Đất này không phải đế, không phải bá, mà uy-quyền khuynh cả thiên-hạ; truyền ngôi tám đời, trong nhà gây nên mối họa».

Đến triều vua vua Trung-tôn, Mạc Phúc-Nguyên đóng ở ngoài thành Thăng-long, Trịnh Kiểm đem quân đánh phá Phúc-Nguyên, Phúc-Nguyên thua chạy ra Kim-thành, Mạc Kính-Điển vào cướp Thanh-hóa; Kiểm đem quân đánh bắt được ngụy-tướng hai-mươi người, Kính-Điển bỏ quân chạy.

Vua Trung-tôn mất, Kiểm cùng các quan Đại-thần mưu tìm con cháu nhà Lê là Duy-Bang 維邦 kế ngôi vua, là Anh-tôn; bấy giờ Mạc Phúc-Nguyên sai Kính-Điển vào đánh Thanh-hóa, Phạm Quỳnh vào đánh Nghệ-an, Kiểm đem binh đánh phá Kính-Điển ở cửa Thần-phù, rồi sai Phạm Đốc đánh Mạc là lũ Phạm Giao ở Nghệ-an, Kiểm lại đem quân ra Sơn-nam, lập quân-dinh ở huyện Sơn-định, thu chứa lương-thực, định kế diệt nhà Mạc.

Kiểm mất, con trưởng là Trịnh Cối thay lĩnh binh-quyền, con thứ là Trịnh Tòng cùng các quan tướng đều phải thuộc quyền Trịnh Cối. Bấy giờ Cối đã cầm quyền ở trong nước, ngày đêm say-mê tửu-sắc, không nghĩ đến quân-quốc đại-sự, lại chực đoạt cả quân-quyền của Trịnh Tòng, bởi vậy quân-sĩ nhiều người không bằng lòng, bèn mưu làm phản; Trịnh Tòng mật tấu xin dời hành-cung ra cửa Vạn-lại, chia quân giữ các cửa thành để phòng-bị.

Ngày hôm sau Trịnh Cối xuất bộ-tướng là lũ Lại Thế-Mỹ, Lê Khắc-Thận, Nguyễn Hữu-Liêu đem hơn nghìn quân bức đến ngoài của khuyết, Trịnh Tòng sai quân đóng cửa thành không cho vào, Cối đưa thư mắng nhiều điều bất-nhã, vua sai viên đại-thần đến hòa-giải, nhưng Cối nhất-định không nghe. Vua Lê bèn sai quân ra đánh, quân Trịnh Cối thua, nghe tin quân nhà Mạc kéo đến, Cối gọi những đảng-tốt bảo rằng: « Bên trong thời có quân Trịnh Tòng, bên ngoài thời có quân nhà Mạc, quân ta đóng ở giữa, vạn-nhất có biến, thời nghĩ làm thế nào, không gì bằng dẫn quân về Đông-biện. » Đảng-tướng nghe lời, bèn đưa quân về đóng ở Đông-biện rồi sai Vũ Sư-Thước giữ Linh-trường (nay cửa bể Kỳ-bích, xã Hậu-lộc) và Hội-trào (nay xã Hội-trào thuộc huyện Quảng-xương), Thế-Khanh giữ Chi-long (nay cửa bể Bách-câu huyện Nga-sơn) và cửa Thần-phù, Sư-Doãn giữ Du-xuyên và Ngọc-giáp (nay cửa Hải-trào, xã Ngọc-giáp, huyện Quảng-xương), để phòng quân Mạc; còn Thế-Mỹ, Hữu-Liêu đóng quân ở duyên-giang để phòng quân Trịnh Tòng.

Lúc ấy Mạc Kính-Điển nghe tin anh em Trịnh Cối tranh quyền cướp thế, đem binh kình-địch với nhau, mới thừa-cơ đem hơn mười vạn quân vào cướp Thanh-hóa, rồi chia binh làm sáu đội, vượt qua các cửa bể tiến đến đóng ở Hà-trung, Trịnh Cối liệu sức mình không thể đương nổi, bèn suất tướng-thuộc là Lại Thế-Mỹ và Vũ Sư-Thước ra hàng quân Mạc.

Bấy giờ Trịnh Tòng tiết-chế thủy-bộ mọi quân, bèn hội tướng-thần là Hoàng Đình-Ái và Nguyễn Cảnh-Hoan, Lê Cập-Đệ cùng văn thần là Nguyễn Đĩnh bày tiệc rượu để bàn việc binh, Tòng bảo chư-tướng rằng nay Cối đã hàng với quân giặc, ta phải nên hết lòng hết sức, chỉ non thề bể quyết diệt được giặc Mạc mới thôi; chư-tướng nghe lời, bèn chia binh đem giữ các đồn đắp lũy đào hào để phòng-bị quân giặc, rồi mà Trịnh Tòng theo vua Lê đem quân đi đánh Mạc Kính-Điển, Kính-Điển suất các đạo quân, tiến đến sông Mã, sông Lam, quân đi đến đâu thì đốt phá đến đấy, dân Thanh-hóa dắn bà con trẻ kinh sợ kêu khóc đầy đường, đồ-vật của-cải cùng đàn bà con gái bị hãm ở tay giặc, giặc thừa-thế tiến đánh ở đồn An-trường, quân chống đánh không được lui về giữ đồn; lúc ấy Lê Cập-Đệ sai quân-sĩ làm một cái thành giả, ở bên ngoài lũy, ngoài trát bùn, trên cắm chông tre chạy dài hơn mười dặm, một đêm làm xong; ngày mai Kính-Điển cho người đến dò thám, thấy thế lấy làm kinh sợ, không biết quân-gia ở đâu mà đắp được thành-lũy đã chóng như vậy, liền đốc tướng-sĩ chống đánh với quan-quân, quan-quân bấy giờ quyết đánh thù-tử; Kính-Điển tự liệu thế mình không địch nổi, mới lùi quân về giữ Hà-trung, rồi sai người đưa thư đến xin hàng.

Vua Lê đóng ở Đông-sơn, Sư-Thước là bộ-tướng của Trịnh Cối đem năm trăm quân đến trước ngự-dinh xin tạ tội. Vua úy-dụ lại cho phục chức cũ, Sư-Thước bèn xin đời-tội lập-công, chiêu-tập những cựu-binh của mình được hơn nghìn quân, làm quân tiền-phong cùng quân Mạc đánh ở xã Lôi-

tân (thuộc huyện Vĩnh-lộc), Thế-Khanh và Cập-Đệ đón đánh ở Đông-sơn Nga-sơn, Kính-Điển thua chạy, trận ấy có công gia-phong Trịnh Tòng chức Thái-Úy-Trưởng-quốc-công, Cập-Đệ chức Thái-phó, Thế-Khanh chức Thiếu-phó.

Bấy giờ dân Thanh-hóa bị giặc tàn-phá, dâu-đinh phụ-lão lưu-tán cũng nhiều, bèn sai Phùng Khắc-Khoan (người Phùng-xá, huyện Thạch-thất, đỗ hoàng-giáp) chiêu-tập những lưu-dân khiến về nguyên-quán yên nghiệp.

Trịnh Tòng tự khi thăng chức Thái-úy Trương-quốc-công, ngày càng lộng-quyền chuyên-chế, có ý lăng-tiếm cả vua. Lê Cập-Đệ mật tấu với vua rằng: «Tội Trịnh Tòng không thể dung được, xin dự-bị quân-nhung, ước độ nửa đêm, hễ nghe tiếng súng thì kéo quân qua sông bắt giết Trịnh Tòng để khỏi di-họa sau này.» Trịnh Tòng biết mưu như vậy, sai người đem vàng bạc dút cho Cập-Đệ để làm kế hoãn-binh, Cập-Đệ không dám nhận, thân-hành đến tạ lỗi, mới vào đến nơi, Trịnh Tòng cầm giao chém luôn, thanh-ngôn rằng: «Cập-Đệ nay mưu khởi-loạn, ta đã giết được rồi». Cập-Đệ chết, vua Lê có ý nguy sợ, biết rằng binh-quyền trong nước đã về tay Trịnh Tòng thời vũ-dực của mình lại thành ra cô-lập; đến đêm cùng với bốn người hoàng-tử chạy ra Nghệ-an.

Vua ở Nghệ-an, Trịnh Tòng rước con thứ năm là Duy-Đàm mới lên bảy tuổi, dựng lên làm vì đấy thôi, chứ bản-tâm thời chỉ muốn cướp cái chính-thống của nhà Lê vậy.

Trịnh Tòng khiến lũ Nguyễn Hữu-Liêu tiến binh đến bức chỗ hành-cung Nghệ-an, vua toan chạy ra Giá-điền, Hữu-Liêu tâu rằng: « Xin bệ hạ mau mau trở xe về cung để yên lòng thần-dân ngưỡng-vọng, thần-hạ đây không có bụng gì khác.» Bèn rước vua về, xe vua mới đến xã Lôi-dương, âm-mưu giết vua, rồi nói phao rằng vua tự-ải.

Trịnh Tòng tự thăng chức Đô-tướng tiết-chế thủy-bộ chư-quân, kiêm-chưởng cả việc quân-quốc đại-sự, rồi đem quân đi đánh nhà Mạc. Trước Mạc Mậu-Hợp thua, dời quân ở bến sông Bồ-đề, đến bấy giờ Mạc Kính-Điển lại đưa Mậu-Hợp về đóng ở cửa Nam ngoài thành Thăng-long, Kính-Điển lại đem quân vào đánh Đồng-cổ, (tức là sông Tất-mã thuộc xã Đan-lê, huyện An-định), Trịnh Tòng suất chư-tướng đem binh đến chỗ đồn Khoái-lạc (thuộc An-định chống đánh, Kính-Điển thua, chạy về Thăng-long, sau bị bệnh chết. Mạc Mậu-Hợp cử Mạc Đôn-Nhượng thay Kính-Điển thống-lĩnh mọi quân, tiến đến núi Đường-lang (huyện Quảng-xương). Hoàng Đình-Ái vâng lệnh hội chư-tướng chia làm ba đạo chống đánh, quân Mạc Đôn-Nhượng thua chạy về Thăng-long; tự đấy quân nhà Mạc không dám khuy-du Thanh Nghệ nữa.

Quân Mạc bắt dân-phu đắp lũy từ sông Hát-giang xuống đến sông Hoa-đình (thuộc huyện Sơn-minh Hà-nội), kế lại đắp lũy ở ngoài thành Đại-la, đắp ba tầng lũy, từ đất Nhật-chiêu (thuộc huyện Bạch-hạc) qua Tây-hồ và Liêu-kiều (thuộc phường Thịnh-quang, huyện Vĩnh-thuận) đến xã Thanh-trì, chạy dài ba mươi dặm để làm kế phòng-bị, rồi sai Mạc Đôn-Nhượng suất quân-sĩ các vệ và quân ở trấn Hải-dương, trấn Sơn-nam, trấn Sơn-tây, trấn Kinh-bắc, tiến đến huyện Yên-mô (thuộc tỉnh Ninh-bình), ước ngày hội-chiến. Trịnh Tòng mưu với chư-tướng rằng: « Nay giặc đem các vệ quân cùng với binh ở bốn trấn đến đây, muốn cùng ta quyết thắng-phụ phen này, ta nay đem quân đóng ở núi Tam-điệp thời quân giặc

dẫu nhiều, cũng không đủ sợ ; nay quân ta giả-cách thua chạy, khiến giặc đem quân đuổi ta chạy vào chỗ hiểm-địa, thời quân ta đánh tập-hậu, tất là phá được quân giặc. » Đêm hôm ấy vừa canh ba khiến Nguyễn Hữu-Liêu đem một vạn năm nghìn quân và hai trăm kỵ-mã, trước đến đào hầm ở dưới chân núi rồi phục-binh ở đó, còn Trịnh Độ, Trịnh Đồng đem binh đón đằng sau, để khiêu-chiến với giặc, rồi giả-cách thua chạy đến chân núi, quân Mạc tưởng thua chạy thật, định kéo quân đuổi đánh, không ngờ đuổi đến chân núi thời phục-binh đâu đấy vây cả bốn mặt, đánh chém được hơn nghìn người, bắt sống được sáu trăm người. Mạc Đôn-Nhượng thua chạy, Trịnh Tòng lại kéo quân ra Sơn-tây đánh Mạc Mậu-Hợp ở Phần-thượng (thuộc xã Tảo-thượng, huyện Từ-liêm), rồi lại thừa-thắng đuổi đến sông Hát-giang, Mậu-Hợp độ qua sông chạy về Thăng-long, còn quân-sĩ tranh thuyền sang sông bị đắm chết không biết bao nhiêu mà kể; Trịnh Tòng lại tiến đánh đến thành Thăng-long, Mậu-Hợp thua chạy sang Gia-lâm, quan-quân lại kéo qua sông Tô-lịch đến cầu Nhân-mục đóng quân để phòng-tiệt, bấy giờ quân Mạc bền giữ thành Đại-la, suất thủy-quân hơn trăm chiếc thuyền, giữ sông Nhị-hà lấy làm thanh-thế, rồi sai Nguyễn Quyện đem binh phục ở ngoài cửa Chiền-kiều (thuộc phường Bạch-mai), bày trăm cái súng đại-bác để đợi quan-quân đến ; Trịnh Tòng sai chư-tướng chia đường tiến đánh, Trịnh-Tòng thời đốc-suất quân-sĩ, xông vào phá cửa thành Đại-la, quân giặc kinh sợ tẩu-tán hết cả, quan-quân thừa-thế kéo vào đốt cả cung-điện nhà cửa, còn những binh-lương khí giới của giặc bắt được xếp từng đống như rừng vậy. Sau Mậu-Hợp chạy ra Kim-thành (thuộc Hải-dương), cho con là ngươi Toàn làm giám-quốc.

Tòng lại sai Phạm Văn-Khoái đem quân đánh bắt Mậu-Hợp, Mậu-Hợp ẩn ở chùa Phật (làng Phượng-nhãn), đem quân vây bắt được đưa về Thăng-long, rồi đem chém ở bên sông Bồ-đề, chặt đầu đem về chỗ Hành-dinh Thanh-hóa, đóng đanh hai mắt, truyền đi các chợ để mọi người đều xem. Kế lại tiến binh đến huyện Thanh-lâm bắt được Mạc Kính-Chỉ và những tộc-đảng đem giết, tự đấy nhà Mạc mất.

Đoạn rồi bộ-thần nhà Mạc sang nhà Minh kể tội họ Trịnh, nay họ Trịnh chuyên giữ binh-quyền, lạm giết cống-thần họ Mạc, chứ không phải con cháu nhà Lê vậy. Vua nhà Minh sai sứ là Vương Kiên-Lập ra Nam-quan (thuộc Lạng-sơn) hội khám. Vua Lê sai Hoàng Đình-Ái và Bùi Bỉnh-Khiêm đem voi và năm vạn quân, đi theo xe vua ra Nam-quan. Lúc ấy có Án-sát-sứ là Trần Đôn-Lâm và quan phủ ở Thái-bình, phủ Tư-minh, ở tỉnh Quảng-tây cùng là quan Châu ở châu Bằng-tường, châu Long-châu, đều đến đấy hội-khám. Khi hội-khám xong, vua xe về đến xã An-trường (thuộc huyện Đông-ngàn), Trịnh Tòng suất các quan ra đón về cung, rồi khiến Phùng Khắc-Khoan và Nguyễn Nhân-Thiệm đem lễ-vật sang cống vua Minh để cầu phong. Khoan đến Yên-kinh gặp vua Minh làm lễ vạn-thọ, Khoan dâng ba mươi bài thơ mừng thọ. Vua Minh thán-thưởng, chiếu phong cho vua Lê làm chức An-Nam Đô-thống-sứ-ty, khiến cho quản-trị những nhân-dân thổ địa ở trong nước, và cho một cái ấn bạc. Khắc-Khoan tâu rằng : « Họ Lê vẫn là chính-thống An-Nam quốc-vương ; nhân vì nghịch-thần họ Mạc có chí thoán-nghịch, nên phải ngậm đắng nuốt cay nghĩ khôi-phục cái cơ-nghiệp của tổ-tiên lại, kia họ Mạc cũng vẫn là thần-bộc của họ Lê, thế mà nhẫn-tâm tranh quyền cướp nước, thực là người có tội với thượng-quốc, chứ họ Lê không

có tội gì, nay thượng-quốc lại đem cái chức của họ Mạc mà phong cho họ Lê, thần-hạ đây ngu-thiển, không biết vì cớ gì, dám xin Thánh-thượng ơn trời lượng bể rộng xét cho. » Vua Minh dụ rằng : « Họ Lê không phải như họ Mạc, nhưng buổi nhất-sơ phục-quốc, lòng người chưa yên, nên tạm phong cho chức ấy rồi sẽ gia-phong cho tước Vương, cũng chưa là muộn ». Khắc-Khoan bèn bái-mạng ra về.

Sau sứ-quan nhà Minh chịu của đút Mạc Kính-Cung tâu với vua Minh sắc cho an-trí Mạc Kính-Cung ở đất Cao-bằng.

Trịnh Tòng tự đấy muốn tự-lập làm Bình-an-vương, vua bất-đắc-dĩ phải nghe, bèn khiến quan Thái-tể đem tờ sách-chiếu phong cho tước Vương, gia cho một cái ngọc-toản, một cái cờ tiết-mao và một cái gươm vàng. Chịu tước rồi mở ra riêng một phủ, văn võ bách-quan, đều đến bái chúc, nhân mở tiệc yến hội-thưởng, cho các quan bạc và lụa có sai-đẳng, họ Trịnh đời đời kế-tập tước Vương, tự đấy trước.

Đương lúc ấy Trịnh Tòng có huân-nghiệp lớn và quyền-thế to, tưởng cướp nhà Lê cũng không khó, nhưng vì có hai điều : một là sợ người trong nước không phục mình, vì công-đức nhà Lê cố-kết lòng người ta đã lâu, nên ai cũng có lòng ái-đới, vả trong Nam thời có Nguyễn Hoàng, ngoài Bắc thì có họ Mạc, thế-lực cũng đủ chống được với Trịnh Tòng, nếu có mưu cướp nhà Lê cũng chưa có thể làm được ; hai là sợ nhà Minh không phong cho mình, vì nước mình vẫn là phiên-phục nước Tàu, có nước Tàu gia phong cho, thời quốc-dân mới công-nhận mình là vua nước Nam-Việt, và nước Tàu đối với mình chẳng qua tình-hiếu với mình ở ngoài đầu lưỡi mà mục-đích chỉ vị quyền-lợi đó thôi, nhà Lê cận-lai cống-hiến nước Tàu tuy giữ thường-lệ, mà nhà Mạc nay cống phương-vật thức này, mai cống phương-vật thức khác, cho nên nước Tàu đối với nhà Mạc có ý thân-mật hơn nhà Lê, sau họ Mạc đã mất rồi, còn sắc cho xứ Cao-bằng để làm chỗ dung thân, nhà Lê trung-hưng mà chỉ phong cho chức Đô-thống, chứ không phong cho tước vương, xem thế thời đủ biết nước Tàu đối-đãi với nhà Lê, còn lãnh đạm như vậy, phương-chi họ Trịnh, vì lẽ đó nên Trịnh Tòng phải mượn cái thanh-thế của nhà Lê để tung-hoành ở trong nước, chứ chưa tranh cướp ngay quyền nhà Lê.

Vua Thế-tôn mất, Trịnh Tòng lập con thứ, là Duy-Tân lên ngôi, là vua Kính-tôn, bấy giờ Mạc Kính-Cung ở đất Cao-bằng chiêu-tập những người xứ đông xứ bắc được vài vạn quân, có chí khôi-phục, Tòng biết tin, đem quân đuổi đánh, Kính-Cung chạy ra huyện Kim-thành

Lê Bật-Hồi can Trịnh Tòng rằng : « Đấng vương-giả ngày trước, lấy thiên-hạ là một nhà, không có lẽ bên giường mình nằm mà lại để cho người khác ngủ bên mà ngáy khò-khò, thì mình nằm có yên không ? Nay Lạng-sơn thì có Mạc Kính-Cung, Quảng-nam Thuận-hóa thì có Thụy-quận-Công là Nguyễn Hoàng, còn ở ngoài bản-đồ, chưa có nhất-thống được, nếu không sớm liệu xử-trí, sợ di-họa sau này. » Tòng cho là nói phải, nhưng ngại về dùng binh nhiều sự phiền-nhiễu, nên chưa dám quyết.

Đương bấy giờ vua Kính-tôn biết binh-quyền về tay họ Trịnh mà con thứ Trịnh Tòng là Trịnh Thông, có chí chực cướp ngôi thế-tử, nhân mưu với Thông để giết Trịnh Tòng. Một hôm Tòng ra Đông-tân xem thuyền, Thông mới khiến thủ-hạ là Văn-Đốc, chôn mấy viên đạn trái-phá ở lối Tam-kỳ, là nơi Trịnh Tòng vẫn đi lại, khi Tòng cưỡi voi về qua đó, đạn nổ lên, nhưng may

không chết, Tòng đem tra hỏi việc ấy, mới biết là mưu tự vua Kính-tôn, liền sai con là Trịnh Tráng cùng với Bùi Lâm vào chỗ nội-điện giết vua, lập Hoàng-tử Duy-Kỳ 維祺 làm vua Thần-tôn, rồi bắt Trịnh Thông đem giam ở nội-phủ, rồi lại tha ra. Trịnh Tòng bị bệnh, cho con trưởng là Trịnh Tráng, tước Thanh-quận-công, chuyên-chưởng việc binh, Thông không bằng lòng mưu làm loạn, Tòng bèn sai Bùi Lâm dụ Thông vào phủ đem giết.

Trịnh Tòng chết, Trịnh Tráng rước vua ra ngự Thanh-hóa, sắc cho Tráng chức Đô-tướng tiết-chế thủy-bộ chư-quân, rồi đem quân đi đánh Mạc Kính-Khoan, Kính-Khoan thua chạy, sai người đem tờ biểu vào Kinh xin ra hàng, vua Lê phong cho làm chức Thái-úy, khiến từ nay phải tuân phụng chính-sóc nhà vua mà làm phiên-thần. Kính-Khoan vâng mệnh.

Bấy giờ thanh-thế chúa Trịnh lừng-lẫy cả ngoài Bắc trong Nam, em Nguyễn Phúc-Nguyên (Thụy quốc-công là Nguyễn Văn, Nguyễn Thành) mật mưu với chúa Trịnh rằng : Thụy-quốc-công có ý bạn-nghịch, xin đưa quân vào đánh, hễ quan-quân vào đấy thì xin đưa quân để ứng-viện, hễ thành-công thì chia đất Thuận-hóa An quảng Trịnh Tráng nghe lời sai Nguyễn Khải đem quân vào Nam, Nguyễn Phúc-Nguyên biết mưu, bắt Nguyễn Văn, Nguyễn Thành giết, Nguyễn Khải mới đến Nhật-lệ, nghe tin, sợ bèn trong không có người ứng-viện, bèn đem quân về.

Từ đấy nhà Nguyễn cùng với chúa Trịnh có ý hiềm-khích ; Trịnh Tráng sai Lê Đại-Dung đem tờ sắc vào Nam dụ Phúc-Nguyên phải đem con vào triều và phải tìm lấy ba mươi voi đực, thuyền đi bể ba mươi chiếc, để chỉnh-bị lễ-vật vào cống nhà Minh. Phúc-Nguyên cười nói rằng : « Lệ cống nhà Minh chỉ có vàng với kỳ-nam mà thôi, chứ không có cống voi bao giờ, đó là tự họ Trịnh trưng-cầu ngoại-ngạch chứ không phải là thường-lệ, còn ta đây đương bận việc biên-phòng, sắm sửa binh-lương, nên chưa kịp vào chầu. » Đại-Dung về nói với Trịnh Tráng, Tráng liền sai Nguyễn Khải, Nguyễn Danh-Thế đem năm nghìn quân đi tiên-phong đóng ở Hà-trung, mình đem binh đi sau, nhân mượn tiếng rước vua đi tuần-du trong Nam, kỳ-thực mưu đánh nhà Nguyễn ; quân kéo đến Nhật-lệ cùng với quân nhà Nguyễn, hai bên giáp-trận, quân Trịnh thua, bèn kéo về.

Trịnh Tráng cho con là Trịnh Tạc tước Tây-quận-công ra Sơn-nam, Trịnh Lịch Phù-quận-công ra đánh Sơn-tây, Trịnh Lệ là Quỳnh-nham-công ra trấn Hải-dương, rồi sai Nguyễn Bỉnh, Nguyễn Nhân-Nghĩa, Phạm Công-Trứ sung chức Tán-lý quân-vụ, rồi sai Trịnh Tạc suất chư-tướng đi đánh Cao-bằng ; Mạc Kính-Hoàn thua chạy bắt được đẳng tốt đem về, Trịnh Tráng phong cho con là Trịnh Tạc chức Thái-úy Tây-quốc-công Tiết-chế thủy-bộ chư-quân, rồi mở riêng phủ Khiêm-định, phàm quân-quốc đại-sự đều ở tay mình quyết-định

Trịnh Lịch, Trịnh Sầm trước vẫn có ý cướp ngôi thế-tử, đến bấy giờ nghe Trịnh Tạc đã được giữ quyền trong nước, bèn mưu làm loạn, Trịnh Tạc đem quân đến đánh, Trịnh Sầm, Trịnh Lịch trốn vào Linh-giang, liền sai Trịnh Tượng đốc quân đuổi đến Chúc-sơn (thuộc huyện Chương-đức) bắt giải về kinh đem giết.

Lúc ấy vua Thần-tôn truyền ngôi cho Thái-tử là Duy-Hựu 維祐 làm vua Chân-tôn, mình làm Thái-thượng-hoàng. Nhân gặp quân nhà Thanh ở Mãn-châu vào cướp nhà Minh hãm Yên-kinh, vua Trang-liệt nhà Minh chết nạn, đình-thần lập Quế-vương là Do-Lang lên ngôi ở Phủ Triệu-khánh (thuộc

tỉnh Quảng-đông). Trịnh Tráng biết tin, mưu với vua Lê sai Nguyễn Nhân-Chính (người Kim-lũ, huyện Thanh-trì) sang Tàu tiến đường dâng tờ biểu đến chỗ Hành-cung Triệu-khánh để cầu-phong, vua Minh bèn sai Phiên-Kỳ đem tờ cáo-sắc cùng với Nhân-Chính là sứ-thần nước ta, do cửa Trấn-nam vào Kinh, sách-phong cho vua Thần-tôn làm An-nam quốc-vương, rồi lại đem chức phó-quốc-vương mà phong cho Trịnh Tráng.

Vua Chân-tôn mất, Trịnh Tráng suất văn-võ đại-thần rước Thần-tôn về triều lại lên ngôi vua. Trịnh Tráng khiến Lê Văn-Hiểu đem quân vào Nam đánh Bố-chính. Dũng-quốc-công Nguyễn Phúc-Tần (con ông Nguyễn Phúc-Lai), sai Nguyễn Tiến, Nguyễn Hữu-Dật ra đánh Bố-chính, tiến đánh Hà-trung, Văn-Hiểu thua chạy, Trịnh Tráng lại khiến con là Trịnh Tạc, Trịnh Tượng và Trịnh Đĩnh đem chư-tướng vào đánh Nguyễn Phúc-Trấn, hằng đánh hằng thua, phải chạy về An-trường.

Trịnh Tráng mất, con là Trịnh Tạc tập tước vương, em Trịnh Tạc là Trịnh Đĩnh trước đem quân vào Nghệ-an, sĩ tốt ai cũng có lòng qui-phục, Tạc đem lòng sai-kỵ, vu cho Đĩnh tội bạn-nghịch, đem giam ngục giết, khiến con mình là Trịnh Căn thay chức Thống-lĩnh trấn Nghệ-an, rồi tự tiến mình làm Thượng-sư tây-vương.

Vua Thần-tôn mất, Thái-tử là Duy-Vũ 維禑 lên ngôi, là vua Huyền-tôn.

Trịnh Tạc vào triều không lạy, tấu sớ không xưng tên, đặt giường mình ở chỗ bên tả vua ngự, bày tôi lộng-quyền nhà vua như vậy cổ-lai có một.

Trước Trịnh Tạc khiến Trịnh Kiều vây Cao-bằng bắt Mạc Kính-Cung, con Kính-Cung là Kính Khoan dâng biểu xin hàng, bèn phong cho Thông-quốc công, khiến giữ đất Cao-bằng, nhưng tự đấy Kính-Khoan và con là Kính-Vũ, không giữ cống-hiến với nhà Lê, mà lại đi cống-hiến nhà Thanh, Trịnh Tạc thân-suất chư-tướng, đến đánh Cao-bằng, Kính-Vũ nghe đại-binh đến, chạy sang Tàu đóng ở châu Tấn-an, rồi cầu-cứu với Đốc-thần Lưỡng-Quảng. Đốc-thần đem sự-trạng tấu với vua Thanh, vua Thanh khiến La Tiên-Căn dụ với vua Lê rằng lên lấy đất Cao-bằng châu Hạ-lang, châu Thượng-lang, cho Mạc Kính-Vũ an-trí ở đấy. Sau Ngô Tam-Quế làm phản nhà Thanh, âm-kết với Mạc Kính-Vũ, Kính-Vũ đem binh-lương giúp cho Ngô Tam-Quế, việc ấy động đến vua Thanh biết, vua Thanh tự đấy ghét họ Mạc, nhân thế Trịnh Căn tiến quân đến phá Cao-bằng, Kính-Vũ suất tộc-đảng hơn 300 người chạy sang Long-châu, nhà Thanh bắt giải đưa về nước nộp vua Lê. Tự đấy nhà Mạc mới diệt.

Vua Huyền-tôn mất, em là Duy-Hội lên ngôi, gọi là vua Gia-tôn, ở ngôi được bốn năm, thọ được 15 tuổi thì vua mất, Tạc dựng con thứ tư vua Thần-tôn là Duy-Cáp 維祫 lên ngôi là vua Hi-tôn.

Trịnh Tạc chết, con trưởng là Trịnh Căn kế-tập tước Vương, Căn lại cử con thứ là Trịnh Bách làm Tiết-chế thủy-bộ chư-quân mà tự tiến làm Đại-nguyên-súy tổng-quốc chính thượng-thánh phụ-sư Định-vương.

Lúc ấy Thổ-ty ở Vân-nam xâm-chiếm đất Tuyên-Hưng huyện Bảo-lạc, huyện Thủy-vĩ, đặt chức Tuần-ty thu các thuế buôn. Vua Lê sai quan Trấn-sứ là Lê-Tuyên, và quan Đốc-đồng, Trần Đảo đưa thư đòi đất lại, nhưng Thổ-ty Vân-nam không chịu trả, tự đấy ba châu sáp-nhập nhà Thanh. Kế lại sai Đoàn Tấn-Khoa hội-khám địa-giới châu Lộc-bình thuộc Lạng-sơn, nguyên châu ấy cùng với châu Tư-lăng tỉnh Quảng-tây tiếp-giới; Tổng-đốc Quảng-tây là Ngô Hưng-Tộ thấy châu Lộc-bình có thôn Ia-oa, ruộng đất phì-nhiêu, dân-cư trù-phú, có ý chiếm nhận

làm đất Quảng-tây, nên phải đưa thư cho quan Tàu đến đấy hội-khám, khám xong lập giới-kiệt cho có bằng-chứng. Sau lại bị Thổ-ty ở châu Tư-lăng là Vi-Thế-Hoa đem bạc bốn nghìn lạng, đút cho Vi-Phúc-Khiêm là người địa-chủ chỗ ấy để chiếm lấy thôn La-oa, rồi thiện-tiện dời mốc về chỗ An-khoái (thuộc châu Lộc-bình), tự đấy thôn La-oa lại mất hẳn về nước Tàu. Sau Trịnh Căn lại khiến Nguyễn Danh-Nho (người Cẩm-giàng, Nguyễn Quý-Đức (người Từ-liêm) đi cống nhà Thanh và dâng thư nói nòi giống họ Mạc trốn sang Vân-nam kết đảng ăn cướp địa-giới Cao-bình và Tuyên-Hương, và Thổ-ty ở phủ Khai-hóa xâm-chiếm Bảo-lạc, Vị-xuyên và Thủy-vĩ các xã thôn, Thổ-tư ở Mông-tự xâm-chiếm biên-địa ở Hưng-hóa hai-mươi-nhăm thôn, họ Nùng xâm-chiếm bốn động thuộc châu Quỳnh-nhai, ba động thuộc châu Chiêu-tấn và Châu Quảng-lăng, Hoàng-nham, Hợp-phì, đều thuộc hạt Hưng-hóa, xin vua Thanh tra xét việc ấy, tâu vào không thấy trả lời. Đến sau gặp kỳ triều-cống, bèn sai sứ-thần là Nguyễn Đăng-Đạo sang Tàu, lại đưa thư nói về việc nước Tàu chiếm đất; vua Tàu bắt-đắc-dĩ sắc cho Vương Kế-Văn là Tổng-đốc Vân-Quý đến hội-khám, khi hội-khám xong Vương Kế-Văn nói ba động ấy là đất cũ của Thổ-mục Nùng Vạn-Chung, khoảng năm Thuận-trị đã nộp thuế tại huyện Mông-tự, năm Khang-hi thứ năm, mới cải thuộc về phủ Khai-hóa, hiện có biên trong đồ-bản là làng Đông-an, đến nay trải hơn ba-mươi năm, đã có định-ngạch, và tuần-phủ Quảng-tây là Thạch Văn-Thạnh vào triều đem hiến địa-đồ nói: « Ba động ấy nguyên thuộc đất nhà Minh, chứ không phải là đất An-Nam », vua Thanh theo Bộ nghị, bác khước lời cầu-thỉnh của mình không xét đến. Tự đấy ba động lại sáp-nhập vào đồ-bản của nước Tàu.

Xét *An-Nam kỉ-yếu* chép: « Năm Khang-hi thứ ba-mươi tức là niên-hiệu Chính-hòa năm thứ 12 đời vua Lê Hi-tôn, sứ An-Nam tâu nói Thổ ty châu Quan-hóa xâm-chiếm châu Vị-xuyên, châu Bảo-lạc, châu Thủy-vĩ, tất cả sáu-mươi động xã thôn, cùng là Quảng-lăng, châu Hoàng-nham, châu Hợp-phì. » Xem thế thời biết Tuyên-Hưng biên-địa, mất về tay nước Tàu không những ba động ở châu Vị-xuyên mà thôi. Đến năm niên-hiệu Bảo-thái thứ chín, người nhà Thanh trả đất chỉ trả núi Duyên-thưởng ở Vị-xuyên và núi Đồng-thưởng ở Long-tụ mà thôi. Đến như biên-địa ở châu Bảo-lạc châu Thủy-vĩ cũng là động Ngưu-dương, động Hồ-điệp, động Phồ-viên mất về nước Tàu cũng nhiều. Đại-đế đời Hậu-Lê bấy giờ quốc-thế suy-nhược, biên-địa ở hạt Thượng-du ủy cho phiên-thần đời đời kế-tập, rồi họ riêng cùng hoán-cải với nhau, hoặc là xâm-chiếm của nhau, triều-đình không có quản-cố đến, vả khi Vũ Công-Tuấn làm phản, chạy sang nhà Thanh, Thổ-ty nhà Thanh nhân đó mà chiếm cứ, thế thời động Ngưu-dương, động Hồ-điệp mất tại khoảng năm Dương-đức, năm Vĩnh-trị, kìa Vương Kế-Văn Thạch Văn-Thạnh nói ba động ấy nguyên là nội-thuộc của Tàu, chẳng qua đặt điều kiếm lẽ để che chống dấy thôi, thế mà vua tôi nhà Lê không biết đem công-lý mà biện-bác ra làm sao, cũng cứ im-im như vậy, đến nỗi mất cả cương-giới của mình, thực đáng tiếc thay!

Trịnh Căn tuổi già, chưa định ngôi Thế-tử, bèn lấy cháu tằng là Trịnh Cương Tiết-chế thủy-bộ chư-quân, Trịnh Luân, Trịnh Chi là con Trịnh Bách, mưu giết Trịnh Cương, Căn biết mưu, bắt hai tên ấy trị tội.

Vua Hi-tôn chiếu truyền ngôi cho thái-tử Duy-Đường lên ngôi làm vua Dụ-tôn. Năm ấy nước Ai-lao đưa lễ-vật vào cống chúa Trịnh, và xin ba năm

một lần vào cống, rồi Tù-trưởng Ai-lao là Triều Phúc lại xin cầu-hôn với chúa Trịnh, Trịnh Căn sau đem con gái họ là Trịnh Quận-chúa gả cho Triều-Phúc.

Trịnh Căn chết, tằng-tôn là Trịnh Cương kế-tập, tự xưng là An-đô-vương, sau lại tự thăng chức Đại-nguyên-súy Tổng-quốc-chính, Thượng-sư An-vương, đặt ra sáu phiên, trước phủ họ Trịnh chỉ đặt có Binh, Hộ, Thủy-thự ba phiên mà thôi, đến bấy giờ mới đặt sáu phiên để thu quyền lục-bộ, lại đặt sáu cung để quản-chưởng sưu-thuế bạ-tịch trong nước, tự đấy chính-quyền hết thẩy về phủ họ Trịnh, mà bộ, viện, thị, giám, của nhà Lê, thành ra chỉ có hư-hàm, chứ không có chuyên-chưởng chức gì cả.

Cương cử Nguyễn Công-Hãng, Nguyễn Công-Cơ, Lê Anh-Tuấn làm chức tham-tụng, để sửa đổi việc chính-trị, quan-chế thời theo như đời Hồng-đức, định ra hương-học quốc-học và phép khảo-khóa, chiếu cho quân nhân người nào có học, được vào thi hương, và người nào đỗ vũ-cử cùng đã thi thư-toán rồi thì cho được vào Kinh khảo-thí. Lại đánh thuế bến đò, thuế muối, thuế thổ-sản, và dân-gian ai có nghề-nghiệp cũng đánh thuế, chính-lệnh tàn-ngược, thưởng-phạt tiếm loạn, từ đấy trong nước sinh ra lắm việc.

Cương vãn-niên, hoang-du quá-độ, khiến Hoạn-quan sửa chùa Độc-tôn ở làng Cát-nê, huyện Phổ-an. Chùa Thiên-tây ở xã Thôn-đình huyện Tam-dương, thời-thường ra đấy ngoạn cảnh, lại dựng phủ mới ở xã Cổ-bi, huyện Gia-lâm, lấy con là Trịnh Giang tiết-chế chư-quân mở phủ điện-quốc. Cương bức vua Dụ-tôn truyền ngôi cho thái-tử là Duy-Phường 維祊. Sau Trịnh Cương mất, Giang phế vua Duy-Phường, rước con trưởng vua Dụ-tôn là Duy-Tường 維祥 lên ngôi, hiệu là Thuần-tôn, không bao lâu vua Thuần-tôn mất, Giang rước Hoàng-đệ lên ngôi, hiệu là vua Ý-tôn, Giang tự xưng làm An-Nam Thượng-vương, em là Trịnh Doanh tiến làm Nguyên-súy Tổng-quốc chính Minh đô-vương. Thời hoạn-quan là lũ Hoàng Công Phụ chuyên lộng quyền-bính, chính-lệnh phiền-hà, dân-sinh ta-oán; tự đấy bốn phương nổi loạn, quan quân không thể kiềm-chế được, bấy giờ triều-thần bàn truất Trịnh Giang, lập Trịnh Doanh để đốc thủy-bộ mọi quân đi tiễu giặc.

Khi Trịnh Doanh cầm-quyền trong nước bức vua Ý-tôn, truyền ngôi cho con vua Thuần-tôn là Lê Duy-Diêu làm vua Hiển-tôn.

Doanh thân-suất tướng-sĩ đi đánh giặc Nguyễn Danh-Phương, sai Vũ Tá-Lý đánh giặc Bồng giặc Tế ở huyện An-lạc, Nguyễn Danh-Hiền đánh Nguyễn Tuyển ở huyện Phú-xuyên, Lê Thời-Lệ đánh Nguyễn Duyên ở huyện Bạch-hạc, Đặng Đình-Bật đánh Lê Duy-Mật ở xã Thịnh-mĩ thuộc huyện Tôi-dương, Phạm Đình-Trọng và Hoàng Ngũ-Phúc đánh Nguyễn Hữu-Cầu ở Sơn-nam. Bấy giờ bốn phương giặc cướp không ngày nào là không dùng binh, lương-xướng quân-nhu ngày càng quẫn-bách, không biết làm kế gì cho đủ dùng, bèn nghe lời Đỗ Thế-Nhai xướng nghị, phàm thi hương ai nộp tiền ba quan được miễn khảo hạch, không kể có học hay không có học, hễ có tiền cũng được vào thi gọi là thông-kinh tiền; bởi vậy người đi cày, người đi buôn, người hàng mổ, người làm thuê cũng nô nhau nộp quyền để ứng-thí, ngày vào tràng thi người đông như kiến, thậm-chí dẫm phải nhau chết cũng nhiều, trong tràng người đem bài cũ, người mượn làm gà, công nhiên hối lộ không có húy-kỵ gì cả, tràng thi không khác gì đám chợ, quan tràng thì không khác gì lái buôn, cái tệ tràng-ốc không thể nói cho xiết được.

Thế-Nhai coi việc ở phủ, trước cùng với chức Nội-giám Đàm Xuân-Vực đi lại rất thân-mật, nên Thế-Nhai có kiến-nghị điều gì, thời lũ Hoàng Ngũ-Phúc lại hết sức tán thành, nên nói điều gì Doanh cũng không cưỡng; tự đấy chính-quyền trong nước đều về Thế-Nhai.

Ngô Thời-Sĩ làm chức đốc-đồng Thái-nguyên, dẫn Bùi Sĩ-La điều-trần về các mỏ Thượng-du nói rằng: «Rừng vàng bể bạc, thổ-sản là để chi dùng các việc trong nước, trước kia chuyên ủy người Nùng Hóa-Vĩ coi việc khai mỏ, thường hay chiêu-tập những người Thanh đến đấy trông coi; phu khai mỏ kể có hàng vạn, phần nhiều người ở châu Trào châu Thiều, vì ham lợi mà sinh sự chém giết nhau, nhưng triều-đình không có quan-sát đến, chỉ cầu cho đủ thuế mà thôi. Nhưng thiết-tưởng có ba điều: Một là hiểm-yếu ở chỗ sơn-khê, người ngoài họ am-thuộc, thành ra lâu ngày dần dần chiếm-cứ mất cả; hai là chỗ biên-địa ở Thái-nguyên bị họ đào đóng, nay khai mỏ này, mai khai mỏ khác, muốn khai chỗ nào thì khai, thành ra hại cả địa-mạch; ba là họ khai bao nhiêu mỏ, được bao nhiêu khoáng-sản họ đem về nước họ, lợi kể mười phần họ chỉ đóng thuế có một, thành ra mất cả lợi-quyền. Vả xét lệ định nhà Thanh, phàm dân ở trong nước, không có quan cấp cho dân-phiếu, thời không được ra ngoài địa-hạt khác; vậy xin di-tư cho Tổng-đốc Lưỡng-Quảng xét người nào không có giấy quan cấp cho thông-hành, thời phải-thiết đuổi về Tàu. Từ nay thuế hộ các mỏ Thượng-du giao cho Nùng Hóa Vĩ là người bản-quốc chuyên giữ cái trách-nhiệm ấy, còn đinh-phu khai mỏ không có giấy cấp mà muốn lưu lại thời phải để tóc cải đồ mặc theo như dân bản-quốc, để chỉ việc tranh-đoan. Trịnh Doanh lấy làm rất phải, liền di-tư cho Lưỡng-Quảng, nhưng Lưỡng-Quảng không nhận tờ tư. Bèn sai Ngô Thời-Sĩ và Nguyễn Đình-Huấn suất 17 cơ đội trước đến chỗ sưởng Tống-tinh (châu Bạch-thông), tra xét về việc ấy; không bao lâu Trịnh Doanh chết, việc ấy bèn thôi.

Doanh chết, con là Trịnh Xâm tiến làm Nguyên-súy Tĩnh-đô-vương, cử Nguyễn Nghiễm làm Quốc-tử-giám Vũ Miên làm Tế-tửu, Lê Quý-Đôn Phan Lê-Phiên làm Tư-nghiệp, hằng ngày đến nhà Thái-học hội học trò giảng kinh sử.

Xâm tự tiến làm Thái-nguyên-súy thượng-sư Tĩnh-vương, phế Hoàng thái-tử là Duy-Vĩ, dựng con thứ tư vua Hiển-tôn là Duy-Cận làm Hoàng-thái-tử. Trước Duy-Vĩ ở Đông-cung, thường đến phủ Trịnh Doanh chơi, Doanh đặt tiệc yến, muốn cho con là Trịnh Xâm cùng với Thái-tử Duy-Vĩ bồi yến. Vợ phi Trịnh Doanh, là Nguyễn Thị-Vinh can rằng: « Thế-tử đối với Thái-tử là nghĩa vua tôi, có lẽ nào cùng tiệc không tiện.» Bèn dọn riêng cho Trịnh Xâm ngồi bàn khác. Xâm để ý thù Thái-tử, nhân vu cho Thái-tử thông-dâm với vợ thiếp Trịnh Doanh, nói với vua bắt đem giam ngục, Thái-tử tự liệu mình không thể thoát được, đến trước vua khóc rồi chịu trói đưa đến phủ chúa Trịnh, khi đến phủ Phạm Huy Đĩnh bảo Thái-tử rằng: «Nay chúa Trịnh uy-quyền nhất-thống, không gì bằng đến trước cửa trút mũ xin tha lỗi, may ra có khỏi tội chăng.» Thái tử mắng bảo rằng: « Việc thoán-thí bạo nghịch là cái thói quen của họ Trịnh, chứ ta có tội gì, phải hay không; phải đã có thanh-sử ở nghìn thu». Bèn thong-dong chịu ngục nghiễm-nhiên không biến sắc.

Xâm cử Nguyễn Khản (con Nguyễn Nghiễm, người Tiên-điền, huyện Nghi-xuân, nguyên trước là Nguyễn Lệ) làm chức tả-tri-giảng, để dạy con là Trịnh Khải, Khản cùng với Xâm giao chơi rất

là thân-mật, khi Xâm tổng-chính, lúc thừa-nhàn vẫn thường thưởng hoa, câu cá, cùng có tiệc yến-ẩm, lúc nào cũng có Nguyễn Khản dự hội. Nhân một hôm rủ Khản đi câu cá, Khản thảo cáo bận việc không đến, Xâm đưa thư bỡn rằng :

Đã phạt năm đồng bỏ buổi chầu,
Lại phạt năm đồng bỏ buổi câu;
Nhắn bảo ông bay về nghỉ đấy,
Hãy còn phạt nữa chửa tha đâu.

Ông liền họa vần đáp lại :

Vàng-vặt cho nên phải cáo chầu,
Phen chầu còn cáo nữa phen câu ;
Trông ơn phạt đến là thương đến,
Ấy của nhà vua chứ của đâu.

Trịnh Xâm khen có thi-tài.

Xâm nịch-ái con thứ là Trịnh Cán, lập làm thái-tử, khi gần mất, cử Hoàng Đình-Bảo chịu lời cố-mệnh để trợ cho Thế-tử, ba phủ biết tin đem binh đến giết Đình-Bảo.

Đương lúc ấy anh em Nguyễn Huệ nổi binh ở Tây-sơn đánh Nguyễn Phúc-Ánh ở cửa Thần-ải thuộc Sài-gòn, nghe thấy ba phủ nổi loạn, Nguyễn Chỉnh dẫn Nguyễn Huệ ra Bắc đánh Trịnh để giúp nhà Lê ; Trịnh Khải đem quân ra chống quân Nguyễn Huệ ở Tây-luông (thành-phố Hà nội), khi trở về phủ thì đã thấy cờ Tây-sơn cắm ở trên thành rồi, sợ chạy ra xã Hạ-lôi ; Huệ sai Nguyễn Tráng đuổi bắt đưa về chỗ quân-dinh, Khải tự-vẫn mà chết ; vua Lê biết Nguyễn Chỉnh có mưu-lược, giúp Nguyễn Huệ đánh Trịnh có công to, ý muốn dùng Chỉnh, Huệ vào yết vua ở điện Vạn-thọ, tâu rằng : « Tôi là bá-y ở Tây-sơn, giận họ Trịnh lăng-tiếm Hoàng-gia, nay diệt được họ Trịnh, đều là ơn-đức nhà vua, trên thuận lòng trời, dưới thuận lòng dân ». Vua khen người trung-nghĩa vua cho ngồi, khoản-đãi một cách đặc-biệt ; không bao lâu vua mất, Nguyễn Chỉnh cùng với Nguyễn Huệ rước cháu vua Hiển-tôn là Duy-Kỳ lên ngôi làm vua Chiêu-thống.

Nhạc ở Tây-sơn nghe Huệ đã diệt Trịnh lấy được Thăng-long, có ý nghi Huệ, liền kéo quân ra Bắc, đòi Huệ vào Nam, khi Huệ về, Nguyễn Chỉnh lưu lại giúp vua Chiêu-thống, vua chiếu Nguyễn Chỉnh đem binh vào phá phủ chúa Trịnh, Trịnh Phùng sợ chạy ra Kinh-bắc ; bèn đốt phủ chúa Trịnh, mười ngày chưa tắt lửa. Tự đấy Trịnh mất, kể từ Trịnh Kiểm (đương năm ất-vị, vua Trang-tôn) đến Trịnh Phùng, cộng được hai trăm năm-mươi hai năm.

Chỉnh có công-trạng phong tước Bằng-trung-công, Chỉnh đắc-chí mở phủ riêng khiến con là Nguyễn Du, ở phủ giúp việc nước, theo như lối Trịnh-vương lập thế-tử vậy.

Nguyễn Nhạc xưng-đế ở Qui-nhàn, phong cho em là Nguyễn Huệ làm Bắc-bình-vương ở Thuận-hóa, Nguyễn Lữ làm Đông-định-vương ở Gia-định. Đoạn rồi Huệ khiến Ngô Văn-Sở hiệp-đồng với Vũ Văn-Nhâm ra đánh Thanh-hóa, kế tiến binh đến Tam-điệp (giáp Ninh-bình) đánh Nguyễn Chỉnh, Chỉnh đem hai vạn binh chống với quân Nguyễn Huệ, Chỉnh thua quân, bèn đưa vua Chiêu-thống ra Nguyệt-đức, (giáp giới huyện Võ-giàng huyện Việt-yên), kế lại đưa vua ra Mục-sơn ở Kinh-bắc (nay thuộc An-thế) Vũ Văn-Nhâm lại khiến Nguyễn Hòa đuổi đánh bắt được Nguyễn Chỉnh bỏ cũi đưa về Thăng-long hành-hình, vua Chiêu-thống chạy ra Chí-linh, Lê Quỳnh đưa Quốc-mẫu và cung-quyến chạy ra Cao-bằng, kế chạy sang Tàu, ngụ ở Long-châu. Quan châu ở đó đem sự-trạng, báo cho tổng-đốc Lưỡng Quảng là Tôn Sĩ-Nghị biết, Nghị dâng biểu tâu với vua Thanh rằng : « Nhà Lê vốn là cựu-thần, nghĩa đáng nên cứu, và

An-Nam là phiên-thuộc của Trung-quốc, nay đem binh giúp Lê mà thu-phục cái đất thuộc-địa lại, chính là lưỡng-đắc.» Vua Thanh nghe lời, chiếu cho Sĩ-Nghị suất binh-sĩ ở lưỡng Quảng, Vân Quý bốn tỉnh hai-mươi vạn quân, do đường Tuyên-quang độ qua sông, kéo đến Hà-nội, để chống đánh Nguyễn Huệ. Huệ ở Thuận-hóa biết tin, bèn tự xưng là Quang-trung-đế để tĩnh-trấn nhân-tâm, rồi suất bộ-tướng kéo ra Hà-bắc đánh phá quân Sĩ-Nghị ở đồn Hạ-hồi (huyện Thượng-phúc) và đồn Ngọc-hồi (huyện Thanh-trì). Sĩ-Nghị thua chạy về Nam-quan, Huệ thừa thế đuổi đánh tràn sang Quảng-tây, dân Tàu ở đó kinh-sợ; trong khoảng ba trăm dặm không có dấu chân người nào dám đi lại; bấy giờ vua Chiêu-thống cũng theo Sĩ-Nghị chạy sang Tàu, lưu ở thành Quế-lâm. Trung-thần nhà Lê sang cầu-viện kể cũng nhiều người, Sĩ-Nghị bèn tâu vua Thanh, vua sai Phúc Khang-An thay Sĩ-Nghị chức Tổng-đốc lưỡng-Quảng, đề-binh chín tỉnh sang kinh-lý việc An-Nam; Khang-An chịu của đút Nguyễn Huệ, bèn nói dối vua Lê rằng: «Giặc Tây-sơn vốn khinh quân-sĩ nhà Lê, nay phải đổi đồ mặc theo như quân Tàu thời mới có thể đánh được». Vua Lê tưởng thật, duy Lê Quýnh biết Khang-An dụng kế lừa mình, không chịu cải-phục, bảo rằng: «Đầu ta có thể chém được, tóc ta không thể cắt được». Khang-An giận đưa Quýnh về Yên-kinh, rồi mật-tâu với vua Thanh rằng: «Nay vua nhà Lê đã cắt tóc rồi, muốn lưu ở đây không muốn về nước nữa». Vua Thanh nghe lời bèn không sai binh sang cứu nữa. Tự đấy nhà Lê mất.

Nhà Lê khởi tự năm mậu-tuất năm đầu (1418) đến vua Chiêu-tôn Quang-thiệu thứ mười một (1526), chín đời vua, 109 năm, phụ Mạc Đăng-Dong, ba năm, Đăng-Doanh ba năm, Hậu-Lê từ vua Trang-tôn qui-tị năm đầu niên-hiệu Nguyên-hòa (1533), đến vua Chiêu-thống năm thứ ba kỷ-dậu (1789), gồm mười-sáu đời vua, hai trăm năm-mươi-bảy năm. Trước sau cộng được ba trăm bảy-mươi hai năm.

Tổng-luận

Than ôi! dân-tộc Việt-Nam xưa nay vẫn là một ông thủy-tổ, giang-sơn Việt-Nam xưa nay vẫn là một nước quân-chủ, duy đời Hậu Lê lại xoay ra cuộc vua, chúa, kế lại xoay ra cuộc tam-quốc chiến-tranh, chính-thống thời chính-thống nhà Lê, quyền-cương thời quyền-cương chúa Trịnh, vua Lê như ông bụt trên tòa, họ Trịnh như thầy chùa, bao nhiêu lộc phật Trịnh hưởng hết, thậm-chí gần chùa gọi bụt bằng anh, muốn nhắc ông nào lên thì nhắc, muốn bỏ ông nào xuống thì bỏ. Vua Lê như ông bụt ngồi trơ đấy, thành ra bụt mất cả thiêng, họ Trịnh tưởng được chuyên-quyền như thế lấy làm đắc-ý, nhưng không biết bụt đã không thiêng thời thầy chùa nhờ đâu mà hưởng lộc. Đương-thời ấy có câu: «*Lê tồn Trịnh tại, Lê bại Trịnh vong* 黎存鄭任黎敗鄭亡» ý nói Lê còn thời Trịnh còn, Lê mất thời Trịnh mất. Lời nói ấy không sai, nay xét cho kỹ thì họ Trịnh đối với nhà Lê thật là *công chi thủ, tội chi khôi* 功之首罪之魁. Trước Lê trung-hưng nhờ có Trịnh Kiểm giúp Nguyễn Kim để lập kế khôi-phục, sau nhà Lê bại-diệt bởi tự cha con Trịnh Cương, tin dùng hoạn-quan là lũ Hoàng Công-Phụ, những đồ tàn-dân hại nước mà giữ chủ-quyền trong nước, chỉ biết lợi riêng lấy gia-đình, mà không biết đến quốc-dân, nhân đó quốc-dân căm-tức, bất-đắc-dĩ mới gây ra sự binh-đao, bốn phương giặc cướp, toán thì nghìn quân, toán thì

vạn quân, đều mượn tiếng « *Phù Lê diệt Trịnh* », Lê Duy - Mật cát - cứ Nghệ - an, trước sau ba-mươi - lăm năm ; Nguyễn Danh - Phương chiếm giữ Ngọc-bội, trước sau mười-ba năm; Nguyễn Hữu-Cầu nổi loạn ở Đồ-sơn, trước sau mười năm ; Hoàng Văn-Chất tung-hoành Thanh-hóa và Hưng-hóa trước sau năm-mươi mốt năm ; nay đánh nam, mai giẹp bắc, trong nước rối như bàn cờ, khiến cho dân vác cuốc cầm cầy phải chịu khổ-sở, nằm gươm gối giáo ở chiến-trường vậy.

Than ôi ! Chủ-quyền đã mất, đồng-chủng nỡ lòng hại nhau, tuy tự nỗi vua Lê quen thói ỷ-lại, họ Trịnh đến nỗi phóng - khí cái trách-nhiệm của mình, thực cũng đáng tiếc đáng giận, mà âm - mưu tiếm-loạn để gây nên cái thảm-họa ấy, chả tự họ Trịnh là ai? Thế thời họ Trịnh không những đắc-tội với nhà Lê, mà lại đắc-tội cả với dân-tộc Việt-Nam vậy.

ĐẶNG XUÂN-VIỆN

ĐỜI ĐẠO-LÝ (1)

Chú-giải về tập « Kim-thi » của phái Pythagore

II

Nói về thời-kỳ chuẩn-bị

THỜ THƯỢNG-ĐẾ

Người ta phải có tôn-giáo. Trước hết phải thờ phụng Thần-minh theo như pháp-luật đã định (2). — Trước hết phải kính Thượng-đế. Đó là điều tối-cần, PYTHAGORE đặt đầu hết cả các lời răn-dạy của ông. Vì tôn-giáo là cái bổn-phận thứ nhất của người ta, phàm các nghĩa-vụ khác là căn-cứ cả ở đó, nhờ đó mới có lẽ phải, có cái cớ chánh-đáng cho người ta phải thuận-nhận. Nếu trước hết chưa định được rõ nguyên-nhân cứu - cánh của loài người, nghĩa là chưa suy-nguyên mà tưởng-tượng đến cái nguyên-nhân cùng-cực tối-cao, đến cái nguyên-lực sáng-tạo ra vạn-vật, đến cái chí-đạo hoàn-toàn tuyệt-đích, nói tóm lại là nếu không biết tưởng - tượng đến Thượng-đế và nếu không biết kính-thờ Thượng-đế để làm phương-châm mục-đích cho mọi công-việc ở đời, thời không có việc gì là có thể quan-niệm, có thể giải-thích, có thể hành-động cho hợp lẽ công-bằng, cho thập-phần chắc-chắn được.

Muốn biết sự vô-tôn-giáo hại là dường nào, thời cứ xét qua ngay những cái thuyết của phái vô-thần trái ngược với tâm-trí của người ta là dường nào, và trở-ngại cho đạo-đức cùng hạnh-phúc của loài người là thế nào, thời đủ rõ vậy.

Theo phái duy-vật, thời tạo-vật là một cái sức mạnh vô-tri, cấu-tạo ra

---

(1) Xem kỳ trước N.-P. 144. —(2) Đây là trích từng câu trong tập « Kim-thi » mà chú-giải. Những câu đầu đoạn, in chữ to, là lời thơ.

vạn-vật rồi lại phá-hoại đi, không có mục-đích gì cả. Trường sinh-hoạt là một cuộc ngẫu-nhiên. Người ta sở-dĩ sinh ra là bởi những cơ-hội thẳng-lại, cùng những ảnh-hưởng của cái hoàn-cảnh bên ngoài cả. Chỉ có cái đời hiện-tại, cái đời có hình-thể rõ-ràng ra đó là có thực mà thôi. Đời ấy rút lại chỉ là một khoảng ý-thức ngắn-ngủi ở giữa hai cái thiên-cổ hư-vô mà thôi. Cá-nhân tự chốn hư-vô mà sinh ra, rồi lại diệt đi vào cõi hư-vô ; kẻ hiền, người bất-tiếu, cũng là chìm đắm vào trong cái vực vô-đề ấy cả. Phàm sự-nghiệp của người ta là do tiền-định về vật-chất cả, còn như thân-thể người thì ví như một cái máy tự-nhiên phản-động, tưởng rằng có tự-do mà thực là không, cái máy tư-tưởng, cái máy ẩm-thực sinh-sản, cái máy tác-dụng một cách thế nào cho được khó-nhọc ít mà khoái-lạc nhiều, chứ không có cái mục-đích gì nữa.

Cách hành-động hèn-hạ như thế, thì tất là tạo ra một cái luân-lý cũng đê-tiện mà thôi. Trước hết, đã gọi là luân lý mà không có đấng chủ-trương tuyệt-đối, không có quyền thưởng-phạt sau này, thì phỏng còn có oai-lực chi nữa ? Mà những người trong tâm trong trí chỉ nuôi những cái tư-tưởng tiêu-cực như thế, khốn-nạn như thế, thì ra đời thể nào mà hành-động cho mạnh-bạo được, thể nào mà có đủ sức tự-tín để ăn-chịu với đời, có đủ lòng nhiệt-thành để tự hi-sinh mình đi, để làm những việc nhân-từ, bác-ái, vô-kỷ, vị-tha, để biết thuận theo những điều luật-pháp bắt-buộc ? Cứ khuyên người ta phải nên làm nghĩa-vụ, nhưng nếu cái quan-niệm cốt-yếu về nghĩa-vụ đó không thống-thuộc vào một cái nguyên-lý cao-thượng nào, vào một cái chủ-ý đủ cai-quát và đủ có sức mạnh làm mệnh-lệnh cho người ta được, thì rút lại vẫn là để cho cái chủ-nghĩa cá-nhân và cái chủ-nghĩa duy-kỷ nó được tự-do tung-sinh vậy. Cuộc đời bấy giờ là một cuộc đời thụ-động, không có mục-đích gì cao-thượng cả, phó mặc cho chìm đắm vào trong cõi hoài-nghi hay trong đường tập-tục. Bấy giờ chỉ cầu lấy cho thỏa cái dục-tình hèn-hạ, cho sướng cái nhục-thể bề ngoài, muốn được thỏa được sướng ngay, dù phải dùng những cách không chánh-đáng cũng mặc lòng. Trong tâm-trí lúc nào cũng như chưa được mãn-nguyện mà chỉ chực phàn-nàn phản-kháng. Cá-nhân đã không biết đến cái nghĩa liên-lạc với Tạo-vật, với vũ-trụ cùng kẻ đồng loại mình, thì đến đối với gia-tộc mình, đối với nòi-giống mình, đối với cả nhân-loại vạn-vật cũng không biết còn có liên-lạc gì nữa. Cùng-cực đến đặt mình vào nơi khốn-nạn, vì mơ-hồ không hiểu cái lẽ sinh-tồn làm sao, cái cớ tinh-tiến thế nào.

Luân-lý của cá-nhân đã khiếm-khuyết như thế, thì luân-lý của công-chúng là gồm cái sức tinh-tiến của cá-nhân cũng thấy khuyết-điểm như thế mà lại hình như nhân cho to rộng thêm ra vậy. Kẻ có con mắt sáng biết quan-sát sự đời, thì điều thứ nhất nghiệm thấy là những cái quan-niệm cốt-yếu về trật-tự, về đẳng-cấp, về nghĩa-vụ, bây giờ mất cả. Tri-thức, đạo-đức, thiên-hạ cũng không lấy làm trọng mà dường như cho là khinh. Những kẻ vô-tri-thức, vô-đạo-đức ngày nay xướng lên rằng người ta là tuyệt-đối bình-đẳng cả, ai ai cũng được quyền hưởng sự lợi-lộc ở đời, không quản gì tài-năng hơn kém, trí-đức cao thấp cả. Cái số nhiều ngày nay át cả cái tinh-túy. Kẻ nào có thị-dục của kẻ ấy, thành ra loạn-xạ cả, không có chủ-trương thống-nhất gì nữa. Mệnh-lệnh là ở dưới lên, chứ không phải ở trên xuống nữa. Cứ theo cái cách như thế ít lâu, thì không còn ai biết cai-quản, không còn ai biết phục-tòng nữa, vì kẻ

tài-năng thì bị yểm-tế đi, không thể xuất đầu ra được, còn những kẻ bất-tài thì tự-do túng-sính, chẳng biết có trời, có thầy, có lòng tin, có lễ-phép gì nữa.

Bấy giờ thì nghiệp-ác chất đã đầy, tất xảy ra những cuộc đại-biến, như cái dịch của xã-hội để rửa tội cho loài người. Hoặc là xảy ra cuộc chiến-tranh hay cuộc cách-mệnh, nhất-thời lấy cái võ-lực tàn-hại mà thay vào cái chính-nghĩa công-bằng, cho đến lúc xã-hội chịu khổ đã quá rồi, mới thấy trong lương-tâm bật lên cái tia sáng cho tỏ đường chính lẽ phải mà theo. Khổ cực rồi bất-đắc-dĩ mới phải quay đầu về những cái lý-tưởng cũ, là lý-tưởng duy-nhất, lý-tưởng liên-lạc, lý-tưởng trật-tự, lý-tưởng nghĩa-vụ, bấy lâu đã quên bỏ hẳn đi không thèm nhìn đến nữa, bây giờ phải nhọc-nhằn gắng sức mà học lại. Dần dần mới tỉnh lại cái giấc mơ-cuồng, và nhờ sự khổ-não mà biết rằng loài người nếu không có một cái gốc tôn-giáo, nếu không tin ở một đấng tuyệt-đối, thì không sao có luân-lý, không sao có sự-nghiệp gì được.

Những sự tai-biến đau-đớn đó bắt người ta phải suy-nghĩ mà tìm về con đường đạo-lý; tuy-nhiên cách học đạo không phải chỉ có những cách bạo-động như thế đâu, còn có cách bình-thường giản-dị khác. Nếu có lòng tin mà biết quan-sát, thì không đâu đến nỗi gặp sự tai-nạn như thế, vì sẽ hiểu rõ ngay cái trật-tự mầu-nhiệm trong vũ-trụ, biết ngay những phép-tắc chủ-trương trong cuộc thiên-diễn, và nhân đó hiểu được cái lẽ nó bắt-buộc mình phải sống làm người thế nào cho hợp với cái trật-tự thiên-nhiên của tạo-hóa.

Vì vũ-trụ có pháp-luật, điều đó đã rõ hẳn rồi. Tinh-tú xoay vần, năm tháng thay đổi, cách sinh-hoạt của các giống khoáng-vật, thực-vật, động-vật và cả loài người, là cái chứng rõ-ràng vậy. Nay vũ-trụ có pháp-luật, mà trên vũ-trụ lại không có một cái quyền tuyệt-đối đặt ra pháp-luật ấy, chủ-trương cho vạn-vật được điều-hòa, đưa dắt cho đi đến mục-đích, như thế thì vô-lý quá.

Như thế thì trong vũ-trụ tất có một cái sức mạnh chủ-trương điều-hòa hết thảy. Sức mạnh ấy là cái tinh-thần chủ-động vạn-vật. Phát-hiện ra bằng sự sống và bằng vật-chất, sự sống là cái khí thiêng hoạt-động, vật-chất là cái trường-sở thiên-diễn. Sức mạnh ấy vừa là nguyên-nhân, vừa là cứu-cánh của vạn-vật.

Vả khoa-học ngày nay cũng đã chứng rõ cái lẽ vạn vật duy-nhất đó rồi, duy chỉ ở trong phạm-vi vật-chất mà thôi, vì khoa-học cho rằng vạn-vật đều là qui về một cái sức mạnh gọi là « tinh-lực » (*Energie*), sức mạnh ấy bàng-bạc trong vũ-trụ, nhưng khinh-thành mầu-nhiệm, người ta không cảm-giác được, mà thực là tiềm-tàng ở trong các hiện-tượng, phàm các sự-vật cảm-xúc đến giác-quan của ta đều phát-nguyên tự đấy, diễn-xuất bởi đấy và qui-nạp về đấy cả. Khoa-học phát-minh được cái tinh-lực vĩnh-viễn bất-diệt đó, tiềm-tàng ở trong vạn-vật, tiến-hóa tự khoáng-vật cho đến loài người, tự cõi vô-tri cho đến cõi ý-thức, khoa-học phát-minh được điều đó thật là chứng cho cái thuyết trong vũ-trụ có một sức mạnh thiêng-liêng chủ-trương duy-trì cho vạn-vật.

Nay xét cơ-thể người ta cũng thấy có sức chủ-trương như thế, tức là thần-trí chi-phối cả thân-thể cùng khí-lực. Bởi thế cho nên người ta cũng ví như là một bức tranh nhỏ của vũ-trụ, tức là một cái thế-giới nhỏ, vì cũng bao gồm cả các nguyên-chất như trong vũ-trụ vậy.

Trong cõi tư-tưởng cũng quan-niệm ra một mối tuyệt-đích gồm cả các tư-tưởng vô-cùng, bác-ái, tuyệt-phẩm, vì tất phải có một cái kiểu-mẫu

tuyệt-đối thời mới có thể theo đó mà tưởng-tượng ra mọi cái hay ở đời.

Đã suy-nghĩ cho kỹ những lẽ tự-nhiên đó rồi, thời trong tâm-trí tự khởi ra cái quan-niệm về Thượng-đế rõ-ràng, đích-xác, không còn nghi-ngờ được nữa. Đến bấy giờ thời khoát-nhiên hiểu rõ cả nguyên-nhân cùng cứu-cánh của đời người, và thấy rằng trong mình cũng có một phần của cái sức sáng-tạo vạn-vật, biết rằng đời người là ở sự tiến-hóa tự-do, qua nhiều trình-độ mà tự-nhiên khuynh-hướng về Thượng-đế.

Bấy giờ cơ-sở đã vững-vàng, trí-tuệ, ý-chí, tâm-tình đều được thỏa-mãn cả, mới có thể thực-lực gây-dựng ra đạo xử-thế cùng phép luân-lý vậy. Đời đạo-lý sẽ gồm cả ở một cái công-phu như sau này : là làm thế nào noi theo được Thượng-đế, mà tuân-hành các phép-tắc tự-nhiên cùng siêu-nhiên của Thượng-đế, khiến cho dần dần tập được những đức-tính của Thượng-đế, tức là lần lần đạt được tới cõi hạnh-phúc.

Trong tâm-trí đã có một mối tín-ngưỡng thâm-trầm như thế, thời phàm các mối cảm-tình, các sự hành-vi, đều như đầm-thấm một lòng tín-ngưỡng ấy cả. Bấy giờ thời biết rằng thiên-lực đã ở trong mình, dốc lòng tin ở thiên-lực phù-trợ cho mình. Đã có lòng tín-ngưỡng thì những sự trở-ngại ở đời cũng coi như là những phương-tiện để giúp cho cái công tinh-tiến của mình. Lòng tín-ngưỡng ấy dạy cho ta biết rằng hết thảy người ta, hết thảy vạn-vật cùng là con một nhà cả, cùng là con Thượng-đế cả, và đối với mọi người mọi vật, trong lòng ta chỉ nên đầy một mối thương yêu mà thôi. Sau nữa, lại nhờ lòng tín-ngưỡng ấy mà biết được cái mục-đích chân-chính của đời người là hàng ngày phải trau-dồi cho thân-thể cùng thần-trí được kiện-toàn, và lại có thể giúp cho kẻ khác được hay hơn lên.

Tôn-giáo hiểu theo nghĩa đó thời có một cái sức cảm-hóa vô-cùng, vì giải rõ được cái lẽ sở-dĩ làm sao phải tránh điều ác, làm điều thiện, tức là vì cớ gì mà phải làm hết nghĩa-vụ ở đời. Bởi thế nên tôn-giáo là cần cho xã-hội để lập ra trật-tự, dựng thành kỷ-luật, khiến cho mọi người phải thuận theo phép-tắc. Những cái quan-niệm cốt-yếu về gia-tộc, về tổ-quốc, thực là uyên-nguyên tự tôn-giáo mà ra, vì có tôn-giáo thì đứng trong mỗi đoàn-thể ấy mới hiểu rằng công-phu của người ta cần phải cho điều-hòa thích-hợp để đạt được cái mục-đích duy-nhất là bản-thể của vạn-vật.

Vả cả cái sự-nghiệp giáo-hóa về cá-nhân, về công-chúng của Pythagore, là căn-cứ ở cái quan-niệm về tôn-giáo đó. Điều cốt-yếu của ông dạy là thế này : phải làm thế nào cho noi theo được Thượng-đế ; và cái mục-đích xa-xôi của ông là muốn cho trong xã-hội cũng có một cái trật-tự thiêng-liêng, để cho cuộc đời được điều-hòa êm-ái.

Đã đem lòng thề-nguyền tín-ngưỡng thì phải giữ cho có thủy có chung. — Lời dạy này có hai nghĩa. Trước hết là dạy rằng phàm lời ước-hẹn phải cho trung-thành. Một lời ước trịnh-trọng, dù viết ra giấy hay nói ở miệng, phải coi là một cái ước thiêng-liêng, một lời nguyền danh-dự, lấy cái thiên-lực ở trong người ta làm chứng cho lòng thành-thực của ta. Lời ước-hẹn còn như thế, huống là lời thề-nguyền, thật là có cái sức bắt-buộc phải nói sự thực.

Những kẻ bội-ước bất-trung, nói rồi mà chối lời mình, hay là điên-đảo mà làm chứng giả, thực là những kẻ phạm tội xúc-phạm thần-minh. Những kẻ ấy

thế nào cũng phải chịu tội, là mất lòng tin của người ta, lại mất cả lòng tự-tín ở mình nữa, thành ra một vật khả-ố, hãm mình vào nơi khốn-nạn, bị Ma-vương hành-hạ, chịu Thiên-đình giáng-tai.

Vả lại, cầu thần-linh làm chứng cho mình là một việc hệ-trọng vô-cùng, không nên bạ việc gì cũng thề-nguyền Thượng-đế, như gặp cơn nóng-nẩy giận dữ cũng gọi đến tên người, thế là không hay, vì phàm sức mạnh gì mà dùng không phải đường thì lại phản-động hại cho kẻ dùng xằng vậy.

Sau nữa cái mệnh-lệnh phải giữ lời ước-nguyền là thuộc về đạo thần-bí của phái Pythagore. Phàm các tôn-giáo về cổ-đại, trong đạo vẫn có hai phần. Có một phần lễ-bái bề ngoài để đối với công-chúng, thời tiêu-biểu cái lẽ Duy-nhất tuyệt đối ra nhiều hình-thể khác nhau, và nhất là tiêu-biểu ra hình người. Thành ra cái gốc đạo-lý thường vẫn khiếm-khuyết, không được thỏa-đáng, nhưng vì cần phải theo trình-độ của công-chúng cho dễ hiểu, nên phải mượn cái hình-thức lễ-bái để làm biểu-hiệu bề ngoài. Ngoại-giả lại còn có một cái đạo thần-bí nữa, chỉ mật-truyền cho một số ít người, trong các kẻ đồ-đệ ở nơi đạo-viện, chọn lấy kẻ nào là xứng-đáng mới cho học mà thôi. Đạo này là lấy khoa-học triết-học mà chứng-giải cái lẽ Duy-nhất tuyệt-đối, giải cái bản-thể của vũ-trụ cùng người ta, và lẽ sinh-hoạt tiến-hóa trong vạn-vật, qua các hình-trạng khác nhau.

Pythagore khuyên các đệ-tử trước hết phải thờ-phụng thần-minh theo như pháp-luật, là có ý dạy rằng cần phải theo các cách lễ-bái như tục-lệ đời bấy giờ đã định.

Cái thái-độ về tôn-giáo như thế là một cái thái-độ đại-khoan-dung, các đồ-đệ phái Pythagore sở-dĩ theo được là vì đã hiểu biết rằng tôn-giáo đời bấy giờ tuy là đạo đa-thần, nhưng các vị thần đó chẳng qua là những biểu-hiệu khác nhau của Thượng-đế độc-nhất mà thôi, tùy đối với công-chúng muốn khuyên dạy những điều gì thì mỗi hạng tiêu-biểu ra một vị thần khác. Lại biết rằng tôn-giáo nào cũng vậy, đều có một cái gốc thần-bí chung, đều gồm bấy nhiêu cái chân-lý như nhau, và tuy đặt ra danh-hiệu khác, chứ thực là cùng thờ một đấng tạo-hóa ra muôn loài vậy, bởi thế nên cho rằng người ta đã biết theo phép thần-minh, theo luật thiên-diễn, thời dù thờ thần nào, danh-hiệu nào, cũng là đáng được phúc lành thỏa-nguyện vậy. Vì có cái trí sáng-suốt như thế, cho nên đối với đạo nào cũng có lòng khoan-dung cả, và vào nơi đền miếu nào cũng có thể cầu-nguyền thành-thực. Như vậy thời đi đến đâu cũng bày cho người đời cái gương tốt về lòng tín-ngưỡng và lòng đạo-đức.

Vậy thời tuy bề ngoài như thế mà thực ra đạo Pythagore không có gì giống với cái đạo đa-thần (*polythéisme*) đời bấy giờ. Lại cũng không giống với cái đạo phiếm-thần (*panthéisme*) nữa, đạo này cho vật-chất, sinh-hoạt, vạn-vật, nói tóm lại là cả cái thế-giới hữu-hình là Thượng-đế cả, và linh-tính của người ta cứu-cánh cũng đến tiêu-nhập vào đó, nghĩa là tuyệt-diệt hết. Đạo Pythagore chính là một đạo độc-thần, cai-quát cả các tôn-giáo mà qui-nạp về cõi Duy-nhất.

Pythagore dạy rằng đã thề-nguyền tín-ngưỡng thì phải giữ cho có thủy có chung, chính là dạy phải biết và phải thờ cái lẽ Duy-nhất tuyệt-đối tiềm-tàng ở trong các tôn-giáo vậy. Nhưng cái đạo đó phải giữ bí-truyền, vì những lẽ ta sẽ giải rõ về sau. Bởi thế nên ông khuyên các đồ-đệ đã được mật-truyền đạo ấy nên giữ lời thề, kẻo phải tội vạ.

Nhân các lời dạy rất khôn-ngoan về cách đối với tôn-giáo đó, có thể suy-diễn ra bài học như sau này. Người nào đã sinh-trưởng trong một đạo-giáo nào mà lấy làm bằng lòng mãn-nguyện, dốc chí tin theo, thời cứ nên trân-trọng mà giữ lấy, trung-thành mà phụng-thờ. Còn người nào đã mất lòng tín-ngưỡng, vì nghiệm thấy trong đạo-giáo của mình có điều khuyết-điểm về hình-thức hay về giáo-lý, thời ta nên khuyên họ vượt lên cho tới cái quan-niệm cao-siêu về tôn-giáo của PITHAGORE Không theo những lời huấn-hỗ tối-tăm chật-hẹp của bọn giáo-sĩ các đạo ngày nay họ không biết cái lẽ thần-bí mầu-nhiệm của đời trước nữa, lại cũng không theo những cái thuyết duy-vật của khoa-học, chỉ nên tìm trong tôn-giáo và khoa học những lẽ đại-đồng có thể điều-hòa được cả hai bên vậy. Càng nghiên-cứu, càng nghĩ-ngợi cho cùng thời sẽ hiểu rằng những cái thuyết vạn-vật đồng-thể, tinh-thần duy-nhất, sinh-hoạt phổ-biến, tiến-hóa vô-cùng, toàn là những điều chân-lý vừa thuộc về tôn-giáo, vừa thuộc về khoa-học nữa. Gồm cả các điều chân-lý ấy lại, làm thành một cái cơ-sở vững-vàng, rồi có thể nhân đó tự gây lấy một cái lòng tín-ngưỡng riêng, hợp-nhất cai-quát cả, khiến cho tùy ý muốn theo đạo nào cũng được, cũng có thể hiểu được cái hình-thức biểu-hiệu của đạo ấy

Thí dụ như đạo Thiên-chúa; nếu đã biết phân-biệt những cái lẽ thần-bí là phần tinh-thần trong kinh Phúc-âm thời sẽ hiểu rõ phàm các hình-thức lễ-bái ngày nay là có nguyên-do mầu-nhiệm, người thường không hiểu mà chính nhà thần-học cũng nhiều khi không giải được. Bấy giờ thời có cái khoái-lạc nhập-diệu được đến chỗ căn-để của cái hình thức rực rỡ của đạo Gia-tô. Bấy giờ mới có thể lấy ý-thức mà cảm biết được cái sức mạnh thần-thông của đấng Cứu-thế, đã truyền qua bao nhiêu đời mà vẫn còn thiêng-liêng mầu-nhiệm vậy.

Rồi thì nên tùy theo phép thường sùng-phụng những bậc hào kiệt anh-hùng, những bậc thần-nhân thánh-triết. — Trình-độ các giống, từ giống rất nhỏ hèn mà qua các bậc cho lên đến Thượng-đế, không phải là đến người ta đã là cùng. Trên loài người còn có những giống khinh-thanh hơn nữa. Ta đối với những giống ấy mà tưởng-tượng thời cũng ví như giống ở dưới nước mà tưởng-tượng giống ở không-khí vậy. Những giống ấy cao hơn ta trên trình-độ vạn-vật, tức cũng là người mà có tài-năng trí-đức ngang bằng bậc thần-minh vậy. Những hạng ấy có thể ảnh-hưởng đến ta, chủ-trương cho cuộc tiến-hóa của ta, giúp đỡ cho công tu-luyện của ta, cũng như ta đối với các giống thuộc về khoáng-vật, thực-vật, động-vật, ở dưới ta vậy. Các hạng ấy tức là kẻ môi-giới người ta với thần-minh; gọi tên là thần-tiên, thánh-triết, hào-kiệt, anh-hùng, chí-sĩ, nhân-nhân, hiền-nhân, quân-tử, vân.-vân... Tức là kẻ làm gương, làm mẫu, người bạn siêu-tuyệt, để cho ta hỏi-han đường lối, mà biết cách tu-luyện tinh-tiến. Ta có thể cầu-nguyện mà được thần-giao cách-cảm với cả các bậc đại-trí của khắp các đời khắp các giống, nhờ đó mà cái tinh-thần của các tiền-triết con truyền được đến đời nay. Vả như thế thời sự dựng đền kỷ niệm để thờ các danh-nhân thật là chánh-đáng lắm. Vì có một cách học đạo-đức, tập trí-tuệ rất hay, là nên thời-thường đặt mình vào trong cái không-khí thiêng-liêng của các bậc anh-tài xuất chúng, các bậc hiền-triết muôn đời. Đem tim óc mà nhiễm lấy những cái tư-tưởng tuyệt-mĩ, tuyệt-xảo, chí-đạo, chí-đức của các bậc

ấy đã diễn ra trong các công-trình tạo-tác (như về âm-nhạc, hội-họa, điêu-khắc, kiến-trúc), hoặc là đọc những thánh-kinh hiền-truyện, thời tâm trí như rộng-rãi ra, và thấy có cái sức mạnh nó nâng cao bay-bổng lên vậy. Đó là cái luồng sóng những điều chân-lý thiên-cổ nó đưa-đẩy cho ta. Cái ánh sáng tín-ngưỡng chói-dọi vào ta. Đã chắc rằng mình đi đường chính-đạo, làm việc hữu-ích, thời vừa được hưng-khởi, vừa được khoan-khoái, dường như có bề trên giúp sức cho vậy. Nhưng muốn được thiê -trợ thì phải tự mình ăn ở thế nào cho có đạo-đức, cho được xứng-đáng. Đó là phần Pythagore dạy trong những câu thơ sau này.

(*Còn nữa*)

T.-C. *dịch*

LẬP-THÂN LUẬN

立身論

III

6. — Độc-lập. — Trên đời có cái loài ký-sinh hoặc là thực-vật, hoặc là loài động-vật ; từ khi mới sinh ra đã đi nương-tựa loài thực - vật hoặc loài động-vật khác để bảo-trì lấy sinh-mệnh ; trong loài thực-vật thì có cái cây tầm-gửi, trong loài động-vật thì có con trùng sống nhờ, đều là loài vật ký-sinh ai cũng biết cả. Ví với xã-hội loài người thì tức là những bác chỉ đi ăn kẹ ngủ nhờ nhà người ta ; kém nữa là những hạng người nghèo kiết hoặc kẻ ăn mày ở trong sinh-vật-giới. Những loài thực-vật ký-sinh kia, lúc mới sinh ra cũng là có cái sinh-mệnh độc-lập cả, mọc bám rễ xuống đất mà tự sinh-hoạt độc-lập lấy ; nhưng chửa được bao lâu lại bám ngay vào cái thân cây hoặc cái cành cây gần đó, rồi không chịu tự kiếm lấy mà ăn mới biến hẳn ra là bác thực-khách, chỉ bám lấy cái thân cây khác để nhờ hút lấy tí-chút thức ăn. Loài cây tầm gửi phần nhiều là không thân không cành, không rễ không lá phân-biệt gì cả, người đời ai cũng lấy làm khinh. Loài ký-sinh-trùng trong động-vật-giới rất nhiều, đại-loại như trong một con động-vật thân-thể to lớn, thì tất là có vô-số các chú thực-khách ăn gửi nằm nhờ ở trong thân-thể con ấy, không khác gì như một viện bần-dân ; những loài ký-sinh-trùng ấy hay chui rúc vào thân-thể những con động-vật khác, để ăn kẹ những thức bổ-dưỡng mà sinh-hoạt ở đời ; vậy nên trong cái bản-thể loài trùng ấy, phàm những bộ-phận gì không dùng đến dần dần nó biến ra suy yếu, trái mất cái thông-lệ tiến-hóa mà thành ra thoái-hóa ; xem như con ốc ký-sinh, tuy không hẳn là loài ký-sinh-trùng, nhưng vì nó vẫn bám ở trên cái vỏ loài động-vật khác đã lâu, rồi thành ra nó mất hẳn cái tính-chất bậu ở trên đá đứng giữa trong ba-đào, cái vỏ thiên-nhiên sinh ra khi trước cũng dần biến đi mất. Cái người mà không phải dùng sức khó-nhọc của mình chỉ nhờ về cái lao-lực của người khác để sống ở cõi đời, như loài động-vật ký-sinh ấy, trời tất phạt cho đến thân-thể bất-cụ, đó thực là cái chứng rõ ràng về đường sinh-lý-học, mà xử-phạt như thế cũng rất là công-bình. Phàm vật trên đời mà không có cái tinh-thần độc-lập, chỉ nương nhờ về cái sức của người khác để mà sống, không những là loài động-vật thực-vật phải chịu phạt như thế, phàm nhất-thiết các loài sinh-vật mà chỉ quen ỷ-lại đều phải chịu phạt như thế cả, chứ không thể tránh khỏi được.

« Phàm vật gì cũng tự khi chửa hoàn-toàn rồi tiến lên đến hoàn-toàn » đó là cái công-lệ về luật tiến-hóa ; « người ta phải trước tự hoàn-toàn lấy cái thân-thể của mình » đó là cái định-luật trên đường đạo-đức. Thế cho nên muốn sinh-hoạt còn mãi ở trên cõi đời, thì đều phải có cái mục-đích mưu cho có nhỗ ở có cơm ăn ; cái mục-đích cạnh-tranh về đường sinh-tồn mưu cho có nhà ở có cơm ăn, thì lại cốt phải một làm cho chi-thể phát-đạt, hai là giữ lấy tính-chất hoàn-toàn. Hai cái mục-đích ấy chú-trọng nhất là phải giữ

cho hoàn-toàn tính-chất. Nay lại trái ngược hẳn không biết đường khinh-trọng, chỉ thiên một cái tư-tưởng cho rằng nếu làm thế nào miễn cho có nhà ở có cơm ăn, không kỳ là cách nào cũng được ; nghĩ như thế nên mới đi làm cái hạng phụ-thuộc với người ta, làm cái kẻ ăn kẹ ngủ nhờ ở trong bần-dân-viện, thế nào cũng đành lòng ; không nghĩ gì đến cái năng-lực của chi-thể nó dần dần kém cỏi thoái-hóa mãi đi. Nếu làm như thế, ở về loài sinh-vật thì trái lẽ tiến-hóa, ở về loài người thì trái đạo-đức ; vậy nên người ta nếu muốn lập-thân ở cõi đời, thì trước nhất phải nuôi lấy cái tinh-thần độc-lập. Bên nước Pháp có câu ngạn-ngữ rằng : « Người phải biết giúp đỡ mình tự-lập trước rồi sau trời mới giúp cho. » Nếu người ta mà muốn được phú-qui lợi-đạt danh-dự đạo-đức tín-ngưỡng thì trước nhất phải tuyệt bỏ cái côn-tính ỷ-lại, giữ vững lấy cái chủ-nghĩa « Tự-trợ thiên-trợ » rồi cứ độc-lập mà làm, không thèm nhờ đến cơm ăn áo mặc của người, chỉ cậy ở sức mình, vượt phong - ba, mạo nguy-hiểm, chỉ hy-vọng cho đạt tới cái cửa bể phú-qui lợi-đạt danh - dự đạo-đức tín-ngưỡng ; cũng ví như người tập bơi chỉ cồi trần ra tay không nhẩy ùa xuống nước mà lội thì tự-khắc biết bơi , nếu còn phải nhờ mảnh ván cái phao để tập bơi, thì không bao giờ độc-lực bơi được. Người ta mà vượt qua trên thế-giới này cũng vì như thế ; nếu phải nhờ đến nhiều người phù-trợ thì thường không hay tự-lập được ; mà những kẻ linh-đinh khốn-khổ thì lại thường hay lập được công-nghiệp ở trong xã-hội. Những hạng người ấy rất nhiều, như là gần đây cái ông tỵ-tổ phát-minh thiên-văn-học là Kha-bạch-ni (người Ba-lan,hay chứng rõ mặt trời là cái trung-tâm về thái-dương hệ,địa-cầu và các hành-tinh khác đều đi vòng quanh cả), vốn là con nhà lão làm bánh ; nhà thiên-văn-học nước Đức là Khải-bát-lặc vốn là con nhà đi lấy thuế ; Pháp-hoàng La-mã là Cách-lặc-cách-lực, vốn là con nhà thợ mộc ; Pháp-hoàng La-mã là Á-đắc-lý an-đệ-lục đã từng đi đẩy thuyền ; cha ông Mục-lặc là Kiển-mẫu-ty vốn là hạng người hạ-đẳng trong xã-hội ; cái người mà bỏ cái lệ cấm thóc cho được tự-do mậu-dịch làm ơn cho ức-triệu bần-dân ở bên nước Anh là Kha-bá-đặng vốn là một nhà chế-tạo hèn hạ ; Á-khắc-lạp-đặc phát-minh ra cái máy chế bông thực là một anh học trò thợ húi đầu ; — ông phát-minh ra cái máy ấy, khi nước Pháp đại-chiến-tranh, hay duy trì được thực-nghiệp cho nước Anh có công rất to, cái phần lợi-ích cho nước Anh, có phần to hơn những đất thực-dân của nước Anh khắp cả ở hoàn-cầu ; ấy đều là những người không ỷ-lại gì người khác, chỉ tin ở cái thực-lực của mình, mình tự phù- rợ cho mình, đem cái tinh-thần bất-tỏa bất-khuất ra mà làm cho thành cái công-nghiệp lớn-lao trong xã-hội ; vậy nên muốn lập-thân ở đời mà có tác-vi điều gì, thì phải hiểu thấu cái nguyên-lý hai chữ « tự-trợ» mới được.Nhà giáo-dục bên Thụy-sĩ là Ba-ty-đức-la có nói rằng : « Trong cái thế-giới đấng thượng-đế để-tạo ra không có người nào chỉ thích làm giúp cho người khác. » Quan Tướng-quân nước Anh là Qua-đăng nói rằng : « Trừ mình ra thì không còn đứa nô-bộc nào trung-lương mà hay hết sức giúp đỡ cho mình. » Nhà trứ-danh số-học đời cổ là Á-ky-mạch-địch có nói rằng : « Trước nhất phải tìm cái địa-vị cho mình đứng chắn vững đã rồi sau mới làm động thế-giới được.» Ấy đều là cái bí-quyết ngày nay người Âu Mĩ theo đó để lập-thân, chúng ta muốn tính đường lập-thân thì phải có cái quyết-tâm như thế mới được.

Cái văn-minh trong một nước mà càng tiến-bộ, thì cái tinh-thần độc-lập

lại càng quí. Sao vậy ? Cái văn-minh của quốc-gia càng tiến-bộ, thì cái áp-lực của chính-phủ, uy-quyền của quan-lại, chuyên-chế của đế-vương, lại từ thịnh mà suy dần, từ suy mà diệt mất đi ; từ đó trên đường chính-trị cứ việc tự-do tiến-hành, cái sức áp-chế của xã-hội mới hưng-khởi lên, cái lời đốc-trách của dư-luận lại càng nghiêm-ngặt, uy-quyền của đa-số nhân-dân lại càng hăng lắm, cái sự bị phải áp-chế và không được tự-do, cũng không khác gì cái thời-kỳ quân-chủ chuyên-chế, rõ ràng là lấy cái sức áp-chế nghìn muôn người ngày nay, thay hẳn cái sức áp-chế số ít người hoặc một người khi trước, mà có phần áp-lực lại tăng thêm lên ; cứ xem như một điều tín-ngưỡng thì biết, nếu mình tín-ngưỡng điều gì mà khác với cái số tín-ngưỡng phần nhiều trong xã-hội, thì người ta tất cho là dị-đoan, tất là không được dung ở trong xã-hội ; cái tư-tưởng mình mà trái khác với cái tư-tưởng số phần nhiều người trong xã-hội, thì họ tất cho là vọng-tưởng ; thậm-chí như những thức ăn mặc, nếu không phải số phần nhiều người xã-hội sùng-thượng mà mình ăn mình mặc, thì tất là bị phải xã-hội khiển-trách. Vậy nên Lao-huệ-nhĩ thường nói với người ta rằng : « Cái định-luật của xã-hội, so với cái pháp-luật của Mạc-tắc (nhà lập-pháp Hy-bá-lai hay làm cho dân nước Do-thái thoát khỏi vòng giàng-buộc của nước Ai-cập mà độc-lập), lại càng nghiêm-ngặt lắm, giá mà thò tay vào trong áo người khác thì không sao, nhưng trên bàn ăn quyết không dám lấy dao con để thay thìa rẽ, thì không thể lấy được món đậu mà mình muốn ăn. » Cái bài luận *tự do* của Mục-lặc thì đương ngày nay thực có cái khí dũng-cảm, để phát-biểu cái tư-tưởng độc-lập và cái hành-vi độc-lập, có ích cho xã-hội thực là nhiều lắm. Mục-lặc có nói rằng : « Cái sức chuyên-chế của dư-luận thịnh-hành ở đời, thì cái hạng nhân-vật có cái thiên-tính đặc-chất tất là xã-hội không dung, mà không thể nào biểu-hiện ra được, vậy ta chỉ mong cho trong dân-gian xuất-hiện ra được nhiều bậc người có cái thiên-tính đặc-chất, để phá cái sức chuyên-chế của dư-luận ; hễ mà nhiều người có tài-lực, thì tất là có nhiều người thiên-tính đặc-chất. Trong xã-hội mà hạng người thiên-tính đặc-chất nhiều hay ít, chỉ coi ở những người có cái thiên-tài trí-lực đạo-đức dũng-khí nhiều hay ít làm bằng, nếu ngày nay mà không ai dám hiện-lộ cái thiên-tính đặc-chất ở đời để lập lấy cái sự-nghiệp lớn-lao, thực là cái lo lớn về hiện-thời vậy. » Xem như lời nói ấy thì đủ biết là phải cần có cái tinh-thần độc-lập để cùng theo với con đường văn-minh tiến-bộ.

7 **Quyết-đoán.** — Người ta muốn lập-thân ở đời, không khác gì người binh-sĩ muốn lập công ở chốn chiến-trường, cái điều bí-quyết cần nhất là hai chữ « quyết-đoán. » Người ta không kể là có tài-trí như thế nào, nếu mà thiếu mất cái mĩ-đức quyết-đoán, gặp việc gì cũng cứ trước sau dùng-dằng, tả hữu trù-trừ mãi, thì cái sự-nghiệp mình đương lo tính, tất là bị người khác vớ mất, đó là cái thế tất-nhiên vậy. Cái người trong tâm không có quyết đoán, hễ khi làm việc gì thì lại lo rằng như thế thì chỗ này có chướng-ngại, như thế kia thì chỗ kia có nguy-hiểm, vì thế nên không dám dúng tay làm việc gì, rồi đến suốt đời thành ra con người vô-công vô-danh. Vậy nên người ta muốn lập-thân ở đời, hễ gặp việc nên làm, thì nên như lội nước khi mùa rét, cứ hăng lên nhẩy tùm xuống nước mà bơi đi, chứ không dùng-dằng gì cả, nếu mà cứ đứng trên bờ ngần ngừ mãi, lại sợ lội xuống nước thì rét, thì không khi nào thực-hành được cả. Nếu cứ ngần-ngại

lo xa như thế mãi, thì có khi lại phải lo gần. Buổi đời nay nào là tàu thủy xe hỏa, điện-báo điện-thoại, máy in hoạt-tự, đã khắp cả toàn-cầu, thời-buổi này thực là cái thời-buổi một tấc bóng là một nghìn vàng. Cái giá-trị của thời-gian đã đắt đỏ như thế, thì cái binh-pháp của cách lập-thân người ta cũng phải qui thần-tốc, sở-dĩ cốt là phải quyết-đoán. Đã có cái tính chất quyết-đoán, thì dầu núi cũng có thể dời đi được; nếu đã đặt thân ở cái thế-giới cạnh-tranh này, mà làm việc không thắng được người ta thì sao hay lập-thân được. Nã-phá-luân đệ-nhất mà hay xưng bá cả toàn Âu, cũng chỉ nhờ về có cái trí sáng quyết-đoán vậy. Nã-phá-luân không phải là thần-kỳ gì, mà hay lấy một mình công địch với cả các nước, lâu đến hơn hai mươi năm, có phải là ngẫu-nhiên đâu? Nã-phá-luân có nói rằng: « Cái phép đem quân đi có một sự cần không thể thiếu được, là không để lỡ mất thời-cơ. » Nếu quân giặc mà đến lúc ta chưa kịp chỉnh-bị, thì chỉ trong độ mười phút đồng-hồ, là đủ làm cho quân ta phải thua. Cái trận đánh ở Á-kha-lạp (1) Pháp-binh đã sắp thua, trong giây phút chỉ nhờ về Nã-phá-luân quyết-đoán, thúc kèn cho bọn kỵ-binh hai mươi lăm người cứ xông vào trận giặc đánh loạn lên, nhờ thế thành ra thắng trận. Lại trận đánh ở Mông-đích-bá-la (một ấp nhỏ về phương bắc nước Ý) Nã-phá-luân trông xa thấy quân bộ nước Áo, đương tiến lên chực đánh quân Pháp, ông liền tính thì-giờ phòng-bị sẵn trước, thành ra thắng-trận, quân Áo mà thua chỉ vì chậm độ năm phút đồng-hồ. Lại trận đánh ở Lý-ô-oa-lý, Nã-phá-luân biết thế quân Pháp đã nguy-cấp, sắp thua đến nơi, liền nghĩ ra sai sứ sang tiền-trận quân Áo, nói xin hòa đình-chiến, tướng nước Áo thắng-thốt chưa thể quyết-định được, còn phải trù-trừ nghĩ xem có nên ưng cho không; ngờ đâu Nã-phá-luân lại nhân được những lúc thì-giờ do-dự ấy lại quyết-định được chiến-lược, thành ra đại-thắng. Ôi! tài trí thần-diệu như thế thực không thể lường được.

Nã-phá-luân đương lúc mới sang đánh nước Ý, nghĩ rằng nếu vây hãm Mạn-đô, thì bắc-bộ nước Ý tất vào trong tay mình; vậy nên vây đánh Mạn-đô, lâu đến hai tháng trời. Lúc ấy chợt nghe tin nước Áo đem sáu vạn quân đến chực đánh úp quân Pháp, mà toàn-quân của Nã-phá-luân thì chỉ có độ bốn vạn người, quân Áo thì kíp tiến, chực đi đến hồ Ngạch-nhĩ-đắc để chẹn mé sau quân Pháp. Khi ấy chỗ địa-điểm quân Pháp đóng rất là nguy-hiểm, Nã-phá-luân thấy quân Áo phân ra hai đường tiến quân: Một đường hai vạn người tiến về phía hữu bên hồ, một đường bốn vạn người tiến về phía tả bên hồ; ông bèn quyết kế đem cả toàn-quân của mình họp cả ở chỗ hai cánh quân Áo sắp hội-hợp với nhau, trước tiên đánh cho tan-vỡ cái cánh quân hai vạn người đi, rồi chuyển-chiến chống nhau với cánh quân bốn vạn người là tất được toàn-thắng. Song muốn quyết-định cái chiến-lược như thế, thì phải giải vây thành Mạn-đô, triệt bỏ cái chiến-tuyến đã bố-trí trong hai tháng nay, ngặt vì quân chi-trọng lương-thực của Pháp-binh, để chứa cả ở bên thành Mạn-đô, một lúc mà dời đi không phải là dễ, vả lại quân Pháp vây ở Mạn-đô đã lâu đến hai tháng, chỉ độ nay mai là thành-công, nay mà

(1) Á kha-lạp (*Arcole*) là một ấp nhỏ thuộc về Uy-ni-tỳ-châu (*Venice*) nước Ý trong năm 1796, tháng 11 ngày 16, 17 Nã-phá-luân đệ-nhất đem quân-đội có 18,000 người mà đánh phá được quân nước Áo những 40.000 người, đất ấy vẫn còn có tiếng truyền mãi đến nay.

chợt cái bỏ đi thì trong lòng vẫn còn ngần-ngại, vậy nên các tướng bàn bạc do-dự mãi, chưa quyết-định được phương-trâm ; Nã-phá-luân không có ngần-ngại gì cả bảo rằng một đàng đem quân để chặn đường hai cánh quân Áo không cho hội-họp, với một đàng vây thành Mạn-đô, hai đàng không thể kiêm được ; kế bây giờ phải nên cân-nhắc sự khinh-trọng hoãn-cấp, bỏ một đàng mà lấy một đàng mới được ; liền quyết-đoán giải vây thành Mạn-đô, không tiếc gì cái công lao vây hai tháng trời liền bỏ hẳn đi, đem cả toàn-quân họp ở bên hồ Ngạch-nhĩ-đắc. Cánh quân Áo hai vạn chợt bị phải quân Pháp đánh chặn lại, không tiến lên được, phải tạm dừng lại để đợi cánh quân sau tiếp đến ; Nã-phá-luân lại chuyển hướng phòng-bị chực đánh cánh quân sau ; toàn-số cánh quân Áo đi sau bốn vạn người, lúc ấy lại phải phân làm hai đội ; một đội tiến đến Mạn-đô, còn một đội hai vạn quân chực vây đánh quân Pháp ; Nã-phá-luân xét biết bên Áo trận trung-quân yếu-thế, liền đánh thẳng vào trung-quân, quân Áo phải đại-bại. Trận ấy quân Áo mới giao-chiến lần đầu, mà đã bất-đắc-chí, nên có lòng khiếp-sợ, giao-chiến hơn sáu ngày, quân Áo chết đến hai vạn, bèn bỏ nước Ý để cho quân Pháp mà đi ; trận ấy không những đủ chứng rằng Nã-phá-luân binh-pháp giỏi, mà cũng đủ tỏ rằng ông ấy can-đảm lớn-lao, kiến-thức minh-mẫn, mà xử-sự cũng quyết-đoán vậy.

Người ta ở đời cũng như quân-lính lúc lâm ra chiến-trận, không cứ rằng ở về địa-vị chính-giới thương-giới hay là địa-vị gì, cũng lắm lúc gặp phải nguy-cơ, người đời thường muốn cầu lưỡng-toàn mà thành ra lưỡng-thất, thế cho nên người ta ở đời phải có quyết-đoán mới được. Người đời vì không có quyết-đoán mà thành ra không làm đạt được mục-đích ấy cũng nhiều. Vua nước Đức là Giáp-liệt-đệ-ngũ nếu hay quyết-đoán, thì đương lúc Lộ-đắc vận-động cải-cách tôn-giáo, còn mới manh-nha, đã tuyệt-diệt hẳn đi được ; tướng nước Pháp là Cốc-lý-ni nếu hay quyết-đoán, thì nước Pháp tất hay bảo-tồn được cái vận-mệnh cho giáo Phổ-la-đức-sĩ-đán, mà không đến nỗi tổn mất cái công-lao khổ-chiến mới mua chuộc lại được. Không những thực-sự về đường văn-học cũng có cái tệ ấy, như là Kha-liệt-ly-cơ là một nhà thi-nhân giỏi, mà khi đi chơi chốn điền-viên, gặp con đường ngã-ba đứng nghĩ toan rẽ bên hữu lại rẽ bên tả, dùng-dằng mãi không quyết ; bởi vậy có trước-thuật ra các tập thơ và sách triết học, tuy rằng định làm cho xong mà vẫn không được bộ sách nào trọn-vẹn. Những người ấy tuy có cái thiên-tài, nhưng vì không hay quyết-đoán, nên không có điều gì biểu-hiện để lưu-truyền đến nay, khiến cho đời sau hơi biết được cái tài trí các ông ấy là chỉ nhờ có mấy bộ di-thư không được hoàn-toàn đó mà thôi. Mạch-kim-đức-hy khi nhỏ học ở trường đại-học Ái-bắc-đĩnh, rất đam về chính-trị-học, đồng-thời lại thích bàn triết-học, muốn đem cái sự-nghiệp nhà thực-vụ với nhà triết-học hợp lại làm một ; sau lại ở Uy-đinh-bảo học y-thuật, lúc ấy ông lại mỗi buổi sớm nghiên-cứu về nghề thơ, chiều lại đi các nơi diễn-thuyết, đến nỗi nghề y-học hoang-phế, không được đúng-kỳ tốt-nghiệp, mới lại vào ban y-học tốc-thành để học thêm, không bao lâu ra mở cửa hàng thuốc ở phố, nhưng không mấy người đến lấy thuốc ; ông bất-đắc-dĩ phải bỏ nghề thuốc, lại đi làm nghề báo tân-văn tạp-chí, chực muốn làm người tân-văn ký giả bậc nhất sau này ; một mặt lại thường đi diễn-thuyết về chính-trị pháp-lý, mong làm một nhà đại-chính-trị ; song vì ông ấy là người không có quyết-đoán, không có cái tinh-thần

chuyên-nhất, nên đến nỗi tất-sinh sự-nghiệp rất nhiều, mà không nghề gì thành cả. Lúc thì sang chơi Ấn-độ, lúc lại vào quốc-hội; đến khi vãn-niên muốn làm xong một bộ sách lớn đã mấy năm nay mong-mỏi, đến làm xong sách đem ra hành-thế, tuyệt không có chỗ gì hơn người, so trong học-giới chẳng qua là vào hạng trước-tác thứ ba trở xuống mà thôi. Chẳng được bao lâu thì ông mất. Than ôi! khi ông còn đương buổi thanh-niên, nếu quyết-tâm làm nhà văn-học, thì suốt đời chuyên-tâm nghiên-cứu về văn-học, đến lúc cứu-cánh, tất thành là một nhà đại-văn-học đệ-nhất; không thì trong buổi thanh-niên cứ chuyên-tâm chú-ý về chính-trị-học, thì cũng tất thành là một nhà chính-trị đệ-nhất. Tiếc thay! Lấy là bậc nhân-tài đệ-nhất trong thiên-hạ, mà chỉ vì không có lòng quyết-đoán, tham làm nhiều việc phân mất cả tinh thần, không hay quyết-đoán theo một đường học-vấn chuyên-nhất, trước sau do-dự, tả hữu trù-trừ, trót qua một đời mà không thành nghề gì cả. Lời ngạn rằng: « Xe trước lỡ đổ, làm gương cho xe sau. » Người có chí lập-thân phải nên nghĩ kỹ mới được.

8 — Phong-thái. — Khải-ty đức-phỉ-nhĩ-đặc bá-tước có nói rằng: « Phàm người ta nên tu-dưỡng lấy cái phép xử-thế, cũng như là kẻ lực-sĩ họ diễn-tập lấy cái thuật của họ. Người ta nên khiến cái tâm-ý mình với cái phong-thái của mình, khuynh-hướng về một mặt hòa-thuận viên-mãn, thì khi ra xử-thế tất là việc gì cũng êm cả, đó chính là cái yếu quyết xử-thế vậy. » Xem thế thì cái phong-thái là một điều cốt-yếu của người ta để lập-thân xử-thế không thể thiếu được. Người đời kẻ khôn ấy ít mà kẻ ngu nhiều, phần nhiều chỉ lấy mạo-thủ-nhân mười phần đến tám chín phần; mà cái người không cần gì ngoại-mạo, không kể gì phong-thái, chỉ chuyên xét về tài trí thực-đức theo cái cách quân-tử để kén người thì rất ít; vậy nên muốn lập-thân ở xã-hội, thì phải sùng thượng cái phong-thái nghi-thức, để cho người ta trông thấy một cái biết ngay là hạng nhân-vật có phẩm-cách, bậc thân-sĩ có đức hạnh, điều ấy cũng là rất cần. Thế thì cái tính-chất độc-lập, quyết-đoán và phong-thái, những điều ấy không thể thiếu được điều gì cả. Song người ta nhiều kẻ không được dung với đời, thường ngậm-ngùi than-thở sự bất-bình, bảo rằng thế-giới toàn là kẻ tiểu-nhân, chỉ xét lấy ngoại-mạo để kén người chứ không hỏi gì đến thực-đức cả. Sở-dĩ từ xưa đến nay biết bao nhiêu bác Khuất Nguyên bị phải xã-hội ruồng đuổi, là chỉ bởi bọn ấy chuyên cậy tài trí thực-đức, mà không biết phong-thái là cái đạo cốt-tử để lập-thân, khi tiếp người thì khiếm-khuyết cái lễ-nghi hòa-ái, phong-thái thô-mạn, lộ ra cái thói khinh đời bất-cung, nên mới bị người đời ghét-bỏ vậy. Nói tóm lại cái phong-thái người ta mà ưu-mĩ, thì cái thân-phận cũng nhờ đó mà thăng-tiến lên; nếu không, thì chẳng hay hợp với xã-hội tất là bị thấn-sích.

Diễn-thuyết cũng có cái phong-thái diễn-thuyết, có thể khiến người ta giận, khiến người ta mừng, đều là bởi cái phong-thái người diễn-thuyết khiến nên cả. Đương khi nước Mĩ thịnh-hành cái thuyết phế-trừ cái chế-độ nô-lệ, có hai nhà diễn-thuyết tại một xứ kia, một người diễn-thuyết thì chúng đều cảm-động; một người diễn-thuyết thì chúng tức-giận; mà cũng đều là một bài diễn-văn chỉ tại lúc nói có hơi đổi giọng đi nên mới khác nhau như thế. Một người nói: « Các anh mà như thế (là phản-đối cái thuyết phế-trừ nô-chế,) thì tất là bị trời phạt! » Một người thì nói: « Các ngài mà như thế, mà chưa mắc phải trời phạt là may. »

Hai người diễn-thuyết khác nhau có một câu như thế mà thôi, mà hiệu-quả lại trái khác nhau hẳn, thực là lạ quá ! Xưa nay cái ngôn-ngữ với hành-vi của người ta thường phải cố-ý giữ-gìn cho khỏi lộ cái thực-thà ra ; nhưng cái lúc bàn nói và lúc làm việc nó vẫn thường lộ cái phong-thái tự-nhiên ra, không thể cố-ý giấu cho kín cái chân-tướng đi được ; vậy nên cái phong-thái người ta thực là biểu-lộ cái phẩm-cách của người ta ra vậy. Thế cho nên người có chí muốn ra đời lập-thân với xã-hội, không kỳ là nhà chính-trị, nhà tôn-giáo, nhà học-vấn, về cái điều tu-dưỡng phong-thái, không nên trễ-nải, huống-chi phong-thái cũng là một điều thuộc về đạo-đức vậy.

Người đời lắm kẻ tự-mệnh bất-phàm, tự-đắc là lỗi-lạc phóng-lãng ra ngoài hình-hài, lắm khi nói ra làm súc-phạm cho người ta phải giận ; lại thường không hay câu-nệ tiểu-tiết, cho làm cái phương-pháp đối-đãi với người như thế là phải ; song vì thế mà làm mất cả bạn cố-tri ích-hữu, lại thành ra cừu-thù mà không biết. Người ta khó lòng mới được một người bạn tốt, mà làm mất lòng bạn thì rất dễ, việc ấy không phải là không đủ làm khinh-trọng mà coi làm thường. Không xem như lời Quỳnh-sinh bảo rằng :« Người ta không có cái quyền làm sự vô-lễ, và cũng không có cái quyền nói ra lời vô-lễ. » Nói ra lời thô-bạo có khác gì đánh người ta không ? Xem như cái nhà chính-trị có tiếng là Phúc-khắc-sĩ vì cờ-bạc phá-sản, nếu cầm quyền chính-trị thì không thiếp nhân-vọng, thế mà không ai ghét, là tại cớ sao ? Đó là vì ông ấy tính-chất phong-thái rất tốt, không có điều gì làm súc-phạm đến người ta phải giận. Lại như Tây-an-ly-đán tuy rằng chỉ hay uống rượu và tiêu-hoang, nhưng không khi nào nói đùa bỡn để làm tổn-hại đến cảm-tình người ta, vậy nên không ai ghét. Như những hạng nhân-vật trên ấy, tuy kể về đức-hạnh đều có khuyết điểm cả, nhưng không đến nỗi xã-hội không kể vào đâu, là chỉ nhờ về cái phong-thái các ông tốt vậy. Thế thì các bậc sĩ-phu đã có đạo-đức, mà lại hay chú-ý tu-dưỡng lấy phong-thái, thì được người ta kính-trọng biết là chừng nào ?

Người Tây có nói rằng : « Cái thái-độ người ta đẹp còn hơn là diện-mạo đẹp ; người ta động-tác mà đẹp còn hơn là thái-độ đẹp. Đó mới thực là cái rất đẹp trong mĩ-thuật, nhân đó mà được vui-thích so với cái vui-thích về đồ chạm vẽ lại càng cao-thượng hơn. » Ôi ! phong-thái đẹp hay xấu hình như là việc nhỏ-mọn, người đại-nhã quân-tử không thèm nói đến ; song những việc hành-vi trong đời người ta, đều tích-thành tự những việc nhỏ mọn ấy, ta không nên coi là nhỏ-mọn mà bỏ nhẵng đi được. Vả lại trong âm người khác thửa ghi-nhớ, không những là chỉ nhớ những sự-nghiệp lớn-lao của người ta, mà lắm khi nhân nhỡ nhời hoặc thất-nghi một tí người ta nhớ in ngay vào trong tâm trong mắt người ta, mà gây ra oán-hận đến lâu năm. Thế thì người ta nhất-ngôn nhất-động há chẳng nên cẩn-thận lắm ru ? Cái bụi nhỏ có thể tích lên thành gò, một ly một đồng tiền có thể tích-thành đến nghìn muôn vạn bạc, một giây một phút bóng có thể tích-thành ra trăm nghìn năm, cái sự hành-vi nhỏ-mọn của người ta, cũng có thể tích-thành ra cái sự-nghiệp lớn-lao trong một đời. Tướng nước Anh là Mã-nhĩ-bà-la sợ vua Pháp Lỗ-ý thập-tứ có chí đoạt cả thiên-hạ, mới hợp-tung cả các nước Âu-châu lại đem binh chống-giữ, công-nghiệp còn để lại đến nghìn năm ; là bởi vì cái phong-thái với cái cách hành-vi ông ấy ưu-mĩ lắm, đủ làm siêu-động được tâm-phách người ta. Mã-nhĩ-bà-la lại xảo cả từ-lệnh, khéo nói đến nỗi hay khiến kẻ cừu-địch

lại hóa làm bạn tốt cho ; mình vậy nên người nào cùng ông ấy nói chuyện đều là hơn-hớn có sắc mừng cả. Nên ông ấy hay lấy ba tấc lưỡi, trong khoảng nói cười mà hay duy-trì được các nước Âu-châu mỗi nước lợi hại một khác hiểm-nghi lẫn nhau mà hay liên-hợp lại được ; lại hay chống thanh gươm ba thước chỉ-huy binh các nước ngăn-ngừa được binh Pháp còn để tiếng đến giờ. Vua nước Thụy-điển là Tra-lị-tỵ thập-nhị chối-từ lời thỉnh-cầu của vua Pháp Lỗ-ý thập-tứ, mà không kết đồng-minh với Pháp, cũng là nhờ về cái phong-thái ưu-mĩ của tướng-quân nó làm cảm-động được vậy. Nhà đại-chính-trị nước Pháp là Mễ-lạp-ba là một người đàn-ông xấu nhất trong thiên-hạ ; nhưng ông ấy mỗi khi lên pháp-đình nghị-viện mà biện-bác hùng-hồn, công-chúng ai cũng nức-nở lấy làm khen, đều bảo rằng phong-thái chững chạc, thiên-hạ không ai đẹp bằng Mễ-thị, thế thì ông ấy lúc bình-sinh phong-thái ưu-mĩ, thực đủ làm khuynh-động lòng người trong thiên-hạ ; trong xã-hội nước Pháp bấy giờ đều bảo rằng người con trai đẹp nhất trong thiên-hạ không ai hơn được Mễ-lạp-ba. Thế thì diện-mạo người ấy đẹp như thế nào ? Cứ như người ta nói thì nét mặt như hổ mà mụn rỗ chi chít ; nhưng chỉ có cái phong-thái ưu-mĩ, nên mới hay hóa kẻ cừu-địch thành ra hảo-hữu, biến người xú-phụ hóa làm mĩ-nhân được. Tướng Anh là Mã-nhĩ-bà-la thực là người vô-học, cầm bút làm văn, viết chữ cực xấu, mà văn cũng kém, người ta thường đọc những văn diễn-thuyết của nhà chính trị nước Anh là Uy-nhĩ-ban, Phúc-nhĩ-sĩ, đều cho rằng cái văn-chương tầm-thường của ông ấy không lấy gì làm hay ; thế mà khi Mã-nhĩ-bà-la lên diễn-thuyết, hay làm cho chấn-động cả quốc-hội nước Anh, chuyển-động cả dư-luận toàn-quốc, thành được cái vĩ-công phế-trừ nô-lệ, lưu được cái giai-thoại thiên-cổ trên lịch-sử nước Anh ; đó tuy là bởi tại cái nhiệt-tâm và tín-ngưỡng về tôn-giáo đạo-đức của ông ấy, nhưng cũng bởi tại cái thanh-âm và cái phong-thái ưu-mĩ của ông ấy khi ra diễn thuyết, từ-ý rõ-ràng, thực là sức mạnh vậy. Vậy nên Nã-phá-luân đệ-nhất cũng thường tới nhà phường buồng để luyện-tập phong-thái, có bảo rằng người thiếu-niên cũng nên thường gần với những người vũ-đạo-sư và kẻ biện-hộ-sĩ để mà xem xét ấy người anh-hùng trong một đời, mà còn trọng cái phong-thái như thế, huống-chi là người khác!

Phàm cái người phong-thái ưu-mĩ, tuy rằng tài-lực không đủ, nhưng cũng có thể lập-thân ở xã-hội được ; thế thì cái người mà đủ có tài-trí thực-lực, song vì con người khô-khan không có thú-vị tuyệt không có cái phong-thái gì thì thực là khó đắc-dụng với xã-hội. Song người đời thường chê những người có cái phong-thái cực tốt nhàn-nhã tú-lệ là nhu-nhược, là khiếp-nọa, chê như thế là sai lầm. Cái người phong-thái ưu-mĩ có phải là lũ nhu-nhược khiếp-nọa đâu ? Danh-tướng nước Anh là Huệ-linh-thôn thủa bình-sinh không ai địch nổi. Lại nhà lý-học là Phó-ngõa-lạt-thai thì thiên-tính nóng nẩy như lửa, thế mà phong-thái hai người ấy thực là hơn cả trong bọn thân-sĩ thiên-hạ. Nước Mĩ ông Hoa-thịnh-đốn cũng có tiếng là người phong-thái ưu-mĩ. Trong thánh-kinh Gia-giáo có chép truyện ông Thánh-bảo-la và Bỉ-đắc là người hung-trung mãnh-liệt như núi lửa ; song đọc thấy sách mà tưởng-tượng cái cách người, thì biết rằng những ông ấy ngôn-từ phong-thái ưu-mĩ hơn cả các người thân-sĩ. Nay mà muốn lập-thân ở trong xã-hội này, khả chẳng nên xét kỹ lắm ru ?

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

TỔ-QUỐC PHONG-THI (1)

III

Vật-lý

315.—Kiến bò miệng chậu còn chầy,
Kiến bò miệng chén chẳng rầy thì mai.

316.—Lươn vắn lại chê chạch dài,
Lờn-bơn bệu mép chê cá khoai dề mồm.

317. — Hùm chẳng có cánh có vây,
Nếu hùm có cánh hùm bay cắn trời.

318. — Ai đưa con sếu qua sông,
Để cho con sếu xổ lồng bay cao.

Con sếu là trỏ Nguyễn Chỉnh, sông là trỏ Bắc-hà, triều nhà Lê thời vua Chiêu-thống, người Chỉnh có tài thao-lược, nhà Tây-sơn dùng làm mưu-thần, sau người Chỉnh đem quân ra Bắc-hà, vào yết-kiến vua Lê, phong cho làm Bằng-quốc-công, người Chỉnh khuyên người Huệ giúp nhà Lê đánh chúa Trịnh, người Huệ nghi người Chỉnh nhi-tâm, mà bỏ Chỉnh ở Bắc-hà, nên có thơ này.

319. — Ai mua con quạ bán cho,
Đen lông đen lá bộ dò cũng đen.

Thời vua Thuận-tôn có quan Tham-tri họ Hà, đi sứ Yên-kinh, vợ ở nhà nằm mộng thấy con quạ, sau sinh được người con trai, gọi tên là Hà-Ô, người đen như quốc, mà tiếng hát vang như chuông, ai nghe cũng khen làm tuyệt-điệu, vua biết tiếng cho đòi vào cung, bấy giờ người Hà-Ô được tin dùng, nhân đắc-chí khởi-loạn, thời-nhân chê mà làm thơ này.

320. — Dã-tràng xe cát bể đông,
Nhọc mình mà chẳng nên công-trạng gì.

Con dã-tràng ở bãi bể, có hai gọng vo cát tròn như hạt đỗ, hễ nước bể đưa lên, thì cái viên cát ấy mất hết, rồi lại vo như cũ.

321. — Chớ thấy hùm ngủ vuốt râu,
Đến khi hùm thức dầu-lâu không còn

(1) Xem Nam-Phong số 142-143.

322. — Đi cùng bốn bể chín chu,
Về nhà lại sợ chuột chù cắn chân.

Cuối đời nhà Lê, Cống-Chỉnh vẫn là gia-thần chúa Trịnh, tự khi ba phủ kiêu-binh, người Chỉnh về với Nguyễn Huệ, dẫn vào đánh thành Thăng-long, người Nguyễn Nhạc cũng kéo quân đến đó, người Chỉnh bảo người Nhạc rằng: Nay Hà-bắc chỉ có tôi là một thôi, có ý khinh cả Nguyễn Huệ, anh em Tây-sơn tự đấy có ý sợ Cống Chỉnh mưu chực cướp quyền, rồi đem binh giết Cống Chỉnh. Thơ này ý nói Tây-sơn là một tay anh-hùng, đánh nam giẹp bắc, chẳng sợ ai mà lại sợ Cống-Chỉnh.

323. — Măng giang nấu cá ngạnh nguồn,
Đến đây nên phải bán buôn mua vui.

Ngạnh nguồn là cá ở khe núi, ít thịt nhiều xương, gọi là cá ngạnh, cuối đời nhà Lê, Trịnh Kiểm chuyên binh bạo-ngược, giết con trưởng ông Nguyễn Kim, sau ông Nguyễn-Phúc là Thái-tổ nhà Nguyễn phải dời đóng đô ở xã Ái-tử thuộc tỉnh Quảng-trị để chiêu-dụ nhân-tâm, người Bắc-hà qui-phục, làm ra thơ này, chỉ chúa Nguyễn gặp phải chúa Trịnh ăn ở bạc-ác, trốn ở đây để bán buôn mua vui vậy.

324.—Bão bùng ngành ngọn trơ-vơ,
Chim không nơi đỗ giật giờ khá thương.

Cuối đời nhà Lê anh em Tây-sơn là Nguyễn Nhạc Nguyễn Huệ đem quân đánh thành Gia-định, đức Gia-long phải đem đức Quốc-mẫu chạy ra đảo Phú-quốc, thuộc tỉnh Vĩnh-long, thời-nhân thương mà làm ra thơ này, ý nói gặp lúc hoạn-nạn không có chỗ nương thân, cũng như con chim gặp cơn gió bão to không có nơi đỗ vậy.

325.— Đời vua Thái-tổ Thái-tông,
Con giắt con bế con bồng con mang.
Bò đen húc lẫn bò vàng,
Hai con húc-hặc đâm quàng xuống sông.

Thằng bé chạy về mách ông,
Bò đen nó đã xuống sông mất rồi.

Thơ này nói bò vàng trở chúa Trịnh, bò đen trở nhà Mạc, thời vua Thái-tổ Thái-tông đương lúc thái-bình, đều là tôi con nhà Lê, họ Trịnh họ Mạc cũng như một đàn trâu, con giắt con bồng cùng đi với nhau, không có sự gì là hục-hặc, đến đời vua Chân-tôn người Trịnh Tòng đem binh đánh người Mạc Kính, Mạc Kính thua phải chạy lên Cao-bằng, cũng như bò vàng húc bò đen ngã xuống sông vậy.

226. — Trâu ta ăn cỏ đồng ta,
Đồng người lắm cỏ nhưng mà tanh-hôi.

Triều nhà Lê người Mạc Đăng-Dong đời vua Chiêu-đế ra Bảo-châu (thuộc Hà-đông bây giờ) tiếm cướp ngôi vua, bấy giờ nhà Lê suy-nhược, lũ người Phạm Gia-Mô, Phan Đình-Tá mười sáu người tham lợi-lộc chịu chức tước của nhà Mạc, nghĩa vua tôi cũ bỏ quên cho đành, thời-nhân chê mà làm thơ này, ý nói tôi nhà Lê mà đi ăn lương của nhà Mạc, khác gì con trâu đi ăn cỏ ở đồng người ta, tuy lắm cỏ nhưng cũng không ngon vậy.

227. — Tò-vò mà nuôi con nhện,
Ngày sau nó lớn nó quyện nhau đi.
Tò-vò ngồi khóc hi-hi,
Nhện ơi là nhện mày đi đàng nào !

228. — Công anh bắt tép nuôi cò,
Cò ăn cò lớn cò dò lên cây.
Biết rằng nông-nỗi thế này,
Thời anh vật chết những ngày cò con.

229. — Nực cười châu chấu chống xe,
Tưởng rằng chấu ngã ai dè xe nghiêng.

Triều vua Minh-mệnh giặc Nùng Văn-Vân nổi loạn vây đánh tỉnh Cao-bằng, quan án-sát là ông Phạm Đình-Trạc, Bố-chính là ông Bùi Tăng-Huy và ông Lĩnh-binh Phạm Văn-Lưu đem quân đánh không vỡ, giặc giữ thành, ba ông ấy tự nghĩ Triều-đình không thiếu gì binh-lương, mà mình lại phải chịu giặc, sống cũng như chết, bèn mặc áo triều-phục đặt hương-án lễ vọng rồi sai quân-sĩ đào một cái lỗ rồi nhảy xuống mà chết, sai quân-sĩ lấp đất lên.

330. — Con mèo mày trèo cây cau,
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà.
Chú chuột đi chợ đường xa,
Mua cá mua thịt giỗ cha chú mèo.

Con mèo toan dò lên cây cau để bắt chuột, thác cớ hỏi thăm, không ngờ chuột nó đã biết ý rồi, nó trả lời lại những điều rất chua cay, người làm thơ này có ý răn những người gian-hiểm, miệng nói một đường, bụng làm một nẻo.

331. — Tới đây hỏi khách tương-phùng,
Chim gì một cánh vẫy-vùng nước non.

Đời nhà Lê nước Tầu thường đi thuyền sang thông-thương nước ta, khách họ nói không hiểu, thuyền của họ có một cánh buồm thường vượt qua bể, cho nên bấy giờ có câu thơ này.

332. — Bây giờ rồng đến nhà tôm,
Rồng leo cây nghệ thời tôm ôm rồng.

Vua Lê Chiêu-đế thường đến chơi nhà Mạc Đăng-Dong, sau Mạc Đăng-Dong tiếm quyền dùng những thuyền rồng tản phượng ra vào chỗ cung-cấm, âm-mưu phế-lập, rồi ra ngự ở Mộng-sơn. Đăng-Dong cùng với lũ người Lê-Phụ dựng em vua là người Tông lên ngôi, người thời làm thơ này, ý chỉ rồng là vua Lê, tôm là nhà Mạc.

333. — Nhong-nhong ngựa ông đã về,
Cắt cỏ Bồ-đề cho ngựa ông ăn.

Thời vua Lê Chiêu-tôn, Mạc Đăng-Dong chức Quận-công, chuyên coi thủy-bộ-binh thường đóng thủy-quân ở bên sông Bồ-đề, nhân bấy giờ vua ngự ra xã Tích-quang (thuộc huyện Siêu-loại) Mạc Đăng-Dong đến chầu, tâu xin vua dời về sông Bồ-đề, để tiện chầu chực, người ở đó làm ra thơ này.

334. — Khôn-ngoan đá đáp người ngoài
Gà cùng một mẹ chớ hoài chọi nhau.

Rốt đời nhà Lê anh em Tây-sơn Nguyễn Nhạc Nguyễn Huệ dấy quân, bắc thì chống với chúa Trịnh, nam thì chống với chúa Nguyễn, sau anh em chực tranh chiếm quyền lợi, hiềm-khích nhau, người Huệ đưa quân

vậy người Nhạc ở Qui-nhân, xong rồi chia mỗi người giữ mỗi chỗ, người Nhạc chiếm tự Quảng-nghĩa trở về nam, người Huệ chiếm Thăng-liên trở về bắc. thời-nhân làm thơ này chê.

335. — Kiến bò cột sắt sao mòn,
Tò-vò xây tổ sao tròn mà xây.

Thời vua Thuận-tôn nhà Trần, họ Hồ có ý cướp ngôi, xui vua dời đô về xã An-tôn tỉnh Thanh-hóa, gọi là Tây-đô, người thời làm thơ này, ý trỏ họ Hồ như con kiến con tò-vò vậy.

336. — Phượng-hoàng đỗ chốn treo-leo,
Sa cơ thất-thế phải theo đàn gà.
Bao giờ gió thuận mưa hòa,
Thay lông đổi cánh lại ra phượng-hoàng.

Người quân-tử gặp lúc thịnh-triều có Thánh-quân, mình được đắc-thời hành-chính-cũng như con phượng-hoàng đỗ trên cây ngô-đồng vậy.

237. — Voi ăn trong rú trong rừng,
Voi ra ruộng nước voi đừng sợ chi.

Nước ta nội-thuộc nhà Minh, thường phải đưa voi sang Tầu cống, tự vua Lê Thái-tổ đánh được nhà Minh, dựng cờ độc-lập, bấy giờ không phải đưa voi sang cống nữa, nên voi cũng được ăn uống tự-do, người làm thơ này có ý mừng cho voi mà mừng cả cho nước, tự dấy không phải cường-quyền áp-chế nữa.

338. — Mở muông muông chạy lên rừng,
Mặc dầu muông chạy ta đừng mở muông.

Mở muông nghĩa là mở cái cạm cho chim muông nó chạy, vua Lý Thái-tôn cho Nùng-Trí-Cao (người thổ, nguyên dân Tầu) làm quan châu-mục ở Quảng-nguyên, sau Nùng-Trí-Cao làm phản, tiếm xưng Đại-nam-quốc, người thời chê làm thơ này, ám chỉ họ là loài chim vậy.

339. — Con cóc nằm ngóc bờ ao,
Lăm-le lại muốn đớp sao trên trời.

Đời vua Đinh-Tiên-Hoàng, người Đỗ-Thích đêm nằm ở trên bãi sông, bỗng thấy ông sao rơi vào miệng, tự phụ là thần-kỳ, có ý mưu dựng làm vua, sau làm chức Chỉ-hầu, nhân vua say rượu giết vua ở nội-điện, rồi người Thích cũng bị chết, vua Lê đại-Hành lên ngôi. Thơ này ý nói con cóc là trỏ Đỗ Thích, sao trên trời là ngôi vua.

340. — Cóc kêu ở vũng tre ngâm,
Cóc kêu mặc cóc tre giầm mặc tre.

341. — Tằm sao tằm chẳng ăn dâu,
Tằm đòi ăn lúa ăn rau ăn cà.

342. Buồn trông con nhện buông tơ,
Nhện kia chấp-chẻnh mày chờ đợi ai.

343. — Chim chích mà ghẹo bồ nông,
Đến khi nó mổ lạy ông tôi chừa.

344. — Con kiến mày ở trong nhà,
Tao đóng cửa lại mày ra đường nào?
Con cá mày ở dưới ao,
Tao tát nước vào mày sống được chăng?

345. — Mồng ba cá đi ăn thề,
Mồng bốn cá về cá vượt Vũ-môn.

346. — Hoa thơm thơm lạ thơm lùng,
Thơm bông thơm nhị người trồng cũng thơm,

Thơ này ý nói bố mẹ có con gái gả được chồng sang, thời mình cũng được vinh-hạnh, ví như cái cây có hoa thơm vậy, Đời nhà Lý vua Huệ-tôn, khi chưa làm vua, đi qua chơ Hải-ấp, thôn Lưu-xá thấy con gái thuyền chài là họ Trần có nhan-sắc, khiến đem về cung, sau làm vua, Trần-thị làm Hoàng-hậu.

347. — Một ngày đứng mạn thuyền rồng,
Còn hơn muôn kiếp ở trong thuyền chài.

Thơ này cũng là nói con gái họ Trần được vào hầu ở trong cung vậy.

348. — Gió đưa cây cải về trời,
Rau răm ở lại chịu đời đắng cay.

Cuối nhà Lê Tây-sơn vào đánh Thăng-long vua Mẫn-đế chạy sang Tầu, cung-phi là Nguyễn thị-Kim (người Tỉ-bà) và bà Thái-hậu theo vua đi, ra đến Cao-bằng thời vua đã sang Tầu rồi, theo không kịp, bấy giờ tiềm-ẩn ở

dân-gian, phải lam-lũ khổ-sở, như người thường-dân vậy, người thời thượng làm thơ này, ý nói nước ta vẫn chịu phong vua Tầu, nên gọi nước Tầu là thiên-triều, nghĩa là tôn-kính như trời vậy. Rau răm nấu với rau cải thì không cay, cây cải về trời, cây răm ở lại, cũng như vua Lê sang Tầu, vợ con phải chịu những sự đắng-cay vậy.

349. — Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,
Nào ai vun bón cho mày mày ăn ?

Trồng cây ám-chỉ nhà Lê, ăn quả ám-chỉ Chúa Trịnh. Trước Trịnh Kiểm bàn-vi gặp bước lưu-lạc, chạy sang Ai-lao, gặp được ông Nguyễn Kim (Triệu-tổ nhà Nguyễn) tin dùng, giúp vua Trang-tôn lên nghiệp trung-hưng, sau ông Nguyễn Kim mất, vua Trang-tôn cho người Kiểm làm chức đô-tướng-tiết-chế binh thủy binh bộ nội dinh; từ đấy họ Trịnh mới được quyền-thế, đời đời được phong tước vương, người Kiểm mất, con là Trịnh-Tòng giết vua Anh-tôn, lại giết vua Kinh-tôn, có ý tranh quyền cướp nước, người thời làm thơ này chê Trịnh Tòng là người bội-bạc.

350. — Ta trong cây khế ta ra,
Mình còn canh khế chê ta hỡi mình !

Thời ông Lý Vạn-Hạnh bảo ông Lý Công-Uẩn rằng: Suy lời sấm thời biết họ Lý dấy lên, khi ấy vua Ngọa-Triều ăn quả khế được hột mận, biết rằng họ Lý làm vua, mật sai người bắt được ai là họ Lý đem giết, thế mà ông Lý Công-Uẩn vẫn thường ở bên nhà không biết, người thời làm thơ này, ý nói lý là cây mận, trỏ ông Lý Công-Uẩn vậy.

351 — Chẳng thơm cũng thể hoa nhài,
Chẳng lịch cũng thể con người Thượng-kinh.

352. — Chẳng chua cũng thể là chanh,
Chẳng ngọt cũng thể cam sành chín cây.

353. — Có chua mới đứng được đây,
Có ngọt đã ở trên cây cam sành.

Thơ này là bọn đàn bà chanh chua, đối lời với nhau, người thì khoe mẽ mình ở chỗ kinh-đô, đã trải những mùi lịch-sự, người thì khoe mình ở đây chả chịu kém nhau nước gì.

354 — Hoa sen trên bãi bùn sa,
Tuy rằng lấm-láp cũng là hoa sen.

355. — Tiếc thay cây gỗ lim chìm,
Đem chôn cột giậu cho bìm nó leo.
Bìm leo thì mặc bìm leo,
Ta dận nó xuống ta trèo lên trên.

356 — Công anh đắp nấm trồng chanh,
Chẳng được ăn quả chiết cành cho cam.

357. — Trót đà tay dúng vào chàm,
Chẳng thâm cũng xám cho cam tấm lòng.

358 — Nhà anh có một cây chanh,
Nó chửa ra cành nó đã ra hoa.

359. — Cam ngon quít ngọt đã từng,
Còn cây khế rụng trên rừng chưa ăn.

360 — Lá vàng còn ở trên cây,
Lá xanh rụng xuống, trời hay chăng trời !

361. — Bạn vàng lại gặp bạn vàng,
Long, lân, qui, phượng, một đàn tứ-linh,

Triều nhà Trần cũng họ lấy nhau, như là con gái ông An-sinh-vương làm Hoàng-hậu vua Thánh-tôn, con gái đức Trần Hưng-đạo làm bà Hoàng-hậu vua Nhân-tôn, người thời làm thơ này, ý chê người họ lại lấy người họ, cũng như tứ-linh vậy.

362. — Ba đời bảy họ nhà khoai
Dù ngọt dù bùi cũng thể lăn-tăn.

363 — Chuối xanh chẳng chắc đầu ươi,
Bảy ngày ba bão rồi đời chuối xanh,

364. — Mặc đời cua máy cáy đào,
Gái kia ai vót quả nào ai gieo.

365 — Khốn thay thân-phận con rùa,
Ở đình đội hạc ở chùa đội bia.

Nhân-sự

366. — Chớ khinh chùa rách không thờ,
Mà đem oản chuối cúng nhờ gốc cây.

Nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, vua Trang-tôn nối nghiệp trung-hưng, con là vua Trung-tôn không có con, ông Nguyễn Hoàng lo sợ, không biết cơ-đồ nhà Lê ra thế nào, mật sai sứ đem lễ-vật đến tỉnh Hải-dương hỏi cụ Trạng Trình, Cụ không đáp, ngoảnh lại bảo đứa gia-đồng rằng năm nay mất mùa, tại giống lúa không tốt, mày nên tìm thóc cũ mà gieo mạ; rồi lại ra chùa chơi bảo thầy chùa muốn ăn oản phải chăm đèn hương cúng Phật. Sứ nghe lời

cụ Trang về nói với ông Nguyễn Hoàng. ông biết ý bèn cùng với người Trịnh Kiểm và các đại-thần chọn con cháu nhà Lê là ông Duy-Bang lên nối ngôi, là vua Anh-tôn. Thơ này ý cũng như lời cụ Trang, nhà rách trỏ nhà Lê suy, gốc cây trỏ chúa Trịnh, răn đừng thấy nhà Lê suy, mà phù họ Trịnh.

367—Thế-gian đổn dở cho mình,
Oan ơi ức hỡi biết tình mình không ?

Đời vua Lê Hiển-tôn thái-tử là Duy-Vĩ thường ghét chúa Trịnh lăng-tiếm, chúa Trịnh nhân thế làm hiểm,bèn cùng với hoạn-quan là Phạm Huy-Đĩnh mưu bỏ thái-tử, thái-tử mắng rằng : « Phế-lập là cái chí nhà, người, chứ ta tội gì đã có thanh sử chép ». Người Trịnh Lâm bèn giết Thái-tử, người thời thương mà làm thơ này.

368.—Khoan-khoan hỡi ả chèo đò,
Hỡi anh cầm lái dặn-dò trước sau.

Rốt đời nhà Lê giặc Tây-sơn tiếm loạn,ông Nguyễn Chí-Sĩ không chịu ra làm quan, ban hữu đến chơi hỏi ông bây giờ nên phù Tây-sơn, hay là về Nam-triều, hay về Bắc-triều và có ý giục ông Sĩ quyết kế thế nào để cùng đi một thể, nhân làm thơ này, có ý dặn nhau đừng vội, chờ xem cơ-hội sau này.

369.—Em đừng thấy lính mà khinh,
Lãnh-binh Thống-chế ba dinh một sòng.

Ba dinh tức là ba phủ, phủ Thừa-thiên, phủ Tĩnh-gia, phủ Hà-trung, đều thuộc tỉnh Thanh-hóa, rốt đời nhà Lê ba phủ kiêu-binh, như là lũ người Bằng-Vũ, Nguyễn Liêu vốn ở lính mà ra, sau được sự-nghiệp biển-hách. người thời có ý trọng việc binh-lính, làm ra thơ này.

370—Rủ nhau đi gánh nước thuyền,
Quang đứt vỏ vỡ gánh liền xuống sông.

Tây-sơn Nguyễn-Huệ ngờ mưu-thần là Nguyễn Chỉnh ở Bắc-hà có nhị-tâm, bèn mưu giết người Chỉnh, bấy giờ Nguyễn Huệ ở Thăng-long, niên-hiệu Quang-trung, truyền cho con là Quang-Toản niên-hiệu Cảnh-thịnh, hưởng ngôi trước sau được mười hai năm thì Tây-sơn mất, tiếc thay có mưu-thần lại giết, thì lấy ai giúp nước. Thơ này nói vỡ là ám-chỉ Cống-Chỉnh; quang là Quang-trung; đòn gánh là chỉ Cảnh-thịnh, cũng là lời sấm của Tây-sơn.

371.— Tiếng ai than khóc nỉ-non,
Là vợ chú lính trèo hòn Cù-mông.

Cù-mông là tên núi, ở huyện Hà-vinh. Tây-sơn Nguyễn Huệ bấy giờ bắt dân đăng-tịch, người nào cũng phải đeo cái bài, cũng như là cái giấy sưu bây giờ, ai đã đăng-tịch thì phải đi lính, vợ người hành-dịch ở nhà thương chồng lặn suối trèo non, nghĩ đến kiếp phong-trần, xui nên giọt lệ, nên có thơ này.

372. — Ví ai nên nỗi sau này,
Chùa tiên vấn-vít tớ thầy xa nhau.

Triều vua Lý Huệ-tôn, người Trần Thủ-Độ làm chức Thái-sư, chuyên coi triều-chính, bấy giờ vua chưa có con trai, có hai bà Công-chúa, vua yêu bà Công-chúa Phật-Kim dựng làm Tự-quân, vua ra ở chùa Chân-giáo, sự này cũng tự-mưu người Thủ-Độ đem cháu gái là cháu ngoại mình làm vua, mà xui vua ra chùa vậy, cho nên làm ra thơ này, có ý trách người Thủ-Độ mà nhớ vua Huệ-tôn vậy.

373.—Chim quyên quốc đất ăn giun,
Anh-hùng lỡ vận lên rừng đốt than.

Người Trần Khánh-Dư bị phải ông Hưng-Vũ-vương ghét, sai người đánh đoạt cả quan-tước, tịch-biên gia-sản. Khi ấy người Khánh-Dư phải lên rừng buôn than để chi-độ cho qua ngày tháng, sau vua nhà Trần đem binh đánh nhà Nguyên, đi qua đó gặp ông Khánh-Dư, tha tội cho bàn việc binh, xứng ý, đặc-cử cho làm Phó-tướng-quân. Thơ này ý nói người Khánh-Dư lỡ bước phải đi đốt than, cũng như chim quyên là hậu-thân Thục-đế, phải cuốc đất vậy.

374.— Đàn kêu tích-tịch tình-tang,
Ai mang Công-chúa lên thang mà ngồi.

Đời vua Trần Anh-tôn đem bà Huyền-tôn Công-chúa (con vua Nhân-tôn) gả cho vua Xiêm-thành là Chế-Minh, tục nước Xiêm vua mất thời cung-phi phải theo vua hỏa-táng. Khi ấy bà Công-chúa lên hỏa-đàn, rồi đem lửa đốt, người thời bấy giờ nghe tiếng đàn của nước Xiêm,mà thương bà Công-chúa đem cái mình vào trong đám lửa, làm ra thơ này.

375.—Dù ai sang cả mặc ai,
Thân này nước chảy hoa trôi xá gì.

Triều vua Lý Thái-tôn đem quân đánh bắt vua Xiêm-thành, vợ là nàng Mị-Ê tử-tiết,

người thời thương tiếc làm thơ này, sang cả là chỉ vua Thái-tôn, hoa trôi là chỉ Mi-Ê vậy.

376.—Chàng về thiếp cũng theom ây,
Con thơ dễ lại chốn này ai nuôi ?

377.—Ai ơi giữ chí cho bền,
Dù ai đổi hướng xoay nền mặc ai.

Nhà Mạc chực cướp quyền nhà Lê, bấy giờ nhiều ông giữ tiết không chịu làm quan nhà Mạc, như ông Nguyễn Tự-Cường, ông Nghiêm Bá-Ký đem binh chống với nhà Mạc và ông Lê Tuấn-Mậu vào triều giắt hòn đá vào tay áo niềm Mạc Đăng-Dong, ông Nguyễn Thái-Bát giả-cách thong-manh vào gần nhổ bọt vào mặt Đăng-Dung, đều bị Đăng-Dong giết, còn như Lũ ông Nguyễn Tử-Kiển, ông Phiêu Qui-Linh, ông Trần Bảo-Tín đều bị bắt, nhưng nhất-định không chịu khuất, tự-tiết hơn mười người. Thơ này cũng là các ông tự-tiết làm ra.

378.— Thành vỡ đã có vua xây,
Việc gì gái góa lo ngày lo đêm.

379.—Khôn ngoan ở đất nhà bay,
Dù che ngựa cưỡi tới đây cũng hèn.

Triều nhà Lý người Nùng Trí-Cao làm chức Châu-mục ở châu Quảng-nguyên, sau người Trí-Cao cát-cứ xứ thượng-du có chí đồ-bá tranh vương tự xưng là Đại-Nam-quốc, người nước ta giận người Trí-Cao làm thơ này.

380.— Vua Ngô ba mươi sáu tàn vàng,
Thác xuống âm-phủ chẳng mang được gì.
Chúa Chồm uống rượu tì-tì,
Thác xuống âm-phủ kèm gì vua Ngô.

Ngô là nước Tàu, còn như chúa Chồm thì ta vẫn thường nói nợ như chúa Chồm, nhưng dã-sử cũng không thấy chỗ nào nói đến. duy có cụ Nguyễn Khuyến người làng Yên-đổ có thích chữ nho: 吳王三十六黃傘沒入九京無一將·窮王名踞叔淹淹終日醉九京何以遜吳王; thời chữ chúa Chồm lại là chú Xồm tên vua nhà Lê, tức là vua Trang-tôn, khi chưa làm vua bấy giờ nhà Lê bị nhà Mạc cướp ngôi, ngài bất-đắc-chí, phá ra chơi bời công nợ nhiều, nhiều khi họ đón đường bắt nợ. Vì vậy gần chỗ Giám vẫn có con đường Cấm-chỉ, nghĩa là cấm không ai được đi qua đấy mà đòi nợ ngài.

381.—Cơm no rượu uống cho say
Giẹp vung ma đánh trong này cho tao,
Bao giờ có kéo quân vào,
Hội-đồng chư-tướng rồi tao sẽ dùng.
Ta cho năm quả bí vàng,
Ba quả bí bạc ra đường nuôi quân.

Ngày trước nhà vua và nhà giàu hay dùng quả vàng quả bạc, Triều Nguyễn khi vào trấn ở Thuận-hóa, dạy tướng-sĩ hết lòng giúp nhà Lê không theo chúa Trịnh. Thơ này là khúc nhạc tập ở trong quân, ý nói đem vàng bạc để nuôi quân-sĩ cho được no say, đợi bao giờ chúa Trịnh có kéo binh vào, sẽ dùng quân ấy để chống đánh.

382.— Giật-giu một đỉnh tiêu-dao,
Tiếng ngư trong núi bóng tiều ngoài sông.
Lạnh-lùng những thủa đêm đông,
Áo đơn mỏng-mảnh trông mong đợi hè.

Tiếng ngư là tiếng ông ngư-phủ hát, bóng tiều là bóng người tiều-phu đi kiếm củi, áo đơn là áo mùa bức mà gặp phải mùa đông sương tuyết lạnh-lùng, thì áo ấy không dùng được. Thơ này là của người chí-sĩ không gặp thời, đi ẩn chỗ sơn-lâm, tự nghĩ mình cũng như cái áo đơn còn phải đợi mùa hè vậy.

383.—Sinh đời Kiệt Trụ sướng sao,
Có gò nem béo có ao rượu đầy.
Sinh đời Nghiêu Thuấn khổ thay!
Phải đào mà uống phải cày mà ăn!

384.— Mười năm lưu-lạc giang-hồ,
Một ngày nghĩ lại cơ-đồ cũng nên.

385.— Gạo trời của Phật nước tiên,
Đèn trăng quạt gió chẳng phiền chi ai.

386.— Da trời xanh biêng-biếc,
Mặt nước trắng phau-phau.
Thảnh-thơi thơ túi rượu bầu,
Sông Ngô bể Sở tới đâu là nhà.

387.—Ngọc lành ai nỡ bán rao,
Có ai mua ngọc thì vào mà mua.

388.—Vàng thời thử lửa thử than,
Chuông kêu thử tiếng người ngoan thử lời.

389.— Đem chuông đi đấm nước người,
Chẳng kêu cũng đấm ba hồi cho kêu.

390. — Chì khoe chì nặng hơn đồng,
Sao chì chẳng đúc nên cồng nên chiêng.
Chiêng khoe chiêng nặng chiêng dền,
Sao chiêng chẳng ở trên đền nghe kinh.

391. — Cát bay vàng lại ra vàng,
Những người quân-tử dạ càng đinh-ninh.

392. — Chim trời mà bán chợ trời,
Có ai biết của biết người mà mua.

393. — Đất bụt mà ném chim trời,
Chim bay đi mất đất rơi xuống chùa.

394. — Vắng trăng thời đã có sao,
Vắng hoa thiên-lý có đào động-tiên.

395. — Trăng khoe trăng tỏ hơn đèn,
Ba mươi mồng một không tìm thấy trăng.
Đèn khoe đèn tỏ hơn trăng,
Đèn ra đứng gió được trăng hỡi đèn ?

396. — Đêm qua thắp đĩa dầu đầy,
Bấc non chẳng cháy oan mày dầu ơi !
Đêm nay thắp đĩa dầu vơi,
Bấc non không cháy oan ơi hỡi dầu.

397. — Dung-dinh nước chảy ngang đèo,
Ngựa đua dưới bến thuyền chèo trên non.

398. — Ở đời ai có kém ai,
Chẳng qua thua đất chịu trời mà thôi.

399. — Làm trai biết đánh tổ-tôm,
Uống chè Ninh-thái xem nôm Thúy-Kiều.

400. — Làm trai giữ chí cho bền,
Chớ lo muộn vợ chớ phiền muộn con.

401. — Chơi cho thủng trống long bồng,
Cho phường ỏe-họe đứng trông mà thèm.

402. — Chẳng chơi cũng mất nết rồi,
Chơi cho đáo-để cho người biết tay.

403. — Cũng liều như hạt mưa dào,
Mà cho thiên-hạ trông vào mới hay.

404. — Trời cao đất rộng thênh-thênh,
Cái đường phú-quí còn dành cho ta.
Có công mài thép những là,
Khi nhờ lộc nước rồi ra giồi vào.
Cái công nợ có là bao,
Ra tay tháo-vát thế nào chả xong.

405. — Đã sinh ra kiếp hay chơi,
Thời trời lại bắt vào nơi không tiền.
Không tiền trời lại cho chơi,
Có tiền dẫu muốn nào trời cho đâu.

406. — Đánh giặc mà đánh tay không,
Trở về xó bếp giương cung bắn mèo.

407 — Thù này chắc hẳn còn lâu,
Trồng tre nên gậy gặp đâu đánh quẻ.

408 — Làm trai cố chí lập thân,
Rồi ra gặp hội phong-vân kịp người.

409 — Bà già đã tám mươi tư,
Ngồi trong cửa sổ gửi thư lấy chồng.

410. — Bảy mươi chống gậy ra đồng,
Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng ?
Thầy bói gieo quẻ đoán rằng :
Lợi thời có lợi nhưng răng không còn.

411. — Bắc thang lên tận cung mây
Hỏi sao chú cuội ôm cây cả đời ?
Cuội nghe cuội nói cuội cười,
Bởi vì nói dối nên trời bắt ôm.

412 — Bắc thang lên hỏi ông trời,
Những tiền cho gái có đòi được không ?

413. — Chém cha cái ngọn sông Bờ,
Tưởng là báng nước không ngờ báng con.

414. — Buồn ngủ lại gặp chiếu manh,
Khát nước lại gặp cam sành chín cây.

415. Một liều năm bảy cũng liều,
Đành như con trẻ chơi diều đứt giây.

416. — Ta về ta tắm ao ta,
Dầu trong dầu đục ao nhà đã quen.

417. — Nước trong một suối chảy ra,
Mình chê ta đục mình đà trong chưa ?

418. — Đi thời nhớ vợ cùng con,
Về nhà nhớ củ khoai môn trên rừng.
Khoai môn củ to mà tròn, nấu ăn giẻo hơn khoai sọ, thứ khoai ấy ở mạn chợ Bờ,

và tỉnh Tuyên-quang mới sản, Trung-châu không trồng được.

419. — Rủ nhau lên cấy xứ Đoài,
Công lênh chẳng có được vài chút con.
Đem về chồng ấp vợ ôm,
Giấu rằng nó thật giống con xứ Đoài.

420. — Cá bống còn ở trong hạng,
Cái rau tập-tàng còn ở ruộng dâu.
Ta về ta uốn lưỡi câu,
Câu lấy cá bống nấu rau tập-tàng.

421. — Tưởng là chị ngã em nâng,
Không ngờ chị ngã em mừng em reo.

Triều vua Lê Anh-tôn, anh em Trịnh Cối Trịnh Tòng đem binh đi đánh giặc, Trịnh Cối uống rượu say làm ngộ quân-sự, sau ngươi Tòng đem binh đánh, ngươi Cối bèn cướp binh-quyền, người thời chê mà làm thơ này.

422 — Một mình vừa chống vừa chèo,
Không ai bồ-tát cứu người nghèo một khi.

Tây-sơn Nguyễn Huệ kéo quân ra Thăng-long đánh chúa Trịnh, ngươi Trịnh Tòng từ cửa Ô-an-hoa trốn chạy, qua sông An-lãng, chèo thuyền qua sang bắc-ngạn, bị phải ngươi Doanh-Tang bắt được đem nộp Tây-sơn, nhân có thơ này.

423. — Đầu cha lấy làm chân con,
Mười bốn năm tròn hết số thì thôi.

Câu này ý nói Nguyễn Huệ là cha, Nguyễn Toản là con, Nguyễn Huệ niên-hiệu Quang-trung 光中, Nguyễn Toản niên-hiệu Cảnh-thịnh 景盛 đầu chữ quang có chữ *tiểu* 小, chân chữ *cảnh* cũng có chữ tiểu 小, thế là lấy đầu cha làm chân con ; trước sau truyền ngôi được mười bốn năm thì mất nước, người thời chê làm thơ này.

424. — Tu đây chẳng có bụt du,
Mà em cắp áo đi tu chùa nào ?
— Muốn tu chùa ngói chùa vàng,
Chùa gianh vách đất ở làng thiếu chi.

425. — Đàn ông tính-khí toang-toàng,
Đàn bà con gái giữ-giàng nết-na.
Phòng khi nó bỏ tây ra,
Chịu đi thì tức nói ra người cười.

Thơ này lời giặn con gái.

426. — Giây đâu mà vắt qua trời.
Thuốc đâu mà chữa được người lẳng-lơ.

Giây thép mà giăng qua trời, « lục-xi » để chữa những người lẳng-lơ, xem thế mới biết lời phong-dao thành ra lời sấm.

427. — Đói thì ăn nắm lá sung,
Chồng một thì lấy chồng chung thì đừng.

428. — Tốt duyên lấy được chồng chung,
Lương vua khỏi đóng quần chồng khỏi may.

Câu trên là bạn gái cười người đi lấy làm hai, câu dưới là người đi làm hai trả lời lại. Nước ta xưa thuế vua phải nộp bằng lương, cho nên gọi là lương vua, làm vợ hai thời việc nhà chồng cùng lương thuế đã có vợ cả lo toan, mình không phải nghĩ đến.

429. — Có chồng như chỉ buộc chân,
Bạn xa cũng mặc bạn gần cũng quên.

Con gái có chồng khi bận việc nhà, khi bận con thơ, không ai buộc chân mà cũng không đi đâu được. Bạn xa bạn gần khi ở nhà chơi với nhau thân-thiết, bây giờ thành ra hờ-hững, có ý ân-hận làm ra thơ này.

430. — Khôn-ngoan cũng thể đàn bà,
Dẫu mà vụng dại cũng là đàn ông,

431. — Thế-gian được vợ hỏng chồng,
Hình như cái nón được trong hỏng ngoài.

Thơ này ý nói vợ chồng không mấy người được cả đôi, vợ khôn thì chồng vụng dại, tuy vụng dại cũng là chồng, đừng tự nghĩ mình khôn ngoan mà bắt nạt chồng thế mới phải đạo làm vợ.

432. — Xưa nay hồ dễ mấy ai,
Miệng khôn tay khéo cho trai được nhờ.

Thơ này nói đàn bà xưa nay làm nên giàu sang cho chồng được nhờ thì ít có, cũng có người vì cái miệng mà làm mất cả danh-giá chồng, vì cái tay mà phá tiền của chồng

bởi là đàn bà nước ta xưa không học không biết suy nghĩ, miệng chỉ quen thói chanh-chua, tay chỉ quen nghề thổi nấu mà thôi, việc ngoài không biết gì cả, kìa xem đàn bà các nước làm nghề đăng-ten, nghề thêu dệt, làm bà đỡ, làm cô giáo, khi xem sách xem báo có điều gì hay thì khuyên bảo chồng, có việc gì đáng làm thì giúp đỡ chồng, thế mới là đàn bà có giá-trị.

433. — Giốc bồ thương kẻ ăn đong,
Vắng chồng thương kẻ nằm không một mình.

Thơ này ý nói giốc bồ là ít thóc, nhưng còn thóc ăn, so với người ăn đong không có hột thóc nào thời cái tình-cảnh nghĩ cũng ái-ngại, vắng chồng tuy không được gần chồng, nhưng cũng có lúc chồng về, đối với người góa chồng, không có bao giờ được gặp chồng, thời cái tình-cảnh ấy lại càng cay-đắng.

434. — Khi xưa ai cấm duyên bà,
Bây giờ bà già bà cấm duyên tôi.

Người góa chồng còn tuổi trẻ, muốn đi lấy chồng, bà mẹ chồng có ý ngăn đón, nên làm ra thơ này.

435. — Đã biết chồng ai vợ ai,
Bao giờ sánh-lễ lan-nhai mới là.
Đã biết chồng ai vợ ai,
Bao giờ cửa đóng then cài sẽ hay.
Đã biết chồng ai vợ ai.
Bao giờ thác xuống toàn-đài sẽ hay.

Nghĩa vợ chồng kết tóc ở đời với nhau, mong được bách-niên giai-lão, dẫu gió mưa cách-trở, tấm lòng vàng đá không phai, bây giờ đạo vợ chồng không được như trước cũng có người ước lấy nhau rồi sau lại không lấy, cũng có người đã cheo cưới rồi lại bỏ nhau, cũng có người lấy nhau năm bảy mặt con rồi bỏ đi theo người khác, người thời có ý thương thời làm thơ này.

436. — Còn duyên như tượng tô vàng,
Hết duyên như tổ ong tàn phải mưa.
Còn duyên kẻ đón người đưa.
Hết duyên đi sớm về trưa mặc lòng.

437. — Còn duyên kén cá chọn canh.
Hết duyên cóc đực cua kềnh cũng ưa.
Còn duyên kén những trai tơ,
Hết duyên ông lão cũng vơ làm chồng.

Cá canh là chỉ trai tơ, cóc đực cua kềnh là chỉ ông lão. Thơ này ý nói con gái khi còn duyên kén chọn mãi, đứng núi nọ nhìn núi kia, đến khi hết duyên, đến nỗi già kén kẹn ươm, phải lấy ông lão, vậy làm thân con gái cũng không nên kén chọn cho lắm, hễ đẹp duyên vừa lứa thì thôi.

438. — Gần thời chẳng bén duyên cho,
Xa xôi cách mấy lần đò cũng theo.
Phải duyên nó bén như keo,
Trái duyên rễnh-rãng như kèo đục vênh.

Người con gái khi trước đã lấy người làng, nhưng vì cái duyên trái-trở, nên phải lấy chồng xa, nhưng gặp phải nhà chồng nhiều điều chênh-lệch, nhân tự-thán làm thơ này.

439. — Trời mưa nước chẩy qua sân,
Đi lấy ông lão qua lần mà thôi.
Một mai ông lão chầu trời,
Trở về lại lấy một người trai tân.

Người con gái có tính lẳng-lơ, vớ phải ông lão khọm, người ta cười mà làm thơ này.

440. — Hoa thơm ai chẳng nâng-niu,
Người khôn ai chẳng chắt-chiu để lòng.
Người khôn nào còn đến nay,
Miếng ngon người đã chia tay nhau rồi.
Hoa thơm mất nhị đi rồi,
Còn thơm đâu nữa mà người ước-ao.

Con gái cũng như miếng ngon bán ở ngoài chợ vậy, không ế bao giờ, con gái lại như cái hoa vậy, hoa mà mất nhị thì không thơm, không thơm thì không ai quí nữa, con gái cốt phải có nết, cái nết đánh chết cái đẹp, đẹp mà không có nết thì cái đẹp cũng vất đi, người làm thơ này là chê con gái mất nết.

441. — Răng đen chẳng lọ là nhăn,
Người giòn chẳng lọ chít khăn cũng giòn.
Cau già dao sắc lại non,
Người già trang-điểm vẫn giòn như xưa.

442. — Anh đi trúc chửa mọc măng,
Anh về trúc đã cao bằng ngọn tre.
Anh đi lúa chửa chia vè,
Anh về lúa đã đỏ hoe đầy đồng.
Anh đi em chửa có chồng,
Anh về em đã con bồng con mang.

448. — Đời xưa chọn giống chọn dòng,
Đời nay ấm cật no lòng thời thôi.

Ngạn có câu lấy vợ phải kén tông, lấy chồng phải kén giống, nhưng thế-tục bây giờ vợ chồng lấy nhau không cần phải môn-đăng hộ-đối, hễ có của là hơn.

444. — Chồng khôn thì nỗi cơ-đồ,
Nhược bằng chồng dại vũ-phu nặng mình.

445. — Có con mà gả chồng gần,
Nửa đêm đốt đuốc đưa phần biếu cha.
Có con mà gả chồng xa,
Trước là mất giỗ sau là mất con.

Tục nước ta nhiều nhà chia giỗ cho con gái, gả chồng xa thời đi lại cách-trở, thường khi bỏ giỗ không làm, mà quanh năm không mấy khi về thăm cha mẹ, có ý hối-hận làm ra thơ này.

446. — Mẹ đừng trách rể trách dâu,
Mẹ trách con mẹ rể dâu theo đòi.

Thơ này ý nói rể dâu là nghĩa-hợp, chửi mắng nó thì nó giận mình rằng cay nghiệt, không bằng trước dạy con mình cho có khuôn phép để cho dâu rể theo đòi thì hơn.

447. — Ghét nhau cũng mẹ con ta,
Yêu nhau lắm-lét cũng là người dưng.

Thơ này ý nói mẹ với con là máu mủ sinh ra, còn như người dưng nước lã chẳng qua tiếp-đãi thơ-thớt ngoài miệng đó mà thôi, vậy thời sinh con phải yêu con, phải dạy con giận thì mắng lặng thì thương, mới phải đạo, làm cha mẹ.

448. — Cũng là con mẹ con cha,
Cành cao đắp-điếm cành la bỏ liều.

Thơ này ý nói mẹ sinh con, con nào cũng là một bát máu xẻ ra, sao lại con giàu thì yêu, con nghèo thì ghét, cũng như cành cao đắp-điếm cành la bỏ liều vậy.

449. — Ở nhà nhất mẹ nhì con,
Ra đường lắm kẻ còn giòn hơn ta.

Thơ này ý nói ở nhà thời mẹ tưởng mẹ hay, con tưởng con hay, không ai hơn nữa, nhưng so sánh với người ngoài thì còn kém xa, vậy thời mẹ con nên bảo nhau sửa sang tính-nết để còn đối-đãi với người ta.

440. — Bao giờ bánh đúc có xương,
Bấy giờ dì ghẻ mới thương con chồng.

Thơ này ý nói dì ghẻ không khi nào thương con chồng, cũng như bánh đúc không khi nào có xương, nhưng con chồng cũng là con mình, phải nên thương yêu dạy bảo, khiến cho nó được thành-thân, thời mới xứng-đáng cái bổn-phận mình làm kế-mẫu.

451. — Con vua lại được làm vua,
Ba đời sãi chùa đi quét lá đa.

Vua Lê Dụ-tôn có cả là ông Duy-Trường con thứ là ông Duy-Phường, Trịnh Cương mưu dựng Duy-Phường là cháu ngoại mình lên làm vua, được hơn bốn năm, Duy-Phường phải bỏ, ông Duy-Tường lên làm vua, dân-gian có câu thơ này.

452. — Trứng rồng lại nở ra rồng,
Liu-điu lại nở ra dòng liu-điu.

453. — Nước mưa chẩy xuống giọ nhà
Nòi nào giống ấy nó ra rành-rành.

454. — Mẹ khôn thì để con khôn,
Mẹ dại con dại chẳng còn hồ-nghi.

Ba thơ này nói về người ta có nòi giống.

455. — Coi mặt mà đặt hình-dong,
Con lợn có béo thì lòng mới ngon.

456. — Đàn bà lanh-lảnh tiếng đồn
Nếu chẳng sát chồng thời cũng hại con.

457. — Những người ti-hí mắt lươn,
Trai thời trộm cướp gái buôn chồng người.

458. — Những người thắt đáy lưng ong,
Đã hay chiều chồng lại khéo nuôi con.

459. — Những người béo trục béo tròn,
Ăn vụng như chớp đánh con cả ngày.

460. — Những người chép miệng thở dài,
Tất là thân khổ bằng ai bao giờ.

461. — Khôn thời tại tính tại lòng
Lọ là uống nước giữa dòng mới khôn.

462. — Mấy người sấp mặt bước giồn,
Những người thế ấy có khôn bao giờ.

463 — Xấu gỗ thì tốt nước sơn,
Xấu người tốt nết còn hơn tốt người.

464. — Vô-duyên chưa nói đã cười,
Có duyên gọi chín mười lời sẽ thưa.

Mấy thơ này nói về hình tướng người ta.

465. — Ăn được ngủ được là tiên,
Không ăn không ngủ mất tiền thêm lo.

466. — Ăn trầu phải mở trầu ra,
Một là thuốc độc hai là mặn vôi.

467. — Rượu ngon uống ít cũng say,
Áo rách có chỉ vá ngay lại lành.

468. — Rượu ngon chẳng nệ be sành,
Áo rách khéo vá hơn lành vụng may.

469. — Đào thắm thì đào hay phai,
Vải nâu giải nắng dầu mài không đi.

470. — Cơm ăn bữa vực bữa lưng,
Rồi đâu mà giận người dưng thêm gầy.

471. — Em ơi anh bảo em này,
Trứng chọi với đá có ngày vỡ tan.

472. — Đi đâu mà vội mà vàng,
Mà vấp phải đá mà quàng phải giây.

473. — Đánh giặc thì đánh giữa sông,
Chớ đánh trong cạn phải chông mà què.

474. — Đi đâu thì phải cầm que,
Kẻo chó nó cắn mà què chân tay.

475. — Bốn phương xum-họp một nhà,
Miếng trầu lịch-sự chén trà phong-lưu.

476 — Đi cho biết đó biết đây,
Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn.

477. — Chữ nhẫn là chữ tương vàng,
Hễ ai nhẫn được mọi đàng mọi hay.

478. — Lời nói chẳng mất tiền mua,
Liệu lời mà nói cho vừa lòng nhau.

479. — Kim vàng ai nỡ uốn câu,
Người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời.

480 — Ở sao cho đẹp lòng người,
Ở rộng người cười ở hẹp người chê.

481 — Chẳng được đĩa thịt đĩa xôi,
Cũng được lời nói cho nguôi tấm lòng.

482. — Miếng ngon ăn ít no nhiều,
Người khôn nói một vài điều cũng khôn.

483. — Vai kia gánh lắm cũng chồn,
Người khôn nói lắm có khôn bao giờ.

484. — Thứ nhất sợ kẻ anh-hùng,
Thứ nhì sợ kẻ cố-cùng lẫy-bẫy.

485. — Dù ai nói đông nói tây,
Thời ta cứ vững như cây giữa rừng.
Dù ai nói ngả nói nghiêng,
Thời ta cũng vững như kiềng ba chân.

486 — Chớ thấy người nói mà mừng,
Miệng người không đấu không thưng không lường.

487 — Không thèm ăn gỏi cá ươn,
Không thèm nói với những phường trẻ ranh.

488. — Hoài lời nói kẻ vô-tri,
Một trăm gánh chì đúc chẳng nên chuông.

489. — Trời sinh ra đã làm người,
Biết ăn biết nói biết cười biết chơi.
Khi ăn thì phải nhớ mùi,
Khi nói thì phải nhớ lời chớ sai.
Nói lời phải nhớ lấy lời,
Đừng như con bướm đậu rồi lại bay.
Cả vui chớ có vội cười,
Nơi không lễ-phép chớ chơi làm gì.

490 — Nói gió mà cạnh lòng mây,
Tuy rằng nói đấy nhưng đây cạnh lòng.
Sấm bên đông động bên tây,
Tuy rằng nói đấy nhưng đây biết rồi.

491. — Có ai ta cũng thế này,
Không ai ta cũng như ngày có ai.

492. — Khôn-ngoan thì kiếm ăn ngoài,
Vô-phúc mạt đời mới kiếm ăn quanh.

493 — Lấy vợ thì cưới liền tay,
Chớ để lâu ngày lắm kẻ gièm pha.

494. — Một cành tre năm bảy cành tre,
Đẹp duyên thời lấy chớ nghe họ hàng.

495. — Canh rau khéo nấu cũng ngon,
Mẹ già khéo nói thì con đắt chồng.

496 — Nuôi lợn thì phải vớt bèo,
Lấy chồng thì phải nộp cheo cho làng.

497. — Làm nhà có cột có kèo,
Lấy vợ có cưới có cheo mới bền.

498. — Lấy vợ xem tuổi đàn-bà,
Làm cửa làm nhà xem tuổi đàn-ông.

499. — Rắn già thì rắn lại lột,
Người già thì người chui thụt vào săng.
Thế-gian còn dại chửa khôn,
Sống mặc áo rách chết chôn áo lành.

500. — Trâu dê chết để tế ruồi,
Sao bằng khi sống cơm suối kính dâng

Nước ta có nhiều người khi cha mẹ còn sống, không biết thần-hôn phụng-dưỡng, đến khi chết thì làm cỗ bàn mời làng nước họ hàng đến tế lễ, chẳng qua che mắt thế-gian mà thôi, chứ người ta chết thì hồn phách còn biết ăn uống gì nữa, vì bằng linh-hồn biết ăn uống, ngày tế lễ đã vậy, còn ngày khác thời ăn ở đâu? Trước đức thánh Khổng dạy chữ sự tử như sự sinh, nghĩa là thờ cha mẹ khi sống thế nào, đến sau chết cũng phải kính-trọng làm vậy, chứ có phải nuôi cha mẹ như lúc sống đâu.

501. — Chồng cô vợ cậu chồng dì,
Trong ba người ấy chết thì không tang.

502. — Hàng xóm còn trở ba ngày,
Chồng cô vợ cậu một ngày thì không.

503. — Lễ thời anh chẳng để tang,
Để năm ba tháng kẻo nàng tủi thân.

504. — Của làm ra thì để trên gác,
Của cờ bạc thì để ngoài sân.
Cờ bạc là cái bất nhân,
Ai vào cửa ấy cởi trần mà ra.

505. — Cờ bạc là bác thằng bần,
Ruộng nương bán hết xỏ chân vào cùm.

506. — Cờ bạc nó làm tội anh,
Áo quần bán hết một manh chẳng còn.

507. — Cờ bạc canh đỏ canh đen,
Nào ai lại muốn đem tiền vất đi.

508. — Cờ bạc nó có ra gì,
Tổn tiền hao sức kẻ chê người cười.

Bạc là tệ-bạc, chứ không có nhân-hậu gì, trong anh em ngoài cờ bạc chỉ chực nhằm ăn nhau đấy thôi, tuy rằng đỏ được đen thua, rút lại bao nhiêu tiền cũng vào nhà chứa bạc hết, tụm năm túm ba, tưởng rằng bày ra cuộc để tiêu-khiển, không ngờ mất tiền của nhà, nghĩ lại càng xót càng cay, nên phải theo đuổi để đánh gỡ, càng gỡ lại càng bập mãi vào, trước còn bán ruộng dợ nương sau thì cầm quần cố áo, công nợ lôi-thôi, có kẻ sinh ra trộm cướp, làm điều phi-pháp, đến nỗi phải cùm phải kẹp, cái thảm-trạng ấy tự mình làm mình, không phải tự ai, thế mới biết bạc thực là bạc. Năm chương này răn người đừng đánh bạc.

509. — Sinh con rồi mới sinh cha,
Sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông.

510. — Kẻ chiêng người trống đua nhau,
Tiếng khoan hò dịp tiếng mau rập rềnh.

511. — Sơn-bình chợ dối chẳng xa,
Cách một cái quán với ba quãng đồng.
Chẳng tin đứng lại mà trông,
Bên tây có núi bên đông có chùa.
Ở giữa lại có đền thờ,
Em còn kén chọn bán mua chợ nào?

Sơn-bình là Sơn-tây.

512. — Rủ nhau đánh cá đồng đầm,
Cá kia chẳng được âm-thầm lòng anh.
Cây vàng lá rụng chung quanh,

513. — Anh chê thuyền thúng chẳng đi,
Anh đi thuyền ván có khi rập-rềnh;
Ba chìm bảy nổi lênh-đênh.

514 — Em chê thuyền ván chẳng đi,
Em đi thuyền thúng có khi chòng-chành.
Có khi đỗ ngả đỗ nghênh.

515 — Chơi xuân kẻo hết xuân đi,
Cái già sồng-sộc nó thì theo sau.

516. — Dầu ngồi cửa sổ chạm rồng,
Chiếu hoa đệm gấm vắng chồng chẳng vui.

517 — Ăn thời chọn những của ngon,
Làm thời chọn việc cỏn con mà làm,

518. — Làm thời chửa có bằng ai,
Ăn thời thứ nhất thứ hai trong làng.

519. — Chân mình những phần rề-rề,
Lại còn đốt đuốc mà rê chân người.

Thơ này ý nói mình ăn ở xấu bụng không ra gì, lại hay bới lông tìm vết để nói xấu người ta, ngụ ý trách người, không bỗ trách mình là sự vậy.

519. — Nói nên mà ở chẳng nên,
Quang mây gánh đá có bền được đâu?

520.— Thế gian lắm kẻ mơ-màng,
Thấy hòn son đỏ ngỡ vàng trời cho.

521. — Nghĩ mà ngao-ngán sự đời,
Một con cá lội mấy người uốn câu.

522.— Tay không nói vẻ nói vang,
Nói gì thì nói cả làng chẳng nghe.
Tay đeo túi bạc kè-kè,
Nói sóng nói gió người nghe ầm-ầm.

Thơ này ý nói thế-tình người ta ai nghèo kiết dẫu nói hay thời người ta cũng không cho là hay, dẫu nói phải người ta cũng không cho là phải, hễ trong tay sẵn có tiền bạc, thời dẫu nói những lời sóng gió nguy-hiểm, cũng nhiều kẻ nghe.

523.— Ngựa ai buộc ngõ ông cai?
Trầm ai đem buộc vào tai bà nghè?

524.— Bao giờ trúc mọc bên đình,
Thời ta gánh đá xây thành Cổ-bi.

525.—Bao giờ lấp được sông Chanh.
Để ta gánh đá xây thành Cổ-loa.

Thành Cổ-loa là chỗ vua An-dương-vương đóng đô ngày trước, nay thuộc huyện Yên-phong tỉnh Bắc-ninh.

526, — Trách sao chàng Thức vụng suy,
Đã đăng cõi thọ về chi cõi trần?

527. — Ta về bẻ thước ta đo,
Đo từ núi Sở núi So chùa Thầy.
Lên trời đo gió đo mây,
Xuống sông đo nước về đây đo người.

528. — Tôi yêu anh vạn tôi yêu anh nghìn,
Anh ăn thuốc chín dưa tiền tôi mua.

Thơ này ý nói thói đời yêu nhau chỉ vì đồng tiền, nếu không có tiền chẳng ai yêu ai cả.

529. — Trời mưa thì mặc trời mưa,
Tôi không có nón trời chừa tôi ra.

530. — Chùa nát bét tượng đen sì,
Sư phì bụng cháo tiểu phì mặt rau.

531.— Chạnh niềm nhớ bạn tương-tri,
Sầu riêng riêng những nặng vì nước non;
Anh sầu em một năm nay tròn,
Kể hai mươi bốn tiết.
Cành nam chờ chim Việt,
Gió bắc đợi ngựa Hồ;
Ai dám phụ ai mô,
Chỉ sầu riêng bận mãi,
Sầu vì tình mà bận mãi.
Ai làm nên xa ngái,
Cho kẻ Tấn người Tần,
Bước sang tiết lập-xuân,
Trông hoa càng nhớ bạn,
Thấy hoa càng nhớ bạn,
Cơn sầu này chưa dận,
Khen ai khéo phụ-phàng.
Trông hoa đào đương cợt gió,
Thấy hoa đào đương cợt gió,
Đêm năm canh vò-võ,
Ngày sáu khắc thiều-quang.
Tuần thanh-minh bước sang,
Bướm tìm hoa bướm đỗ,
Bướm thấy hoa tàn mà bướm đỗ,
Bước sang tuần cốc-vũ,
Thấy lúa nở đầy đồng,
Ngồi nghĩ chữ tình-chung,
Tưởng một niềm vàng đá.
Bước sang tuần lập-hạ,
Nghe con quốc mới gọi hè.
Ngày lọt gió sầu ve,
Đêm mơ-mang giấc bướm.
Tưởng âu-sầu giấc bướm,
Nước bốn bề lai-láng,
Ruộng tư-mẫu vàng hương.
Tuần vụ-thủy bước sang,
Trông bạn tưởng chỗ nọ,
Nhớ bạn tình chỗ nọ.
Sen dưới hồ đua nở,
Trời mới mọc sao tua.
Rượu thơm ngát hương bồ.
Bước sang tuần mang-hiện.
Nắng não-nùng thư-viện,
Gió phảng-phất lan-đình.
Tiết hạ chí nhất âm sinh,
Ta nói lại với mình,
Nỗi niềm tây tình-tự,
Năm bảy lời tình-tự.
Tiểu-thử rồi đại-thử,
Kẻ cấy gặt mùa màng,

Nắng đã đốt gan vàng,
Anh sầu em ghi nỗi,
Nhớ bạn tình ghi nỗi.
Ba tháng chưa bức vội,
Giờ đến tiết lập-thu,
Mượn chim thước bắc cầu Ô,
Kẻo Ngưu-lang thương nhớ,
Nhớ vì nường Chức-nữ.
Bước sang tuần xử-thử,
Trời lác-đác mưa Ngâu,
Thấy bóng nguyệt trên lầu.
Trông bạn tưởng chỗ nọ,
Nhớ bạn tình chỗ nọ.
Bước sang tuần bạch-lộ.
Vui xếp cánh nhàn bay,
Đàn nâng tiếng trùng giây.
Khúc tương-tư khôn gẩy,
Điệu cầu-hoàng khôn gẩy.
Nguồn ân bể ái,
Nhớ bạn nghĩa muôn phần,
Tiết hàn-lộ thu-phân,
Quá hai phần thương nhớ,
Quá ba phần thương nhớ.
Mùa hoa đã gần tàn,
Tiết sương-giáng mưa sương,
Lập-đông rồi gió rét,
Ngâm câu bạch-tuyết,
Tiết vụ-lộ lạnh-lùng,
Mượn áo lại đắp chung.
Khi màu hương bén lửa,
Gối hương thầm bén lửa.
Mai trên cành đua nở,
Kẻ cấy gặt chung quanh.
Tiết đông-chí nhất dương sinh,
Ta nói lại với mình,
Bĩ rồi sau lại thái.
Cơ trời rồi hội-thái.
Có thương anh thì nói lại,
Kẻo thương nhớ người ngoan,
Tiểu-hàn rồi đại-hàn.
Trong mùa đông tháng rét,
Mượn áo lại cùng hơi,
Suốt một năm ni trời,
Chỉ lòng sầu dạ tưởng.

532. — Đời vua Vĩnh-tộ lên ngôi,
Cơm nguội đầy nồi trẻ chẳng buồn ăn.

Vĩnh-tộ là niên-hiệu đời vua Thần-tôn, bấy giờ thiên-hạ thái-bình, dân-gian vui-vẻ, nên có thơ này.

533. — Nước yên bình mạnh dân giàu,
Khắp trong tám cõi khấu đầu làm tôi.
Các quan mừng chúc lên ngôi,
Chúc câu vạn thọ đời đời liệt-vương.

534. — Lạy trời cho chóng gió nồm,
Cho thuyền chúa Nguyễn thẳng buồm giong ra.

Rốt đời Lê, Nhuận-hồ kế đến chúa Trịnh, rồi đến Tây-sơn, không năm nào là không dùng binh, dân Hà-bắc yêm loạn đã lâu, mong có bậc chân-nhân ra để yên dẹp trong nước, bây giờ vua Gia-long đã bình được Nam-kỳ, lấy được Phú-xuân, nhưng vẫn còn ái-đới nhà Lê, không dám đổi niên-hiệu, nghe lời ông Trương Đức-Siêu, mới quyết kế đem binh ra đất Hà-bắc, từ sông Linh-giang ra Hoành-sơn, qua Nghệ-an, Thanh-hóa, ra đến Sơn-nam-thượng-trấn, đến đâu các tướng đều bó giáo ra hàng, dân Hà-bắc vui mừng và có ý mong mỏi mà làm thơ nay.

535. — Đời người ví bằng gang tay,
Ai hay ngủ ngày chỉ được nửa gang.

536. — Ngồi đêm trông bóng trăng tàn,
Muốn đoan với nguyệt mà than một lời.
Nguyệt rằng vật đổi sao dời,
Thân này vẫn để cho người soi chung.

537. — Già thời mọi sự mọi hèn,
Giang-sơn phó giả đàn em sau này.

538. — Ở đây những suối cùng khe,
Chân xim bóng núi tiếng ve gọi sầu,

539. — Trai tứ-chiếng gái giang-hồ
Gặp nhau ta nỗi cơ-đồ cũng nên.

540. — Còn Tàu còn bán vải sô,
Tàu về mới biết si-xô bạc-tình.

541. — Gập-ghềnh núi đá treo-leo,
Biết đâu quân-tử mà gieo mình vào.

542. — Dao vàng bỏ đấy kim-nhung,
Biết rằng quân-tử có dùng ta chăng?
Ngọn đèn thấp-thoáng bóng trăng,

Ai đưa người ngọc thung-thăng chốn này.

543. — Làm trai giữ chí cho bền,
Chớ lo muộn vợ chớ phiền muộn con,

544. — Đố ai nắm võng không đưa.
Ru con không hát anh chừa rượu tăm.

545. — Đố ai may túi đựng trời,
Mắc dò đánh kiến giết voi xem giò.

546. — Đố ai tát bể cắm kè,
Tát sông ồ-đề nhổ mạ cấy chơi.

547. — Đố ai lặn xuống vực sâu,
Mà đo miệng cá uốn câu cho vừa.

548. — Đố ai nắm đá quăng trời,
Đan gầu tát bể ghẹo người trong trăng.

549. — Đố ai quét sạch lá rừng,
Để ta khuyên gió gió đừng rung cây.
Rung cành rung cỗi rung cây,
Rung sao cho chuyển cây này thì rung.

550. — Trúc xinh trúc mọc bên đình,
Em xinh em đứng một mình cũng xinh.
Trúc xinh trúc mọc bờ ao,
Em xinh em đứng chỗ nào cũng xinh.

551. — Chẳng nên sinh sự sự sinh,
Hại nhân nhân hại ấy mình chẳng oan.

552. — Năm năm tháng tháng ngày ngày,
Lần lần lữa lữa rầy rầy mai mai.
Kiếp sau xin chớ làm người,
Làm cây thông đứng giữa trời mà reo.

Tụng

553. — Nay mừng bải yên hà thanh,
Muôn dân trăm họ thái-bình âu-ca.
Gái Thanh-hóa Huyện Nga ta,
Cỏ cây thang-mộc quốc-gia Triều-đình,
Bốn phương bể lặng tăm kình,
Muôn dân trăm họ thái-bình âu-ca.

Huyện Nga-sơn giáp Tống-sơn, vua triều Nguyễn thường ra bái-yết lăng ở xã Gia-miêu, nên huyện ấy có câu chúc như thế.

554. — Thánh-chúa vạn niên Thánh-chúa vạn niên,
Chúng tôi nay dâng cách đội đèn,
Thái-hòa gặp tiết xuân-thiên,
Gió đưa cỗi ngọc hoa chen cành vàng,
Tình-tang tình-tang tình-tang,
Trong nhà đèn thắp sáng choang ngoài thềm.
Êm ngoài êm,

Tục huyện Cẩm-thủy tỉnh Thanh đầu năm con đội đèn hát mừng thơ này.

555. — Sáu năm vào đám làm chay,
Lam-điền hương-ước xưa nay lưu-truyền.
Trong thời lễ tạ gia-tiên,
Ngoài thời mở đám cờ tiên chơi-bởi.
Trên nhờ ơn Phật ơn Trời,
Trẻ già trai gái mọi người ước-ao.
Chúng tôi là gái tơ đào,
Khoan-khoan gót ngọc bước vào thềm hoa.
Chúc mừng vận hội làng ta,
Nhân khang vật phụ nhà nhà vẻ-vang.

Hương-ước ở chỗ Lam-điền có phong-tục tốt xưa nay vẫn có tiếng khen, thơ này ở huyện Nông-cống có làng sáu năm một lần vào đám con gái vào hát để chúc mừng dân làng.

556. — Nay mừng mưa thuận gió hòa,
Vua đời Ngu Hạ dân đời Thương Chu.
Nơi nơi kích nhưỡng ca cù,
Khắp trong vũ điện sáu châu thuận-hòa.
Đâu đâu già trẻ gần xa,
Người người kính chúc thiên-gia vững-vàng.
Ai ai trung hiếu lưỡng-toàn,
Năm năm mừng được phong-niên thái-bình.

Thơ này huyện Nông-cống tỉnh Thanh.

557. — Bước vào bái vọng quì tâu,
Tuổi vua tôi chúc sống lâu muôn đời.
Mừng vua chính thực con trời,
Vua lên trị vì nhà đủ người no.
Trăm năm kính chúc tuổi vua,
Bát thiên xuân bát thiên thu lâu dài.
Tôi dâng chữ lộc chữ tài,
Chữ phú chữ quí đời đời hanh-thông.
Dâng chữ vạn-phúc du-đồng,
Văn dẳng-dặc tiến vũ trùng trùng thăng,
Văn thì khoa đệ liên-đăng,
Vũ thời thao-lược ai bằng dân ta.
Sĩ thời kinh-sử ngâm-nga,

Văn hay chữ tốt đăng-khoa có ngày.
Nông thời chăm việc cấy cày,
Bụn kho thóc chất hơn đời Hán-gia.
Công thời mực thước tài-hoa,
Chạm rồng đục phượng vua đà ban khen.
Thương thời lắm bạc nhiều tiền,
Bán buôn lời lãi dư nghìn dư trăm.
Trai thời có chí gắng chăm,
Gái thời khuya sớm nuôi tằm hái dâu.
Chúc mừng đã sang lại giàu,
Chúc mừng lại được sống lâu hơn người.

Câu hát này ở huyện Lôi-dương tỉnh Thanh thuộc phủ Thọ-xuân, thơ này là khi nhập-tịch sự-thần dâng câu chúc tụng ngày xuân lệ thường.

558.—Nay mừng thấy thọ-tinh dãi bóng,
Gần xa đâu cũng ngóng thanh-quang.
Áo xiêm cao rủ ngai vàng,
Một trời mây thụy bốn phương gió hòa.
Rồng ngự được năm ba-mươi-mốt,
Tiết thiên-thu tháng tốt ngày lành.
Năm tuần vừa hội hà thanh,
Quang sinh bên hiệu giáp sinh bên đường.
Trước đan-bệ phủng trường chúc-hỗ,
Kính dâng câu vạn-thọ niên-tăng.
Nhật chi thăng nguyệt chi hằng,
Xin đem cửu khúc họa dâng tiệc quỳnh.

Câu này ở tỉnh Nghệ-an chúc vua ngũ-tuần đại-khánh.

. . .

Phụ-biên câu chúc tụng của Mường-Thổ.

Năm cũ đã qua, bước sang năm mới, quân phường-phù chúng tôi vào Lang.
Tôi mừng nhà Lang năm nay giàu sang phú-quí,
Con nhà Lang bước chân ra đàng, tay cầm cây mía, cưỡi ngựa tía có dù.
Chia ban các ba làng, bước chân ra đàng,
Có võng đòn cong, có con hầu theo sau xách giép.

Năm cũ đã qua bước ra năm mới, quân phường phù chúng tôi đến nhà Lang,
Trông bên trước có cây *lang*, bên sau có cây *tủ*, trâu bò nhà Lang *đành* trong *hàng*.
Gà vịt nhà lang nuôi đầy *áng mang áng chài*.
Quân phường phù nay mừng nhà Lang,
Vua chúa là người khôn-ngoan,
Vua quan là người khéo đặt.
Một năm là mười hai tháng, một tháng ba mươi ngày. Đặt ngày lẻ có năm no có tháng thiếu. Con Lang tôi là người chứng kiến, Lang tôi khiến *uần* anh tôi rằng *thường*, tôi xin rằng *thường*.

Tôi mừng Lang tôi như nụ hoa ruối, mừng Lang tôi như nhà ngói mười năm *quang* mừng Lang tôi như hàng chiêng đám hội, như chở muối, như đội chăn bông. Người đi đồng bạn trưa cắp nón mới.

Hết năm lại đến năm,
Năm cũ đã qua bước sang năm mới,
Uần anh tôi xin rằng thường,
Mừng Lang tôi như hàng hoa khế,
Lang là bố mẹ cho Mường, cầm cân nẩy mực cho dân ăn nhờ.

Thổ-âm — *Lang* là cây cau. *Áng-chài áng mang* là chuồng gà vịt. *Đành* là bền. *Hàng* là chuồng trâu. *Uần* tức là em. *Quang* tức là gian nhà. *Thường* tức là chiêng. Tục Mường tiết Nguyên-đán dân tự mười-lăm mười-sáu tuổi trở lại, sáu bảy người họp một phường đem cái chiêng đến nhà Thổ-tư Thổ-mục, hát một câu đánh chiêng một hồi, chúc mừng nhà Lang, gọi là phường *sắc-phù*, xem thế biết tục Mường quí trọng nhà Lang như cha mẹ vậy.

(Hết)

THIỆN-ĐÌNH

MỘT NHÀ ĐẠI-TRIẾT-HỌC ĐỜI MINH

Vương Dương-Minh 陽 王 明

I

Trong khoảng đời Châu Tần, các nhà học giả như ong dậy, như là Lão Đam 老聃, Trang Châu 莊周, Dương-tử 楊子, Mặc Địch 墨翟, đều tiêu-biểu riêng một chủ-nghĩa, họp sinh-đồ làm sách-vở, để tỏ ra cái đạo của mình, cùng tranh chọi với đạo Nho. Đời Hán khởi lên, truyền đến vua Vũ-đế, bãi-truất cả trăm nhà, biểu-chương rõ sáu kinh, học-giả không phải sách ông Khổng thì không được đọc. Đến đời Tống mới có các nhà nho là ông Trình 程, ông Chu 朱 (1) nối ra đời. Đã bài-sích cả đạo Phật đạo Lão, lại bác cả các nhà nho đời Hán đời Đường chỉ chuyên-chú học về huấn-hỗ mà không cầu nghĩa-lý thì không có thiết-thực gì cả; mới phát-minh những nghĩa tinh-vi trong sáu kinh, nghiên-cứu về lối học tâm-thân tính-mệnh, rất là tinh-tường, rồi dung-hội quán-thông cả lại. Nếu người nào học được nhất-ngôn nhất-hạnh cũng có thể thụ-dụng đến vô-cùng, sở-dĩ đạo-học (2) từ đó mới không ma-diệt đi được.

Ông Chu-tử mất đi rồi, đạo-học lại càng rõ-rệt, trên tự đấng đế-vương, dưới đến các thầy sĩ-tử, ai cũng đều tôn-chuộng, không ai dám có điều gì dị-thuyết cả. Duy đồng-thời có ông Lục Cửu-Uyên 陸 九 淵 (3) cùng với lối học thầy Chu không hợp; vì lối học thầy Chu-tử thì chỉ cốt giảng-bàn về văn-học, mà lối học thầy Lục-tử thì lại chỉ tôn-chuộng về đức-tính, ấy cái công-án Chu-học Lục-học sở-dĩ dị đồng là thế. Đến khoảng giữa đời Minh, ông Vương Dương-Minh mới khởi lên, mà lối học của ông Dương-Minh lại theo về Lục-thị, nguyên khác với thầy Chu mà cũng là đồng-qui. Song những người phản-đối thì lại chê là dị-đoan và cho là không-đàm, Chu-học với Vương-học vì thế mới thành ra như nước lửa trái khác nhau, hai nhà đều lập ra môn-hộ riêng, chưa biết thế nào là định-luận. Thiên-hạ chi lý vốn vô-cùng, mà bao giờ về hậu-lai vẫn thắng, bênh kẻ kia mà bác kẻ nọ, khen đời cổ mà chê đời kim, là cái thông-bệnh người nước Tàu, có phải chỉ đối với Dương-Minh mà thế đâu.

Sự học của Dương-Minh sẽ thuật ra sau này, nhưng trước nhất hãy kể từ lúc ông còn trẻ tuổi, để hiến chư-độc-giả.

---

(1) Hoàng Tôn-Hy *Tống Nguyên học-án* có ghi chép các nhà nho và trăm người mà lấy hai ông Trình và ông Chu cho làm tập-đại-thành. Trình Hiệu 程 顥 tên tự là Bá-Thuần, học-trò xưng hiệu là Minh-đạo tiên-sinh. Em là Trình Di 程 頤 tên tự là Chính-thúc, học trò xưng hiệu là Y-xuyên tiên-sinh. Hai ông Trình là người Hà-nam. Chu-Hy 朱 熹 tên tự là Nguyên-hối, lại hiệu là Hối-am, tên thụy là Văn, người Vụ-nguyên.

(2) Cái tên hai chữ đạo học mới xuất hiện từ đời nhà Tống, cũng gọi là Lý-học.

(3) Tên tự là Tử-tĩnh, người Kim khê thuộc về Giang-tây, học-trò xưng hiệu là Tượng-sơn tiên-sinh. Anh là Cửu-Chiếu, Cửu-Linh, đều là bậc danh-nho.

Ông Dương-Minh họ Vương, tên là Thủ-Nhân 守仁, tên tự là Bá-an, truy-phong là Tân-kiến-hầu, tên thụy là Văn-thành. Đời trước vốn ở đất Sơn-âm, tự Sơn-âm mới thiên đến đất Dư-diêu. Đến đời cha là Hoa lại tự Dư-diêu dời về ở Sơn âm, nay trong thành Thiệu-hưng có phố Quang-tướng, đó tức là chỗ ở cũ. Khi Dương-Minh lớn lên mới dựng nhà ở trong đồng Dương-minh đất Dư-diêu, ở trong đọc sách, nên học-trò mới tôn hiệu là Dương-Minh tiên-sinh. Ông sinh ra ở Thụy-vân-lâu trong phố Quang-tướng ngày 30 tháng 9 năm Thành-hóa thứ tám đời vua Hiến-tôn nhà Minh (1472).

Khi Dương-Minh mười một tuổi, nhân người cha đi du-hoạn ở Bắc-kinh, tỏ là Thiên-Lự mới đem Dương-Minh đi chơi chốn kinh-hoa, đường qua Trấn-giang, bèn lên chơi Kim-sơn, chợt gặp người du-khách muốn làm thơ mà ngâm-nga mãi không xong. Dương-Minh đứng bên cạnh làm hộ cho một bài, ai nghe thấy đều phải thán-thưởng kinh-sợ. Một hôm, Dương-Minh hỏi thầy học rằng: « Việc đời sự gì là đệ-nhất-đẳng ? » Thầy nói rằng: « Chỉ có việc học rồi thi đỗ là đệ-nhất. » Dương-Minh nói: « Chưa chắc đã phải, học là chỉ cốt làm được bậc thánh-nhân mà thôi. » Dương-Minh lại hay đọc thuộc lầu cả sách của ông cha đương đọc. Ông tỏ lấy làm quái lạ, Dương-Minh thưa rằng: « Trước cháu nghe tỏ đọc, nên cháu mới ghi nhớ thuộc cả. »

Đương khi ấy trong cõi nước Tàu tuy rằng yên-ổn vô-sự, mà ở Trực-lệ thì có giặc Thạch Anh, Vương Dũng, ở Thiểm-tây thì có cái loạn Thạch hòa-thượng, Lưu Thiên-Kim. Dương-Minh khi ấy đương vào tuổi đồng-niên đi học, chợt sinh lòng chán-nản thi-thư sách-vở, phát ra cái tư-tưởng muốn như ông Ban-Siêu ném bút đi ra lập công ngoài cõi xa. Nhân khi ra chơi đất Cư-dung, thấy người ngoài cửa ải đua cưỡi kiện-mã giong-ruổi đất bình-nguyên, mới khái-nhiên có cái chí muốn ra dẹp giặc để lập công; bèn lưu lại ở đấy, ngày ngày đi tập ngựa tập bắn, đến hơn một tháng mới trở về. Cảm-khái thời-sự lại muốn bắt-chước như Giả-sinh dâng sớ lên điều-trần chính-sự, tự-phụ là mình giỏi binh-pháp, ý-khí trác-việt không coi người đời vào đâu, thực là một bậc kỳ-đồng. Người cha thấy Dương-Minh hăng-hái quá, không cho làm mới thôi.

Khi Dương-Minh mười bảy tuổi, đến đất Giang-tây cưới vợ; ngày hôm làm lễ hợp-cẩn, ông chợt đi chơi vào cung Thiết-trụ, cùng với người đạo-sĩ giảng-bàn cái thuật dưỡng-sinh, suốt đêm không chán mỏi, quên mất cả cái sự đồng-phòng hoa-chúc đêm nay là đêm nào. Nhà vợ đợi mãi không thấy về, cho đồ đi tìm đâu cũng không thấy. Đến ngày hôm sau mới thấy trở về, lại phải làm lễ cưới một lần nữa. Ông bố vợ là Chư Dưỡng-Hòa làm quan Tham-nghị ở Giang-tây, khoản-đãi chú rể để ở trong dinh, sẵn có và tráp giấy, ông cứ hằng ngày lấy ra tập viết, chữ viết càng tốt. Thường nói rằng: « Ta khi mới mô-phỏng chữ thiếp mà tập thì chỉ tập được cái hình chữ mà thôi; sau ta cầm bút lên không dám khinh-dị viết ngay, phải lặng yên nghĩ phỏng ra cái hình chữ ở trong tâm rồi mới hạ bút, ít lâu mới hiểu được thư-pháp. » Dương-Minh khi nhỏ thông-minh, người đời thường bịa ra lắm truyện, truyền rằng khi người mẹ có thai Dương-Minh mười bốn tháng mới sinh, lên năm tuổi vẫn chưa biết nói. Có thầy tăng đi qua xem tướng bảo rằng: « Thằng bé con này tốt, chỉ tiếc rằng đặt chữ tên lộ quá. » Nguyên khi Dương-Minh mới sinh ra, bà tổ-mẫu họ Sầm, mộng thấy trên đám mây có đàn sáo rước đứa bé con lại. Bà tổ-mẫu sực tỉnh dậy, thì nghe tiếng trẻ khóc oe-oe, mới đặt tên là *Vân*. Sau

cha mẹ nghe lời thầy tăng nói mới đổi gọi tên bây giờ, thì biết nói ngay. Ôi! cái sự hoài-thai quá-kỳ, và cái sự biết nói chậm hay sớm, chẳng qua là quan-hệ về cái đường sinh-lý của người sản-mẫu với đứa bé con, mà nay đều cho là cái việc thần-kỳ cả, là bởi tại cái lòng người nước Tàu sùng-bái người anh-hùng quá lắm vậy. Lại truyền rằng khi Dương-Minh mười một tuổi, ở kinh cùng với lũ trẻ con ra chơi phố Trường-an, gặp người xem tướng bảo rằng: «Ta xem tướng cho thằng bé này, bao giờ râu chấm ngang vai thì học mới vào cõi thánh, râu chấm đến ngang vú thì học đã đến bậc thánh, râu dài xuống đến quá rốn thì thực là trọn-vẹn thánh-quả.» Xem như thế thì người ta thánh hay ngu, lúc trời mới phú-hình cho đã thành nhất-định không thể biến-đổi được nữa; kẻ ngu dẫu cố học đến đâu cũng không thể tiến lên bậc cao minh được, bậc thánh dẫu hôn-dâm đến đâu cũng không mắc tiếng là bất-tiếu, có lẽ nào như thế không?

Nhà Minh thừa cái di-phong đời Tống đời Nguyên, vẫn sùng-thượng lý học, ở chốn thảo-dã vẫn nhiều người hay giữ-gìn danh-tiết, họp lũ sinh-đồ lại giảng học, lấy cao-phong thanh-tiết trứ-danh ở đời; sở-dĩ đời hà Minh dân-phong thuần-hậu, sĩ-tiết cao-khiết là vì thế. Ở huyện Thượng-nhiêu (thuộc Giang-tây), có ông Lâu Nhất-trai 婁 一齋 (1) truyền thụ cái học của ông Khang-trai 康齋 (2), chăm đọc sách vở, vui về đạo-lý, xa gần đều tôn-trọng. Dương Minh khi sang Giang-tây cưới vợ rồi trở về, đi thuyền qua huyện Thượng-nhiêu, tiện đường lên bái-yết Nhất-trai. Nhất-trai thấy người tư-tưởng khác phàm tục, bèn cùng Dương-Minh bàn nói đạo-học thánh-hiền. Dương-Minh được nghe lấy làm mừng lắm, nghĩ rằng người ta có thể học đến bậc thánh-hiền được. Mới theo học Nhất-trai, rất lấy làm khế-hợp.

Phê bình. — *Đời Xuân thu có quan đại-phu nước Lỗ là Thúc-Tôn Báo nói với Phạm Tuyên-tử rằng: « Bậc thái-thượng hơn hết cả là hay lập đức, thứ hai là hay lập công, thứ ba là hay lập ngôn. » Những bậc hay sáng-lập ra pháp chế ở trên đời, để ơn-huệ lưu đến vô-cùng, như: Phục-Hy, Thần-Nông, Hoàng đế, Nghiêu, Thuấn, Châu-công, Khổng-tử, đều là những bậc hay lập đức cả. Những người hay cứu nguy trị nạn có công lớn với đời, như: ông Vũ hay trị thủy, ông Tắc hay gieo giống thóc, đều là bậc hay lập công. Còn như các họ Lão, Trang, Tuân, Liệt, Tôn, Ngô hay sáng-lập ra triết-học; các ông Khuất Nguyên, Tông Ngọc, Giả Qui, Dương Hùng, Mã Thiên, Ban Cố hay soạn tập ra các sách sử truyện, giải thuyết ra văn-chương, đời sau truyền-tụng, đều là những bậc hay lập-ngôn. Các nhân-vật trong ngoài mà hay lưu-truyền bất-hủ ấy đều không ngoài cái phạm-vi ba điều ấy. Gần đây những người đi học chỉ hay xu-trọng về một con đường lập-công. Vì nghĩ rằng người ta sinh về lúc quốc-gia đương nguy-cấp, coi những việc lập-đức lập ngôn rất là vu-hoãn, vả lại đương lúc các nước cạnh-tranh, chính đương buổi cái chủ-nghĩa công-lợi, cái văn-minh vật chất đương thịnh hành, người ta ai cũng có cái tư tưởng muốn học làm như thiết-huyết tể-tướng Tỉ-tỷ mạch, hay là nhà phát minh như Nại-đoan,*

(1) Tên là Lượng 諒, tên tự là Khắc-trinh, hiệu Nhất-trai, khi mất rồi, học-trò đặt thụy là Văn-túc.

(2) Tên là Ngô Dữ-Bật 吳與弼, tên tự là Tử-phó, biệt-hiệu là Khang-trai, người ở Sùng-nhân, vốn là người ẩn-dật không cầu tiếng-tăm.

Ngõa-đức. Than ôi ! Những người tư-tưởng như thế thực là không xét đến gốc mà chỉ so trên ngọn vậy. Lập-đức, lập-công, lập-ngôn, tuy hình như chia làm ba việc mà kỳ-thực chỉ là một, nếu đã hay lập-đức thì tất là hay lập-công; đã hay lập-công thì tất là hay lập-ngôn, hay lập ngôn thì tất hay lập đức; nhưng mà có người nổi tiếng về lập-đức, có người nổi tiếng về lập-công có người nổi tiếng về lập ngôn, đó đều vì cái cơ-duyên nó thấu hợp mà thành ra như vậy há phải lúc bình nhật hay dự định được đâu. Nguyên sự lập-công là bởi đức với ngôn nó biểu-hiện ra ngoài, đã thực có ở trong thì tức là hình ra ngoài. Nếu không lấy đức với ngôn làm cỗi-rễ, mà chỉ cần mong lập-công, cũng như là mong cái hoa đã gẫy cành kia, nó kết thành quả, trở cái nước không có nguồn kia nó thành ra suối, thì sao thể được.

Nay muốn cứu cái tệ trên ấy thì không gì bằng xem xét lại những sách tinh-lý của tiên-nho, mà hàm-dưỡng lấy đức-tính của mình, khiến cho tâm-bình khí-hòa, rồi tự-khắc là biết tự-xử. Ta nay chép truyện Dương-Minh tiên-sinh là một người gồm đủ cả lập-đức, lập công và lập-ngôn, sự-tích thủa bình-sinh ông ấy có lắm điều khả kinh khả hỉ, không phải như những nhà lý học khác chỉ bàn nói ra đấy trang giấy những giọng vu-hủ, bọn thiếu-niên không thèm đoái-hoài đến đâu.

Xem như Dương-Minh còn thiếu-niên mà thiên-tài đã trác-việt như thế, cũng không nên lấy gì làm mừng vội ; ví như con lương-mã còn chưa chịu rèn cặp, cái tài bay nhẩy tuy có giỏi hơn nòi ngựa nô-thai thực, nhưng còn sợ có khi không khỏi đổ xe. Đời Hậu-Hán có người Khổng-Dung mới lên mười tuổi, vào yết-kiến Lý Ưng, Ưng thấy người thông-minh lấy làm kỳ-dị. Trần Vĩ nói rằng : « Đứa trẻ nào khi nhỏ mà đã thông-minh, lớn lên vị-tất đã kỳ. » Ý là bảo rằng khi nhỏ thông-minh là toàn nhờ về thiên-tư, có cái thiên-tư ấy mà ở nhà lại có các đấng hiền phụ-huynh dạy bảo cho, ra ngoài lại có các bậc danh-sư lương-hữu rèn đúc cho, thì học đến làm bậc thánh-hiền cũng không có khó gì vậy. Nếu không thế thì kẻ có cái thông-minh ấy lắm khi lại ngộ-dụng mà không thành-tựu được công-nghiệp gì cả. Vậy những nhà có con em thông-tuệ sớm, làm người chơ anh phải nên gia ý dạy bảo mới được.

Đời Đường, Lý-Bật 李泌 mới lên bảy tuổi đã biết làm thơ, mà đã có câu kinh-nhân, ngạo-nhiên tự-phụ. Trương Cửu-Linh thấy thế răn bảo, Bật tự biết khắc-trách mình đến nỗi rỏ nước mắt ra ; nên đến khi lớn mới thành được người danh-nhân. Vương Bột 王勃, Dương Quýnh 楊炯, Lư Chiếu-Lân, 盧照隣, Lạc Tân-Vương 駱賓王, khi nhỏ đều nổi tiếng là người hay chữ gọi là tứ-kiệt. Bùi Hành-Kiệm 裴行儉 nói rằng : « Kẻ sĩ mà làm nên được công-nghiệp viễn-đại, cốt phải trước có khí-thức rồi mới đến văn nghệ, lũ người Bột tuy có văn-tài, nhưng mà phù-táo thiển-lộ, há phải là cái khí-độ hưởng được tước-lộc đâu ; duy có Dương Quýnh là người trầm-tĩnh, làm được đến huyện-lệnh là cùng, còn những người kia mà được thiện-chung là may. » Sau quả-nhiên Bột chết đuối ở Nam-hải, Chiếu-Lân nhảy xuống sông Dĩnh-thủy tự-tử, Tân-Vương thì làm phản bị giết, duy có Quýnh làm đến quan lệnh Doanh-xuyên, đều đúng như lời Hành-Kiệm nói cả.

Xem những việc trên này thì biết Dương Minh khi thiếu-niên mà hay làm thơ hộ cho người, lại muốn dâng sớ điều-trần chính-sự, đều không phải là cái đạo hay dưỡng-thành được đại-khí. Nếu không gặp Lâu Nhất-trai răn dạy, thì tương-lai kết-quả chưa biết ra thế nào.

Cái người thiên-tư kém giúp thêm nhân-lực vào, cũng có thể theo kịp được người thiên-tư cao. Song bao giờ thì người thiên-tư cao vẫn có phần tiện-nghi hơn, như là Dương-Minh nghe Nhất-trai nói chuyện một hôm, mà hay tỉnh-ngộ ngay, lập-định ngay công-cơ, như thế là rất khó, không phải người thiên-tư tuyệt cao, thì hỗ-dễ đã hay như thế được.

Niên-phổ-ký có chép rằng : Dương-Minh khi hai-mươi-hai tuổi vào kinh thi hội không đỗ. Quan tể-tướng là Lý Tây-Nhai ủy-lạo bảo rằng : » Thôi, nhà ngươi hãy đợi để khoa sau thi đỗ lấy trạng nguyên, nay hãy làm thử một bài phú « lai-khoa trạng-nguyên. » Dương-Minh liền cầm bút thảo xong ngay, có kẻ ghen-ghét nói rằng : « Cái anh này mà nó đỗ cao thì nó coi người bằng nửa con mắt, chẳng coi chúng ta ra gì đâu. » Đến sang năm Dương Minh lại vào thi, quả-nhiên phải những kẻ ghen ghét nó ức chế. Xem thế thì biết những kẻ thiếu-niên ngông-nghênh không phải là phúc đâu.

. .

Những người thiếu-niên đọc qua chương này thì biết người ta mà muốn trừ bỏ cái thói tập-nhiễm cũ đi mà nhất-biến học cho đến đạo, thì thực như lời Đông-Phương Sóc bảo rằng : việc đó có phải là dễ đâu. Tuy rằng lấy cái người thiên-tư trác-tuyệt như Dương-Minh mà còn phải trải biết bao nhiêu là cõi ma, rồi mới tay vén mây mù mà trông tỏ trời xanh, huống-chi người khác !

Khi Dương-Minh mới nghe lời Nhất-trai rồi trở về lấy sách của ông Chu Khảo-Đình (1) ra học, đến cái chỗ ông Chu dâng bài sớ lên vua Quang-tôn có nói rằng : « Phải trì chí mà ở về điều kính, ấy là cái điều gốc để đọc sách ; lại phải noi theo thứ-tự mà làm cho đến tinh, mới là cái phép đọc sách. » Từ bấy giờ Dương-Minh mới hối rằng khi trước ta dụng sức dẫu cần mà chung vô sở-đắc, đó là tại cái cớ mình chỉ muốn làm cho chóng ; mới cứ theo thứ-tự để nghiên-cầu, song trong bụng bàng-hoàng vẫn không biết tự-xử, rồi thành ra trầm-uất mà bị phải tâm-tật. Chợt một khi được nghe người đạo-sĩ bàn cái thuật dưỡng-sinh, lại mê-hoặc theo ngay, bèn nghỉ bỏ người đời mà vào núi ở, song rồi cũng lại thôi.

Từ năm Thành-hóa (niên-hiệu vua Hiếu-tôn nhà Minh) đến đây, các tỉnh phía nam khi ấy thường bị phải cái họa giặc cướp, khói lửa kinh-động luôn mãi, Dương-Minh nghĩ lấy làm lo, mới khái-nhiên có cái chí muốn ra dẹp yên thiên-hạ, ngày thường hay nghiên-cứu về binh-thuật, gặp khi tân-khách có yến-hội, thường đùa bỡn bày hạt dưa ra để làm thế trận. Đến khi đỗ Tiến-sĩ rồi lại lấy những điều mình nghiên-cứu được dâng sớ lên nói về tám điều biên-vụ.

Sau khi đỗ Tiến-sĩ rồi, được bổ về công-bộ, chửa bao lâu lại đổi sang binh-bộ, lại phụng mệnh vua đi đến đất An-huy để trị việc ngục ; đến khi xong việc bèn đi chơi núi Cửu-hoa, ở đấy có người đạo-sĩ tên là Sái-bồng-đầu người ta vẫn cho là là một ông tiên. Dương-Minh bèn đến yết-kiến. Lại nghe ở đồng Địa-tạng có một người dị-nhân thường ngồi nằm ở dưới gốc cây thông, không dùng hỏa-thực, Dương-Minh bèn trải qua chốn nham-hiểm để đi tìm : ấy cái tính hiếu-kỳ của ông thường như thế !

Dương-Minh khi ở kinh lấy làm buồn-bã, mới từ quan về đất Việt,

---

(1) Tức là ông Chu-Hy, có làm ra *Chư-kinh chương-cú văn tập*, sách *Ngữ-lục* và *Tiểu-học cận-tư lục*.

làm nhà ở trong đồng Dương-minh, học cái thuật đạo-dẫn của nhà đạo-gia. Có một người bạn là Vương Tử-Dư đến hỏi thăm, Dương-Minh mới sai đầy-tớ ra đón, và kể nói những sự lai-lịch hình như dã biết trước cả, chúng đều lấy làm kinh-dị, tưởng là đã học được tiên-thuật, Dương-Minh cũng tự lấy làm mừng, được ít lâu bèn nghĩ hối lại mà rằng: « Cái thuật ấy không phải là chính đạo, không đủ học. » Rồi liền bỏ cái thuật ấy đi, muốn lìa nhà trốn đi nơi xa, lại nghĩ nhà còn bà tổ-mẫu và người cha vẫn hãy còn, lần-lữa mãi chửa quyết-định, rồi chợt lại hối-ngộ mà rằng: « Cái bụng yêu đấng thân là sinh ra từ lúc còn thơ bé, cái bụng ấy mà bỏ đi được, thì không khác gì mình tự-tuyệt cái lương-tâm của mình. » Lại có khi ở Tây-hồ, nghe thấy có một thầy tăng đã ngồi thiền-định ba năm, sắp muốn thành-phật. Dương-Minh mới đến hỏi thăm nhà thầy tăng, nói là nhà còn có mẹ già. Dương-Minh mới cùng giảng bàn cái đạo yêu đấng thân. Thầy tăng đến phải rỏ nước mắt ra, rồi từ ta xin trở về.

Dương-Minh đến đây đã ba mươi tư tuổi, đã nhiều lần ra vào trong khoảng ba nhà: Nho, Đạo, Thích, học-hành vơ-vẩn, ý-chí mang-nhiên, trong lâm không có định-kiến gì cả, tháng ngày thấm-thoát, tuổi trẻ dễ qua, nghĩ lại mà khá sợ. Dương-Minh lại vào kinh làm quan Binh-bộ, cùng giao-du với ông Trạm-Cam-Toàn 湛甘泉. Ông Trạm tên là Nhược-Thủy 若水, tên tự là Nhuyên-minh, người ở Tăng-thành tỉnh Quảng-đông, cũng là một bậc đại-nho đời nhà Minh. Chửa được bao lâu thì Dương-Minh bị phải tội trượng đầy ra trạm Long-trường.

Khi ấy vua Võ-tôn (niên-hiệu Chính-đức) nhà Minh mới lên ngôi, tin-dụng quan Thái-giám cũ là Lưu Cần (1), Cần lại dẫn-dụng bè-đảng là Mã Vĩnh-Thành, Cốc Đạt-Dụng, Ngụy Bàn, Trương Vĩnh, Khâu Tụ, Cao Phượng, La Tường để cùng giao-kết, thời bấy giờ gọi là tám con cọp. Ngày đêm chỉ dẫn-dục vua du-hí, bỏ trễ-nải cả chính-sự. Quan Nam-kinh khoa-đạo là Đới-Tiền, Bạc Ngạn-Huy đâng sớ lên can ngăn. Vua giận, sai bắt bỏ ngục. Dương-Minh lại dâng sớ lên nói về việc tha thứ cho các gián-quan mà cách bỏ kẻ quyền-gian đi, ý bảo rằng: « Lũ ngươi Tiền ở chức gián-quan phải giữ trách-nhiệm can-ngăn, lời can mà phải thì nhà vua nên vui lòng nghe lời mà thi-hành; nếu lời can mà chưa phải thì cũng nên bao-dung ẩn-nhẫn, để mở đường can-ngăn. » Xưa nay việc thời-chính phải hay trái, kẻ nhân-dân không được bàn nói đến, duy có gián-quan là được nói. Vậy nên chức gián-quan từ trong triều ngoài dã ai cũng coi như là thần-thánh bất-khả xâm-phạm, tuy gặp ông vua chuyên-chế, cũng không dám vụt chốc ruồng đuổi đi. Nay Võ-tôn mới lên ngôi đã trị tội ngay Đới Tiền và Bạc Ngạn-Huy, thì thực là thất-đức lắm. Thế mà đình-thần không có một người nào dám nói để cứu-gỡ, nên Dương-Minh bất-đắc-dĩ mới phải nói vậy.

Khi sớ dâng lên, vua cả giận, đương-đường phạt đánh bốn-mươi trượng (2),

---

(1) Cần người ở Hưng-bình, vốn là họ Đàm, khi nhỏ tự thiến đi xin làm con nuôi nhà quan Thị họ Lưu, khi được tiến-dụng nhận là họ Lưu, sau vì chuyên-quyền bị giết.

(2) Cứ Lễ thì hình-phạt không có gia đến quan đại-phu, nay vua nhà Minh dám dùng trượng-hình đánh giữa triều-đường thực là quái lạ.

rồi đầy ra cho làm dịch thừa trạm Long-trường thuộc Quí-châu. Đời Nguyên đời Minh cho đến đời Thanh, phàm những văn-thư việc quan đều do các trạm đường bộ chuyển đi, mỗi trạm có một chức dịch-thừa coi giữ, phẩm-trật rất thấp. Huống-chi trạm Long-trường này ở mãi trong rừng-rú thuộc về Quí-châu, nào là khói mưa lam-chướng nghi-ngút, rắn rết độc-trùng chúa-chan, những kẻ sĩ-phu chốn trung-nguyên không đi đến qua đấy bao giờ, Dương-Minh sao thể chịu được. Thế mà khi mới nghe mệnh thì Dương-Minh lập-tức ra khỏi Quốc-môn, sắp đi đến chỗ bị đầy. Lưu Cần vẫn còn giận chưa thôi, ngầm sai người đón Dương-Minh ở dọc đường để giết đi. Dương-Minh đi đến sông Tiền-đường (thuộc Hàng-huyện Tích-giang), sai đầy tớ nói phao lên rằng đã nhảy xuống sông tự-tử rồi, nhưng kỳ-thực ông lẻn đáp thuyền buôn đi ra đảo Chu-sơn (thuộc huyện Định-hải Tích-giang), gặp phải cơn bão bể, thuyền bạt-phong đến cõi Mân-châu, phải lên bờ đi bộ, qua các đường tắt trong rừng núi rậm-rạp, đi một mình đến và mười dặm, tối đến phải gọi cửa nhà chùa vào xin ngủ trọ, nhà sư không cho vào, phải đi đến cái miếu giữa cánh đồng, tựa bên hương-án mà nằm ngủ, nửa đêm nghe tiếng hổ kêu quanh nhà, tiếng lá cây rụng sột-sạt. Dương-Minh cứ ngủ yên không kinh-hãi gì cả, sao lay không động-tâm được như thế.

Dương-Minh nghĩ muốn đi trốn đời không ra nữa để tránh khỏi phải đi đầy Long-trường. Song lại nghĩ nếu như thế thì Lưu-Cần nó lại càng tức-giận, nó không được cam-tâm với mình thì nó lại giận lây đến cha mình, nghĩ như vậy bèn phấn-khởi lên đường, khi đến nơi thì đầy tớ đều ốm cả, Dương-Minh phải thân tự đi hái củi gánh nước, nấu cháo để nuôi đầy tớ, lại làm ra bài ca bài thơ vịnh hát nói cười để cùng ủy giải. Song lấy cái thân vô-chủ một mình mà đã phải đầy-đọa ra ngoài vạn dặm, áo cơm không đủ, sinh-mệnh nguy thay, cái cảnh-ngộ khốn-ách đến thế là cùng! Xưa nay trời sắp giáng đại-nhiệm về người nào thì tất bắt người ấy trước phải khổ tâm-trí, nhọc gân cốt, đau-đớn đến da thịt, túng thiếu cả đến thân, hễ làm việc gì thì lại làm cho trái ngược rối-loạn, để cho người ấy phải động-tâm nhẫn-tính, những điều chưa giỏi lại làm cho thêm giỏi ra; vậy nên nói rằng người ta sống về lúc phải lo-lắng hoạn-nạn mà chết về cõi yên-vui. Nay trời bắt Dương-Minh phải khốn khổ đến-liên đến như thế, chính là khiến ông ấy phải động tâm nhẫn-tính để trao phó cho ông ấy cái trách-nhiệm lớn-lao về việc kế-vãng khai-lai.

Dương-Minh lúc ấy mới nghĩ rằng ví phỏng ông thánh-nhân mà gặp phải cảnh này thì tất có đạo gì để tự-khiển, chợt nửa đêm nghĩ tỉnh-ngộ ra cái nghĩa cách-vật trí-tri, rồi bất-giác kêu nhảy lên mà thức dậy, nhân-dục khử đi mà thiên-lý hiện ra là trước tự đấy. Tuy khi ấy cái khí phẫn-uất bất-bình của ông còn chưa tiêu đi hết, nhưng cái côn-cơ tiến-đức, đã vững-vàng không thể bạt đi được vậy.

Phê-bình. — *Đời người doanh-doanh ai cũng có bụng dục, bụng dục bỏ đi được thì chí-khí thanh-minh, cái khí hiệu-nhiên có thể đầy cả vũ-trụ, rồi học làm thánh làm hiền cũng không khó gì vậy. Nhưng việc ấy rất khó, cốt phải tĩnh khí ngưng thần bỏ hết tư-dục, song trong tâm lại càng rối-bời, tạp-niệm càng nhiều. Thơ Lý Bạch có câu rằng: « Rút dao chém nước nước vẫn trôi », chính là nghĩa thế vậy. Những tạp-niệm ấy hai nhà Đạo Thích gọi là ma, nhà nho ta thì gọi là dục. Sách* Tây-du-ký *là một tiểu-thuyết về tôn-giáo, có nói chuyện ông Đường-tăng cố ý đi lấy kinh mà gặp phải ma quỉ nó chắn đường đến bảy mươi hai lần mới thôi,*

đó là nói vì về đường tiến-đức rất khó, không phải người đại-dũng thì không thể chém phá gai-góc để mở ra đường chính-lộ được.

Trước khi Dương-Minh chưa phải đầy ra trạm Long-trường, hà-tằng là không có chí. Nhưng gặp thấy cái gì thì lại ham ngay về cái ấy, tâm không có định-kiến, đã muốn theo ông Nhật-trai, ông Cam-toàn để giảng học, lại muốn vào núi học làm người đạo-sĩ, đã muốn vào núi học làm người đạo-sĩ, lại muốn thi đỗ tiến-sĩ, rồi lại muốn đi đánh giặc để lập công, như thế mà muốn theo như cái lời nói rằng bậc thánh-nhân có thể học đến được thì cũng khó lắm. Xem thế thì trong đời người đi chỗ nào mà chẳng gặp ma trêu, hà-tất phải qua đường sang Tây-trúc mới thế.

Đến sau ông chăm-chăm chúi-chúi học đỗ được tiến-sĩ, lại gặp lúc Lưu Cẩn là một đứa hoạn-quan chuyên-quyền làm lầm-lỡ việc nước. Bấy giờ Dương-Minh khôn nghĩ gì lợi-hại cả, cứ dâng sớ lên tham-hặc, thực là cái cách hành-vi của người đại-trượng-phu, rồi bị đầy ra trạm Long-trường, người ta đều lấy làm than tiếc. Nhưng không biết rằng Dương-Minh từ đấy mới trừ bỏ được cái con ma trong tâm-thần vậy.

Dương-Minh khi ở Long-trường đã hay động-tâm nhẫn-tính theo về một đạo, nhưng cái ý-kiến về việc lợi-hại đắc-thất vẫn còn chưa hay thản-nhiên bỏ quên đi. Xem như khi ấy ông có làm bài văn tế người chết đường, thì biết trong bụng ông vẫn còn có cái khí uất-ức bất-bình một chút, chưa đến được cái cõi bất-tri bất-uẩn lấy đạo-học tự vui vậy.

Xưa nay những bậc danh-nhân tu-dưỡng thường hay ở chốn thâm-sơn cùng-cốc dựng ra vài gian nhà ở, quên bằng cả đời người, chỉ hằng ngày đọc sách sót của thánh-hiền, ngoạn cái hiện tượng tự-nhiên của tạo-hóa, thì tự-khắc là chí-khí càng ngày càng cao-minh. Những chốn di-tích của các danh-nhân làm cho nước non thêm vẻ đẹp, như là đồng Bạch-lộc (1), đồng Dương-minh, trước sau đều như một cả.

. .

Đời không có người nào là chẳng thể hóa được, đất không có thói nào là chẳng thể đổi được. Những nơi thần-châu vũ-vực đời nay mà xưng là nơi uyên-tầu văn-minh chốn Viễn-đông, thì trước kia đều là dòng giống Miêu-tộc rợ mọi nó ở cả. Xem thế thì trạm Long-trường dẫu xa vắng, há lại không đủ cùng làm được việc gì hay sao?

Khi Dương-Minh mới đến nơi, còn không quen thói rợ mọi, rồi sau lấy thân mình làm phép cho dân, dẫn-dụ mán mọi, dân đều cảm-hóa, bảo nhau đi trặt gỗ để làm nhà cho ông ở. Dương-Minh vẫn tự-xử thái-nhiên, để chỗ nhà ở gọi là: « Long-cương thư-viện 龍岡書院 ». Có chỗ gọi là: « Di-tân đường 寅賓堂 », có chỗ gọi là: « Hà-lậu hiên 何陋軒 », chỗ thì gọi là « Quân-tử đình 君子亭 », hoặc gọi là: « Ngoạn-Dịch-oa 玩易窩 », chỗ nào cũng làm bài văn để ký-sự. Những kẻ tù-trưởng mán mọi lại tranh nhau đưa biếu cơm rượu và vàng lụa yên ngựa, Dương-Minh đều không nhận cả.

Khoảng giữa đời Minh, những dòng-dõi rợ-mọi về họ Tam-miêu Cửu-lê vẫn hãy còn nhiều, như là những tỉnh Hồ-nam, Quảng-đông, Quảng-tây, Tứ-xuyên, Vân-nam, Quí-châu, về các nơi sơn-phận đều là làng xóm các họ mán mọi ở cả. Trong triều-đình không có

(1) Đồng Bạch-lộc ở núi Lư-sơn thuộc Giang-tây. Đời Tống thầy Chu-tử đã giảng học ở đấy.

đặt quan người Hán cai-trị ở đó, chỉ cứ cho con cháu các người tù-trưởng đời đời nối theo, không khác gì các nước chư-hầu về đời Phong-kiến. Song tựu-trung lại có phân-biệt : Một là hạng thổ-quan, dòng thổ-quan vốn là Hán-tộc, việc gì cũng cứ trực-tiếp vâng theo lệnh chỉ-huy của các quan mệnh-lại triều-đình, chức ấy có tên gọi là trưởng-quan-ti, thổ tri-châu, thổ tri-huyện, thổ châu-đồng. Hai là chính quan thổ-trước thì đều là người tù-trưởng tự-trị lấy dân bộ-thuộc mình, mà gián-tiếp chịu lệnh chỉ-huy của các quan mệnh-lại triều-đình. Khi ấy có quan Tuyên-úy Thủy-tây là họ An chiếm giữ đến nghìn dặm đất, thống-lĩnh quân-chúng đến bốn mươi tám vạn, thế-lực cũng quật-cường lắm. Chính-phủ mới nghị đặt một đồn quân-vệ ở cõi ấy, và đắp thành-quách để cho quân đồn-thú, sau rồi việc ấy cũng trung-chỉ. Nhưng các trạm ấy vẫn hãy còn. An-thị nghĩ rằng nếu nhà vua giữ nơi yếu-hại ấy thì không tiện cho mình, muốn bỏ cái trạm ấy đi. Dương-Minh bèn đưa thư đến biện-chiết ; đại-lược nói rằng : « Phàm chế-độ của triều-đình là định tự đấng tổ-tông, đời sau phải giữ theo, không được tự-tiện đổi đi. Nếu có canh-cải, tuy rằng triều-đình không bắt tội, nhưng các quan hữu-ti lại giữ phép để buộc tội cho, sứ-quân nếu lấy làm vô-ích mà muốn canh-cải đi thế thì trước đời sứ-quân, tự đời Hán Đường đến nay, trải qua đã mấy nghìn và trăm năm, thổ-địa nhân-dân vẫn không cải-cách, mà vẫn được lâu-dài như thế, là bởi tại đời đời giữ lễ phép của thiên-tử, kiệt-trung tận-lực, không dám vượt qua phân tấc chút nào, vậy nên đấng thiên-tử cũng không được vượt lễ-phép vô-cố mà gia tội cho người bày-tôi trung-lương. Không thế thì thổ-địa nhân-dân của sứ-quân giàu thịnh như vậy, triều-đình đem lấy hết mà chia làm quận-huyện, thì ai bảo là không nên. Cái trạm kia có thể giảm đi được, cũng có thể tăng lên được ; trạm kia khá đổi đi được, thì chức Tuyên-úy-sứ cũng có thể cách đi được. Cứ xem như thế thì rất là có hại, sứ-quân lại chửa nghĩ đến thế dư ? » Thư đưa đến nơi, An-thị không dám vọng-động nữa. Trong bộ-lạc của An-thị lại còn có kẻ tù-trưởng là Tống-thị, có hai tên Át-giả, Át-trát làm phản nhà Minh, quấy rối địa-phương. Dương-Minh lại đưa thư cho Tuyên-úy-ty là An-thị nói phúng-dụ, đại-lược bảo rằng : « Lũ ngươi Át-giả Át-trát làm rối loạn địa-phương, nhiều người truyền nói là tự sứ-quân xui khiến ; lúc mới các trưởng-quan trong tỉnh nghe lời nói ấy, đã toan tâu lên triều-đình. Sau lại nghĩ sứ-quân xưa nay vốn là người trung thực, vị-tất đã có việc ấy ; vậy hãy sức cho sứ-quân đi đánh giặc, nếu hay đem quân đi tiễu-trừ, thì những lời truyền-văn đều là càn cả. Song đã ba lần trát sức về bảo phải chia quân đóng các đồn-ải, mà chẳng nghe thấy đi đánh bắt chém giết được tên giặc nào, để tuyên quốc-uy, chỉ thấy thêm sự cướp-bóc để thêm dân oán mà thôi. Sứ-quân cùng cả họ An cùng giữ đất này, mà sứ-quân là người tù-trưởng, nếu chốn địa-phương mà biến-loạn, là tội tại người giữ đất. Sứ-quân nên mau mau đem quân ra bình-định kẻ phản-trắc, để tắc những miệng kẻ gièm, tuyệt những lời đa-đoan, bù cái lỗi về trước, cầu cái phúc về sau, tôi đây không phải là làm thuyết-khách hộ cho người đâu, xin sứ-quân nghĩ kỹ ! » An-thị bắt được thư sợ hãi, liền đem bộ-hạ đi dẹp giặc, nhân-dân nhờ được yên-ổn.

Khổng-tử có nói rằng : « Lời nói trung-tín, nết làm đốc-kính, thì dẫu nước man-mạch cũng có thể hành-đạo được. » Dương-Minh khi ở Long-trường, chỉ thảo một tờ giấy mà kẻ tù-

trưởng quật-cường phải phụng-mệnh, ngoài biên-cảnh trị-yên, đó chẳng phải là lúc ngày thường ăn ở trung-tín đốc-kính nó cảm-hóa được đấy dư? Khi ấy có quan Đề-học phó-sứ ở Qui-châu là Tịch Thư nghe thấy tiếng, sai đón về tỉnh-thành làm chủ một thư-viện Qui-dương để giảng học, cái lẽ tri hành hợp-nhất giảng-minh ra là tự lúc ấy. Thuyết ấy kể như sau.

Từ Ái hỏi rằng: « Người ta đều biết rằng phải nên hiếu với cha, phải nên thuận với anh, mà vẫn không hay hiếu được, không hay thuận được; xem thế thì biết tri với hành rõ là hai việc. » Dương-Minh nói rằng: « Đó là lúc đã bị phải lòng tư-dục nó làm gián-đoạn đi, chứ không phải là bản-thể tri hành; chửa khi nào đã tri mà không hay hành, tri mà không hay hành, là tại mình chửa tri vậy. Đấng thánh-hiền dạy người ta phải tri phải hành, chính là bảo phải giữ lại cái bản-thể. Sách *Đại-học* có nói rằng: « Như yêu sắc đẹp, như ghét mùi hôi », chính là nói rõ cái lẽ tri-hành không gì thiết bằng câu ấy. Nghĩa là khi trông thấy sắc đẹp là thuộc tri, yêu sắc đẹp là thuộc hành; song khi mới trông thấy sắc đẹp thì tâm mình đã yêu trước rồi; không phải là đợi sau khi đã trông thấy rồi mới là để ý yêu đấy vậy. Khi ngửi thấy mùi hôi là thuộc tri, ghét mùi hôi là thuộc hành; nhưng từ khi ngửi thấy mùi hôi thì tâm mình đã ghét sẵn trước rồi; không phải là đợi sau khi đã ngửi thấy rồi mới lại lập-tâm ghét đấy vậy. Nguyên tri là cái chủ-ý của hành, hành là cái công-phu của tri, tri là lúc mới hành, hành là lúc mới tri đã thành rồi. »

Từ khi Dương-Minh bị đầy ở Long-trường, trải qua ba năm rồi trở về ở Nam-kinh, lại lấy cái thuyết « tri lương-tri » dạy bảo học trò mà rằng:

« Tri là bản-thể của tâm, mà cái thiên-chức của tâm thì ở về tri, như là thấy cha thì tự-nhiên biết hiếu, thấy anh thì tự-nhiên biết để, thấy đứa trẻ sắp sa xuống giếng thì tự-nhiên biết thương xót, thế là cái lương-tri vốn không phải cầu ở ngoài vậy. Nếu cái lương-tri ấy phát ra mà không có mắc phải cái tư-ý nó làm chướng-ngại, thì cũng như là sung cái lòng thương xót ra, thì sự nhân-từ khôn kể xiết. Duy người thường thì không khỏi có tư-ý, sở-dĩ phải dùng đến cái công tri-tri cách-vật, thắng bỏ bụng tư đi mà phục lấy lẽ lại, khiến cho lương-tri nó không bị phải chướng-ngại, tự-nhiên là sung-tắc lưu-hành, thế là suy-cùng được cái tri của mình, tri tri thì tự-nhiên ý thành. »

Dương-Minh giảng rõ ra cái nghĩa trên ấy, khiến người chí-sĩ nghe tiếng cũng phải hưng-khởi, kẻ nọa-phụ nghe nói cũng hay lập-chí, cái công học của Dương-Minh đến đây thực là đại-tiến vậy. Ôi! cái nghiệp học của Dương-Minh khôn tiến về buổi thung-dung ở chốn thi-lễ xương-minh, mà tiến về lúc vùi-rập ở trong cõi hoang đất mán, thế thì cái cảnh bần-tiện ưu-hoạn nó cũng làm ích cho người không vừa vậy.

Phê-bình. — *Đời người thường gặp sự bất-như-ý đến tám chín phần, giả mà người lầm-thường gặp phải cảnh khốn-nạn, thì thấy thương lo tiêu-tùng ngay; thâm-tệ có kẻ bất-phẫn muốn những quyên-sinh. Lời Hán có người Lạc-dương là Giả Nghị mới mười-tám tuổi, mà đã hay học thông* Thi Thư, *làm văn hay có tiếng trong quận. Đến khi hơn hai-mươi tuổi, vua Văn-đế vời làm quan Bác-sĩ, rất là hậu-đãi, muốn dùng cho làm quan Công Khanh. Nhưng phải các quan đại-thần ghen-ghét, phải bổ ra làm quan Thái-phó dạy vua Trường-sa Nghị lấy làm bất-đắc-ý. Sau lại làm quan Phó dạy vua Lương-vương Thắng. Thắng bị ngã ngựa chết, Nghị thường khóc-lóc, hơn một năm cũng chết, thọ được 33 tuổi. Ôi! Giả Nghị bị phải thiên bổ ra ngoài,*

cũng chửa nhục bằng bị phải phạt trượng đương-đường ; ra ở đất Trường-sa và nước Lương, cũng chửa xa bằng trạm Long-trường ; làm quan ở ngôi Sư Phó cũng chửa ti-tiện bằng chức Dịch-thừa ; thế mà Nghị đến nỗi ưu-hoạn uất-phẫn mà chết. Dương-Minh thì hay động tâm nhẫn tính, gặp cảnh ưu-hoạn mà lại càng hay kiên cái chí-khí mình, chớ không vì cảnh ưu-hoạn mà biến mất sơ-tâm đi. Ấy Nghị sở-dĩ đến chết non, mà Dương-Minh sở-dĩ hay thành được sự-nghiệp là vì thế. Trong cuộc thành-bại có quan-hệ như thế, khá chẳng nên cẩn-thận lắm thay !

Kẻ sĩ-phu lắm khi gặp lão thôn-quê, lại hay ngạo-mạn tự-cao, không thèm cùng nói chuyện. Đến khi vào trong mán mọi, lại hình như sợ nó làm nhơ mình vội lánh xa đi, không thì lại cậy thế làm lăng-bức nó. Cuối đời Tống mà không được cõi Nam-dương giúp thành việc khôi-phục, cuối đời Minh mà không được nước Diễn-điện giúp để duy-trì lấy cuộc thiên-an, đều là bởi lúc bình-nhật coi khinh người nó, nên đến khi hoãn-cấp cầu đến nó thì nó không ứng theo nữa. Dương-Minh khi ở Long-trường hay khiến thổ-nhân yêu như cha mẹ, kính như bậc sư phó, đến lúc nguy-cấp chỉ đưa một tờ giấy mà Man-vương phải cúi đầu nghe mệnh, vì nước nhà trừ hoạn-nạn vô-hình. Việc ấy đủ chứng cho câu Khổng-tử bảo rằng : « Người mà trung-tín đốc-kính, dẫu chốn man-mạch cũng khá hành đạo được. »

Các triều-triều xử-trí ngoài biên-phương chỉ vì cái phong-tục nó không giống trong trung-thổ, nên mới dùng cái phép « dĩ di trị di », chỉ nhắc những kẻ tù-trưởng lên cho thuộc về quan Hàn, nên mới có cái chức Tuyên-ủy-ty Thổ-ty, đến nay vẫn còn không đổi. Song những kẻ thổ-ty phần nhiều là không biết thế-vụ, đãi những dân bộ-lạc lắm điều thảm-khốc vô-lý, nhân-tuần lười biếng, thường sinh loạn-lạc luôn. Trước kia còn là cái thời-đại bế-quan tự-trị, không có người khác dòm nom, không có giống khác tranh-cạnh, thì còn khá tự-trị được, chứ đến nay thì không thể được nữa. Những đất Tứ-xuyên, Vân-nam, Cam-túc, Tân-cương các nơi biên-cảnh kể thổ-ty tùng-xinh, đất ruộng béo tốt đến hàng muôn dặm, mà bỏ hoang không ai khai-thác, thì đến mất cho các nước Anh Nga cả. Bọn thiếu-niên ta sau khi đã học-thành, nếu hay mạo-hiểm đi kinh-doanh, như người Âu-Tây đi mở-mang châu Phi châu Mĩ, thì cái quyền thống-trị có thể thu về Hán tộc cả, mà không chết mất một thằng lính, không bắn mất một phát tên, lại được đất thực-dân hàng muôn dặm.

Tính người ta vốn thiện, sở-dĩ có điều bất-thiện, là vì tư-dục nó làm che đi. Nếu hay thường thường cải-quá thiên thiện, thì lại phục được bản-tính ngay. Nhưng người ta phần nhiều không hay giữ được bản-tính, là vì phân tri với hành ra làm hai, mà quên mất cái thiên-chức của con tâm, Dương-Minh hay dẫn-dụ câu ví như yêu sắc đẹp ghét mùi hôi, khiến người hoảng-nhiên tỉnh-ngộ.

Từ-Ái 徐愛 tên tự là Nhân 仁, hiệu là Hoành-sơn, người ở Mã-yển đất Dư-diêu, là anh em cô cữu với Dương-Minh, vẫn phụng Dương-Minh làm bậc thầy, theo đến trạm Long-trường, tin theo đạo học Dương-Minh rất sớm rất đốc, cũng như học-trò ông Khổng mà có thầy Nhan-tử. Thường đi chơi núi Hành-sơn, mộng thấy lão-tăng vỗ lưng mà hát rằng : « Người cùng Nhan-tử đồng-đức, thì cùng Nhan-tử đồng-thọ. » Tỉnh dậy lấy làm lạ, sau quả-nhiên như thế.

∴

Các bậc quân-tử đời xưa, nếu đắc-thời ra làm quan, thì ơn-trạch thi đến

dân, tiếng-tăm rực-rỡ ; nếu bất-đắc-thời mà ẩn ở nhà, thì hoặc giữ lấy cái đạo-học của tiên-nho, hoặc phát-minh những điều tân-tri chửa ai biết, lúc nào cũng hoài-bão lấy cái chí làm lợi-ích cho nhân dân. Dương-Minh từ năm Chính-đức thứ năm, tự Long-trường trở về, bổ-nhiệm huyện-vụ Lư-lăng được bảy tháng, lại trải làm quan ở Nam Bắc hai kinh, đều ở về chức nhàn-tản cả, không có trách-nhiệm gì, nên không biểu-lộ cái tài ra được. Bè-bạn khách-khứa đi lại, chỉ là có việc giảng học mà thôi, đó còn là cái thời-đại nửa làm quan nửa còn ẩn-cư vậy.

Khi ấy có Lục Cam-Toàn 陸 甘 泉 truyền-thụ cái đạo học của Bạch-sa tiên-sinh (1), giảng học ở chốn kinh-sư, đối với Dương-Minh là bậc tiền-bối. Dương-Minh là người hậu-tiến, mà cũng chủ một giảng-tịch riêng, Cam-Toàn vẫn lấy làm khen. Học-phái hai người cũng có chỗ hơi khác nhau, vì là Cam-Toàn còn giữ cựu-thuyết, mà Dương-Minh thì phần nhiều là tâm-đắc cả. Dương-Minh dạy rằng : « Trí lương-tri », Cam-Toàn thì bảo rằng : « Tùy chỗ mà thể-nhận lấy thiên-lý ». Song thiên-lý tức là lương-tri, mà « thể-nhận » tức là « trí », vậy nên học-thuyết hai người tuy đồng mà dị, dị mà thực đồng.

Dương-Minh ở kinh làm chức chủ-sự bộ Lại, Phương Hiến-Phu làm chức Lang-trung, ngôi ở trên Dương-Minh. mà vẫn cùng ông Dương-Minh thung-dung bàn sự học-vấn, tự lấy làm không bằng, bèn dâng danh-thiếp học-sinh xin vào cập-môn, lạy ba lạy, phụng-sự Dương-Minh làm thầy. Dương-Minh một hôm gặp Hoàng Tôn-Hiền ở Kinh, cùng nói chuyện, mừng nói rằng : « Đạo học này tuyệt đã lâu, ông nghe được ở đâu ? » Tôn-Hiền thưa rằng : « Tôi tuy gọi là có chí, song thực chửa dụng công. » Dương-Minh bảo rằng : « Người ta chỉ lo vô-chí, chứ không lo gì vô-công. » Phương Hiến-Phu thì không lấy ngôi cao tự-ngạo, Hoàng Tôn-Hiền không lấy học thiền mà tự-khí, đều là việc rất khó mà đáng quí, bọn thiếu-niên ta nên theo làm mô-phạm mới phải.

Dương-Minh thường đi chơi Từ-châu, cùng học-trò ngao-du trên suối Nhượng-toàn đất Lang-da, gặp buổi trăng trong mới mọc, gió mát hây-hẩy, hưng-khâm tiêu-sái, và trăm người học-trò đều hát, tiếng hát bay lên trên mây, hang núi vang kêu. Việc học vốn là khổ, học mà không đến khổ thì không thành được. Khi học đã có sở-đắc rồi, thì tâm khoan-khoái, thể thư-thái, vui-thú gì bằng, vả lại gặp được danh-sơn thắng-hữu, nhất-thời du-thưởng, thì cuộc đi chơi ấy vui-thú cũng không khác gì hóng gió xuân tắm mát ở sông Nghi.

Năm Chính-đức thứ mười, có người nói ở bên Tây-vực có kẻ Hồ-tăng hay biết việc tương-lai ; vua bèn khiến quan Thái-giám là Lưu Doãn đi sang Ô-tỳ-tàng (nay gọi là Tây-tàng) để tìm hỏi, lại lấy ngọc minh-châu làm cờ phướn, vàng đỏ làm lễ cung-đốn, tốn đến hàng cự-vạn. Dương-Minh nghe biết muốn dâng sớ lên tâu, đại-lược nói rằng : « Bệ-hạ quả có cái bụng chuộng Phật thật, thì thần xin chớ có chỉ hiếu cái danh, phải nên chuộng lấy cái thực, chớ có chỉ ham cái ngọn, phải nên tìm đến cái gốc. » Sau thấy có quan phụ-thần là Dương Đình-Hòa đã tâu lên vua không nghe, nên sớ ấy

(1) Tên là Trần Hiến-Chương 陳 獻 章, tên tự là Công-phủ, người ở Quảng-đông Tân-hội làng Bạch-sa, học-giả nhân xưng là Bạch-sa tiên-sinh. Dạy học-trò rất đông, là một bậc đại-nho khoảng năm Thành-hóa đời Minh.

cũng không dâng lên nữa. Khi xưa Đường Hiến-tôn sai đón rước Phật-cốt, Hàn Dũ có dâng sớ lên can, lại làm ra thiên *Nguyên-đạo*, đại-thanh tật-hô, cho đạo Phật là dị-đoan mà bài-bác đi. Ôi, cái đạo nhà Phật tuy có khác với đạo nhà nho, song những ông vua chuyên-chế hay túng-dục bại-độ, vô-sở bất-chí, nếu hay chuộng Phật thì cũng có thể nhờ đó mà tài-chế bớt cái tà-tâm đi, chỉ sợ rằng không phải là chuộng thật mà thôi. Trong bài sớ của Dương-Minh nói như thế, thì thực là tâm bình khí hòa, thiết-trúng lợi-tệ, không phải là nịnh Phật vậy.

Hồi đầu năm Chính-đức, các tỉnh phía nam, trộm cướp như ong dậy, đều chiếm-cứ lấy cõi đất xưng-vương. Trần Kim, Du Giản trước sau đi dẹp giặc đã mấy năm không thành công. Lại khởi-phục quan Tuần-phủ Nam-hàm Đình-chương cũ là Văn Xâm sai đi dẹp giặc. Xâm sợ khó không dám thụ mệnh, xưng bệnh cáo lui. Vì thế giặc cướp càng nhiều, nhân-dân cực-khổ. Quan Thượng-thư bộ Binh là Vương Quỳnh tiến cử Dương-Minh, vua bèn cho thăng làm Đô-sát-viện Tả-đô-ngự-sử, Tuần-phủ Nam-hàm Đình-chương. Dương-Minh là một kẻ thư-sinh, mà dám nhận việc binh, đi tiễu-trừ giặc mạnh, ai cũng lấy làm nguy. Thế mà Dương-Minh được mệnh đi ngay, không có rụt-rè sợ-hãi chút nào. Duy có Vương Ti-Dư nói chuyện với người ta rằng: « Dương-Minh đi chuyến này, tất là lập được sự-công. » Người ta hỏi: « Sao lại biết trước được? » Nói rằng: « Ta xem thấy không động tâm. » Nguyên là người nào thốt-nhiên lâm đến việc mà không kinh, vô-cố gia cho mà không giận, thế là hay không động tâm; đã hay không động tâm, thì là cái công học-vấn hàm-dưỡng đã đến nơi, có thể ra đương việc lớn được. Vương Ti-Dư hay lấy điều ấy xem xét người, thì há phải là kẻ sĩ tầm-thường đâu.

Năm Chính-đức thứ mười một, mùa đông, Dương-Minh ra khỏi kinh để đi tới Hám-châu, đường qua đất Vạn-an, có vài trăm quân giặc cứ theo ven đường cướp bóc, những thuyền buôn không dám tiến lên. Dương-Minh bèn sai kết vài mươi chiếc thuyền làm trận-thế, mở cờ giống trống, hình như kéo lên đánh, quân giặc sợ, đều la-bái hô lên rằng: « Chúng tôi là bọn lưu-dân đói khát, xin người chẩn-cấp giúp cho. » Dương-Minh bèn sai người dụ bảo rằng: « Sau khi ta đến Hám-châu, sẽ lập-tức sai quan chiêu-phủ phân-sáp, đều cho yên nghiệp sinh-lý; chớ có làm càn, bị tru-diệt thì không kêu oan được nữa! » Quân giặc nghe lời đều tan về.

Tháng giêng, kéo quân đến Hám-châu, tháng hai thì đã bình xong giặc Chương-châu. Tháng tư, ban sư trở về. Tháng chín, cải-nhiệm Đề-đốc Nam-hàm Đình-chương đẳng-xứ quân-vụ, tháng mười lại dẹp yên các bọn giặc ở ải Hoành-thủy đèo Dũng-cương. Tên cừ-khôi giặc là Lạ Chí-San bị bắt. Dương-Minh hỏi rằng: « Mày sao lại họp được đồ-đảng nhiều như thế? » Chí-San thưa rằng: « Cái việc ấy cũng không phải là dễ, tôi lúc bình-thời hễ gặp được anh nào hảo-hán, thì quyết không bỏ qua, phải lập nhiều mưu mẹo để dụ đến hoặc chu-cấp cho, hoặc thích muốn điều gì thì buông thả cho, để cho nó hàm ơn qui-phục, rồi mới cùng mưu việc thì không đứa nào là chẳng theo. » Dương-Minh ngảnh lại bảo học trò rằng: « Nhà nho ta muốn thiết cầu bạn cũng phải nên như thế. » Tháng mười hai, ban sư trở về.

Năm Chính-đức thứ mười hai, tháng giêng, Dương-Minh lại đem quân đi đánh giặc đèo Tam-lợi, tháng ba dẹp yên được các bọn giặc ở Đại-mạo-lợi-đầu, tháng tư đem quân về, tháng sáu

triều-đình thấy ông có công dẹp giặc, mới thăng cho làm Hữu-phó đô ngự-sử.

Tính từ khi chịu mệnh đi tuần-phủ, mới độ một năm rưỡi trời, thế mà các xứ Giang-tây, Phúc-kiến, Quảng-đông, Hồ-nam, đến hàng hơn nghìn dặm giặc đã loạn lạc, đều thứ-đệ dẹp yên cả. Lại cải-định binh-chế, kiến-trúc thành-ấp, sơ-thông sửa lại phép thuế muối, lập ra thư-viện, thi-hành hương-ước. Những khi việc quan rỗi-rảnh, vẫn không bỏ đọc sách, giảng học. Người ta học-hành đến lúc công-phu đã thành-thục rồi, ra mà làm việc đời, thì đắc tâm ứng thủ, tả hữu bề nào cũng trôi chảy cả, vui thú là như thế đấy.

Phê-bình. — *Lời ngạn rằng : « Tay áo dài múa khéo, tiền của nhiều buôn giỏi. » Tức là cái ý thầy Mạnh bảo rằng đã có thực ở trong thì tất hình ra ngoài. Nay các cậu mới ở nhà trường tốt-nghiệp ra, đã tưởng rằng lập ngay được công-danh, có khác gì thằng cu gián mới đi giật mướn quanh-quẩn được một ít vốn-liếng đã tưởng rằng nay mai ra mở cửa hàng to. Nhưng thức giả đã biết chắc rằng là tất lại. Song trong trường buôn bán, cũng còn có hòng được dịp may ; chứ đến như cái sự-nghiệp trị-quốc an-dân, thì nó xác-tạc rành rành, làm được việc gì ra việc ấy, chớ không có thể cầu may mà làm nên được. Vậy những cậu học chưa đủ, thì hãy nên ẩn-nhẫn luyện-tập vài năm nữa, bao giờ học rõ thành-thục lấy ra gánh vác việc đời.*

Xưa ông Khổng có người học-trò là Tất Điêu-Khai, ông Khổng muốn cho ra làm quan. Tất Liêu-Khai từ chối mà rằng : « Việc ấy tôi chưa dám chắc là đã làm nổi. » Ý là nói học-vấn mình còn chưa đủ tin cậy, không dám vội ra đảm-nhiệm việc đời để cầu sự-công. Ông Khổng lấy làm khen. Nay xem Dương-Minh cũng như thế, tự lúc thành-đồng đi học, đến năm 28 tuổi mới ra thông-bổ vào sĩ-tịch, năm 45 tuổi mới ra đảm-nhiệm việc lớn, chịu nhận lấy chớ không từ chối, vì lúc ấy học-vấn mình đã thực có thể tin cậy được vậy. Những các cậu học-trò nông ruột, chỉ cấp muốn ra cầu-cạnh cho đắc-dụng, chớ chửa tin chắc học-hạnh cậu đã được như thế nào, mà đã vội khen là có kinh nghiệm, kẻ trên cầu như thế ấy, mà kẻ dưới ứng như thế kia, việc đời sở-dĩ ngày càng hỏng vậy. Than ôi ! sao chẳng trở lại côn-bản mà sửa đi.

Người nào mà đến đâu cũng không thấy có lạc-thú ấy, là chỉ vì chưa nếm qua một phen khổ. Cái việc chi-khổ trong thiên hạ không gì khổ bằng lúc học còn chửa thành. Đức Khổng-tử có hình dung cái ý-thái lạc học chửa thành thì thường sinh ra phẫn và phỉ. *Phẫn là cái bộ bực tức, tâm muốn cầu cho thông mà chửa được ; phỉ là cái bộ lầm-nhầm, miệng muốn nói cho trôi mà chửa thông ; đến khi học giỏi rồi thì tự-nhiên quán-thông, khổ tận cam lai, sướng khoái vô-chừng, không thể lấy ngôn-ngữ mà hình-dung ra được. Còn như cái người vô-học thì chưa biết khổ, còn biết gì là vui, chung-thân lúc nào cũng buồn-bã là phải.*

Khi xưa Tô Tần sang du-thuyết vua Tần, vua Tần không dụng, cùng-khốn mà trở về, phát-phẫn đọc sách, đêm khuya mỏi mệt buồn ngủ, bèn lấy dùi đâm vào đùi, máu chảy đến chân, cái chí chăm học như thế cũng giỏi thật. Nhưng xét đến cái mục-đích đi học, thì lại nói rằng : « Cứ đem cái thuyết này ra mà nói với các vua chư-hầu, lẽ nào lại chẳng được vàng ngọc gấm vóc, tôn cho làm quan khanh tướng hay sao ! » Ấy cái chí học hèn hạ như thế, thì gọi là học sao được. Chiến-quốc sách *gọi là cách học « sủy ma » Nghĩa là chỉ đo tìm ý-tứ người ta mà nịnh hót. Hai chữ sủy ma thực là trúng vào tận ruột anh Tô Tần, chỉ biết có cách sủy ma mà thôi, còn biết đạo-học là gì, sau khi nó học*

cách sửy ma đã thành-thục rồi, thì tự vớ được ngôi khanh-tướng thế là thích rồi. Cái người học đạo có nghĩ đâu cái cách vui thích như thế cái vui của Dương Minh mới thực là chân-lạc, khi ngao-du ở Từ-châu, trăng trong gió mát, thiên cơ phát-lộ, đó mới thực là trong danh-giáo vẫn có chốn vui.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

KHẢO VỀ SÁCH XUÂN-THU TẢ-TRUYỆN

XVII

8. K — Sái-hầu đem Ngô-tử vào đánh nhau với người Sở ở Bách-cử Quân Sở thua. Sở Nang-Ngoã xuất-bôn sang Trịnh.

T. — Bấy giờ Ngũ Viên làm chức Hành-nhân cho Ngô để mưu hại Sở. Sở từ khi giết Khước-Uyển rồi họ-hàng nhà họ Khước phải xuất-bôn ra các nước cả. Người cháu Bá Châu-Lê là Quyền thì sang Ngô làm đến quan Thái-tể để mưu hại Sở. Bởi vậy từ ngày Sở Chiêu-vương lên ngôi đến nay, không năm nào là không có giặc Ngô đến. Sái-hầu nhân thế mới cho con là Càn với một người con quan Đại-phu nữa sang ở làm con tin bên Ngô. Mùa đông năm Định-công thứ tư, Sái-hầu, Ngô-tử, Đường-hầu cùng đi đánh Sở. Đến bến sông Hoài thì đỗ bộ rồi từ đất Dự-chương kéo vào dàn quân ra ở bờ sông Hán để giáp-công quân Sở.

Sở Tả Tư-mã Tuất bảo Tử-Thường rằng : « *Ông cứ đem quân theo bờ sông Hán mà đón quân Ngô, quân nó lên thì ông lên, quân nó xuống thì ông cũng xuống. Còn tôi thì đem hết người ở ngoài Phương-thành ra phá-hủy cả thuyền của Ngô đi. Phá xong thì chúng tôi về lấp ba cửa ải là Đại-toại, Trực-viên và Minh-ách đi. Bấy giờ ông đem quân sang sông Hán mà đánh quân Ngô, chúng tôi ở đàng sau đánh áp lại thì Ngô tất đại-bại.* »

Mưu ấy đã sắp thi-hành thì Sử-Hoàng bảo Tử-Thường rằng : « *Người nước Sở này họ ghét ông mà yêu Tư-mã Tuất. Nếu Tư-mã đi phá-hủy thuyền của Ngô ở sông Hoài rồi về lấp được ba cái cửa ải ấy thì người ta tất cho là một mình Tư-mã đánh được Ngô mà thôi. Vậy ông phải kíp đánh ngay đi, không thì hỏng mất.* »

Tử-Thường bèn đem quân sang sông Hán dàn trận từ Tiểu-biệt đến Đại biệt. Đánh ba trận, Tử-Thường biết thế không địch được, toan bỏ trốn.

Sử-Hoàng bảo Tử Thường rằng : « *Lúc nước nhà yên vui thì cầu lấy chức việc. Đến lúc hoạn-nạn thì bỏ trốn, vậy định trốn vào đâu. Ông phải đánh cho kỳ chết thì mới gỡ hết tội trước được.* »

Tháng 11, hai quân bày trận ở Bách-cử. Em Hạp-lư là Phu khái-vương sáng sớm vào xin với Hạp-lư rằng : « *Thằng Nang Ngoã nước Sở nó bất-nhân lắm. Những bộ-hạ nó không ai có bụng liều chết được. Ta đánh trước thì quân nó tất chạy. Sau ta sẽ đem đại-binh kế đến thì ta tất thắng.* »

Hạp-lư không nghe. Phu-khái-vương nói : « *Cổ có câu : « Kẻ bầy-tôi gặp việc phải thì cứ làm, không phải đợi*

mệnh vua, » *tức là việc này đó. Vậy ta liều chết thì quân ta vào được Sở* » Phu-khái-vương bèn đem thuộc-binh 5000 vào đánh toán quân của Tử-Thường trước. Quân Tử-Thường vỡ chạy. Quân Sở đều rối loạn bị quân Ngô đánh cho đại-bại. Tử-Thường xuất-bôn sang Trịnh. Sử-Hoàng đem cỗ binh-xa vào trận để chiến-tử.

4 K — Người Ngô vào thành Sính

T. — Ngô đuổi theo quân Sở đến Thanh phát, sắp đánh vào, Phu-Khái-vương nói : « *Con thú lúc cùng nó còn phấn-đấu nữa là người. Nếu để cho quân Sở nó biết là không thoát được mà nó liều chết đánh lại thì tất nó đánh quân ta đến thua. Vậy để cho quân Sở những đứa đã sang sông rồi biết mình là thoát được, thì những đứa theo sau mới hám mong thoát nạn mà không có bụng phấn-đấu nữa. Thế thì cứ để cho quân Sở sang sông được một nửa rồi hẵng đánh.* »

Hạp-Lư nghe lời quân Ngô lại đánh được trận nữa.

Quân Sở chạy đến đấy sắp nấu cơm ăn thì người Ngô theo tới, quân Sở phải chạy. Sau vừa lúc quân Sở đang ăn thì người Ngô lại đến nơi, đánh quân Sở thua ở Ung-phệ. Quân Ngô đuổi quân Sở đánh tất cả năm trận thì vừa tới địa-phận đô-thành Sính.

Sở-tử đem hai người em gái là Quí-Thiên với Tí-Ngã đi xuất-bôn. Ngày canh-thìn người Ngô vào trong đô-thành Sính. Vua Ngô trở xuống các quan, cứ theo thứ-tự mà vào đóng ở cung-thất của vua quan Sở. Tử-Sơn con vua Ngô thì đóng ở dinh Lệnh-doãn Sở. Phu-khái-vương là em vua Ngô thấy thế chực đuổi Tử-Sơn. Tử-Sơn sợ phải ra đóng chỗ khác. Phu-khái-vương bèn vào đóng ở dinh Lệnh-doãn.

Sở Tả Tư-mã Tuất đi phá-hủy thuyền Ngô, mới đi đến đất Tức nghe tin Sở thua bèn trở lại, đánh quân Ngô ở Ung-phệ, quân Ngô thua mà Tư-mã Tuất bị thương. Trước kia Tư-mã Tuất đã làm đầy-tớ Hạp-Lư cho nên bây giờ sợ bị quân Ngô bắt thì xấu-hổ lắm. Bèn bảo những đầy tớ rằng : « *Có ai sẽ đem được cái đầu ta mà chạy thoát đi không ?* » Có Câu-Ti là người Ngô vẫn ở với Tư-mã Tuất thưa rằng : « *Tôi hèn tài có thể đương được việc ấy không ?* » Tư-mã Tuất nói : « *Được lắm chứ, thế mà ta quên mất ông* »

Giao-chiến ba trận nữa, Tư-mã Tuất đều bị thương, bèn bảo Câu-Ti rằng : « *Thôi, tôi không làm gì được nữa rồi.* » Câu-Ti liền cắt lấy đầu Tư-mã Tuất, lấy cái xiêm vải bọc lấy, giấu cái mình vào một chỗ, rồi đem cái đầu ấy trốn đi.

Sở-tử chạy qua sông Truy sông Giang vào đất Vân-trung.

Ở Vân-trung, Sở-vương đang ngủ, có đứa vào đâm trộm, nó cầm cái giáo chực đâm vào mình Sở-vương. Bấy giờ có Vương-tôn Do-Canh ở đấy bèn giơ lưng ra chịu lấy, bị đâm vào vai. Sở-vương bèn chạy sang đất Viên Trung-Kiến cõng nàng Quí-Thiên đi theo. Do-canh bị đâm dần dần tỉnh lại cũng chạy theo kịp.

Đến đất Viên có người Hoài là em Viên-công Tân, định giết Sở-vương mà rằng : « *Bình-vương giết bố tao thì tao giết con nó là phải lắm.* » Ông Tân nghe biết bảo em rằng : « *Bình-vương giết cha mình là thuộc về vua trị tội bầy tôi, việc còn ai dám thù oán. Mệnh vua tức là mệnh trời. Nếu chết về mệnh trời thì còn thù-oán làm gì. Sợ kẻ cường, hiếp kẻ yếu, không phải người dũng. Nhân lúc người ta khốn-cùng mà làm hại thì không phải là người nhân. Giết vua thì rồi tất bị trừ-diệt cả dòng giống không phải là người hiếu. Làm một việc mà không có danh tiếng gì thì không phải là người trí. Vậy hễ mày mà giết vua để phạm vào mấy điều đó thì tao phải giết mày.* »

Ông Tân bèn cùng người em khác là Sào đưa Sở-vương chạy sang nước Tùy. Người Ngô đuổi theo bảo vua Tùy rằng: « *Bao nhiêu nước con cháu nhà Châu ở vùng Hán-xuyên là bị Sở diệt hết cả. Nay trời xui khiến cho người ta trị tội Sở, thế mà ông lại ẩn-nặc đi cho vua Sở, vậy nhà Châu có tội gì. Nếu ông nghĩ lại muốn đền ơn nhà Châu và gia ơn cả đến quả-nhân này để đáp lại lòng trời thì quả-nhân on ông nhiều lắm.* »

Người Tùy từ chối mà trả lời rằng : « *Vì Tùy tôi bé nhỏ ở sát liền với Sở. Nhờ Sở bảo-tồn cho bấy lâu, đời đời có lời thề nguyện đến nay còn giữ. Nếu gặp lúc hoạn-nạn mà bỏ nhau thì đối với ngài sau này còn ra thế nào nữa. Vả làm cho các quan bên ấy còn phải vu-hoan, không những gì một ông vua Sở này. Nếu ngài vỗ yên được cả cho dân nước Sở thì ngài dạy thế nào chúng tôi cũng xin vâng.* » Người Ngô bèn kéo quân về.

Ngày xưa Ngũ-Viên kết bạn với Thận Bao-Tư, Lúc Ngũ-Viên bỏ nước mà trốn đi có bảo Thân Bao-Tư rằng : « *Thế nào tôi cũng báo thù được Sở.* » Thận Bao-tư nói rằng : « *Anh cứ cố đi, hễ anh mà báo thù được Sở thì tôi thế nào cũng dựng được Sở lại.* » Nay Sở Chiêu-vương sang Tùy Thân Bao-Tư bèn sang Tần xin viện-binh, nói rằng : « *Nước Ngô kia thực nó tham tàn như lợn lòi rắn độc, định xâm-lược hết các nước thượng-quốc mới thôi. Nay bắt đầu đã thi-hành cái cách tàn-ngược ấy ra cho Sở rồi đó. Quả-quân tôi không giữ được xã-tắc, phải xa lánh ra chốn bờ bụi, có sai kẻ hạ-thần tôi sang đây cáo-cấp với ngài rằng : « Cái lòng tham của quân di-địch nó không biết chán. Nếu nó diệt được nước tôi rồi mà nó làm láng-diềng với ngài là một điều để lo cho chỗ biên-cương của ngài đó. Vậy kịp nay Ngô lấy Sở mà chưa xếp đặt xong, ngài nên sang mà chia lấy một phần. Vì bằng Sở mà chịu diệt-vong ngay, thì đất Sở là đất của ngài. Còn như ngài mà cho Sở được nhờ cái uy-linh của ngài để hưng-khởi lại thì Sở xin đời đời phục sự ngài.* »

Tần-bá cho người ra từ chối rằng : « *Vâng, mời ông hãy vào nhà sứ-quán để quả-nhân nghĩ xem sao, sẽ thưa lại.* »

Thân Bao-Tư thưa rằng : « *Quả-quân tôi trốn tránh ra chốn bờ bụi, chưa yên ở vào nơi nào. Vậy hạ-thần tôi đâu dám vào sứ-quán mà ăn ngon ngủ yên cho đành.* » Thân Bao-Tư cứ đứng dựa lưng vào cái tường ở sân chầu nước Tần mà khóc, khóc suốt đêm suốt ngày không dứt tiếng, bảy ngày không ăn uống một miếng gì.

Tần Ai-công bèn tiếp Thân Bao-Tư và đọc thơ « *Vô-y* 無衣 » là thơ của người Tần nói về cái nghĩa đeo gươm cắp giáo đi đánh kẻ thù chung. Thân Bao-Tư nghe thấy đọc thơ ấy thì lễ rập đầu xuống chín bận rồi mới ngồi. Tần cho binh ra cứu-viện Sở.

Năm Định-công thứ năm, quân Ngô còn đang đóng ở Sở thì quân Ô-Việt vào đánh Ngô. Tháng bảy Thân Bao-Tư đem quân Tần về tới Sở. Tần Tử-Bồ, Tử-Hồ đem 500 cỗ binh-xa đến. Tử-Bồ nói : « *Ta chưa biết cách quân Ngô nó đánh thế nào* », bèn cho người Sở ra đánh với người Ngô trước, rồi Tử-Bồ đem quân ở đất Tắc kéo vào hội chiến. Đánh Ngô Phù-khái-vương ở đất Tố.

Tháng chín quân Tần lại đánh được quân Ngô. Quân Ngô vào đóng ở đất Mi. Sở Tử-Kỳ định phóng hỏa đốt thành Mi. Sở Tử-Tây nói : « *Bao nhiêu phụ-huynh ta còn phơi xương ra ở đấy mà ta chưa thu nhặt lại được. Nay ta lại đốt thành cho cháy lây cả đến thì không nên.* »

Tử-Kỳ nói : « *Nước đã mất rồi, nay nếu đánh mà khôi-phục lại được thì những người chết rồi kia có khôn thiêng tất biết mình sẽ được có người cúng vái thì các cụ có sợ gì sự đốt.* »

Quân Sở bèn đốt thành và đánh ập vào, quân Ngô đại-bại. Ngô-tử trút về.

— Sở-tử về thành Sinh. Độ trước Viên-công Đấu-Tân nghe thấy chuyện người Ngô tranh chỗ dinh của Sở, ông nói rằng: « *Tôi nhớ có câu rằng: « Bất-nhượng thì bất-hòa, bất-hòa thì không có thể đi viễn-chinh được.» Nay người Ngô tranh nhau ở Sở thì tất rồi họ có nội-loạn, có nội-loạn thì phải kéo về. Vậy còn cai-trị Sở sao được.* » Quả-nhiên tháng chín năm Định-công thứ năm, Phu-khái-vương về Ngô tự-lập làm vua đánh nhau với Ngô-vương bị thua lại xuất-bôn sang Sở.

Lại nói về khi Sở-vương chạy sang Tùy, lúc sắp sang sông Thành-cữu. Sở Đại-phu là Lam Doãn-Vĩ không đi thuyền với vua mà tự đưa vợ con sang sông. Đi đến đất Ninh, Sở-vương toan giết Lam Doãn-Vĩ. Tử-Tây can rằng: « *Tử-Thường chỉ vì hay thù vặt mà phải bại thì ngài còn bắt-chước hắn làm gì.* »

Sở-vương nói: « *Phải, ông nhớ lấy, hễ bao giờ ta về được nước thì để ghi lấy cái lỗi xưa.* »

Sở-vương về nước rồi, bèn thưởng cho Đấu-Tân, Vương-tôn Do-Can, Vương-tôn Ngữ, Trung-Kiến, Đấu-Sào, Thân Bao-Tư, Vương-Tôn Giả, Tống-Mộc và Đấu-Hoài. Tử-Tây nói rằng: « *Xin bỏ Đấu-Hoài* (tức em Viên-công Đấu-Tân) *ra.* » Sở-vương nói: « *Điều đại-đức lấp được tiểu-oán ấy là đạo thường* »; bèn cứ thưởng cho Hoài.

Thân Bao-Tư thì thưa rằng: « *Tôi là vì vua chứ không phải là vì mình. Nay vua đã yên vị rồi thì tôi còn cầu gì nữa.*» Nói rồi bèn trốn đi không nhận thưởng.

Sở-vương bàn sự gả chồng cho Quí-Thiên. Quí-Thiên nói: « *Con gái phải nên xa cách con trai, thế mà Trung-Kiến đã cõng tôi rồi.* » Sở-vương bèn gả nàng cho Trung-Kiến.

Sở-vương khi ở Tùy, sai Do-Can đắp thành Mi. Đắp xong Do-Can về trình. Tử-Tây hỏi thành đắp cao dầy thế nào. Do Can không biết. Tử-Tây nói: « *Đã không biết thì sao không từ trước đi* » Do-Can thưa: « *Ông sai tôi, tôi cố từ không được đó chứ. Người ta ai cũng có điều làm được, điều không làm được. Khi vua bị trộm nó đâm ở Vân-trung, tôi phải đón lấy mũi mác, sẹo còn đây.* » Nói rồi trật áo ra cho Tử-Tây xem vai mà rằng: « *Đây, cái này thì tôi làm được. Còn việc đắp thành Mi thì tôi không làm được.* »

5. K. — Tấn Sĩ-Ưởng đem quân lấn Vệ

T. — Quân Tấn cùng Vệ-hầu làm lễ đồng-minh ở Chuyên-trạch. Tấn Triệu Giản-tử hỏi các quan có ai dám ra tuyên-minh với vua Vệ được không? Thiệp-Đà với Thành-Hà cùng thưa rằng: « *Chúng tôi ra được* ». Lúc sắp làm lễ, người Vệ xin được cầm tai trâu để sáp huyết.

Thành-Hà nói: « *Nước Vệ chỉ bằng một ấp Ôn hay ấp Nguyên của nước ta mà thôi, sao được theo hàng với Chư-hầu* ». Vì vậy Vệ-hầu giận, muốn làm phản Tấn mà còn sợ các quan đại-phu trong nước. Vương-Tôn Giả bàn cho Vệ-hầu hãy đóng lại ở ngoài cõi nước mà không về vội. Các quan đại-phu ra hỏi vì cớ gì, Vệ-hầu đem cái sỉ-nhục của người Tấn xử với Vệ nói cho các quan biết rồi lại nói rằng: « *Quả-nhân này làm gio xấu cho xã-tắc, vậy các quan chọn lấy người khác lên làm vua, quả-nhân này xin theo.* »

Các quan đại-phu thưa rằng: « *Đó là cái tai-vạ của nước Vệ chứ có phải là lỗi của ngài đâu.* »

Vệ-hầu nói : « *Lại còn một điều đáng lo nữa là họ bảo quả-nhân phải đưa con và đưa con các quan Đại-phu sang bên ấy để làm con tin.* » Các quan Đại-phu thưa : « *Nếu là việc có ích mà Công-tử phải đi thì con chúng tôi dám đâu không theo hầu dóng xe giắt ngựa.*»

Đến kỳ sắp phải đưa con tin đi, Vương-Tôn Giả nói rằng : « *Nếu mà nước Vệ bị cái họa xâm-phạt thì đến những người công-thương cũng không khỏi tai-nạn. Vậy những người công-thương cũng phải theo đi mới được.*» Vệ-hầu lại đem điều ấy tuyên-cáo cho các quan biết thì ai nấy đều xin theo đi cả.

Đã định ngày khởi-hành rồi, Vệ-hầu hội tất cả người trong nước lại rồi cho Vương-Tôn Giả ra hỏi rằng : « *Nếu Vệ ta làm phản Tấn mà Tấn sang đánh ta đến năm lần, thì ta sẽ nguy-khốn đến thế nào ?* » Công-chúng đều thưa rằng : « *Dù Tấn sang đánh đến năm lần rồi ta cũng còn giao-chiến nữa với họ được.* »

Giả liền nói : « *Vậy thì ta hãy cứ làm phản Tấn đi đã, sau rồi có thua sẽ đưa con tin sang, cũng chẳng muộn gì.* »

Người Vệ bèn làm phản Tấn, người Tấn xin cải lời minh-thệ lại, nhưng người Vệ không cho. Mùa thu năm Định-công thứ 8, Tấn Sĩ-Ưởng sang lấn nước Vệ.

6. K.— Kẻ trộm lấy mất hòn bảo-ngọc và cái đại-cung

T. — Quí-Mụ, Công-Thư-Cực, Công-Sơn Bất-Nữu đều là những người bất-đắc-chí với họ Quí-Tôn.

Thúc-tôn Nhiếp thì không được họ Thúc-tôn tin yêu. Thúc-trọng-Chí thì bất-đắc-chí với nước Lỗ. Vì vậy người nước Lỗ muốn nhờ tay Dương Hổ là một kẻ bồi-thần chuyên-quyền của họ Quí-Tôn Dương-Hổ nhân dịp định khử cả ba nhà Tam-Hoàn (1) đi mà cho Quí-Mụ thay vào cho họ Quí-tôn, Thúc-Tôn Nhiếp thay vào cho họ Thúc-Tôn, còn mình thì thay vào cho họ Mạnh-Tôn.

Mùa đông ngày nhâm-thìn, Dương Hổ sắp-sửa mời Quí-Tôn đến Bồ-phố ăn tiệc mà giết đi. Lại truyền lệnh cho quân lính Đô-xa là những lính về binh-xa ở đô thành rằng : « Đến ngày quí-tị thì phải đến cả đây. » Có quan Tể ấp Thành là Công-Liễm Sử-phủ bảo Mạnh-Tôn rằng : « *Họ Quí-tôn truyền lệnh cho quân lính Đô xa để làm gì ?* » Mạnh-Tôn nói : « *Ta không biết* ». Sử-phủ thưa : « *Tất có biến đó, mà biến ấy sẽ đến cả ngài, vậy xin cho phòng-bị trước*». Sử-phủ bèn hẹn với Mạnh-Tôn sắp binh ngay từ ngày nhâm-thìn (2).

Đến lúc Quí-Tôn Hoàn tử trẩy ra Bồ-phố, Dương Hổ đi tiền-khu, Lâm-Sở thì đánh xe cho Hoàn-tử, Dương-Việt (em Dương Hổ) đi hậu-ủng. Sắp tới Bồ-phố, Hoàn-tử nghĩ ra mới khẽ bảo Lâm-Sở rằng: « *Tiên-nhân nhà anh là những bậc hiền-lương của họ Quí-Tôn ta cả. Bây giờ anh phải kế lấy công-nghiệp ấy.* » Lâm-Sở thưa : « *Bây giờ chúa mới truyền mệnh cho tôi thì muộn lắm rồi. Dương Hổ hẳn chấp-chính, người nước Lỗ phục hẳn cả. Nếu trái mệnh hẳn thì chỉ tổ chết. Mà tôi có chết cũng vô-ích cho chúa.* »

---

(1) Ba nhà Mạnh-Tôn, Thúc-Tôn, Quí-Tôn đều là con cháu vua Hoàn-công Lỗ, nên gọi là Tam-Hoàn.

(2) Dương Hổ định ngày nhâm-thìn ra đặt tiệc giết Quí-Tôn, Đêm mai là ngày quí-tị thì quân Đô-xa đến đánh Mạnh-Tôn, Thúc-Tôn.

Hoàn-tử nói : «*Sao lại muộn. Anh có thể đánh xe đưa ta sang nhà họ Mạnh-Tôn được không?*» Lâm-Sở thưa : « *Tôi không sợ chết, nhưng chỉ sợ không đưa chúa đi thoát được.* » Hoàn-tử nói : « *Cứ đi* ».

Đến nơi thì họ Mạnh-Tôn đã tuyển được 300 người gia binh khỏe mạnh đứng chực ở ngoài cổng giả cách xây nhà. Lâm-Sở trông thấy thúc cho ngựa hăng lên chạy đến chỗ thông cù thì cho chạy tạt ngay vào trại họ Mạnh-Tôn. Dương-Việt bắn theo không tin. Bọn thợ xây ở đó đóng cổng lại Dương Hổ bèn hiếp Định-công đến đánh Mạnh-thị. Công-Liêm Sử-phủ đem người ấp Thành-tử cửa Thượng-đông-môn kéo vào đánh nhau với Dương Hổ ở trong cửa Nam-môn. Dương Hổ thua vào trong cung vua lấy cả bảo-ngọc và đại-cung đem đi, chạy ra ấp Hoan ấp Dương-quan, giữ đấy làm phản.

Tháng 6 năm Định-công thứ 9, quân Lỗ đánh ấp Dương-quan Dương-Hổ xuất-bôn sang Tề xin quân về đánh Lỗ nói rằng : « *Quân Tề sang đánh ba lần thì lấy được Lỗ.* » Tề hầu toan nghe. Pháo Văn-tử can rằng : « *Thần đã từng ở với họ Thi bèn Lỗ thì biết rằng chưa có thể lấy Lỗ được. Vì trong nước, trên dưới vẫn hòa với nhau, bọn chúng-thứ vẫn thỏa-thuận với nhau, Lại biết phục-sự nước lớn mà không bị thiên-tai bao giờ. Vậy thì lấy nước Lỗ làm sao được. Dương Hổ muốn mượn tay quân Tề. Quân Tề mỏi mệt, các quan đại thần bị chết nhiều, bấy giờ hắn sẽ dùng cái gian-mưu của hắn ra với Tề.*

« *Thần xem Dương Hổ được họ Quí-Tôn tin dùng mà chực giết Quí Hoàn-tử Nay bất-lợi với Lỗ mà sang đây nhờ ta. Vậy biết hắn chỉ thân với người phú-thịnh chứ không thân với kẻ nhân-nghĩa, thì ngài còn nghe hắn làm gì Ngài giàu hơn họ Quí-Tôn mà thịnh-đại hơn nước Lỗ, nên Dương Hổ nó định làm cho khuynh-phúc đi. Lỗ người ta đã thoát khỏi cái tật với nó mà ngài lại thu dùng lấy. Thế chẳng hại lắm ru.* »

Tề-hầu bèn bắt Dương Hổ định đưa trả về Hổ Dương Hổ chạy sang Tống rồi chạy sang Tấn nhờ vào nhà họ Triệu.

7. K. — Tề-hầu, Vệ-hầu đóng quân-thứ ở đất Ngũ-thị (đất Tấn)

T.— Mùa thu năm Định-công thứ 9, Tề-hầu giúp Vệ đánh đất Di-nghi của Tấn Quân Tề sắp đi trận, người cha Tệ Vô Tồn đi hỏi vợ cho Tệ Vô-tồn. Tệ Vô-Tồn xin từ chối và xin để hỏi người con gái ấy cho em mà rằng : « *Trận này mà tôi không chết thì trở về tôi phải giam con gái của nhà họ Cao hay họ Quốc làm vợ mới thích.* » Khi làm trận, Tệ Vô-Tồn đăng thành trước nhất rồi vào chiến-đấu mà bị chết ở dưới thành. Kế đến Đông-Quách Thư ra tranh đăng thành trước. Lê-Gi theo lên bảo Đông-Quách Thư rằng : « *Ông lên trước thì ông đứng về mé tả, tôi lên trước thì tôi đứng về mé hữu. Ta cùng đợi cho quân ta lên hết rồi sẽ nhảy xuống mà vào trong thành nó.* »

Đông-Quách Thư nghe lời đứng về bên tả thì Lê-Gi nhảy ngay xuống, hạ được thành Di-nghi.

Tấn đem 1000 cỗ binh-xa đến Trung-mâu để cứu Di-nghi. Bấy giờ Tề-hầu đóng ở Ngũ-thị, Vệ-hầu định đến Ngũ-thị để giúp cho Tề-hầu, nhưng mới đi đến gần Trung-mâu thì Tấn đã đánh đuổi được quân Tề rồi.

Tề-hầu biếu Vệ-hầu ba ấp Cao, Mị và Hạnh. Tề-hầu lại thưởng cho Lê-Gi, Lê-Gi từ-tạ nói rằng : « *Đã có người đăng thành trước, tôi theo sau đó thôi. Cái người đăng thành trước ấy mặt gồ răng khấp-khểnh mà mặc cái áo cừu bằng lông con li.* »

Tề-hầu cho người ra ngắm Đông-Quách Thư rồi bảo rằng : « *Người*

đăng thành trước nhất chính là ông đây rồi. Tôi khen cho ông. »

Tề-hầu thưởng cho Đông-Quách Thư Đông-Quách Thư cũng từ tạ rằng: « *Ông Lê-Gi với tôi bấy giờ cùng nhường nhau đăng thành như chủ khách tiếp nhau vậy.* » *Tề-hầu bèn thưởng cho cả Lê Gi.*

Khi Tề-hầu ở Di-nghi bảo người Di-nghi rằng: « *Ai tìm thấy Tệ Vô-Tồn thì miễn cho năm nhà khỏi phải đi phu dịch.* » Chúng bèn tìm thấy cái xác của Tệ Vô-Tồn, Tề-hầu sai liệm ba lần vải rồi cho xe tê-hiên với lọng chực-cái là đồ nghi-chế của đại-phu để đưa cữu của Tệ Vô-Tồn về nước trước, Những người đưa đám phải quì mà đẩy xe và khóc là thầy, Tề-hầu thân đẩy cho bánh xe quay ba vòng mới thôi.

8 — K. — Công đến hội-minh với Tề-hầu ở Giáp-cốc

T.— Mùa hạ năm Đinh-công thứ 10, Đinh-công đến hội-minh với Tề-hầu ở Giáp-cốc. Khổng Phu-tử làm Tướng-lễ. Tề Lê-Gi nói với Tề-hầu rằng: « *Khổng-Khâu thì thuộc lễ đấy mà vô dũng. Nếu ngài cho một tên lính người rợ Lai* (thuộc-địa Tề) *cầm đồ binh vào dọa Lỗ-hầu bắt phải theo lời thề của ta là được việc hẳn,* » Tề-hầu nghe lời. Khổng Phu-tử thấy thằng người rợ Lai cầm đồ binh đến, bèn đưa Lỗ-hầu lui ra mà rằng: « *Quan sĩ-sư đâu, cầm gươm ra đây chém chết thằng mọi này đi. Cái chỗ hai ông vua ngồi hợp hiếu với nhau mà nó là thằng tù vong-quốc ở nơi mọi rợ dám cầm đồ binh xông xáo vào. Xem việc này thì biết không phải như những lời mệnh-lệnh của Tề-hầu sở-dĩ hội hợp chư-hầu. Người di-địch không được mưu việc chốn Trung-hoa, kẻ tù tội không được can-phạm vào cuộc minh thệ, chốn giao-hiếu không được đem đồ binh-khí đến áp bức. Thế mà việc này phạm cả vào mấy điều đó thì thực là đối với quỉ thần là việc bất tường, đối với đạo-đức là việc trái nghĩa, đối với nhân-sự là việc thất lễ. Nhưng tôi chắc ngài không định làm như thế đâu* ».

Tề-hầu nghe thấy tiếng Khổng Phu-tử nói, bèn sai đưa người lính rợ Lai ấy lánh ra.

Đến lúc sắp làm lễ minh-thệ, người Tề viết lên tờ minh-thư rằng: « *Khi nào quân Tề phải trẩy ra ngoài bờ cõi mà Lỗ không đem 300 cỗ giáp-xa đi theo thì phải chịu như lời thề này* ».

Khổng Phu-tử sai Tư-Vô-Hoàn vái người Tề mà nói trả lời rằng: « *Tề mà không trả lại cái ruộng Văn-dương cho chúng tôi để chúng tôi đóng góp thì cũng như lời thề ấy.* »

Tề-hầu sắp làm tiệc đãi Đinh-công, Khổng Phu-tử bảo Lương Khâu-Cử là quan thị của Tề rằng: « *Ông còn lạ gì những điển-cố của Tề Lỗ ta. Nay minh-thệ đã xong mà lại còn đặt tiệc, thế là chỉ làm bận cho các quan mà thôi. Và những đồ hi-tượng* (1), *không đem ra ngoài cửa ải, những đồ nhạc-khí về khánh-điển không đem ra hòa ở ngoài đồng. Vậy nếu tiệc này mà dùng đủ những đồ lễ-nhạc ấy thì là trái lễ. Mà không dùng đủ những đồ lễ nhạc ấy thì là bữa tiệc rối trá. Tiệc rối trá thì mang tiếng cho hai đức vua, mà trái điển-lễ thì là sự xấu. Như thế sao ông không bàn kỹ lại. Đại-phàm mở tiệc là để làm cho rỡ-ràng cái điều thịnh-đức gì ra, chứ không có cái gì để làm cho rỡ-ràng thì thà thôi đi còn*

(1) *Hi 犧 tượng 象* = Hai cái bồ rượu để tế ở nhà thái-miếu hay ở triều-đường, Hi thì nắp nặn con trâu, tượng thì nắp nặn con voi.

hơn, » Vì thế Tề thôi không đặt tiệc.

Người Tề trả lại cho Lỗ các thửa ruộng ở ấp Vận, ấp Hoan và ấp Qui-âm.

9.—K —Tấn Triệu-Ưởng đem quân vây Vệ

T.— Tấn Triệu-Ưởng vây Vệ để báo thù về trận Di-nghi đó.

Người Tấn xét ra cái cớ Vệ làm phản là tại Thiệp-Đà với Thành-Hà. Vì vậy Tấn bắt giam Thiệp-Đà để cầu hòa với Vệ, nhưng người Vệ không nghe. Người Tấn bèn giết Thiệp-Đà, còn Thành-Hà thì xuất bôn sang Yên.

10. K.—Thúc-Tôn Châu-Cừu đem quân phá hủy thành-ấp Cấu; Quí-Tôn Tư, Trọng-Tôn Hà-Kỵ đem quân phá hủy thành ấp Phí

T.— Trọng Do làm quan Tể họ Quí-Tôn. bàn xin phá hủy ba cái thành ở tư-ấp của ba nhà đi, vì vậy họ Thúc-Tôn thì tự phá-hủy ấp Cấu, họ Quí-Tôn thì tự phá-hủy ấp Phí.

Công-Sơn Bất-Nữu (quan Tể ấp Phí), Thúc-Tôn Nhiếp đem người ấp Phí ra vây đánh thành nước Lỗ. Định-công với ba ông chúa ba nhà phải lánh vào cung của họ Quí-Tôn rồi trèo lên cái đài của Quí Vũ-tử xây ra mà ẩn. Người Phí đánh vào không được. Có một cái tên bay cắm vào bên chỗ Định-công đứng. Khổng Phu-tử sai Thân Câu-Tu với Nhạc-Hân xuống dưới đài để đánh người Phí. Người Phí chạy ra đến Cô-miệt thì bị thua. Bất-Nữu, Thúc-Tôn Nhiếp xuất-bôn sang Tề. Người Lỗ mới phá-hủy được thành ấp Phí.

Còn ấp Thành của họ Mạnh-Tôn cũng sắp phá-hủy đi thì Công-Liễm Sử-phủ nói với Mạnh-Tôn rằng: « *Hễ phá-hủy thành-ấp Thành đi thì người Tề tất tràn vào cửa ải cõi bắc nước ta được. Vả ấp Thành là cái chỗ để che trở cho họ Mạnh. Không có ấp Thành thì không có họ Mạnh nữa. Xin chúa cứ lờ đi. Tôi thì không chịu hủy* » Định-công đến vây ấp Thành không được.

11 —K. Tấn Triệu-Ưởng chạy vào Tấn-dương rồi giữ đấy làm phản Tấn

T. — Tấn Triệu-Ưởng giận Hàn-đan Ngọ bèn triệu đến Tấn-dương mà giam lại, bắt những kẻ đi theo hầu Ngọ đều phải bỏ kiếm ra mới được vào thăm Ngọ. Có Thiệp-Tân là kẻ gia-thần của Ngọ không chịu. Triệu-Ưởng bèn tuyên-cáo cho người Hàn-đan rằng: « *Ta đã có lời nói riêng với ông Ngọ* (cùng họ với Ưởng) *rồi, các ngươi cứ tùy ý chọn lấy người mà lập lên làm chủ.* »

Ưởng bèn giết Ngọ. Thiệp-Tân giữ Hàn-đan làm phản. Cát-Dịch họ Phạm, Tuân-dẫn họ Trung-Hàng đến đánh phá cung-thất nhà họ Triệu. Ưởng phải chạy ra Tấn-dương.

12.—K. — Tấn Tuân-Dẫn, Sĩ Cát-Dịch chạy ra đất Triều-ca giữ đấy làm phản Tấn

T. — Tấn Phạm Cao-Di không được cha là Phạm Cát-Dịch tin yêu, nên y muốn làm loạn ở nhà họ Phạm. Lương Anh-phủ thì được Trí Văn-tử yêu-đương muốn dùng ra cho làm quan Khanh. Hàn Giản-tử thì ghét nhau với Trung-Hàng Văn-tử. Ngụy Tương-tử cũng ghét nhau với Phạm Cát-Dịch. Vì vậy năm người ấy bàn mưu với nhau, sắp-sửa đuổi Tuân-Dẫn đi mà cho Lương Anh-phủ thay vào. Đuổi Phạm Cát-Dịch đi mà cho Phạm Cao-Di thay vào.

Tuân Thước nói với Tấu-hầu rằng: « *Ngài truyền lệnh rằng hễ các quan đại-thần, ai là kẻ gây loạn ra thì phải tử-tội.* » *Lời ấy còn chép để ở trên sông Hà. Nay ba quan đại-thần là Triệu Ưởng-Phạm Cát-Dịch, Tuân-Dẫn cùng*

gây ra mối loạn, mà ngài chỉ đuổi Triệu Ưởng thì hình-pháp không được công-bằng. Vậy xin đuổi cả đi. »

Mùa đông năm Định-công thứ 13, Tuân Thước, Hàn Bất-Tín, Ngụy Mạn-Đa rước Tấn-hầu đi đánh nhà họ Phạm và nhà họ Trung-Hàng, Hai nhà ấy toan đánh lại Tấn-hầu. Có Cao-Cường là người Tề xuất-bôn sang ở Tấn mới can hai nhà rằng: « *Có gẫy cánh tay ba lần mới biết thầy thuốc hay. Vậy cái việc các ông định đánh vua thì không nên, vì làm thế dân họ không theo. Tôi chỉ vì đánh vua nên mới phải xuất-bôn sang ở đây. Nay xem ba nhà Trí, Hàn, Ngụy này họ cũng chưa hòa-thuận với nhau hẳn, các ông có thể đánh lại từng nhà một cho hết được. Đã đánh được rồi thì vua còn bè đảng với ai nữa. Chứ nếu đánh vua trước thì tất ba nhà ấy họ hợp lực lại thì nguy.* »

Hai nhà không nghe, cứ đánh lại Tấn-hầu, người Tấn giúp cho Tấn-hầu. Tuân-Dần họ Trung-Hàng, Sĩ Cát-Dịch họ Phạm cùng xuất-bôn ra Triêu-ca. — Hai họ Hàn, Ngụy xin lỗi với vua Tấn cho Triệu Ưởng. Triệu Ưởng lại về thành Giáng vào cung vua xin tuyên-thệ. (Ba quan Khanh phân nước Tấn là bắt đầu từ ba nhà Hàn, Triệu, Ngụy này).

13. — K. — Ô-Việt đánh Ngô ở Huê-lý. Ngô-tử Quang chết

T. — Ngô đánh Việt, Việt-tử Câu-Tiễn ra chống-cự, Trận bày ở Huê-lý, Câu Tiễn sợ thế trận của Ngô chỉnh-đốn hơn, bèn sai quân tử-sĩ đến đề cho quân Ngô bắt đã hai lần rồi mà quân Ngô vẫn không động đậy.

Câu-Tiễn lại sai những kẻ tội-nhân đứng ra ba hàng, cầm gươm tự chỉ vào cổ mà nói lên rằng: « *Hai quân xô-xát nhau, tôi là kẻ bất-tài, sai hiệu cờ trống. Nay không dám trốn, xin ra trước vòng quân nhà vua này mà chịu chết* ». Nói rồi tự đâm cổ chết. Quân Ngô thấy vậy đều đứng nhìn xem mãi. Quân Việt nhân lúc đó đánh sang quân Ngô. Quân Ngô đại-bại. Việt Linh-Cô-Phù cầm giáo đâm Hạp-Lư, Hạp-Lư bị thương ở chân cái. Linh-Cô-Phù nhặt được một cái giầy của Hạp-Lư, Hạp-Lư trở về đến đất Hình thì chết.

Phù-Sai lên làm vua sai người cứ đứng chực ở sân hễ thấy Phù-Sai đi ra hay đi vào thì phải bảo Phù-Sai rằng: « *Phù-Sai ơi, mày quên cái thù thằng vua nước Việt nó giết bố mày rồi ư!* » Thì Phù-Sai thưa rằng: « *Vâng, tôi không dám quên* ». Cứ làm như thế ba năm.

XII. — ĐỜI VUA AI-CÔNG

(Làm vua được 27 năm, năm đầu đinh-vị Châu Kính-vương thứ 26, trước kỷ-nguyên 494 năm.)

Ngô-vương Phù-Sai đánh được quân Việt ở Phù-tiêu để báo lại cái thù thua ở Huê-lý.

Quân Ngô vào nước Việt, Việt-vương đem 5000 quân giáp-thuẫn (mặc áo giáp cầm mộc) ra giữ ở núi Cối-kê, và sai quan Đại-phu là Trủng nhờ quan Thái-tể Ngô là Quyền lo cho để xin hòa.

Ngô-vương toan ưng lời. Ngũ-Viên can rằng: « *Không nên, tôi nhớ có câu rằng: « Đức nên gây thêm, bệnh nên trừ tiệt ». Ngày xưa có người Qua-Nghiễu giết họ Trâm-quán họ Trâm-tầm, rồi diệt nhà Hạ, giết vua Hậu-Tướng. Bấy giờ bà Hậu-Miên vợ vua Hậu-Tướng mới có thai, đào lỗ chui vào mà trốn đi về quê ở nước Hữu-nhưng, sinh ra người con sau tức là vua Thiếu-Khang đó. Thiếu-Khang bấy giờ làm quan Mục-chính ở nước Hữu-Nhưng. Thiếu-Khang cho Nghiễu là kẻ rất độc-hại vẫn lấy làm răn. Nghiễu biết tin cho Tiêu đi tìm Thiếu-Khang. Thiếu-*

Khang lại phải trốn sang nước Hữu-Ngu làm quan Bào-chính để mà tránh nạn. Vua Ngu là ông Tổ mới gả cho Thiếu-Khang hai nàng Diêu mà lập cho ở đất Lữ. Bấy giờ Thiếu-Khang mới có ruộng thì được một « thành » quân thì được một « lữ ». Thế mà ông biết thi hành đức-hóa cho dân và gây dựng ra những cái mưu lớn để thu tập lấy dân nhà Hạ trước lại. Lại sai Nhữ-Ngải đến do thám công việc của Nghiễu, và sai Quí-Trữ đi dụ Ế là em Nghiễu. Tức thì diệt hai nước Qua của Nghiễu với Ế, đem lại cả cơ-đồ của vua Vũ, tế trời đem vua Vũ phối-hưởng. Bao nhiêu cựu-vật không mất đi đâu tí nào.

Nay Ngô thì không bằng nước Qua của Nghiễu, mà Việt lại cường-đại hơn vua Thiếu-Khang. Thế mà ngài cho Việt hòa, hoặc-giả cũng là trời cho Việt lại nổi lên chăng, thế thì cũng nguy lắm đấy.

Tôi xem Câu-Tiễn hẳn là người hay yêu dân mà chăm làm ơn. Làm ơn cho ai tất là người xứng-đáng, thân yêu ai tất là kẻ có công. Câu-Tiễn như thế mà ở gần bờ cõi với ta, đời đời làm thù-nghịch cho ta, thế mà bây giờ ta đánh được nước nó mà ta không diệt đi thì còn để làm gì.

Nếu không diệt nước nó tức là trái ý trời mà giúp cho kẻ cừu-địch đó. Sau dù có phản-nàn lại cũng không ăn thua gì nữa.

Thôi thế là ngành nhà họ Cơ ở đây suy đốn lắm rồi, cái suy-đốn ấy có thể đợi mà thấy được. Ôi ở vào cõi đất di-địch mà gây dựng cho kẻ cừu-thù với mình. Thế mà còn làm bá-chủ thì làm làm sao được.»

Vua Ngô không nghe. Ngũ-Viên lui ra nói với người ta rằng : « *Nước Việt nó chỉ sinh-sản ra mười năm, giáo-huấn nhau mười năm, ngoài hai mươi năm nữa là nước Ngô này thành ra chuồm ao đó thôi.* »

∴

Khi quân Ngô kéo vào nước Sở rồi có cho triệu vua Trần là Hoài-công. Hoài-công bèn hỏi người trong nước lại mà hỏi rằng : « *Ai muốn theo Sở thì đứng sang bên hữu, còn ai muốn theo Ngô thì đứng sang bên tả.* » Có Phùng-Hoạt là Đại phu Trần tiến vào trước mặt Hoài-công — nghĩa là không tả không hữu — mà thưa rằng : « *Thần thiết nghĩ nước nào có phúc thì lên, nước nào vô phúc thì diệt. Nay xem Ngô chưa thấy có cái gì là phúc. Sở chưa thấy có cái gì là họa. Vậy Sở chửa nên bỏ mà Ngô cũng chửa nên theo được. Duy có Tấn là nước minh-chủ, nếu ta trả lời Ngô rằng ta đã theo Tấn rồi thì có nên chăng ?* » Hoài-công nói : « *Sở, nước thì thua vua thì trốn, thế chẳng phải họa là gì.* »

Phùng-Hoạt thưa : « *Các nước bị như thế nhiều hà không có nước nào khôi-phục lại được đâu. Đến những nước nhỏ cũng còn khôi-phục lại được cả, nữa là nước lớn.*

Thần nghe nói phàm những nước hưng-thịnh, thì biết nâng-niu thương xót dân. Ấy là phúc đó. Còn những nước diệt-vong thì coi dân như đất như cỏ. Ấy là họa đó.

Nay Sở tuy vô-đức nhưng cũng không có giết hại gì dân. Chớ như Ngô ngày ngày bắt dân phải mỏi-mệt về việc binh-cách, phơi xương ra đồng như đống cỏ mà cũng chưa thấy có cái gì là đức.

Hoặc-giả trời xui ra như thế để răn dạy cho Sở, còn tai-họa sẽ dồn cả về cho Ngô, ngày nào cũng chưa biết chừng. » Trần-hầu nghe lời không theo Sở. Nay Phù-Sai đánh được Việt bèn lấn Trần để bõ cái giận ngày trước đó.

— Khi quân Ngô còn đóng ở Trần. Các quan Đại-phu Sở đều lo sợ nói rằng : « *Hạp-Lư khéo dùng dân, đem đi*

đánh được ta ở Bách-cử. Nay nghe đâu con nối ngôi của hắn lại càng tệ lắm. Vậy ta làm thế nào ? »

Tử-Tây nói : « *Các ông chỉ lo về một điều không hòa-thuận được với nhau. Chớ không sợ gì Ngô sốt cả. Ngày xưa Hạp-Lư bữa cơm không ăn hai món đồ ăn ; ngồi không giải chiếu đệm ; nhà không xây nền cao ; khí-dụng không trạm-trổ ; cung-thất không có cái gì tráng-quan ; thuyền xe không có cái gì trang-sức ; phàm y-phục cùng đồ tài-dụng đều kén chọn chứ không hao phí. Lúc ở trong nước, trời có ra tai xao-xuyến thì thân đến thăm những người mồ-côi góa-bụa mà cung-cấp những sự thiếu-thốn cho. Lúc đi việc quân, cơm nắm chia đều cho quân rồi mình mới dám ăn. Còn khi có thức gì ngon thì dù đứa phu xe cũng được dự hưởng.*

« Chăm vỗ-về cho dân mà cùng dân cùng chịu mọi việc thong-thả vội-vàng. Vì thế dân quên cả khó nhọc, biết chết mà không bỏ. Thế mà Tiền Đại-phu nước ta là Tử-Thường thì trái hẳn lại, cho nên ta bại là phải. Bấy giờ nghe như Phù-Sai hễ phải trọ lại ở đâu độ vài đêm là phải xây đủ đền, lầu vườn, ao. Phải ngủ lại đâu một tối cũng phải đem đủ các nàng phi-tần hầu-hạ ; qua đâu một ngày, muốn cái gì thì phải có ; phải mang theo những đồ ngoạn-bảo, những đồ trân-bảo cho nhiều. Chỉ căn ăn chơi cho sướng, coi dân như kẻ thù mà sai khiến càng ngày càng nhiều cách mới, ấy như thế là hắn tự làm cho hắn bại, chứ lại còn làm bại được ai nữa ! »

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

ĐỊNH-HÓA-CHÂU DU-KÝ

Lâu nay vẫn quen cái phong-vị ở dưới đường xuôi, có lên đường ngược, lại sợ rừng thiêng nước độc, ngại không muốn đi. Hồi mới rồi thấy dân bể bị bão, rất là thảm-đạm, rất là tiêu-điều, mà lòng lại thêm chán-nản, muốn bước chân lên xứ thượng-du, để quan-sát cái cảnh-tượng và phong-tục, mà so-sánh với dân bể như thế nào. Một hôm tiện đường ô-tô lên chơi châu Định-hóa, nhìn xem phong-cảnh đương mùa thu mà lại có vẻ xuân-quang, trải bao phen mưa sầu gió thảm, mà nhà gianh vách nứa vẫn nguyên vậy, vườn cau dặng chuối vẫn nguyên vậy, cây xanh lá dài vẫn nguyên vậy, non xanh nước biếc vẫn nguyên vậy, dân-sự vui-vẻ nghiễm-nhiên có cái cảnh-tượng thái-bình ; nên lưu lại ba ngày để du lịch, khiến được giải-phóng cái sầu uất vì cơn mưa bão mới đây.

Châu Định-hóa thuộc tỉnh Thái-nguyên giáp liền Bắc-kạn, châu có bốn tổng : tổng Định-biên, tổng Thanh-điều, tổng Khuynh-quì, tổng Phương-vĩ ; tất cả có tám xã, phần nhiều dân Thổ gián có người Mán ở lẫn. Trước xưa vẫn là chỗ hoang mãng, trộm cướp thường thường tụ-tập, Triều-đình đức-giáo chưa có khai-hóa đến bao giờ. Triều vua Thành-thái có Lương Tam-Kỳ là đảng cách-mệnh ở bên Tàu sang đóng ở đó, chiêu-tập những thổ-hào, chiếm-cứ cả địa-hạt ấy, vũ-dực ngày thêm đông, thanh-thế ngày thêm mạnh, thành ra một tay cường-khấu ở tỉnh

Thái-nguyên. Bấy giờ Nhà-nước bảo-hộ bận việc kinh-tế ở trung-châu, nên cũng màn ngơ cho họ yên-trí một chỗ, đinh điền thuế-lệ mặc họ quản-nhận, miễn cho yên việc để khỏi phiền đến sự chinh-chiến mà thôi. Sau Tam-Kỳ ra thú, Nhà nước ban cho quan-chức, cấp cho lương-bổng, đối-đãi với họ có một cách đặc-biệt. Tam-Kỳ mất tự năm Khải-định thứ chín đến nay đã sáu năm, Nhà-nước vẫn cấp lương cho con cháu đi học. Con thứ hai là Lương Kim-Qui (tiếng thổ gọi là Cắm Quay) mở sòng sóc-đĩa ở Chợ Chu, được bao nhiêu tiền hồ thì Kim-Qui thu nhận, rồi đem phân phát cho các em ít nhiều, ngày đêm được đánh tự do, không có ngăn-cấm, ý Nhà-nước cũng dung-thứ cho họ để kiếm đường sinh nhai, đó cũng là cách lung-lạc các thổ-hào như vậy.

Chợ Chu gần chỗ châu đóng, chợ một tháng sáu phiên, ngày hai ngày bảy, chợ có ba cái nhà xây rất rộng, lại có bể to xây ngầm dưới nền,có máy lọc sạch sẽ hợp cách vệ-sinh. Chung quanh chợ người đường xuôi lên đấy mở hàng buôn-bán cũng đông, phiên chợ thời người Thổ người Mán đem thổ-sản đến bán cho người đường xuôi, người ở xa thường phải đến họp hôm trước ; xem cách buôn bán cũng được vui-vẻ không kém gì chợ đường xuôi.

Gần chợ có tòa đại-lý đóng ở trên đồi, và có trại khố xanh nữa. Nghe tiếng ông Đại ở đấy có lòng nhân-từ, nên dân-sự có bụng yêu-mến, việc quan họ cũng thường hay đến quan Đại, tổng lý mỗi tháng ba kỳ đến tòa đại-lý cùng với quan Châu để hội-thương. Việc quan ở châu trừ hình-án bẩm quan tỉnh, còn việc cai-trị thời quan Châu phải tư-báo với quan Đại luôn luôn.

Dân châu ấy có lòng tin quan, ở ngoài ai bảo họ cũng không nghe, ai hỏi họ cũng không nói, hễ đến quan có làm sự gì phi-pháp liền xin thú nhận. Bên nguyên bên bị đánh chửi nhau, hiềm thù nhau đến thế nào, nhưng quan lấy lẽ phải trái bảo cho giải-hòa, họ cũng bằng lòng ngay. Phàm có trát quan sức về đến dân thì lập tức tuân-lệnh thi-hành, duy có một đôi khi bị nước mưa to, suối sâu không thể lội được, mới có việc chậm-trễ.

Dân-cư làng nào cũng có súng, một thứ súng hỏa-mai thì dài, phải châm lửa, súng cò ngoài thì ngắn, có cò máy, bắn bằng đạn, một thứ súng kép thì bắn nhảy hơn cả, các thứ súng ấy là của người Thổ tự chế ra đã lâu, tất cả châu ước có mấy trăm khẩu, trong làng đặt một người xã-đoàn đốc-suất quân dõng, tức là tuần-tráng, mỗi người cấp một khẩu súng để đi tuần, hoặc có động-dạng chỗ nào cùng là trộm-cắp tên nào, thời sức cho quân dõng, nã bắt cho bằng được.

Dân Thổ thân-thuế mỗi người hai đồng rưỡi cũng như người trung-châu, còn dân Mán thân thuế thì năm hào. Một thứ Mán thuộc xã Sơn đầu, một thứ Mán thuộc xã Quy-sóc, hai thứ Mán ấy ở không định-sở, năm nay kiếm ăn thung-lũng chỗ này, sang năm kiếm ăn thung-lũng chỗ khác, đến đâu thời phá đồi đấy, trồng cấy có lợi thì ở, không lợi thì bỏ đi, cứ đến kỳ thuế có hai người quản-mán hai xã ấy đi thu về nộp tại quan, nhà-nước muốn cho họ sáp-nhập vào dân Thổ, nhưng họ không bằng lòng. Châu ấy cũng có làng Minh-hương, vì lúc nhà Thanh lấy được nhà Minh, người nhà Minh chạy sang đấy trú-ngụ, triều vua Thiệu-trị cho biệt-lập là xã Minh-hương. Ruộng đất châu ấy vẫn xưa nay không có thuế, dân-cư khai-khẩn chỗ nào thời hưởng hoa-lợi chỗ ấy ; gián-hoặc có đợ bán cho nhau thời ít khi dùng đến văn-tự, phần nhiều lấy lời nói làm bằng. Ruộng không có kể mẫu kể sào, chỉ cứ

cái khoảnh ruộng ấy cấy được bao nhiêu nồi thóc giống mà định giá, mỗi mẫu ước cấy một nồi thóc giống, mỗi nồi nặng 24 cân tây.

Sự giáo-dục xưa nay không mấy người học chữ nho, lý-dịch học đủ ba chữ ký, có kiện-cáo việc quan thời phải mượn người làm giấy hộ. Gần đây Nhà-nước lập trường học bên chỗ châu-lỵ, dạy chữ quốc-ngữ và chữ tây, có năm thầy giáo dạy đủ năm lớp. Trước kia sự học cũng chểnh mảng, cách năm ngoái Nhà-nước gia ơn ai có con đến học thì làm sẵn nhà cho ở, cấp lương-bổng cho ăn, cho nên học-trò năm nay hiện đã được 80 người mà kỳ thi mới rồi có một người Thổ đã đỗ bằng sơ-học tốt-nghiệp, đặc-cách bổ ngay cho trợ-giáo ở trường ấy, nên ai cũng nức lòng về sự học, chắc cũng có phần tấn-tới hơn xưa.

Dân Thổ, dân Mường, không có ai theo giáo Gia-tô mà cũng không thấy mấy người sùng đạo Phật, cả châu duy có một chùa hang thuộc xã Định-biên-trung là thờ Phật, chỗ ấy có cái hang thiên-hiểm, khả dung được vài nghìn người. Xã Phượng-vĩ-trung thờ vua Mai-Hắc-đế, ngài đương lúc nội-thuộc nhà Đường, xưng-đế ở châu Hoan (thuộc tỉnh Hà-tĩnh) xuất đảng-chúng ba-mươi hai châu, ý-giả châu ấy có người theo vua Mai-Hắc-đế, nên mới có đền kỷ-niệm như vậy chăng. Nếu không phải vậy thời châu Hoan ở Trung-kỳ can-thiệp gì đến xã Phượng-vĩ mà lại có đền thờ ?

Các xã đền-miếu chỉ làm bằng tre nứa ở giữa đồng, trong để một cái ban thờ chỉ có bát hương, không có đồ gì tế-khí, thời-tiết tế-lễ cũng có xôi lợn hoặc trâu bò nhưng không biết cúng duệ-hiệu vị thần gì.

Dân-cư có người ốm đau mời thầy cúng thời phải rước bát hương ở nhà thầy cúng đến nhà mình, hễ lễ khỏi bệnh thời phải kiếm lễ tạ thầy, mới được trả bát hương ; nếu chưa lo được lễ tạ thì bát hương cứ để nhà mà thờ cúng mãi mãi, cho đến bao giờ kiếm được lễ tạ mới thôi.

Nhà-cửa thì ở nhà gác làm bằng tre nứa hoặc cột xoan. Người ở tầng trên, trâu bò ở tầng dưới, cách-thức nhà họ không có hoa-mĩ như của ta, lợp nhà thì phần nhiều lợp bằng lá bằng nứa, xem cũng chắc-chắn mà bền hơn lợp rạ.

Phong-tục lễ cưới thì khi đi cưới nhà trai cử một người chủ-hôn đi trước, nhưng không cầm đuốc, người rể và họ trai đi sau, khi đến cửa nhà gái cử một người ra ứng tiếp, và hỏi căn-vặn mọi điều, hễ người chủ-hôn ấy đáp lại có phải lễ thì mới cho lên gác. Khi cô râu hỏi-môn, thì bốn năm người con gái đi theo, đến nhà trai có khi ở hàng tháng, hễ cô dâu về nhà bố mẹ thời mới về. Khi cô dâu đã hỏi-môn, họ trai đông đủ đặt tiệc rượu, cô dâu ra mừng họ, đem mừng mỗi người cái khăn tay thì họ lại mừng lại năm hào hoặc ba hào. Lễ cưới nặng quá, hai trăm cân gạo, hai trăm cân thịt, một trăm cân rượu, bạc ước một trăm. Nên nhiều người hỏi vợ mà không lo được, thành ra con trai không có vợ, con gái không có chồng, sự sinh-dục cũng hiếm. Vậy mong quan cai-trị chỗ ấy xem xét đem cái điều luật năm thứ tư triều vua Khải-định mà thi-hành, phàm lễ hôn nhà gái sách-thủ tiền-tài thời sẽ trọng-phạt, khiến đổi hẳn cái tục ấy đi thì nhân-số mới thể hưng-vượng được.

Việc vui mừng ăn uống thời cử đàn-bà ra bưng trầu nước, lúc uống rượu thời cử hai ba người đàn bà lịch-sự ra hầu rượu, đó là những nhà sang-trọng đãi những khách sang như vậy, còn những nhà thường-dân thời không có

tục ấy, xôi thịt chỉ đặt bằng lá chứ không có cỗ bàn bát đĩa như dưới đường xuôi.

Nhạc cụ có hai phường, một phường ở xã Thanh-điều, một phường ở xã Bình-yên. Đàn của họ thời cũng như đàn kép của ta, giọng hát của họ thời cũng như giọng chầu văn. Nhưng tiếng Thổ pha tiếng kinh, nên không được hiểu hết. Ai muốn tìm họ đến hát thời phải lập bàn thờ tổ-sư họ, thời họ mới đến hát để chầu tổ, chứ hát riêng cho mình nghe thời họ không hát bao giờ. Tổ-sư của họ là một vị Thanh-xà đại-vương, hai là vị Đường-lang công-chúa. Tục truyền bà công-chúa Đường-lang có tiếng danh-ca, nghe nói Thanh-xà đại-vương cũng giỏi nghề đàn hát, bèn kết làm vợ chồng, nên bây giờ các nơi giáo-phường vẫn thờ hai vị làm tổ-sư.

Nay tỉnh Hải-dương có miếu thờ cũng được sắc phong, phủ Thái-ninh tỉnh Thái-bình cũng có đền thờ hai vị ấy rất là nguy-nga, ba năm một lần vào tiệc ả-đầu, các nơi cứ đến ngày ấy đều về hội-phủ.

Cách sinh-nhai dân-gian cũng không có nghề thêu dệt, vải mặc phần nhiều mua của người đường xuôi đem về duộm chàm, áo đàn ông và áo đàn bà thuần dùng đồ chàm. Đàn bà mường lớn tuổi thường hay đeo vòng cổ và ở tay.

Dân-gian cũng không có nghề-nghiệp gì khéo, chỉ biết trồng cấy và chăn trâu chăn bò, trâu bò thì cứ thả ra ăn cỏ ở trên đồi, mỗi con đeo cái mõ nứa, tối đến nghe mõ ra giắt vào chuồng. Dân-sự hàng ngày vào rừng đi kiếm củi hoặc củ nâu, mộc-nhĩ, nấm-hương cùng là khoai mon đem ra Chợ Chu bán. Thổ-sản ở đấy cũng có mật ong tốt lắm, lại có một thứ chè búp là chè giồng ở trên đồi, hái lấy búp đem về ủ cho khô gói bằng lá đem bán ở chợ cũng tiêu-thụ được nhiều. Thứ chè ấy hạng tốt cánh nhỏ không khác gì chè tàu, tuy hương vị không bằng, nhưng uống cũng đằm-đặm hơn vị chè khác.

Xem như vậy thời biết phong-tục của họ đã nói ở trên này cũng dễ khai-hóa, mà cái cách sinh-hoạt của họ cũng dễ kiếm ăn hơn người đường xuôi. Thổ-sản ở sơn-lâm không bao giờ hết, có công tìm-tòi thời cũng có lợi, chứ dưới đường xuôi quanh năm chỉ nhờ có hai vụ lúa, còn sự buôn bán ngày nay người khôn của hiếm, kiếm được đồng lãi rất là khó-khăn. Vả nhà làm ruộng lâu nay không được như trước, phần lo nước lớn vỡ đê, phần lo nước sấp mặn, phần lo gió bão không những hại cả hoa màu mà lại hại cả tính-mệnh nữa. Đến như thượng-du nước bể nước sông không có ngập đến bao giờ, dù có mưa to, mưa lại chảy ra suối, gió to gió lại cuốn vào rừng, nên chỗ ăn chỗ ở vững-vàng không có quan-ngại chi cả. Dám quyết sau này đường lối giao-thông buôn-bán tiện-lợi, thời dân đường rừng làm ăn có thể hưng-vượng hơn dân đồng bể nhiều.

ĐẶNG XUÂN-VIỆN

TẤM GƯƠNG TÌNH

(Đoản-thiên tiểu-thuyết)

Cành cây liên-lý (1)

Đất Giang-đô thuộc Dương-châu, có người họ Thượng-quan tên là Thủ-Ngu, làm chức Thụ-kinh-lang ở Khuê-chương các. Lúc ấy họ Thượng-quan ở kinh Thuận-thiên, mé đông chỗ quán-xá, cùng láng-diềng với một người họ Giả tên là Hư-Trung, hiện làm chức Quốc-sử giản-thảo. Giả Hư-Trung là người thơ hay vẽ khéo, trong nhà có bảo-tàng ba cái cổ cầm, một là Quỳnh-dao-âm, hai là Hoàn-bội-âm, ba là Bồng-lai-âm, tên ba cái đàn ấy, đều là do người bạn hiền Giả Kính-Trọng thường-thức soạn đặt ra. Họ Thượng-quan cũng là người thích đàn thích thơ, cùng họ Giả giao-du, có vẻ đặc-biệt thân hậu; cứ lúc nhàn-hạ thì sang chơi với nhau, cùng nhau cầm, kỳ, thi, tửu, thong-dong suốt ngày.

Họ Giả không có con trai, chỉ có ba con gái, thường nói rằng ba con gái ta có thể xứng-đáng được với ba cái cổ-cầm. Liền lấy ba cái tên đàn đặt tên ba con gái. Người con trai họ Thượng-quan tên là Túy, làm người rất thông-minh lanh-lợi. Vì lúc chàng ấy sinh, có người đem tặng một bộ *Đường nhân-văn-tùy*, cho nên đặt tiểu-tự là Túy-nô. Chàng lên mười tuổi, người cha là Thủ-Ngu nhân khiến chàng sang tựu-học bên nhà họ Giả. Vợ chồng họ Giả yêu chàng như con, ba người con gái họ Giả cũng coi chàng như hàng anh em, gọi chàng là cậu Túy. Chàng từng cùng với người con gái út họ Giả là Bồng-Lai cùng đọc sách học làm thơ, yêu trọng nhau lắm. Người vợ họ Giả từng nói bỡn rằng: ví khiến con Bồng-Lai nhà ta sau này được rể như Túy-lang, cũng đủ nguyện-vọng vậy. Giả Túy về bảo với cha là Thủ-Ngu. Thủ-Ngu nói rằng: « Ý ta chính muốn thế. » Nhân nhờ mối đi nghị hôn, đôi bên đều đã nhận lời. Giả Túy với Bồng-Lai hai người cũng đều đã mừng thầm khôn xiết.

Chẳng ngờ họ Giả chợt bãi chức về Dương-châu, sự hôn-nhân kết-cục chẳng hài. Sau ba năm nữa, họ Thượng-quan tự Thuận-kinh dời ra làm chức trị-trung đất Phúc-châu, khi mới đến ở tạm chỗ dân-gian, hiện ở trong một cái lầu ba tầng, mà đối ngõ bên kia có một cái lầu, xem ra cũng thanh-nhã, hỏi ra thì là nhà họ Giả, Thượng-quan Thủ-Ngu mừng lắm, ngay ngày hôm ấy tức-khắc đi sang hỏi thăm nhà họ Giả. Khi ấy thời Quỳnh-dao với Bội-hoàn hai ả lớn đã đi lấy chồng, chỉ Bồng-Lai là gái út còn ở nhà, nhưng cũng đã hứa-hôn với một chàng họ Lâm rồi. Chàng Thượng-quan Túy nghe sự ấy, khôn xiết buồn-bã. Ả Bồng-Lai thì dẫu bị cha mẹ hứa-hôn cho họ khác, nhưng sự ấy cũng không phải là bản-ý của mình; ả biết có chàng Thượng-quan Túy đến, muốn một phen hội-kiến, mà không do được đường nào, chỉ kẻ nọ người kia thời-thời đứng ở chỗ câu-lơn trên lầu gác cách xa xa trông nhau mà thôi, không

(1) Liên-lý = Liền thớ.

có thể phát ra được lời nói nào cả. Á Bồng-Lai một hôm lấy vuông khăn mặt bằng lụa trắng bọc cái quân cờ bằng ngà, ném sang cho chàng Túy. Chàng Túy tiếp được mở ra xem, trên vuông khăn có vẽ một cành phi-đào, và đề một bài thơ rằng :

Son tươi sắc mặt nhị phong đài,
Là của Lưu-lang thủa nọ rồi ;
Chớ khiến dời đi gần cõi tục,
Chỉ nên trồng ở núi Thiên-thai.

Chàng Túy tuy ngợi khen và kính trọng ý nàng, nhưng chẳng biết làm thế nào, cũng lấy một tờ giấy trắng vẽ một cành hoa mai và tả một bài thơ để đáp lại nàng, thơ rằng :

Nhị ngọc hàm-xuân trước đến nay,
Tấm lòng băng-tuyết chắc như ngày ;
Vì bằng bạn với người tiên khác,
Thời khách cô-sơn bẽ lắm thay.

Dùng sợi chỉ ngũ-sắc buộc bức thi-họa ấy vào ba cái trục đàn, ném sang cho Bồng-Lai. Bồng-Lai mở xem, chỉ ngâm-ngùi đứng chán rồi lại đi trở vào. Chửa bao lâu gặp ngày tết thượng-nguyên, tục đất Mân tối hôm ấy treo đèn rất thịnh, trai lành gái đẹp lũ lượt đi xem. Chàng Túy xét riêng rằng tối hôm nay gia-quyến nhà họ Giả tất đi ra, mới lẳng-lặng đi đến núp dòm ở ngoài cửa. Đêm khi khuya khuya một chốc, quả-nhiên có một đoàn phụ kiệu đàn bà đem mấy cỗ kiệu đến đón. Bồng-Lai cùng người mẹ với ba bốn người đàn bà nữa cùng lên kiệu, kẻ tì-thiếp lũ lượt theo hầu. Chàng Túy đi theo ở đàng sau, đi qua hơn mười ngõ, có nghĩ riêng rằng chẳng thể nào tương-kiến được, mới vừa đi vừa ngâm-nga ở ven kiệu mấy câu rằng :

Trời đề hương-nhài nhịp hạnh-phòng,
Dưới đèn nhác thấy bóng kinh-hồng ;
Xem mây cũng tựa non Bồng cách,
Loan phía tây bay hạc phía đông.

Bồng-Lai biết rằng chàng Túy, muốn gọi lại cùng nói, dãi tỏ sự lòng, nhưng e ngại với những kẻ hầu-hạ, Bồng-Lai cũng ở trong kiệu sẽ sẽ ngâm-nga mấy câu rằng :

Chớ đổi hoa mai oán bạc-tình,
Hoa mai dám phụ tấc hàn-minh ;
Phong-lưu muốn hỏi chân tiêu-tức,
Đã hứa cho người Tống Quảng-Bình.

Chàng Túy lắng tai nghe lọt, biết là Bồng-Lai đáp lại cái ý bài thơ hoa mai của mình, khôn xiết cảm-khích ta-thán. Chàng Túy trở về ngồi ở trong lầu, cái ý niệm-tưởng ả Bồng-Lai của mình, tuy rằng kiên-quyết, song le sự hôn-thú của chàng họ Lâm rút cục lại không thể đổi được, mới làm ra một khúc, gọi là khúc *Phượng-phân-phi*, để gửi cho Bồng-Lai, khúc rằng:

Cánh ngô-đồng móc mưa tươi tốt
Chim phượng-hoàng mong trọn kiếp song thê,
Sớm mây chiều gấm đi về,
Ngờ đâu gang tấc cách bề quan-san.
Sáo lộng-ngọc thương làn mình-nguyệt,
Kính Lân-đài ngại bóng chiều-dương,
Cõi trần lơ láo thêm thương,
Bao giờ vẹn chữ uyên-ương cho đành!

Khúc làm xong, không có chốn nhân-tiện mà gửi đi, chợt họ Giả sai một đứa nữ-tỳ đem lại tặng một mâm lệ-chi. Chàng Túy ân-cần nói với đứa tỳ rằng: « Ngày trước ở chốn kinh-đô tôi cùng với cô Bồng-Lai đồng-học, còn có sách vài quyển chửa lấy về, xin đem bức thiếp này trình cho cô hay, để cô mau sớm đưa sách trả lại cho. » Đứa tỳ cũng chẳng ngờ có ý khác, liền cầm bức thiếp ấy về đưa cho Bồng-Lai. Bồng-Lai ngỡ ra đọc, xụt-xùi sa nước mắt nói rằng: « Than ôi! Chàng Thượng-quan còn chẳng tin bụng ta dấy dư! » Bồng-Lai cũng làm ra một khúc, gọi là khúc *Long-kiếm-hợp* đáp lại, để tỏ

ra cái ý thủy-chung tương-tòng. Viết bằng giấy vân-tiên, để kín vào trong tập cổ-văn, giao cho đứa tỳ mà nói rằng: « Anh Túy lấy những sách đọc cũ, ấy là đây, mày cầm đi trả anh ấy. » Khúc rằng :

Thanh bảo-kiếm ảnh-tàng thu-thủy,
Khí thần-long quang-xạ đẩu-ngưu.
Thư hùng đôi ngả chia nhau,
Sóng kinh điện sáng mai sau có ngày.
Quí thì quí khôn tầy bạn cũ,
Xin đợi chờ trong chốn thủy-vân.
Cho hay vật vốn vật thần,
Nghìn thu muôn tuổi ly-quần sao đang.

Chàng Túy đọc lên khúc ấy, kinh tài khôn xiết, cảm ý khôn cùng. Chợt trong đất Mân cả phát chứng thời-dịch, chàng Lâm-sinh là kẻ đính-hôn với Bồng-Lai sau này bị bệnh chết. Vợ chồng Lọ Giá biết rằng chàng Thượng-quan Túy chưa lấy vợ, mới sai một người thân-thiết đến báo với Thượng-quan Thủ-Ngu khẩn-cầu trọn vẹn ước cũ. Thủ-Ngu hân-hạnh nghe theo. Tục-lễ đã đủ, đôi bên lại kết-nghĩa Châu-Trần. Tối hôm cưới, Thượng-quan Túy với Bồng-Lai làm lễ tương-kiến, chẳng khác nào hội giáng-tiên, vợ chồng nhân đều làm thơ để chí-hỉ. Khi ấy là mồng tám tháng hai năm kỷ-hợi hiệu Chí-chính thứ 19 triều nhà Nguyên, Thượng-quan Túy có thơ rằng :

Hải-đường hoa nở yến bay về,
Bẻ được mầu xuân đệ-nhất chi ;
Gặp hội nguyên đêm giao-cảnh nguyện,
Bỗ ngày thi tả đoạn-tràng thi ;
Khăn đào nhuộm máu còn tươi mãi,
Thư tuyết đề mai chửa chậm gì,
Một giải đồng-tâm đôi lứa kết,
Người tân vốn kẻ cựu tương-tri.

Bồng-Lai có thơ rằng :

Thấy nhau ta cũng xót nhau liền,
Chữ phúc viên thời chữ phận viên ;
Cựu-nữ-tế thành tân-nữ-tế,
Ác-nhân-duyên hóa hảo-nhân-duyên.
Đượm mầu xuân-kính trên đài ngọc,
Rạng vẻ thu-ba dưới bóng đèn ;
Dây thắm buộc chân trời trước định,
Từ nay muôn kiếp tịnh-đầu-liên.

Bồng-Lai có tập thơ, Thượng-quan Túy tay soạn ra bài tựa, đặt tên tập thơ ấy là tập *Nhứ-tuyết*. Chàng Túy khi ấy cũng tài-danh lừng-lẫy, kẻ đương-đạo có nhiều người muốn tiến-cử lên Thuận-kinh. Bồng-Lai hết lời can-ngăn nói rằng : « Cuộc đời như giấc mộng, công-danh là cái vật ở bề ngoài. Nay trời đất phong-trần, đường sá ngạnh-trở, trông lên Thuận-kinh như ở trên trời. Cha mẹ già yếu, nhà ngươi há nên lìa bỏ cha mẹ, để cho thiếp phụng-dưỡng một mình, mà xa-xôi muôn dặm, lên đường công-danh đấy ư ? » Chàng Túy cho lời Bồng-Lai là phải, mới lấy cớ cha mẹ già từ chối với kẻ đương-đạo, xin ở lại đất Mân.

Đến năm sau người cha là viên Tri-trung ở Phúc-châu Thượng-quan Thủ-Ngu chết. Lại đến sang năm là năm nhâm-dần, thành Mân bị quân đạo-tặc chiếm-cứ, bách-tính trong thành nhiều người trốn tránh ở nơi Sơn-cốc. Thượng-quan Túy cũng đem cả nhà đi trốn, quân giặc dò tìm bắt được, giết hết cả một nhà, chỉ để một mình Bồng-Lai không giết, toan để lấy làm vợ. Bồng-Lai biết rằng không thể thoát được, mới nói dối giặc rằng : « Tôi nay đã là kẻ không biết về đâu, tình-nguyện theo tướng-quân. Tuy vậy hãy để chờ tôi chôn cho chồng cũ đã, cũng chưa muộn gì. » Giặc hân-hỉ nghe theo, tức-khắc cùng với Bồng-Lai đi đến chỗ xác Thượng-quan Túy, tuốt con dao đeo ở lưng ra, vì Bồng-Lai đào ra một hố. Giặc đào xong, ném dao xuống đất, ngồi ở bên cạnh hố nói rằng : « Ta mỏi lắm vậy. » Bồng-Lai liền cầm lấy dao vun đất vùi lấp, tức-khắc cầm dao tự-sát, và nói rằng : « Chết với nhau một chốn cũng không hận gì. » Giặc vội-vàng đứng dạy cướp lấy dao, thì cổ họng

đã đứt rồi. Giặc cả giận nói rằng : « Mày mong cùng huyệt với nhau đấy chăng? » Người giặc mới dời xác Bồng-Lai đem chôn ra ngoài hai mươi bước, khiến hai cái mả đối nhau. Giữa năm ấy, có viên đại-lại là Yên-tắc-tấn-hóa làm chức Bình-chương tỉnh Phúc-kiến, tập-hợp dân-binh ở các huyện khác. Phục được thành Mân, nhân-dân mới lại về thành yên nghiệp. Lại vài năm nữa, có kẻ cùng đi chạy giặc về ngày ấy, mới thuật lại đầu đuôi sự Bồng-Lai. Quan Bình-chương khiến người ra xem toan dùng lễ cải-táng. Đến nơi thì trên hai cái mả đều mọc lên một cái cây to hướng về với nhau mà liền cành. Cành nó ôm nhau, vấn-vít không thể gỡ ra được. Sứ-giả về báo, quan Bình-chương thân-hành ra xem, quả-nhiên chẳng sai. Mới không dám phát lên cải-táng nữa, chỉ tu-bổ thêm mà thôi. Nhân đặt lễ điện-tế, để biểu lòng sùng-kính. Ng rời ta gọi cây ấy là cành cây liên-lý, để chứng vào câu thơ : « *Tại địa nguyện vi liên-lý chi* ». Người đất Mân đến ngày nay còn ngợi khen chẳng dứt miệng.

Vàng đá tâm-kiên

Triều nhà Nguyên, khoảng năm Chí-nguyên, phủ Tùng-giang có một chàng học-sinh là Lý Ngạn-Trực, tiểu-tự là Ngọc-lang, 20 tuổi đã có văn-danh. Chỗ vườn sau nhà học có một tòa lầu cao, đứng mà ngắm trông cũng khá được xa. Ngạn-Trực cứ đến mùa hè thì đọc sách ở trong ấy. Cách bên ngoài tường chỗ vườn sau, thì quán-xá của bọn kỹ-nữ quanh đầy cả ; tiếng tì tiếng trúc hàng ngày đến tai. Ngạn-Trực cũng nghe quen chẳng lấy gì làm lạ. Một hôm Ngạn-Trực cùng với bè bạn uống rượu ở trên lầu, một người bạn nghe thấy tiếng tì tiếng trúc, cười nói rằng : « Thật là dân văn kỳ thanh, mà bất kiến kỳ hình. » Ngạn-Trực cũng cười nói rằng : « Nếu kiến kỳ hình, thì chẳng thưởng kỳ thanh nữa vậy. » Các người cùng bảo nhau làm thơ để tả về sự ấy ; thơ Ngạn-Trực xong trước thảo ra, các người đương trao tay nhau ngắm xem, chợt báo tin có thầy dạy học đến cửa, Ngạn-Trực liền giật lấy thơ giắt vào trong bụng, xuống nghênh-tiếp thầy dạy học lên lầu, nhân thầy trò cùng uống rượu. Ngạn-Trực e rằng bài thơ mới rồi là bài thơ hí-hước, không tiện để cho bậc nghiêm-sư biết hoặc bị rầy mắng chăng. Mới thác cớ xuống lầu đi thay áo vo tròn bài thơ lại ném ra ngoài tường. Hay đâu chỗ ném ra, chính là chỗ mụ họ Trương ở. Mụ Trương chỉ có một con gái, tên là Lệ-Dung, cũng tài cũng sắc, hơn cả một đời. Lệ-Dung sớm chiều ngồi ở trong một tòa tiểu-lâu, cùng với chỗ thư-lâu của Ngạn-Trực cách nhau cũng chẳng xa. Lệ-Dung nhặt được mảnh giấy mở ra xem, biết rằng bài thơ thủ-bút của Ngọc-lang, trong tâm riêng trộm hâm-mộ, mới họa lại vần thơ viết vào bức khăn lụa trắng, đợi ngày khác, chờ khi Ngạn-Trực ở trên lầu cũng ném ra ngoài tường, Ngạn-Trực nhặt được đọc bài thơ, biết rằng Lệ-Dung ý có sở-chú, mới trèo lên hòn đá ở bên cạnh ao Thái-hồ đứng ngóng đợi Lệ-Dung cũng tự tiểu-lâu lén bước ra, hai người tương-kiến, chuyện-trò ít lâu, khế-hợp nhau lắm. Lệ-Dung nhân hỏi Ngạn-Trực sao không lấy vợ. Ngạn-Trực đáp rằng : « Muốn được người tài-sắc như nàng, sẽ lấy. » Lệ-Dung nói rằng : « Sợ nhà-ngươi khinh bỏ chẳng thèm đoái, chứ thiếp tôi dám tự tiếc gì. ». Nhân thề riêng với nhau rồi cáo-biệt. Ngạn-Trực về bảo với cha mẹ, cha mẹ cho rằng loài kỹ-nữ không đáng hôn-thú, gạt mắng không cho. Gần được một năm, Ngạn-Trực nghiệp học dần-dà hoang-phế, ngõ-hầu thành bệnh lao. Lệ-Dung từ đấy cũng đóng cửa thủ-tiết, chẳng tiếp khách ngoài. Cha mẹ Ngạn-Trực bắt-đắc-dĩ sai người

mối biện lục-lễ để đón Lệ-Dung, sự cưới đã định ngày.

Gặp viên địa-phương tham-chính là A-Lỗ-Thai nhiệm-mẫn lên kinh. Lúc ấy ngươi Bá-Nhan làm chức Hữu-thừa-tướng, một mình cầm quyền nước, Bá-Nhan vốn là người tham, phàm các viên nhiệm-mẫn vào làm quan kinh tất phải hiến số bạch-kim kể hàng vạn, nếu không thì lập-tức bị truất-bãi. A-Lỗ-Thái bàn với kẻ liêu-thuộc, kẻ liêu-thuộc nói rằng : « Quan hữu-tướng không phải là thiếu tiền, nếu tuyển được người kỹ-nữ vừa tài vừa sắc độ hai ba người, thêm đồ trang-sức để đem hiến, thì sở-phí chẳng qua nghìn số bạch-kim, mà được lòng quan hữu-tướng tất-nhiên gấp bội. » A-Lỗ-Thai lấy làm phải, mới sai kẻ liêu-thuộc giả thác mệnh-lệnh quan hữu-tướng, hỏi tìm các châu-phủ được hai người kỹ-nữ, mà ả Lệ-Dung là số đứng đầu. Cha con Ngạn-Trực bôn-tẩu mọi nơi, hết phương-pháp ngăn-ngừa, mà rút lại chẳng được. Lệ-Dung lâm khi tiến-phát, gửi một bức thư giả tạ Ngạn-Trực, thề lấy sự chết hứa với Ngạn-Trực, mới rắp định tuyệt đường ẩm-thực. Thuyền Lệ-Dung khi đã khai-hành, Ngạn-Trực đi bộ ở trên đất theo sau, vừa đi vừa khóc, cảm-động đến cả khách qua đường ; ngày đêm ăn nằm ở bờ sông, như thế gần đến hai tháng, mà thuyền Lệ-Dung đã đến đất Lâm-thanh. Ngạn-Trực lặn mọc hơn ba nghìn dặm, chân với da đều đã rách nát, trông không còn ra hình người nữa. Lệ-Dung ở trong khoang thuyền dòm ra trông thấy, động tâm mà chết ngất đi, hồi lâu lại sống lại, mới nằn-nì với kẻ thuyền-phu khiến đi lên bờ, để gửi lời tạ với Ngạn-Trực rằng : « Thiếp sớm chiều cũng tất chết, lang-quân nên trở lại về nhà, chớ lao-hình mà tự khổ nữa. » Ngạn-Trực nghe nói ngửa lên trời cả kêu, liền gieo mình xuống đất, đứt hơi mà chết. Kẻ thuyền-phu để lòng thương, cùng nhau vì vùi xác đắp mả cho Ngạn-Trực ở ven bờ sông. Ngay tối hôm ấy ả Lỗ-Dung tự thắt cổ ở trong thuyền. A-Lỗ-Thai cả phát nộ nói rằng : « Ta lấy đồ báu cho mày mặc, lấy đồ ngọc cho mày ăn, đặt mày ở chốn cực-phú cực quí, mà mày lại vẫn quyến-luyến với kẻ hàn-nho, thực là cái cốt-cách hạng bần-tiện. » Mới sai kẻ thuyền-phu lột trần cái xác mà đem đốt đi ; cái xác đã cháy ra tro hết, duy quả tim vẫn còn y-nguyên. Kẻ thuyền-phu thử lấy chân dầy vào quả tim, thì chợt hiện ra một cái vật nho-nhỏ y như hình người, lớn bằng cái ngón tay ; lấy nước rửa sạch, thì sắc nó như vàng, chất bền như ngọc, áo mũ mày râu, tinh-vi đủ cả, rõ-ràng là một anh Lý Ngạn-Trực, chỉ không biết nói không biết động mà thôi. Kẻ thuyền-phu đặc-biệt báo-cáo với Lỗ thai. A-Lỗ-Thai kinh ngạc nói rằng : « Lạ thay ! khối tinh-thành nó kết lại, một đến thế dư? » A-Lỗ-Thai cầm ngắm than thở mãi chẳng thôi. Các người xin nghiệm cả Lý Ngạn-Trực xem thế nào, nhân cũng đào xác Ngạn-Trực lên mà đem đốt đi, thì cái vật nhỏ ở trong quả tim Ngạn-Trực, cùng với cái vật trước bằng nhau, cái tượng thì là tượng ả Trương-Lệ-Dung. A-Lỗ-Thai cả mừng nói rằng : « Ta dẫu chẳng đem sống được Trương Lệ-Dung, nhưng hai cái vật này là cái báu ít đời thấy. » A-Lỗ-Thai mới phong vào cái túi gấm, chứa vào cái hòm gỗ thơm, để ở ngoài rằng : « Tâm-kiên kim-thạch chi-bảo. » A-Lỗ-Thai đến Thuận-kinh, bưng cái hòm ấy trình với hữu-tướng Bá-Nhan, thuật lại duyên-do hai cái vật ấy. Bá-Nhan, nghe nói, cũng lấy làm lạ và mừng lắm. Kịp mở ra xem, thì không thấy hình-tượng gì nữa, chỉ thấy hai khối bạch-huyết, mà hơi thối xông lên, khiến người không thể lại gần được. Bá-Nhan cả phát-nộ, tức-khắc đem A-Lỗ-Thai hạ vào ngục, trị về cái tội cướp vợ người. Bá-Nhan giận mãi

chẳng thôi, A-Lỗ-Thai bị luận tội xử-tử. Thủa ấy có kẻ bàn rằng : « Nam-nữ tư-tình, tâm kiên chí-xác, mà thủy-chung ngạnh-trở ; sở-dĩ một khối niệm-tưởng, bất-hóa bất-diệt có cảm mà thành-hình như vậy, lẽ hoặc có dẫy chăng ! »

TÙNG-VÂN *dịch*

VĂN-UYỂN

Thiên-gia thi-thảo diễn-âm (1)

(tiếp theo)

寒食

春城不處不飛花。
寒食東風御柳斜。
日暮漢宮傳臘燭。
新烟散入五侯家。

Thành xuân đâu đấy khắp hoa bay,
Ngọn gió đông non vóc liễu gầy ;
Nến sáp nhà vua bằng lửa mới,
Cửa hầu nghi-ngút khói thơm bay.

絕句

古木陰中繫短蓬
杖藜扶我過橋東。
沾衣欲濕杏花雨。
吹面不寒楊柳風。

Bóng mát neo thuyền đứng thảnh-thơi,
Qua cầu chống gậy bước lên đồi ;
Mưa phun hoa hạnh dầm-dìa áo,
Gió rủ cành dương mát-mẻ người.

遊小園不值

應嫌屐齒印蒼苔。
十扣柴門九不開。
春色滿園關不住。
一枝紅杏出牆來。

Rêu xanh mấy độ ấn răng hài,
Gọi cửa mười phen chín bận cài ;
Cửa đóng mà xuân không đóng được,
Hạnh nhô tường nẩy một hai chồi.

題屏

呢喃燕子語樑間。
底事來驚夢裡閒。
說與旁人渾不解。
杖藜攜酒看芝山。

Một đàn chim yến nói trên thềm,
Rủ-rỉ bên tai giấc mộng êm ;
Chuyện nói với ai ai biết chuyện,
Gậy lê bầu rượu tới non xem.

立春偶成

律回歲晚冰霜少。
春到人間草木知。
便覺眼前春意滿。
東風吹水綠差差。

Tuyết sương đến chạp gần tan giá,
Cây cỏ mừng xuân sắp nẩy cành ;
Ngó mắt trông xuân ràn-rụa cả,
Gió đưa mặt nước sóng xanh xanh.

漫興

腸斷春江欲盡頭。
杖藜徐步立芳洲。
顛狂柳絮隨風舞。
輕薄桃花逐水流。

Khúc sông đi hết giọt châu rơi,
Chống gậy tìm hương đủng-đỉnh chơi ;
Bông liễu máu điên theo gió múa,
Hoa đào tinh lẳng thuận dòng trôi.

(1) Xem Nam-Phong số 144

慶全庵桃花

尋得桃源好避秦，
桃紅又是一年春。
花飛莫遣隨流水。
怕有漁郎來問津。

Tìm đào được chỗ tránh mây mưa,
Xem lịch bằng hoa biết tuế trừ ;
Chớ để hoa trôi theo ngọn nước,
Ngư-ông sợ đã chực trên bờ.

玄都觀桃花

紫陌紅塵拂面來。
無人不道看花回。
玄都觀裡桃千樹。
盡是劉郎去後栽。

Đi lại Tràng-an lựa đám cờ,
Chuyện đều hoa đón với hương đưa;
Dáng đào trong quán Huyền-đô ấy,
Đều của chàng Lưu để lại xưa.

再遊玄都觀

百畝庭中半是苔。
桃花淨盡菜花開。
種桃道士歸何處。
前度劉郎今又來。

Trong sân trăm mẫu nửa rêu đài,
Chẳng thấy hoa đào thấy cỏ cây ;
Hỏi khách trồng đào đâu vắng tá?
Chàng Lưu thuở trước lại sang đây.

漫興

飛徑楊花鋪白氈。
點溪荷葉疊青錢。
筍根稚子無人見。
沙上鳧雛傍母眠。

Mảnh buông dặm liễu tầng tầng trắng,
Tiền xếp ao sen lớp lớp tròn ;
Khóm trúc lo-do măng chồi đất,
Đàn le riu-rít mẹ ôm con.

花影

重重疊疊上瑤臺。
幾度呼童掃不開。
剛被太陽收拾去。
却教明月送將來。

Tầng tầng hoa nở chốn dao-đài,
Gọi cửa xem hoa cửa vẫn cài ;
Phải mặt trời soi hoa sắp héo,
Được vầng trăng sáng nhị thêm tươi.

滁洲西澗

獨憐幽草澗邊生。
上有黃鸝深樹鳴。
春潮帶雨晚來急。
野渡無人舟自橫。

Cỏ mọc trong non đứng một mình,
Chim oanh khéo hót đậu trên cành ;
Nước triều mưa tấn càng đầy trướng,
Thuyền có người không vẫn rập-rềnh.

北山

北山輸綠漲橫陂。
直塹回塘灩灩時。
細數落花因坐久。
緩尋芳草得歸遲。

Khí núi xông vào trướng nước hồ,
Chảy quanh chảy thẳng nước theo gò;
Tiếc hoa mải đếm nên ngồi rán,
Tìm cỏ khoan chân hóa muộn giờ.

春晴

雨前初見花間蕊。
雨後全無葉底花。
蜂蝶紛紛過牆去。
却疑春色在隣家。

Chửa mưa còn thấy hoa phân nhị,
Đã tạnh không còn một mảy hoa ;
Ong bướm qua tường bay rải-rắc,
Láng-giềng hay đã chúa xuân qua.

春暮

門外無人問落花。
綠陰冉冉遍天涯。
林鶯啼到無聲處。
青草池塘獨聽蛙。

Hoa rụng không ai hỏi một lời,
Bóng cây xanh tốt rợp bên trời ;
Gào xuân oanh đã không còn tiếng,
Chỉ thấy còn ao tiếng ếch thôi.

落花

遲遲枝頭花正開。
妬花風雨便相催。
願教青帝常爲主。
莫使紛紛點翠苔。

Hoa nở chen vai chung một buồng,
Chàng mưa dì gió lại ghen tuông ;
Chúa xuân xin vững lòng trang-điểm,
Chớ để rêu xanh quẹn mất hương.

春暮遊小圃

一從梅粉褪殘粧。
塗抹新紅上海棠。
開到酴蘼春事了。
絲絲天棘出蔷牆。

Kể từ mai đã lạt mùi hương,
Điểm phấn tô son đến hải-đường ;
Nở đến đồ-mi xuân mới hết,
Gai non rải-rắc nẩy ra tường.

感梭

擲柳遷喬太有情。
交交時作弄機聲。
洛陽三月花如錦。
多少工夫織得成。

Nhảy nhót cây cao hót ghẹo người,
Ghẹo người riu-rít tiếng đưa thoi ;
Tháng ba đất Lạc hoa như gấm,
Phỏng mấy công-phu dệt mới rồi.

暮春

雙雙瓦雀行書案。
點點楊窗落硯池。
閒坐小花讀周易。
不知春去幾多時。

Bóng tước thành đôi qua án sách,
Hoa dương rã cánh rụng ao nghiên ;
Mải xem Chu-dịch *ngồi trong cửa,*
Ngó mắt xuân tàn đã mấy phen.

登山

終日昏昏醉夢間。
忽聞春盡強登山。
因過竹院逢僧話。
又得浮生半日閒。

Gặp buổi tàn xuân hóa ngủ ngày,
Tiếc xuân thôi thốc gượng lên đồi ;
Gặp tăng nói chuyện ngoài vườn trúc,
Được nửa ngày tiên khoái-hoạt đời.

蠶婦吟

子規啼徹四更時。
起視蠶稠怕葉稀。
不信樓頭楊柳月。
玉人歌管未曾歸。

Khắc-khoải canh tư cuốc gọi sầu,
Nhớ tằm sực dậy rắc thêm dâu ;
Bóng trăng đã xế ngang lầu hát,
Người ngọc tin về chửa thấy đâu.

晚春

草木知春不久歸。
百般紅紫鬬芳菲。
楊花榆莢無才思。
惟解漫天作雪飛。

Cây biết xuân về chẳng ở lâu,
Muôn hồng nghìn tía nở đua nhau ;
Tiếc cho du liễu khôn khoe khéo,
Chỉ trút bông như tuyết điểm đầu.

傷春

準擬今春樂事濃。
依然枉却一東風。
年年不帶看花眼。
不是愁中卽病中。

Toan đến xuân này rượu với thơ,
Sang xuân nỡ để cái xuân thừa ;
Năm năm thường phụ lời hoa ước,
Chẳng bệnh thì sầu luống ngẩn-ngơ.

送春

三月殘花落更開。
小簷日日燕飛來。
子規夜半猶啼血。
不信東風喚不回。

Cuối xuân hoa tạ lại ra hoa,
Chiếc yến hôm hôm đến sối nhà ;
Con cuốc tiếc xuân khuya-khoắt gọi,
Xuân đi dầu gọi được du mà !

三月晦送春

三月正當三十日。
風光別我苦吟身。
使君今夜不須睡。
未到曉鍾猶是春。

Giữa tối ba-mươi tiết tháng ba,
Chán thơ xuân sắp rẽ ta ra ;
Đêm nay cùng thức chơi cho chán,
Chửa sáng thì xuân chửa hết mà.

(Còn nữa)

Cử-nhân PHẠM SĨ-VĨ *dịch*

Qua miếu bà Mị-Châu

Qua miếu đền đây luống chán-chường,
Đau lòng kim-cổ cuộc tang-thương ;
Vuốt rùa nể khách ơ-hờ máy,
Lông ngỗng nghe ai rắc-rối đường !
Nước giếng vơi đầy bao huyết-lệ,
Cung đình dầu dãi mấy phong sương !
Giận ai mà lại thương ai nhỉ ?
Nghĩ giật mình cho sự bá-vương !

Qua giếng Ngọc-tỉnh

Nước giếng vơi đầy dễ rửa oan,
Bể tình chìm nổi khách hồng-nhan.
Ngọc trai ngán nỗi ngoài đông-hải,
Vó ngựa thương ai dưới thủy-quan !
Nghĩa vợ tình chồng thêm tím ruột,
Thù cha nợ nước luống căm gan.
Ái-ân ai biết ra tình-phụ,
Để mãi oan này với thế-gian !

Đề miếu bà Mị-Châu

Một khối oan-tình chửa đập tan,
Ngàn thu hiu-hắt khói hương tàn !
Bia mòn rêu biếc mây ngàn phủ,
Nỏ đó rùa đâu nước giếng tràn,
Tần Tấn bởi tin phường bạch-nhẫn,
Việt Ngô để lụy khách hồng-nhan.
Cơ trời dâu bể vì ai đấy ?
Riêng nỗi thơ-đào mắc tiếng oan !

Lương-hồ NGUYỄN TRUNG-KHUYẾN

Vịnh thợ rèn

Khéo khéo đe-loi mãi chốn này,
Xênh-xang đường-bệ một tòa xây ;
Thổi lò thiên-địa khoan-thai miệng,
Giặt búa Xuân-thu khỏe-khoắn tay ;
Mấy nỗi bùn than không vấn-vít,
Một lòng sắt đá chẳng lung-lay ;
Cùng nhau kìm cặp dùi mài mãi,
Vật sắc âu khi cũng có ngày !

(TRỰC-VIÊN sao lục)

.˙.

Vịnh tượng chùa Cổ-lễ.

(*Năm* 1926 *nhân qua chùa vào xem, chỉ thấy có một pho tượng lớn ngồi trên gác cao.*)

I

Chót-vót ngồi chi đấy, hỡi ông ?
Ba nghìn thế-giới rộng mênh-mông !
Chúng-sinh lục-lục bao sầu-khổ,
Có chịu ra tay tế-độ không ?

II

Gặp-gỡ ông đây thử hỏi ông :
Kìa vùng khổ-hải nước mênh-mông,
Thuyền từ đâu tá, không đem thả ?
Chót-vót ngồi cao có mát không ?

Thúc-sinh

Chỉ bề thề non cũng vất phăng,
Giọng cười nắc-nẻ đã ai bằng !
Chẳng qua lòng ấy còn nông nghĩ,
Vẫn tưởng bình kia cũng dễ bưng ;
Dưới gối xuân-đường còn nỏ miệng,
Trước hàm sư-tử dám hé răng.
Cao bay xa chạy còn khuyên hão,
Một án bạc-tình chối được chăng ?

Mã-Giám-sinh

Lần đến Lam-kiều để vấn-danh,
Xôn-xao thấy tớ bộ phong-phanh ;
Lời tham vốn tiếc đồ keo-kiệt,
Quýt ngọt chanh chua thói trẻ-ranh ;
Cờ đã đến tay liều phất thử,
Lời văng vào mặt cũng xin dành ;
Thư-hương đâu có thư-hương thế ?
Âu hẳn đồng-môn với Sở-khanh !

Sở-Khanh

I

Mặt mũi nhìn xem cũng dịu-dàng,
Lầu xanh lần-quất kiếm ăn thường ;
Mảnh tiên « tích-việt » vừa khô mực,
Con ngựa « truy-phong » đã rẽ cương ;
Lầu biếc để cho ong tỏ lối,
Má hồng gặp phải qủi đem đường ;
Ba mươi lạng bạc kia là mấy,
Để mãi ngàn thu tiếng bất-lương !

II

Lay động tường đông bóng thập-thò,
Phù-dung một đóa nỡ dầy vò !
Sổ lồng tháo cũi trơn mồm khướu,
Lồng khấu buông cương thẳng cánh cò ;
Lừa gái vào khuôn mềm lưỡi thế,
Đẩy người xuống giếng gớm gan cho !
Ba mươi lạng bạc kia là mấy,
Đổi trắng thay đen rõ mặt mo !

Trực-viên
PHẠM VĂN-NGHỊ

Bài phú Đông-hồ.

(*Phương-thành danh-thắng*).

Lấy vần : Đông-hồ một mảnh trăng thu)

Vần đông. — Tinh-hoài phong-nhã ; khí-cốt lào-hùng. Núi lưng trăng gió ; bạn tát non sông. Lặng ngắm thế-đồ man-mác ; ngảnh nhìn trần-hải mênh-mông. Chẳng lao thì cũng hư, nên đã nhiều phen lăn-lóc ; chẳng nhàn thì cũng tục, phải cho có lúc thong-dong. Cuộc nhàn hẳn đành nhiều thú ; nghề chơi âu cũng lắm công. Của đất đó, thú vô-biên, non xanh nước biếc ; của trời đó, kho vô-tận, gió mát trăng trong. Cảnh chọn cảnh mà chơi, cảnh trời cảnh sẵn ; thú chọn thú mà hưởng, thú trời thú chung. Năm nhâm-tuất qua rằm tháng bảy, thủa nọ ông Đông Pha cùng các bạn mang hồ rượu ra chơi trăng bến Xích ; năm mậu-thìn giữa rằm tháng tám, hôm nay tôi Trác-Chi cùng các bạn chở thuyền thơ ra chơi trăng hồ Đông.

Chính là lúc : Sực-nức huệ-lan, khí văn-chương đang đậm ; dề-huề giao-tất, duyên bút-nghiễn đang nồng.

Vần hồ. — Kìa chẳng nghe : Có thơ « hành-lạc » ; có chuyện « dạ-du ». Có « Thiên-thai-ký » ; có « Đào-nguyên-đồ ».

Lại chẳng nghe : Có kẻ học đạo, tiêu-dao lên vườn Quỳnh-lĩnh 1) ; có người chơi tiên, lênh-đênh qua cửa Thần-phù (2). Đó là những cuộc chơi siêu-dật ; lại còn những cuộc chơi phong-lưu. Hoặc là « tùy ba đái kỹ » ; hoặc là « hồ thượng phiếm chu ». Hoặc là còn nấn-ná trong áng trần-ai mà gởi tình cùng hoa-thảo ; hoặc là đã mỏi-mệt trên đường danh-lợi mà góp bạn với giang-hồ.

Chừng cũng nghĩ : « Hậu thiên-hạ chi lạc nhi lạc ; tiên thiên-hạ chi ưu nhi ưu ».

Huống Đông-hồ nọ : Nước trời một vũng ; trăng gió bốn mùa. Hồ ở trong thành văn-vật, thành là thành Trúc 竹 棚 城 ; hồ ở dưới núi linh-tú, núi là núi Tô 蘇 洲 山. Đâu đó đều trăng gió cũ ; chung quanh vẫn nước non nhà. Ta há chẳng nên chơi lắm vậy ; ta há chẳng nên chơi lắm ru ?

Vần một. — Kịp khi ấy : Trăng sáng một trời ; sóng êm muôn dợt. Khách rượu mươi người ; thuyền thơ hai chiếc. Giây buông mái nhẹ, thi-tình vô-hạn bàng-hoàng ; nước rộng mây xa, hứng-tứ vô-cùng hoan-hước. Năm dài trăm tuổi, ngày vui khôn dễ có nhiều ; tháng chẵn mười hai, buổi thích biết đâu chẳng một.

Miệng ca tay múa, « nhân-sinh dắc-ý tu tận hoan » ; chén cất bầu lưng, « mạc sử kim-tôn không đối nguyệt ». Liên-ngâm dở cuộc, chắp nối vần thơ ; nhàn-nhã lựa giây, bổng chìm ngón trúc. Mây bay gió thổi, từng không tiếng hát vang-lừng ; dòng chảy thuyền xuôi, ngấn nước cung đàn thánh-thót. Thơ chưa bàn hay dở, cô thơ cứ ép nhau ngâm ; rượu chẳng luận thánh-hiền, có rượu cứ khuyên nhau rót.

---

(1) Chuyện ông Chử Đồng-tử.
(2) Chuyện ông Từ Thức.

Vân mảnh. — Mặt khách say ngà; chiều trời quang tạnh. Mây liễm bốn phương; trăng cao một mảnh.

Khách có kẻ: ngửa đầu đối nguyệt mà ra vẻ bồi-hồi; cúi mặt nhìn sông mà ra chiều thanh-lãnh.

Bỗng: đỡ chén rượu nghiêng-nghiêng; cất tiếng ca lanh-lảnh. Tỏ lời thán-tích cho cựu-thì; ra ý cảm-hoài vì vẫn-cảnh. Như thỏa như vui; như sầu như chạnh. Hỏi khách: vì đâu mà vui; cớ sao mà chạnh?

Khách rằng: —Xưa nay phàm lịch-sử của danh-lam thắng-cảnh: hoặc có cái lịch-sử của tay cung-kiếm anh-hùng; hoặc có cái lịch-sử của khách yên-hà ngâm-vịnh.

Đến như là Đông-hồ cảnh ấy: vừa là tấm bia chiến vẻ-vang; vừa là chốn đàn tao thanh-tĩnh. Người chủ-nhân-ông cảnh ấy: vừa là tay hào-khí quan-hoài; vừa là khách phong-lưu tình-tính. Bút gươm dưới nguyệt sâm-si; huyết mặc trên dòng so-sánh. Nay mắt ta trông ra: nếu là phong-quang nơi thi-xã thì chi xiết thanh-u; bằng là cảnh-tượng chốn chiến-tràng thì vô-cùng hiu-quạnh. Nếu là bóng nguyệt của người hàn-mặc, thì bóng đẹp mà trong; bằng là vẻ trăng của khách cung-đạo, thì vẻ trăng buồn mà lạnh. Khiến khách tôi, không biết: nên thỏa hay nên sầu; nên vui hay nên chạnh.

Vân trăng. — Này thử nhớ lại; mà biết đó rằng: Một các « Chiêu-anh »; một thành « Trúc-bằng ». Đem huyết-hẫn mà vun bồi cho non nước; lấy bút-nghiên mà tô-điểm cho gió trăng.

Người chủ-nhân-ông cảnh ấy: Lẽ ta không biết đó vậy; lẽ ta không biết đó chăng?

Tức là khách: Khứ Bắc tâm thương mà hàn-hiệt 頑頡 vân-trung chi hồng-hộc; đầu nam chí đại mà tiêu-dao hải-thượng chi côn-bằng. Tấm thân lang-miếu giữa giang-hồ, khâm-hoài cao-khoáng; tấc dạ cô-thần mà dật-khách, phong-cốt lăng-tăng.

Chừ: muốn nhận ra cái dấu vết tiền-triều thì vắng-vẻ nước non một sắc; muốn nhìn lại cái hình-dung cố-quốc thì mịt-mù mây khói mấy tầng. Ngọn gió thu-phong kia, cồ-nhân đã từng dạn mặt; làn nước thu-thủy nọ, cồ-nhân đã từng dúng chân. Cồ-nhân không được biết kim-nguyệt; kim-nguyệt đã từng soi cồ-nhân. Tranh bích-tạc treo chung màn kim-cồ; bóng hoàng-hôn chớp nhoáng cuộc trầm-thăng.

Khiến: nghĩ những chuyện tang-thương mà than nước; trông những cơ hưng-phế mà khóc trăng.

Thì khách tôi: giữ sao được lòng thắc-mắc; cầm sao được mối bâng-khuâng.

Vân thu. — Trước vẫn biết khách: Đa tư đa lự; đa cảm đa ưu. Không cười mà khóc; không vui mà sầu. Bèn mới dặt chén cầm tay mà sẽ bảo: Thế-sự nhược đại-mộng; nhân-sinh như phù-du. Cồ-kim là chung trong vòng tiêu-trưởng; vũ-trụ là cùng một kiếp doanh-hư. Vầng trăng kia đối với người ngâm-vịnh mà khoe màu, trăng từ bao thủa; làn nước nọ đối với cuộc tồn vong mà chau mắt, nước đã bao lâu. Nhưng: Tạo-hóa tuy vô-cực vô-cùng, vẫn là vô-tri-giác; nhân-sinh tuy tối-vi tối-tiểu, vẫn là hữu-tâm-tư. Một con tâm ấy có thể quán-thông suốt nghìn thuở; một tấm tình ấy có thể bao-quát cả năm châu. Biết càn-khôn là rộng; biết vũ-trụ là to. Còn trời đất nọ: muôn năm mãi mãi; một khối trơ-trơ. Gió cứ dìu-dặt; mây cứ phất-phơ.

Thì đối với vũ-trụ có gì: mà sầu mưa thảm chác; mà thương hão khóc vờ.

Huống-chi, khách qua chơi Đông-hồ này : trước ta đã biết bao nhiêu người, ta không thể hỏi ; sau ta còn biết bao nhiêu kẻ, ta không thể chờ. Ngày nay ta khóc cho người đời trước ; sau này ai khóc cho ta bây giờ ?

Chi bằng những lúc : thắng-cảnh lương-tiêu phải buổi ; thưởng-tâm lạc-sự đang vừa. Nghiêng bầu hướng với giang-sơn mà say rượu ; mài mực đối với phong-nguyệt mà chuốc thơ. Một khối văn ấy, nghìn năm hãy còn phiêu-dương dưới vùng tinh-nhật ; một vết mực ấy, muôn thủa hãy còn bàng-bạc trong cõi giang-hồ.

Đó mới là cái vận-sự hào-hoa, dữ kỳ lục-thủy thanh-san tràng-thọ ; đó mới là cái công-trình tao-nhã, dữ kỳ thanh-phong minh-nguyệt tràng-lưu

Chẳng hơn ngồi mà thương mà khóc, mà cảm mà sầu suông đó dư !

Lời xong : sau trước gõ mạn thuyền mà cồ-võ ; chủ-tân cất chén rượu mà hoan-hô. Cùng đồng-thanh hát rằng :

Nước sâu sâu hề non cao cao,
Thuyền gió trăng hề chở nặng chèo.
Nhược-thủy Bồng-lai hề không lọ hỏi;
Chẳng tiên lúc này hề tiên lúc nào ?
Đã tu thì tu hề cho trót ;
Đã chơi thì chơi hề cho hào.
Mặt biển triều lên hề bát-ngát ;
Ngàn cây sương tỏa hề mịt-mù.
Màu khói hề thấp-thoáng liễu ;
Hơi mây hề xan-xát lau.
Gà bên sông hề văng-vẳng gáy;
Cuốc trên bến hề khắc-khoải gào.
Trông qua bóng núi hề đã ngang mặt;
Ngẳng lên vầng trăng hề đã xế dầu.
Hứng chưa tàn hề đêm đã hết ;
Thuyền quày lại hề gửi mấy câu :
Chỉ nước chỉ non hề căn-dặn ;
Gọi trăng gọi gió hề hẹn hò.
Non Tô một giải hề cao dựng ;
Hồ Đông một vũng hề nông sờ.
Này nước, này non, ghi lấy cuộc hôm nay hề cuộc hành-lạc ;
Hỡi trăng, hỡi gió, nhớ lấy đêm hôm nay hề đêm thưởng thu !

(Đông-hồ ngâm-thảo)

東 湖 吟 草

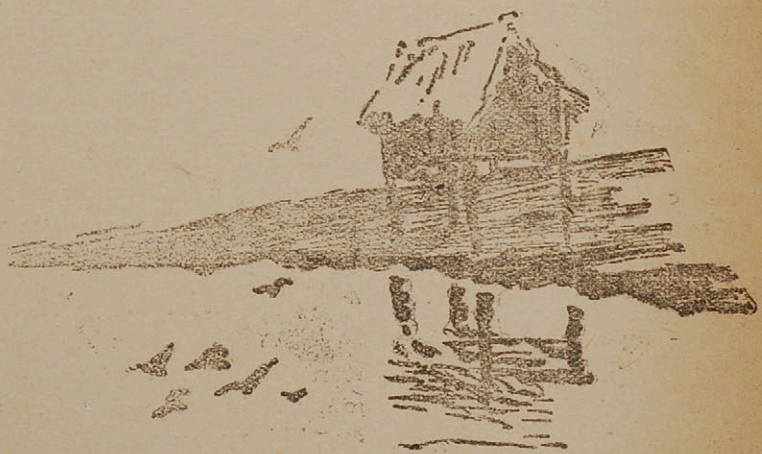

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

Vấn-đề tài-giảm hải-quân. — *Từ cuộc Âu-chiến vừa rồi, các nước trong thế-giới hình như nghe nói đến chiến-tranh mà ghê-sợ, cho nên những nhà chính-trị ở các nước gần đây lo-lắng về cách tổ-chức cuộc hòa-bình thế nào cho được vững-vàng chắc-chắn. Nhưng muốn cho được hòa-bình mà liệt-cường cứ chế thêm súng đạn, thêm tầu chiến mãi, thì có khác gì cái « võ-trang-hòa-bình » (la paix armée) trước khi Âu-chiến không ? Vậy thời việc cần-cấp là phải tìm cách thế nào để tài-giảm quân-bị của các nước đã, rồi mới có thể bàn đến tổ-chức cuộc hòa-bình được. Bởi thế nên mấy năm nay họp hết hội-nghị ấy sang hội-nghị khác để bàn về vấn-đề tài-giảm hải-quân, tài-giảm lục-quân, mà vẫn chưa thấy có kết-quả gì. Nay lại nghe giục-dịch nói họp một hội-nghị nữa ở* Londres *ngày 21 tháng giêng năm 1930 để bàn về hải-quân trước, còn về lục-quân thì sẽ họp hội-nghị nữa ở* Genève *về sau này. Vậy ta nên nói qua cái vấn-đề tài-giảm hải-quân hiện nay thế nào.*

Hiện nay thời trong thế-giới có năm nước là có hải-quân mạnh nhất, là nước Anh, nước Mĩ, nước Nhật, nước Ý và nước Pháp. Nay năm nước này phải làm thế nào điều-đình với nhau để hạn-định lấy cái số chiến-hạm của mỗi nước cho vừa đủ việc quân-phòng; ấy cái vấn-đề phải giải-quyết ngày nay là thế, chứ chưa thể nói bãi-bỏ hẳn cả hải-quân hay lục-quân đi được.

Chủ-trương cuộc hội-nghị tháng giêng này là nước Anh, nhưng không phải tự nước Anh khởi-xướng ra trước. Mới đây thủ-tướng Anh Mac-Donald *có sang Mĩ, được dân Mĩ hoan-nghênh lắm. Nhưng mục-đích cuộc từ-hành đó là cốt để bàn trước với giám-quốc Mĩ* Hoover *về mấy khoản nước Anh muốn đồng-ý với nước Mĩ đã rồi mới ra hội-nghị. Trong các khoản đó thì có một điều Giám-quốc Mĩ với Thủ-tướng Anh đã điều-đình xong, là hải-quân hai nước sẽ hoàn-toàn quân-bình với nhau.*

Cứ thực ra thì Hội-nghị hải quân sẽ họp nay mai này chính là tự Giám-quốc Hoover *khi mới được quốc-hội Mĩ bầu-cử đã xướng lên cái chủ-nghĩa tài-giảm các hải-lục quân-bị. Nhưng đứng lên mời các nước tham-dự hội-nghị thì là Thủ-tướng Anh* Mac Donald *sau khi đi thương-thuyết ở bên Mĩ về, mới gửi giấy mời.*

Người Mĩ xướng ra cái thuyết tài-bình này đương vào giữa cơ-hội đắc-thế lắm. Chính Hải-quân Tổng-trưởng Mĩ đã từng tuyên-bố rằng nếu các nước quan-hệ không chịu thuận-tình mà giảm bớt hải-quân đi thì sang năm này bộ hải-quân Mĩ sẽ trù một cái chương-trình chế-tạo thêm các chiến-hạm lớn, đáng giá là hơn một ngàn triệu đồng bạc, tức là ba mươi ngàn triệu phật-lăng để đệ-trình Thượng-Nghị-viện duyệt-y.

Cái thái-độ nước Mĩ như thế rõ là có ý muốn ép Liệt-cường phải theo mình, nếu không, thì sẽ dùng những khoản nợ của các nước Âu-châu trả để chế thêm chiến-hạm nữa. Cái cách « trịch thượng » đó, Liệt-cường không phải là không căm-tức, nhưng mà cũng không thể sao được, vì nước Mĩ hiện nay là nước giàu-có nhất trong thế-giới, không nước nào là có thể địch lại được. Đến nước Anh xưa nay, dù thế nào cũng không chịu để cho mất cái chủ-quyền trên mặt bể, thế mà bây giờ cũng phải chịu đứng ngang hàng với Mĩ vậy.

Vậy thì kỳ hội-nghị tháng giêng này sẽ họp năm nước lại để bàn nhau định cái số hải-quân của mỗi nước tùy sự yếu-cần trong nước có thể tới được bao nhiêu là số nhất-định không được hơn.

Tuy Anh với Mĩ cứ lý-thuyết là đã đồng-ý với nhau rồi, nhưng ngoại-giả còn nhiều điều khó-khăn nữa, chưa mong có thể giải-quyết ngay được. Như hai cái thuyết của nước Ý và nước Pháp về số tàu ngầm cũng khó lòng mà điều-đình ngay được.

Kỳ hội-nghị Washington năm 1924, nước Pháp đã nhận bằng-đẳng với nước Ý về số các chiến-hạm lớn hơn một vạn tấn. Hai điều trọng-yếu trong hiệp-ước ký hồi bấy giờ là như sau này :

1° Trong Liệt-cường duy có Anh-đế-quốc và nước Mĩ là có quyền được mỗi nước 55 vạn tấn thuộc về hạng các chiến-hạm lớn tự mười vạn tấn chở lên mà có súng đại-bác lòng rộng hơn 20 phân ba, không kể những tầu trở tầu bay, đã có lệ hạn-định riêng. — Nhật-bản thì chỉ được có 31 vạn 5 nghìn tấn, còn Pháp và Ý thì mỗi nước 17 vạn 5 nghìn tấn.

2° Những chiếm-hạm tự một vạn tấn trở xuống, thì được tự-do muốn chế bao nhiêu cũng được. Không có hạn-định tổng-số trọng-tải, duy không được đặt súng đại-bác lòng rộng hơn 20 phân ba.

Nước Pháp chịu đứng bằng-đẳng với nước Ý về hạng các chiến-hạm hơn một vạn tấn là có ý giữ quyền tự-do được chế những hạng tuần-dương-hạm tự một vạn tấn trở xuống, cùng chế các tầu ngầm không có hạn số là bao nhiêu. Tuy-nhiên nước Pháp chịu liệt bằng-đẳng với nước Ý như thế, không phải là không thiệt-hại cho quyền-lợi của mình. Vì địa-vị nước Pháp với nước Ý không giống nhau. Pháp có thuộc-địa nhiều, việc quân-phòng các đường bể rất là quan-trọng, không như nước Ý thuộc-địa vừa ít và quân-phòng cũng nhẹ, Pháp tự chịu phần kém như thế, sau cũng biết là lắm, và có ý hối. Cho nên cố lợi-dụng điều thứ hai về quyền tự-do chế các tầu tuần-dương và tầu ngầm. Nay nước Ý lại tỏ ra bất bình về điều đó và định đến kỳ hội-nghị sau này để khởi ra cái vấn-đề hạn-chế cả các tầu nhỏ nữa.

Ngay tự năm 1928, nhân Pháp với Anh điều-đình riêng với nhau để cho Pháp được quyền tự-do chế các kiểu tuần-dương nhẹ, cùng các tầu ngầm 600 tấn, chỉ hạn số các tuần-dương-hạm lớn vào hạng một vạn tấn trở xuống (là hạng chính trong hiệp-ước Washington trước không có hạn-định gì) cùng những tầu ngầm có phạm-vi hành-động rộng ; khi ấy Ý đã phản-kháng một cách kịch-liệt, dụ được cả nước Mĩ về bè với mình. Ý lấy cái lẽ rằng nếu không hạn-chế cả số tầu ngầm thì rồi những nước nhỏ như nước Hi-lạp (Grèce) không có quyền-lợi gì mấy ở trên mặt bể, cũng cứ tự-do chế tầu ngầm ra thật nhiều, không khỏi phương-hại đến hải-quân của các cường-quốc.

Đối lại với cái thuyết của nước Ý đó, nước Pháp cũng cực-lực biện-bác. Nếu Pháp mà phải nhất-thiết bình-đẳng với Ý cả, thì Pháp sẽ phải kém Ý và phải thiệt nhiều, vì dân-số của Pháp kể cả nội-địa, kể cả thuộc-địa có tới 92 triệu người, và các đường duyên-hải dài tới 18.000 cây-lô-mét, còn Ý thì dân-số chỉ có 50 triệu người và đường duyên-hải chỉ có 7.800 cây-lô-mét thôi.

Ấy hai cái thuyết của Pháp Ý xung-đột nhau như thế. Nước Pháp đã xử nhũn, mời nước Ý cùng điều-đình trước về khoản tầu ngầm để hai bên đồng-ý nhau đã rồi sẽ ra hội-nghị, nhưng xem ra việc điều-đình không xong, không bên nào chịu nhượng-bộ bên nào cả.

Lại cứ theo điện-tín gần đây thì nước Nhật hướng-lai vẫn có cảm-tình với cái thuyết của Pháp, nay đột-nhiên đổi thái-độ hẳn.

Còn như nước Anh thì năm 1928 vẫn là sẵn lòng giúp cho sự yêu-cầu của nước Pháp về khoản các chiến-hạm nhỏ, nhưng từ bấy đến nay thái-độ cũng đã thay đổi rồi. Cái hiệp-ước hải-quân của Pháp Anh ký năm 1928, thì Ý với Mĩ đã công-nhiên tỏ ra không thừa-nhận rồi. Nội-các bảo-thủ Baldwin *vẫn thân-thiện với Pháp thì đã bị đổ, mà Nội-các lao-động mới* Mac-Donald, *thì lại có ý thân với Mĩ và sơ với Pháp, cứ xem như cái thái-độ của tài-chính tổng-trưởng Anh* Snowden *đối với Pháp ở hội-nghị* La Haye *ba tháng trước thì đủ biết.*

Xem như thế thì địa-vị nước Pháp ở hải-quân sau này cũng có điều khó-khăn. Tuy-nhiên cái thái-độ của nước Pháp trước sau vẫn giữ đúng như lời ước Washington *năm trước, nghĩa là chỉ hạn-chế những tàu chiến từ một vạn tấn trở lên mà thôi, còn dưới số ấy thì không có hạn-định gì cả, và quyền giao-thông trên mặt bể là quyền tự-do của mọi người, không nước nào có thể hạn-chế được, điều đó chính nước Mĩ vẫn chủ-trương bấy lâu nay vậy.*

Như thế thì cái lý của nước Pháp là thẳng lắm, chắc các ủy-viên của chính-phủ Pháp phái ra hội-nghị sau này sẽ hết sức chống giữ cho được.

∴

Thời-cục nước Tàu. — *Làn sóng nội-loạn trong nước Tàu vừa nổi lên lung-tung ở phía tây-bắc chưa dẹp yên, thì phía đông-nam cơn phong-ba phản-nghịch lại động lên kịch-liệt. Cứ như lời thông-điện của Tưởng Giới-Thạch thì quân trung-ương đã toàn-chiếm được thành Lạc-dương, quân Phùng đã lui về phía tây, Tống Triết-Nguyên, Tôn Lương-Thành thì chạy lui về Mãnh-trì. Nghe đâu Lương-Thành đã chịu xin đầu-hàng, các tướng phản-nghịch chỉ còn Tống Triết-Nguyên, Thạch Kính-Đình một vài người là còn ương-ngạnh chưa chịu đầu-hàng mà thôi. Tưởng Giới-Thạch đã họp các tướng-lĩnh lại để bàn phương-lược tiến đánh Đồng-quan. Còn cái vấn-đề thiện-hậu ở phía tây-bắc thì giao cho Diêm Tích-Sơn chủ-trì, việc quân đã gần kết-thúc. Tưởng lại lập-tức trở về Nam-kinh phái quân-đội đi cứu-viện mặt Quảng-đông.*

Nguyên hồi mấy tháng trước, các tướng Quảng-tây là Dư Tác-Bá và Lý Minh-Thụy nổi lên phản-kháng, không được mấy ngày đều phải thất-bại bỏ đi. Ngờ đâu vừa rồi thời-cục Quảng-tây bỗng lại biến-động, bọn Lã Hoán-Viêm, Hoàng Quyền, Dương Đằng-Huy lại theo về cánh cũ là bọn Lý Tôn-Nhân, Bạch Sùng-Hy, Hoàng Thiệu-Hùng cùng kết-hợp với Trương Phát-Khuê để định đánh lấy Quảng-đông làm nơi căn-bản, thế là phương-diện đông-nam lại thấy nguy-cấp. Xét ra bọn Lã, Dương, Hoàng trước kia giả-trá phục-tùng chỉ cốt giữ lấy Quảng-tây làm nơi căn-cứ riêng của bọn mình để thừa-cơ hoạt-động. Từ sau khi quân Trương Phát-Khuê đã qua Hồ-nam vào địa-hạt Quảng-tây, bọn Lý Tôn-Nhân, Hoàng Thiệu-Hùng bấy lâu vẫn trốn ở bên ngoài, liền lẻn về để cùng Trương hợp-tác, sai người tâm-phúc đi bảo Lã Hoán-Viêm, Hoàng Quyền, Dương Đằng-Huy cùng quân Trương hợp sức để đánh Quảng-đông. Hiện quân Quảng-tây chia ba đạo tiến đánh Quảng-đông, Lã Hoán-Viêm giữ đạo trung, Dương Đằng-Huy giữ đạo tả, Hoàng Quyền giữ đạo hữu, đều do Hoàng Thiệu-Hùng chỉ-huy.

Tưởng Giới-Thạch hiện đang ở mặt trận tây-bắc, nhân khi quân Phùng đã gần dẹp xong, liền phái ngay một phần

quân-đội xuống miền nam để giúp sức cho quân Quảng-đông.

Trong khi ấy thì Đường Sinh-Trí và Thạch Hữu-Tam lại liên-hợp với nhau nổi lên làm phản, quấy rối đường Tân-phố chực tiến đánh Nam-kinh.

Tưởng Giới-Thạch dự cuộc lễ kỷ-niệm chu-niên của chính-phủ Quốc-dân, có đọc bài diễn-thuyết, đại-ý nói việc Thạch Hữu-Tam, Đường Sinh-Trí làm phản, có hai điều nghĩ lầm: một là hoài-nghi cái năng-lực của chính-phủ trung-ương; hai là nhẹ tin Trung-Chính này có ý bỏ lui. Đó đều bởi không biết cái chân-tướng của đại-cục, không biết nguyên-lý cách-mệnh. Kẻ nói quân-bộ Thạch Hữu-Tam chưa thừa-hư thẳng lấy thủ-đô mà lui về phía bắc, vì Thạch trước kia bị bọn bạn-quân coi giữ, hiện đã gửi điện tự xin xử-phân. Đường Sinh-Trí là người phản-phúc vô-thường, định cướp lấy địa-bàn hai tỉnh Hồ, Trung-Chính này sức đủ trừ-tuyệt được. Cuối nói Chính-phủ trung-ương quả có thể thu thập được thời cục. Trung-Chính này quyết không bỏ lui, lại xin nói quyết rằng lần này đánh Đường Sinh-Trí, tất chóng hơn dễ hơn là đánh quân Quảng-tây và Phùng Ngọc-Tường vậy.

Tưởng Giới-Thạch lại nói chuyện với một nhà làm báo rằng việc quân-bộ Thạch Hữu-Tam sinh-biến và việc Đường Sinh-Trí phụ theo quân bạn-nghịch, không phải là việc ý-ngoại, hoặc có thể cho là cái bước đường cách-mệnh tất phải qua. Đường Sinh-Trí làm phản, tướng-sĩ ở mặt trận và các bạn đồng-chí ở các nơi, không một người nào phụ-họa, phải phản-động thường vọng-tưởng dùng cái thuật bịa đặt tin đồn giục dân làm loạn để đánh đổ chính-phủ, cái thuật hèn-mạt ấy chỉ có thể dọa đổ cái chính-phủ quan-liêu đối với nước nhà không chịu trách-nhiệm, như bọn quân-phiệt Bắc-dương trước kia. Ta đây chịu sự ký-thác của đảng Quốc, mang cái trách-nhiệm trọng-đại, khi nào lại để cho bọn ấy làm náo-nùng. Ta vì công việc cách-mệnh của quốc-dân mà cố sức, đã lâu vẫn mang cái lòng quả-quyết, cúi mình hết sức, chết mà sau thôi. Ngay cho chỉ còn một tên quân ta cũng còn phải vì đảng-quốc tảo-trừ quân bạn-nghịch. Phương-chi tướng-sĩ ở mặt trận và các bạn đồng-chí chịu trách-nhiệm ở các nơi, đều một lòng hiệu-trung với đảng Quốc, ta há chịu một mình chán-nản mà bỏ lui. Ta là người rất mong hòa-bình, nhất là không có lòng lo được lo mất. Nếu quả cuộc toàn-quốc hòa-bình thống-nhất, có người chịu trách-nhiệm, việc cách-mệnh không đến nỗi dứt khúc, thì ta có thể bỏ lui được, còn như bây giờ thì quyết không thể bỏ được.

Sau có tin Đường Sinh-Trí có điện cho chính-phủ tự nhận cái việc làm thô-bạo phản-đối chính-phủ trung-ương, và xin tha tội cho Thạch Hữu-Tam thì đã xin chịu lệnh xử-phân.

Mặt Quảng-đông thì quân Trương Phát-Khuê bị thất-bại. Quân Quảng-đông đại-thắng khắp mặt trận, quân nghịch đều bị đuổi bị bắt giết rất nhiều. Thế là mặt đông-nam cũng đã gần dẹp yên được cả.

Diêm Tích-Sơn và Trương Học-Lương có gửi bức thông-điện đến Nam-kinh. Nguyên-văn bức thông-điện như sau này:

Hơn mười năm nay, họa chiến-tranh cứ xảy ra mãi, nhân-dân hầu không còn có đường mà sống, nước nhà ngày nào cũng ở trong cái vòng nguy-ngập, đến nỗi kẻ khinh bên ngoài mỗi ngày mỗi lấn vào. Sau khi đảng quốc thành-lập, việc kiến-thiết của nước nhà phải cần dùng đến nhiều việc, mà cần dùng nhất là trước hết phải trừ nạn chiến tranh. Bọn Tích-Sơn này cho rằng nếu cứ theo

đường hòa-bình mà đi, ngõ-hầu mới có thể dần dần lại sửa-sang lại nội-chính, một lòng chống lại kẻ khinh bên ngoài, cho nên lấy việc, giục nên cuộc biên-khiển, hòa-bình cứu-quốc làm trách-nhiệm không bao giờ dám quên. Vậy mà trước vài tháng đây, nạn chiến-tranh bỗng lại nổi lên. Tích-Sơn hết lời kêu gọi, hết sức can toàn, mong ai nấy nghĩ ra không nên sinh-hấn nữa, một đức một lòng cùng lo việc nước. Ngờ đâu nạn chiến-tranh lại cứ kế-tiếp xảy ra, cái thế nguy-ngập, coi chừng không thể giữ được, mà bọn Tích-Sơn còn nhẫn-nại không vội dùng đến võ-lực, nguyên định dùng chính-trị giải-quyết hết thảy các việc rắc-rối, thực-hiện lời dạy « thiên-hạ là của chung » của Tổng-lý.

Học-Lương ở Đông-tam-tỉnh, chống lại quân Nga, của hết sức kiệt, cũng còn ẩn-nhẫn giữ-gìn, chỉ mong sớm xong cuộc nội-tranh, cùng nhau đối-địch kẻ ngoài. Không ngờ phái cải-tổ thừa-cơ thiết-phát, phiến-hoặc tuyên-truyền, không còn cách gì là chúng nó không làm, cái hại ấy nếu không trừ ngay đi, chẳng bao lâu sẽ lan ra khắp nước. Bọn Tích-Sơn này lấy làm sợ lắm, không tiếc hi-sinh, một lòng quả-quyết, ủng-hộ nền thống-nhất của chính-phủ trung-ương, cùng nhau phấn-đấu. Mong các bậc hiền-hào cả nước, tướng-lĩnh các phương, xét rõ lợi-hại, cùng-cứu cuộc nguy, khiến cho nền nước vững bền, thực-hành chủ-nghĩa, như vậy chẳng bao lâu sẽ có thành-công, dân-chúng cả nước sẽ được thỏa lòng mong-mỏi vậy.

Trung-Nga giao-thiệp. — *Từ khi Trung-hoa lấy cớ ngăn-ngừa nạn cộng-sản, đột-nhiên thu-hồi đường sắt Trung-đông, mới sinh ra cái nạn phân-tranh này. Tóm lại cái điều cốt-yếu nhất là hai nước đều muốn giữ lấy chủ-quyền đường Trung-đông về phần mình: về bên nước Nga cần phải lấy con đường ấy làm cái lối mở-mang thế-lực ra các xứ ở Viễn-đông; về bên Trung-hoa vì lẽ muốn bảo-toàn lĩnh-thổ và thu dần những mối lợi ở Mãn-châu hiện đã lọt vào tay người ngoại-quốc, thì tất phải giữ được chủ-quyền con đường ấy vào trong tay mình mới mong thi-thố được. Vì hai nước đều tranh lấy chủ-quyền, nên hai chân chánh-phó cục-trưởng quản trị đường Trung-đông, hai bên đều muốn cử người nước mình sung vào. Ấy chỉ bởi một điều ấy mà cuộc thỏa-hiệp mấy lần đều bị phá-liệt vậy.*

Sau khi cuộc giao-thiệp đã phá-liệt, cách đối-phó của nước Nga một mặt thì cứ đem thêm binh-mã ra bờ cõi, một mặt vận-động việc trực-tiếp giao-thiệp riêng với Đông-tam-tỉnh để giải-quyết việc phân-tranh, lấy lẽ rằng bản Trung-Nga hiệp-định về năm 1924 *là riêng đối với Đông-tam-tỉnh mà lập ra, thì bây giờ cũng lại cứ theo như thế mà giải-quyết. Nước Nga đã không được như-ý sở-cầu, liền dùng cái thủ-đoạn uy-hiếp, hết mượn cớ là bài-trừ người Bạch-Nga, lại mượn cớ là phòng-chỉ quân Trung-hoa lấn vào, đôi khi lại đem quân tiến sang đất Trung-hoa, vừa rồi cử đại-binh đến đánh hẳn lấy hai thành Mãn-châu-lý và Trát-lan-nặc-nhĩ, và chiếm lấy cả thành Hải-lạp-nhĩ, quân Trung-hoa bị chết và bị thương rất nhiều. Có tin rằng Trương Học-Lương đã phải bằng lòng riêng Đông-tam-tỉnh trực-tiếp giao-thiệp với nước Nga, và theo những điều yêu-cầu của Nga như sau này :*

1° *Trung-quốc chính-thức thừa-nhận cái tình-trạng đường Trung-đông theo như bản hiệp-định ở Bắc-bình và bản Phụng-Nga hiệp-định năm* 1924 ;

2° *Theo như bản hiệp-định ấy lập-tức lại dùng hai viên chánh phó cục-trưởng do chính-phủ Nga Xô-viết cử ra ;*

3º Tha những dân Xích-Nga bị bắt giam.

Thấy vậy ai nấy đều lấy làm lạ là Trương Học-Lương bấy lâu vẫn giữ vững cái thái-độ cương-quyết, lẽ nào đến nay tự-nhiên lại chịu khuất-phục như thế.

Bộ ngoại-giao Nam-kinh có điện cho các nước ký bản điều-ước phi-chiến, nói hết những cái tình-hình quân Nga lấn cướp Mãn-châu-lý, Trát-lan-nặc-nhĩ và ngược-đãi Hoa-kiều, khinh-nhục uy-hiếp đã đến cực-điểm, và cắt đứt đường giao-thông Âu-Á, phá-hoại điều ước phi-chiến và cuộc hòa-bình Viễn-đông, kính-cáo các nước bạn biết, nên cố giữ bản công-ước phi-chiến, chớ để cho vì nước Nga mà phải phá-hoại.

Nghe đâu chính-phủ Giang-ninh có thông-điện cho chính-phủ Nga Xô-viết, đề-nghị triệu-tập đại-biểu hai phương để đàm-phán.

Đại-biểu Trung-hoa đã đi xe hơi ra khỏi cõi nước, rồi đến thẳng Bá-lực, cùng đại-biểu Nga hội-nghị. Trong khi hội-nghị, đại-biểu Nga xướng lên những nghị-án này :

1º Việc phục chức hai viên chánh phó cục-trưởng và các chức-viên Nga ở đường Trung-đông nên thi-hành cùng với cuộc hội-nghị này ;

2º Hai bên cùng tha những kiều-dân bị bắt ;

3º Lại liên-lạc các đoạn đường ;

4º Bắt giữ những người Bạch-Nga ; giao trả những lãnh-thổ của nước Nga và các cơ-quan doanh-nghiệp của người Xích-Nga.

Đại-biểu Trung-hoa xướng lên những cái nghị-án này :

1º Các viên chánh phó cục-trưởng và các viên-chức Nga ở đường Trung-đông sau khi hội-nghị rồi mới được phục chức ;

2º Tha những kiều-dân phải lấy việc tuyệt-đối không tuyên-truyền cộng-sản làm nguyên-tắc ;

3º Liên-lạc các đoạn đường phải đợi sau khi quân đóng ở bờ-cõi đã rút lại rồi.

4º Bồi-thường những sự thiệt hại.

Có tin ở Thượng-hải rằng nhân-sĩ hai nước Anh Mĩ đối với việc Trung-Nga giao-thiệp nói rằng cái điểm khốn-nạn không ở nước Nga mà ở nước Nhật, vì nước Nhật đã phản-đối việc quốc-tế điều-đình, lại phản-đối việc chính-phủ trung-ương Trung-hoa cùng nước Nga đàm-phán, rõ-ràng là nước Nhật buông cầm cuộc hòa-chiến của Liên-minh và nước Nga vậy.

Việc lĩnh-sự tài-phán. — Vấn-đề ngoại-giao ở nước Tàu ngày nay, thì việc lo triệt bỏ quyền lĩnh-sự tài phán là việc khẩn-yếu hơn hết, nên trong năm nay bộ ngoại-giao Nam-kinh đã mấy lần đưa tờ chiếu-hội đến chính-phủ các nước có quyền lĩnh-sự tài-phán ở Tàu, xin phái đại-biểu đến Nam-kinh để bàn về việc ấy. Xét ra những nước có quyền lĩnh-sự tài-phán ở Tàu, tất cả là mười-chín nước, hiện đã có chín nước chịu bỏ rồi, còn mười nước nữa, việc giao-thiệp coi chừng có nhiều nỗi khó-khăn, nhưng cứ như lời tuyên-bố của ngoại giao tổng-trưởng Vương Chính-Đình thì nói quả-quyết rằng không kể là gặp sự khó-khăn như thế nào, cứ đến ngày nguyên-đán năm Dân-quốc thứ 19, tức là ngày mồng một tháng giêng tây năm 1930 này quyết phải thực-hành. Việc ấy có thể đạt được mục-đích hay không thì chưa biết, nay hãy nói qua về cái quyền lĩnh-sự tài-phán như thế nào : nghĩa là nhân-dân một nước kia đến trú-ngụ trong lĩnh-thổ của một nước nào đó, mà không phải chịu sự quản-hạt về pháp-quyền của nước ấy, quan lĩnh-sự của nước kia ở trong nước ấy được thi-hành quyền tài-phán đối với bọn kiều-dân

của nước mình. Các nước mà được thi-hành quyền lĩnh-sự tài-phán ở Trung-hoa là chỉ vin lấy cái cớ là đối với những chế-độ pháp-luật và tư-pháp không tiến-hóa của những quốc-gia hủ-bại ở Đông-phương không đủ tin dùng, không muốn cho nhân-dân mình phải chịu ở dưới quyền quản-hạt về pháp-quyền của cái quốc-gia hủ-bại ấy, nên phải đặt ra quyền lĩnh-sự tài-phán, để tự-xử lý lấy bọn kiều-dân của nước mình. Nay nước Tàu muốn bãi bỏ đi thì trong cuộc tiến-hành cũng không khỏi có điều trở-lực, không nói là trong đó còn có năm nước lấy cớ là điều-ước chưa mãn-hạn mà thoái-thác hoặc chỉ lấy một điều là việc nội-loạn chưa dẹp yên, biết đâu các nước lại chẳng vin lấy làm cớ mà cầu hoãn lại như lời viên đại-biểu Nhật đã nói vậy

Việc ngoại-giao.— *Về đường ngoại-giao thì Trung-hoa được một việc thắng-lợi là nước Anh đã giả lại tô-giới Trấn-giang kể từ ngày 15 Novembre.*

Việc giao-thiệp với nước Pháp. — *Chính-phủ Pháp có khởi-nghị các khoản mới về việc thu thuế quá-vãng ở Đông-dương, nên ông thư-ký sứ-bộ Pháp ở Bắc-bình đã đi Nam-kinh để trình với chính-phủ Nam-kinh về việc ấy.*

Việc trong nước

Vua Xiêm sắp sang chơi Đông-dương. — Trong năm 1930 này, vua Xiêm sắp sang chơi Đông-dương. Chương-trình cuộc du-lịch ấy, nghe đâu hai chính-phủ đương cùng nhau đính-định. Vua Xiêm chắc thế nào cũng qua Cao-miên, Nam-kỳ, Trung-kỳ, Ai-lao; còn lên đến Bắc-kỳ, thì nghe đâu chưa định, nhưng cũng có lẽ. Vậy thời cuộc du-lịch này chắc cũng lâu, và thực là một cuộc giao-hiếu hai xứ lân-cận với nhau vậy.

Xét lịch-sử, thì nước Xiêm đối với Đông-dương xưa nay vẫn đứng cái địa-vị là một nước cừu-địch. Quân Xiêm xưa kia đã từng nhiều lần tàn-phá và có khi chinh-phục cả đất Cao-miên, lại mấy lần tràn sang đất Ai-lao nữa. Khi người Pháp đến chiếm-lĩnh đất Nam-kỳ thì người An-nam ta đương bành-trướng về phía đông nước Cao-miên, mà phía tây thì người Xiêm tràn sang, hai bên sắp gặp nhau, đối-trĩ với nhau, và tất sớm trưa đến xung-đột nhau. Cuộc xung-đột này có lẽ không biết diên-man ra đến bao lâu, cũng như An-Nam với Chiêm-thành khi xưa, và cũng khó biết bên nào thắng-phụ, vì người An-Nam tuy có số nhiều hơn mà người Xiêm lại có tính thượng-võ hơn. Giữa lúc ấy thì nước Pháp can-thiệp đến, chiếm-lĩnh lục-tỉnh Nam-kỳ và đặt quyền bảo-hộ ở Cao-miên. Thế là cuộc xung-đột nước Xiêm với nước Nam không đến nỗi xảy ra vậy.

Từ khi nước Pháp cai-trị cõi Đông-dương thì việc giao-thiệp với Xiêm vẫn được hòa-bình vô-sự. Cuộc du-lịch của Xiêm-hoàng nay mai là kết-quả của sự giao-hiếu đó, và là bắt đầu một cái chính-sách thân-thiện trong hai nước Pháp và Xiêm vậy.

Chính-sách thân-thiện ấy còn có nhiều nguyên-nhân sâu xa nữa, nhiều mối lợi vừa quan-hệ cho nước Xiêm vừa quan-hệ cho Đông dương nữa.

Nước Xiêm, dân-số tổng-cộng chừng mười triệu người mà trong số đó đến ngót ba triệu người Tàu. Như thế thì cái địa-vị của người Tàu ở Xiêm thật là to-lớn quá, và người Tàu vốn lại siêng-năng khôn-khéo, dễ lấn-lấp người Xiêm; dân Xiêm là thuộc giống Thái, xưa nay vẫn không có tính nhẫn-nại cần-cù

cho lắm. Cái cảnh-tượng ấy ở ngay Đông-dương ta cũng từng trông thấy: nhất là ở Nam-kỳ, người Tàu cũng chiếm một địa-vị to trong thương-trường; nhưng người An-Nam gần đây đã tập cách buôn bán, cũng có thể dần dần thu-hồi lại được lợi-quyền, vì cũng có tính cần-mẫn như người Tàu; còn người Lào, cũng thuộc giống Thái như người Xiêm, thì không có tính chịu khó, lại cái sức sinh-sản cũng kém người An-Nam, cho nên không thể địch lại với người An-Nam được.

Như thế thì đối với nước Xiêm, đất Đông-dương ví như một cái đê để ngăn cho cái sóng người Tàu khỏi tràn sang, lại nhờ có nước Pháp ở đây ngăn cho người An-Nam khỏi bành-trướng ra mặt Xiêm nữa.

Xưa kia nước Xiêm còn có cái mơ-mộng to-tát hơn nữa: là dựng ra một đế-quốc dân Thái, gồm cả Ai-lao Cao-miên, mà lấy thành *Bangkok* làm kinh-đô. Vì có nước Pháp ở Đông-dương, nên cái mộng đó không thể bắt đầu thực-hành được: nước Pháp đã ngăn-trở cho nước Xiêm không bành-trướng sang phía đông được, giữ cho bờ cõi nước Cao-miên được nguyên-vẹn, và về phần Ai-lao thì hạn-chế cho không vượt được qua sông Cửu-long. Nhưng nước Pháp tuy có ngăn-trở cho nước Xiêm không mở-mang bờ cõi về phía đông được, nhưng lại phòng-bị cho nước Xiêm khỏi bị người An-Nam tràn sang, và đó chính là một cái nguy-hiểm to cho nước ấy, vì như trên kia đã nói, người An-Nam số nhiều, sớm trưa tất thế nào cũng xung-đột với người Xiêm, kết-quả không thể lường được.

Nước Xiêm ngày nay có quân-đội mạnh, huấn-luyện và võ-trang theo lối Âu-tây. Hoặc-giả cho đó là di-tích cái mộng đế-quốc hồi xưa và là một sự nguy-hiểm cho các nước lân-cận vậy. Nhưng thiết-tưởng đó là một sự lo xa không thiết-thực. Người Xiêm ngày nay đã hiểu rõ tình-thế trong thiên-hạ, chắc không có cái chí xâm-lấn gì của ai. Lại cũng biết việc quân-phòng ở Đông-dương này vẫn cần-mật, nước Pháp tất không để cho người Xiêm thừa mặt nào mà tràn vào được. Nước Xiêm hướng-lai chăm tổ-chức quân-đội cho mạnh, tưởng vì một cái mục-đích khác, là mục-đích thống-nhất trong nước. Vì ở Xiêm vẫn có lắm giống người phồn-tạp, chính người Xiêm chỉ có một phần ba trong dân-số mà thôi, còn ngoại-giả vô-số các chủng-tộc khác nhau chưa có hòa-hợp dung-hóa được. Bởi thế nên quyền trung-ương phải cho mạnh, lại phải có quân-đội hùng-cường, để làm cái khí-cụ đồng-hóa, khiến cho các dân-tộc trước bị cưỡng-bách, sau vì thuận-tình mà hỗn-hợp cả làm một, thành một quốc-dân thống-nhất vậy.

Bởi lẽ đó nên các đời vua, đời nào cũng chú-trọng thứ nhất về quân-đội. Nhưng xét ra tuy đời vua trước có tăng gia quân-đội lên nhiều, mà đời vua hiện nay đã thấy có ý hạn-chế lại, xem thế thì biết nước Xiêm không có cái chí xâm-lược gì.

Trong ý người Xiêm ngày nay, việc quan-trọng nhất là cái họa người Tàu, chứ không phải cái mộng khoáng-trương bờ-cõi; cũng phần nhiều vì đó mà cái chính-sách ngoại-giao của chính-phủ *Bangkok* đã đổi phương-châm xoay về mặt thân-thiện với Pháp. Điều-ước Pháp Xiêm ký năm 1926, gọi là điều-ước Pila, là tên công-sứ Pháp ở Xiêm hồi bấy giờ, chính là kết-quả của cái khuynh-hướng mới đó. Lại cuộc du-lịch của vua Xiêm nay mai, là kết-quả hoàn-toàn vậy.

Còn lẽ nữa, là nước Xiêm ở vào giữa đường hàng-không giao-thông Đông-Á

với Tây-Âu ; về phương-diện đó Xiêm với Đông-dương cũng có quan-hệ với nhau. Hiện bộ hàng-không Pháp với bộ giao-thông Xiêm, đã ký hiệp-ước với nhau để hai bên cùng hiệp-tác về phương-diện đó. Nghề hàng-không là một nghề mới, mà chính là một cái lợi-khí để liên-lạc các nước vậy.

Nói tóm lại, việc vua Xiêm sang chơi Đông-dương nay mai, không phải là không có ý-nghĩa về đường ngoại-giao, quốc-dân ta cũng nên hiểu biết vậy.

. . .

Dân-số Bắc-kỳ. — Cứ theo cuộc thống-kê của phủ Thống-sứ Bắc-kỳ, thì dân-số Bắc-kỳ các hạng như sau này :

Dân Tây : thường-dân người Pháp, 9681

Binh-lính người Pháp : 5920

Người Âu-tây ngoại-quốc 307.

Dân bản-xứ : tổng-cộng là 7.800,000, chia ra như sau này :

người An-nam	6.972.000
người Thổ	277.000
người Mán	84.000
người Nùng	188.000
người Mường	89.000
người Thái	100 000
Còn những người Mèo, Sá, Giao, Lati, Thiao, tổng cộng cũng được :	100.000
người khách chừng :	43 000
người Minh-hương	4.000
người Ấn-độ	400

Xét số dân bản-xứ mà so-sánh với số năm 1928 thì thấy kém đi, có lẽ chửa được đúng lắm ; chứ xem như dân-số Bắc-kỳ mỗi ngày một tăng lên thì phải.

. . .

Phong-trào Phật-học ở Nam-kỳ. — Gần đây ở Nam-kỳ có khởi lên một cái phong-trào chấn-hưng Phật-học, chủ-trương là ông Trần Nguyên-Chấn là một người rất nhiệt-thành về đạo Phật. Ngày 20 Décembre, lại chùa Linh-sơn ở Sài-gòn, có làm lễ khánh thành một cái thư-viện về Phật-học do ông sáng-lập ra. Thư-viện hiện nay đã được 1500 quyển sách về đạo Phật, lại có cả các sách tây cũng nhiều. Hiện ông đã xin phép chính-phủ mở một tập báo, mỗi tháng ra hai kỳ, đặt tên là *Từ-bi-âm*, để làm cơ-quan truyền-bá Phật-học. Đạo Phật là một đạo cao-thâm, có quan-hệ đến văn-hóa cùng tôn-giáo nước nhà, thật là đáng nên nghiên-cứu lắm. Ông Trần Nguyên-Chấn lập ra thư-viện để giúp cho sự nghiên-cứu đó tưởng cũng là có công với Phật học vậy.

. . .

Uỷ-viên hội Vạn quốc khảo-sát về vấn-đề thuốc phiện. — Các uỷ-viên của hội Vạn-quốc phải đi để khảo-sát về vấn-đề thuốc phiện, hiện đã đến Đông-dương vào cuối tháng 12 Uỷ-viên có bốn người là ông Eric Einar Ekstrand là chánh ủy-viên-người Thụy-điển (*Suède*), ông Max Léo Gérard người Tỷ lợi-thì, ông Jean Havlasa người Chiết-khắc (*Tchéco-Slovaque*) và ông Keuborg người Đan-mạch (*Danemark*)

Nguyên hội Vạn-quốc xướng lên hạn-chế việc hút thuốc phiện ở các nước, kỳ hội-nghị tháng chín năm 1928 có định cử một phái-bộ đi các nước để xét tình-hình việc dùng thuốc phiện thế nào. Phái-bộ mãi đến tháng 9 năm 1929 mới khởi-hành tự *Genève*, đi các nước Diến-điện, Mã-lai, Cha-va, Xiêm, rồi đến Đông-dương này, xong lại sang Tàu. Hạn đi chín tháng, khi về sẽ làm tờ trình cho hội Vạn-quốc về công việc khảo-sát, bấy giờ hội Vạn-quốc mới nghĩ đặt các kế-hoạch để nhờ các chính-phủ thi-hành, mà ngăn-ngừa cái tệ hút thuốc phiện ở các nước.

Phái-bộ đi đến đâu thời nhất-diện hỏi han chính-phủ ở đấy cho biết rõ

tình-hình các tiệm hút cùng thống-kê sự tiêu-thụ là bao nhiêu, nhất-diện điều-tra trong dân-gian, chất-vấn các hội-đảng, các nhân-vật thuộc về các giới, vân-vân. Trong khi phái-bộ ở Hà-nội, nghe như cũng có hỏi qua mấy ông hội-trưởng viện canh-nông, thương-mại, cả các giáo-sĩ tân-giáo cựu-giáo, nhưng toàn là người Tây cả ; còn người An-Nam thì nghe đâu chỉ tiếp truyện có một quan Thiếu Hà-đông mà thôi.

Vấn-đề thuốc-phiện ở Đông-dương này có điều phiền-phức, vì không những là một vấn-đề nhân-đạo, mà lại thứ nhất là một vấn-đề tài-chính, thực là một điều khó cho chính-phủ giải-quyết được ổn-thỏa vậy.

∴

Quan Toàn-quyền đi Ai-lao. — Ngày mồng 5 tháng 12, quan Toàn-quyền sang *Luang-Prabang* để thăm quốc-vương Sisavong Vang. Đất Ai-lao thuộc Pháp ngày nay là gồm các « châu » Lào vốn không có liên-lạc với nhau, không thành nước. Tựu-trung duy có miền *Luang-Prabang* hay là *Lan-xang*, là có thể cho là một vương-quốc, có nhà vua kế-thế cai-trị, tức là nước Vạn-tượng trong sách sử ta thường nói. Khi nhà thám-hiểm Pavie đi thăm-thú đất Ai-lao vào khoảng năm 1890, thì dụ được cả các châu qui-phục về quyền cai-trị của nước Pháp. Quốc-vương *Lan-xang* bấy giờ cũng theo các châu khác mà xin Pháp bảo-hộ. Ông Pavie thay mặt nước Pháp hứa rằng nhà nước Bảo-hộ sẽ để cho nhà vua được trị-vì đời đời. Nhưng nước Vạn-tượng là một nước nhỏ, trung-gian chính-phủ cũng ít chú-ý đến ; lại có hồi chính-sách cũng có ý thay đổi, có quan khâm-sứ muốn dùng cách trực-tiếp cai-trị, giảm quyền quốc-vương đi ; nhà vua đã có lúc lấy làm lo. Nhưng cái bản-ý của chính-phủ không phải như thế ; cho nên quan Toàn-quyền vẫn muốn có dịp thân-hành sang thăm quốc-vương để công-nhiên tỏ ý tôn-trọng quyền nhà vua. Vậy ngài đi Ai-lao chuyến này là có cái ý-nghĩa như thế. Xem ra quốc-vương lấy làm cảm-động và dân-tình cũng có ý phục. Cách nghênh-tiếp rất long-trọng. Ngày 12 quan Toàn quyền trở về Hà-nội.

Mới xuất-bản :

Bông Tây Tuần-báo. Báo ra mỗi tuần lễ một kỳ Ông Hoàng Tích-Chu chủ-nhiệm. Giá báo : đồng-niên, 7 đồng ; nửa năm, 3p.80 ; ba tháng, 2 đồng. Báo-quán ở : 74, Route Grand Bouddha. và 54 bis Rue Bourrin, Hanoi.

— *Niên-lịch thông-thư* năm canh-ngọ, 1930. Dày chừng 300 trang. Editions du Trung-Bắc-tân-văn, giá 5 hào.

— *Tranh quốc-sử*. Chủ hiệu Hoàn-văn Tạ Đình-Ninh có lấy sự-tích trong Việt-Nam quốc-sử vẽ ra thành tranh, từ đời Hùng-vương, An-dương-vương, nay đã in đến đời Triệu Đà, mỗi đời đóng thành một tập, xem đó cũng có ý-vị cảm-phát về lịch-sử nước nhà, hiện bán tại hiệu Hoàn-văn n° 73 phố hàng Bông Hà-nội.